

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
THEO BỘ CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC
CÁC TRƯỜNG SƯ PHẠM (TEIDI)

Nghệ An, tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
Phần 1: MỞ ĐẦU	1
1.1. Thông tin tóm tắt về Trường.....	1
1.2. Bối cảnh chung của Nhà trường và bối cảnh tham gia chương trình ETEP.....	2
1.3. Tóm tắt kết quả tự đánh giá	7
Phần 2: TỰ ĐÁNH GIÁ	16
Tiêu chuẩn 1. TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC, QUẢN LÝ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG	16
Tiêu chí 1: Tầm nhìn chiến lược.....	16
Tiêu chí 2: Quản lý	24
Tiêu chí 3: Hệ thống đảm bảo chất lượng	32
Tiêu chuẩn 2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	46
Tiêu chí 4: Phát triển chương trình.....	46
Tiêu chí 5: Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện.....	53
Tiêu chuẩn 3. NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN VÀ ĐỔI MỚI	70
Tiêu chí 6: Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới.....	70
Tiêu chí 7: Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới	83
Tiêu chuẩn 4. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI	91
Tiêu chí 8: Hợp tác vùng, địa phương	91
Tiêu chí 9: Hợp tác quốc tế.....	91
Tiêu chí 10: Hợp tác với các tổ chức khác	98
Tiêu chí 11: Thông tin và truyền thông	106
Tiêu chuẩn 5. MÔI TRƯỜNG SỰ PHẠM VÀ CÁC NGUỒN LỰC	122
Tiêu chí 12: Môi trường sự phạm.....	122
Tiêu chí 13: Cơ sở vật chất, tài nguyên dạy và học.....	126
Tiêu chí 14: Nguồn tài chính	134
Tiêu chí 15: Nguồn nhân lực	140
Tiêu chuẩn 6. HỖ TRỢ DẠY HỌC	146
Tiêu chí 16: Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên	146
Tiêu chí 17: Đánh giá và công nhận giảng viên	146
Tiêu chuẩn 7 HỖ TRỢ HỌC TẬP	172
Tiêu chí 18: Tuyển sinh và hỗ trợ người học	172
Tiêu chí 19: Đánh giá và công nhận kết quả học tập.....	183
Tiêu chí 20: Các hoạt động ngoại khóa	188
Phần 3. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ	193
Phần 4. KẾT LUẬN	197

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	<u>Đọc thành</u>
BGH	Ban Giám hiệu
CDIO	Hình thành ý tưởng, thiết kế ý tưởng, thực hiện và vận hành (Conceive - Design - Implement - Operate)
CNTT	Công nghệ thông tin
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐU	Đảng ủy
DV, HTSV & QHDN	Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp
GD-ĐT	Giáo dục và đào tạo
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
HĐKH&ĐT	Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà <u>trường</u>
HĐT	Hội đồng trường
HS	Học sinh
HTQT	Hợp tác quốc tế
HV	Học viên
KHCN	Khoa học công nghệ
KHGD	Khoa học giáo dục
KTV	Kỹ thuật viên
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCKH&CGCN	Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ
P. CTCT-HSSV	Phòng Công tác <u>chính trị</u> - học sinh sinh viên
P. KH&HTQT	Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế
P. KHTC	Phòng Kế hoạch Tài chính
P. TCCB	Phòng Tổ chức cán bộ
PGS	Phó giáo sư
PTN	Phòng thí nghiệm
SV	Sinh viên
TDTT	Thể dục, thể thao
THPT	Trung học phổ thông

Phần 1: MỞ ĐẦU

1.1. Thông tin tóm tắt về Trường

Tên trường: **Trường Đại học Vinh** Tên tiếng Anh: **Vinh University**
Trụ sở chính: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Liên hệ: Điện thoại: (038) 3855452 Fax: (038) 3855269
Website: www.vinhuni.edu.vn Email: vinhuni@vinhuni.edu.vn
Năm bắt đầu đào tạo khóa I: 1959

Trường Đại học Vinh được thành lập năm 1959 theo Nghị định số 375/NĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục với tên gọi ban đầu là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 29/02/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục có Quyết định số 637/QĐ đổi tên Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh. Ngày 11/07/2011, Thủ tướng Chính phủ có Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia.

Là một trong những trường đại học đầu tiên của nền giáo dục cách mạng Việt Nam, Trường vinh dự được đóng trên quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh - vùng địa linh nhân kiệt, có truyền thống hiếu học, yêu nước và cách mạng.

Từ khi thành lập đến nay, Trường đã trải qua 5 giai đoạn phát triển:

- Từ Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh đến Trường Đại học Sư phạm Vinh (1959 - 1965).
- Trường Đại học Sư phạm Vinh trong những năm sơ tán (1965 - 1973).
- Trường Đại học Sư phạm Vinh vượt qua khó khăn, từng bước đa ngành (1973 - 2001).
- Sự phát triển của Trường Đại học Vinh đa ngành (2001 - 2019).
- Xây dựng Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh, là trụ cột của các cơ sở giáo dục đại học khu vực Bắc Trung Bộ, hướng tới xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á (2019 - nay).

Từ Trường Đại học Sư phạm Vinh đến Trường Đại học Vinh hôm nay là thành quả của sự phấn đấu liên tục, bền bỉ, sáng tạo, tự chủ của các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, viên chức, học sinh, sinh viên và học viên của Nhà trường trong hơn 60 năm qua. Những thành quả đó khẳng định uy tín và vị thế của Trường Đại học Vinh trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và trên thế giới.

Với tiền thân là Trường Đại học sư phạm Vinh, trải qua hơn 62 năm phấn đấu xây dựng và trưởng thành, với nhiều đóng góp xuất sắc cho nền giáo dục nước nhà, góp phần đáng kể vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, sự nghiệp đổi mới đất nước, Nhà trường đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận và tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý.

Nhà trường đã đào tạo trên 80.000 cử nhân sư phạm, cử nhân khoa học, kỹ sư; 6.500 thạc sĩ và hàng trăm tiến sĩ. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý tại các Bộ, Ban, Ngành trung ương, cơ sở giáo dục, đào tạo, các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế lớn trong nước và quốc tế.

Theo bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới của tổ chức CSIC, hằng năm Trường Đại học Vinh đều được xếp trong top 20 các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam. Trường Đại học Vinh đạt chuẩn 4 sao theo định hướng nghiên cứu theo Hệ thống đối sánh chất lượng giáo dục đại học (UPM) của 100 trường đại học hàng đầu châu Á (trong đó có nhiều tiêu chí đạt 5 sao). Theo bảng xếp hạng SCImago (SCImago Institutions Rankings) Trường Đại học Vinh xếp ở vị trí thứ 16 trong 22 trường đại học của Việt Nam.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Vinh lần thứ XXXII nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định tầm nhìn chiến lược và định hướng phát triển chung của Nhà trường là: *"Phát triển Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh, là trụ cột của các cơ sở giáo dục đại học khu vực Bắc Trung Bộ, hướng tới xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á"*. Xây dựng Trường Đại học Vinh thành một cơ sở giáo dục đại học năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp, tự do học thuật trên tinh thần dân chủ, tự chủ, bình đẳng với mục tiêu cụ thể năm 2021 thành lập Trường Sư phạm, Trường Kinh tế, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Viện nghiên cứu và đào tạo Trực tuyến thuộc Trường Đại học Vinh; tầm nhìn đến năm 2030 Trường trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á, hướng đến top 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045.

Nhà trường đã và đang nghiêm túc triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14, Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; các nhiệm vụ của Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP)... để phát triển Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh, góp phần giải quyết những vấn đề lớn trong đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu xã hội, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động cho tất cả các khối ngành, đặc biệt là khối ngành đào tạo giáo viên; phát triển khối ngành đào tạo giáo viên của Nhà trường theo định hướng nghiên cứu.

1.2. Bối cảnh chung của Nhà trường và bối cảnh tham gia chương trình ETEP

1.2.1. Hoạt động đào tạo

Là một trung tâm giáo dục đại học lớn của khu vực Bắc Trung Bộ, Trường Đại học Vinh được giao nhiệm vụ đào tạo cử nhân, kỹ sư trình độ đại học, đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, giáo dục phổ thông và bậc học mầm non.

Hiện tại, Trường đào tạo 57 ngành trình độ đại học (*trong đó có 3 ngành đại học chất lượng cao*), 38 chuyên ngành trình độ thạc sĩ, 17 chuyên ngành trình độ tiến sĩ tại 3 trường thuộc (trong đó có Trường Sư phạm), 4 viện và 3 khoa. Ngoài ra, Trường Đại học Vinh còn có 3 trường trực thuộc (Trường THPT Chuyên, Trường Mầm non thực hành và Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông thực hành). Quy mô đào tạo của Trường là gần 35.000 học sinh, sinh viên, học viên, trong đó sinh viên, học viên chính quy là 22.000 người.

Trong 57 ngành đào tạo đại học, Trường Đại học Vinh có 14 ngành đào tạo giáo viên là các ngành truyền thống, cung cấp nguồn giáo viên chất lượng cao cho cả nước. Trong quá trình xây dựng và phát triển, chất lượng đào tạo luôn được Nhà trường quan tâm hàng đầu. Từ năm 2017, Nhà trường đã xây dựng và phát triển Chương trình đào tạo tiếp cận CDIO cho tất cả các ngành đào tạo đại học và chuyên ngành đào tạo sau đại học. Để triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông mới, Trường đang tập trung xây dựng các mô hình đào tạo giáo viên nói riêng, đào tạo các nguồn nhân lực nói chung theo tiếp cận năng lực, đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển hệ thống hỗ trợ dạy học E-learning, các hình thức dạy học trực tuyến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

Công tác bồi dưỡng thường xuyên cũng được Nhà trường quan tâm đẩy mạnh với các chương trình bồi dưỡng phong phú, đa dạng. Đặc biệt, với sự hỗ trợ của Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP), Nhà trường đã và đang đóng góp có hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên các cấp học cho các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

Nhà trường đã sớm thiết lập hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong và triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng. Năm 2017, Nhà trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Từ năm 2018 đến nay đã có 8 chương trình đào tạo đại học chính quy được đánh giá ngoài theo Bộ tiêu chuẩn Quốc gia và được công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục (*Quản trị kinh doanh, Ngôn ngữ Anh, Kỹ thuật xây dựng, GD tiểu học, GD mầm non, Kế toán, Luật kinh tế, Sư phạm Hoá học*). Có 2 chương trình đào tạo đại học chính quy được đánh giá ngoài theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA là Sư phạm Toán học và Công nghệ thông tin. Có 8 chương trình đào tạo đại học chính quy khác đã được đánh giá ngoài theo Bộ tiêu chuẩn Quốc gia trong tháng 12/2021.

1.2.2. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường tập trung trên 3 lĩnh vực: khoa học cơ bản, khoa học giáo dục và khoa học công nghệ, ứng dụng - triển khai. Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn đến năm 2025; ban hành Quy định về quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ.

Trong những năm gần đây, cán bộ, giảng viên của Trường đã chủ trì và tham gia triển khai nhiều dự án khoa học và công nghệ của Chính phủ, các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu cấp Bộ, cấp Nhà nước. Trung bình hàng năm, Trường thực hiện 120 đề tài/dự án các cấp với tổng kinh phí gần 9,4 tỷ đồng, chiếm khoảng 4% tổng kinh phí hoạt động của Nhà trường; trong đó có 48,65% kinh phí thực hiện đề tài/dự án cấp nhà nước, cấp bộ từ nguồn ngân sách Trung ương, 14,04% kinh phí thực hiện đề tài/dự án cấp tỉnh từ nguồn ngân sách địa phương, 37,31% là đề tài cấp trường.

Nhà trường có quan hệ hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng cán bộ với hàng chục cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức khoa học quốc tế từ Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ và Châu Úc. Nhà trường cũng đã chủ trì tổ chức nhiều hội thảo khoa học khu vực và quốc tế; tạo lập được các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh với các nhà khoa học đầu ngành như: nhóm nghiên cứu Quang học - Quang phổ, nhóm nghiên cứu Xác suất và Thống kê, nhóm nghiên cứu Ngôn ngữ học... ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động đối với nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Vinh. Nhà trường đã có chính sách mạnh về việc khen thưởng cho các tác giả có công bố quốc tế (thuộc danh mục Web of Science và Scopus) hàng năm. Trong 5 năm gần đây, Trường luôn nằm trong top 15 trường đại học có công bố quốc tế nhiều nhất ở Việt Nam. Năm 2020, các nhà khoa học Trường Đại học Vinh đã công bố 160 công trình nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Web of Science và Scopus, tăng hơn gấp đôi so với năm 2019; vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ XXXII đề ra (*đạt mốc 100 bài/năm vào năm 2022*).

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được quan tâm đẩy mạnh, đã có hàng trăm đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên được thực hiện trong 5 năm qua. Từ năm học 2018 - 2019, Nhà trường đổi mới hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Số đề tài tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học sinh viên và đạt giải thưởng "Tài năng khoa học trẻ Việt Nam", giải thưởng "Sinh viên Nghiên cứu khoa học" cấp Bộ ngày càng tăng.

Tạp chí Khoa học của Trường mỗi năm ra 4 kỳ có chất lượng tốt, hiện đang được nâng cấp theo các tiêu chuẩn của Hệ thống cơ sở dữ liệu ASEAN (ACI) (*phấn đấu chuyên san Khoa học Tự nhiên đạt chuẩn ACI vào năm 2022*).

Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường được đẩy mạnh. Trường đã ký kết các chương trình hợp tác song phương với nhiều trường đại học lớn trên thế giới như: Đại học Zielona Gora (Ba Lan), Đại học Hull (Anh), Đại học Postdam (Đức), Đại học South Florida, Đại học California State, Northridge (Hoa Kỳ), Đại học Giáo dục Hồng Kông, Đại học Victoria (Australia), Đại học Rajabhat Maha Sarakham, Đại học Nakhon Phanom (Thái Lan), Đại học Pukyong (Hàn Quốc)... tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh tham gia học tập, nghiên cứu khoa học.

1.2.3. Đội ngũ cán bộ

Nhà trường luôn coi công tác cán bộ, chất lượng đội ngũ cán bộ là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển của Nhà trường. Trường luôn thực hiện tốt công tác quy hoạch, tạo nguồn, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, sử dụng và đánh giá cán bộ; luôn chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, giảng viên.

Cơ cấu tổ chức của Trường gồm 11 đơn vị đào tạo bậc đại học và sau đại học (Trường Sư phạm, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Kinh tế; Viện Kỹ thuật và Công nghệ, Viện Hóa Sinh-Môi trường, Viện Nông nghiệp và Tài nguyên, Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến; Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, khoa Xây dựng, Khoa Giáo dục thể chất, Khoa Giáo dục Quốc phòng và An ninh), 02 trường trực thuộc (Trường THPT Chuyên, 1 Trường Thực hành sư phạm); có 24 phòng ban, trung tâm, trạm và 2 Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Thanh Hóa. Đặc biệt, Trường có Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập, đặt tại Trường.

Hiện nay, Nhà trường có đội ngũ cán bộ cơ bản đủ về số lượng, đạt chuẩn về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu với 1.036 cán bộ, viên chức, trong đó có 50 giáo sư, phó giáo sư, 300 tiến sĩ, 495 thạc sĩ... Trường có 381 giảng viên hạng III; 135 giảng viên hạng II; 50 giảng viên hạng I. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên là 50%, riêng Trường Sư phạm có tỷ lệ giảng viên trình độ tiến sĩ trở lên là 66,06%.

1.2.4. Cơ sở vật chất

Trường Đại học Vinh có Cơ sở chính tại số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Nhờ sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và sự giúp đỡ của tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh và sự nỗ lực của cán bộ, viên chức, Nhà trường đã có hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường trong thời kỳ hội nhập.

Quy hoạch đất để xây dựng Trường đã được phê duyệt là 130 ha, trong đó diện tích đã được xây dựng và đưa vào sử dụng là 44,12 ha.

Hiện nay, Trường có 5 cơ sở:

+ *Cơ sở 1* tại số 182 đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; diện tích gần 14 ha. Đây là nơi tập trung hệ thống quản lý nhà trường, văn phòng làm việc của các đơn vị trong trường, hệ thống phòng học, các phòng thí nghiệm - thực hành, thư viện, ký túc xá, trạm y tế, sân vận động, nhà tập đa năng...

+ *Cơ sở 2*: Hiện tại là nơi đào tạo của Viện Nông nghiệp và Tài nguyên, Khoa Giáo dục Thể chất, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Vinh, Làng sinh viên tại xã Nghi Ân, thành phố Vinh và xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An với diện tích đã đưa vào sử dụng là 19,2 ha.

+ *Cơ sở 3*: Trung tâm Thực hành nuôi trồng Thủy sản mặn - lợ tại xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích 9,3 ha.

+ *Cơ sở 4*: Trung tâm Thực hành nuôi trồng Thủy sản nước ngọt tại thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; diện tích 1,4 ha.

+ *Cơ sở 5*: Khu Ký túc xá sinh viên tại phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; diện tích 0,6 ha.

Trường Đại học Vinh được đánh giá là cơ sở giáo dục đại học có cơ sở vật chất khang trang, hiện đại vào nhóm hàng đầu của cả nước. Trường có: 10 hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ; 36 phòng học từ 100 đến 200 chỗ; 85 phòng học từ 50 đến 100 chỗ; 155 phòng học dưới 50 chỗ; 16 phòng học đa phương tiện; 78 phòng làm việc của các đơn vị chức năng; 14 phòng làm việc của GS, PGS; 2 thư viện, trung tâm học liệu; 3 trung tâm nghiên cứu, hệ thống phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập. Hệ thống phòng học được trang bị đầy đủ tiện nghi cho giảng dạy và học tập.

Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào là thư viện lớn nhất khu vực Bắc miền Trung, là một tòa nhà 7 tầng với diện tích sàn gần 9.000 m² gồm không gian học tập tầng 1, 6 phòng học, 1 phòng xử án mô phỏng, 3 phòng máy tính, 8 kho sách và phòng đọc với gần 1.500 chỗ ngồi. Thư viện hiện nay có hệ thống mượn - trả sách tự động; hệ thống trả sách 24/7; hệ thống máy tính; phần mềm quản lý thư viện Kipos; máy scan - số hóa. Không gian học tập với đầy đủ các phương tiện hiện đại, máy tính kết nối mạng cho sinh viên tự học, đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo tiếp cận theo CDIO. Tài liệu gồm có 16.118 tên với 175.095 cuốn; 16.191 luận văn thạc sĩ và 4.652 luận án tiến sĩ. Thư viện số tại địa chỉ <http://thuvien.vinhuni.edu.vn/> cung cấp 21.021 tài liệu; trong đó tạp chí khoa học nước ngoài có thể truy cập cơ sở dữ liệu điện tử Proquest Center và các cơ sở dữ liệu điện tử khác có liên kết.

Trường có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, bao gồm: Hệ thống hạ tầng mạng gồm trục kết nối 15 tòa nhà bằng 5 đường truyền với độ dài gần 10km đảm bảo tốc độ kết nối 1Gbps cho hơn 1.000 máy tính của Nhà trường. Hệ thống mạng wifi với hơn 250 điểm truy cập được lắp đặt trong khuôn viên Nhà trường, các phòng học, phòng thí nghiệm, sân chơi, bãi tập, ký túc xá... hiện đang phục vụ miễn phí cho cán bộ và sinh viên. Hệ thống camera được lắp đặt tại các vị trí, góp phần đảm bảo công tác an ninh, trật tự trong Nhà trường.

Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm với 50 phòng thí nghiệm được quy hoạch phù hợp với các ngành đào tạo theo tiếp cận CDIO, trang thiết bị hiện đại, được bổ sung thường xuyên. Ngoài ra, Trường còn có xưởng thực tập, thực hành hiện đại; phòng thực hành nhạc họa; vườn ươm, ao nuôi thực nghiệm đảm bảo phục vụ tốt công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Đặc biệt, Trường Đại học Vinh đã xây dựng được hệ thống các "*phòng thí nghiệm phổ thông*" khá hoàn chỉnh để phục vụ đào tạo sinh viên khối ngành đào tạo giáo viên.

Ký túc xá sinh viên có 775 phòng ở, đáp ứng nhu cầu phục vụ cho hơn 4.200 học sinh, sinh viên, học viên; trong đó: Ký túc xá Cơ sở I có 315 phòng ở; Khu nhà ở Hưng

Bình có 136 phòng ở; Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Vinh có 84 phòng ở và Làng Sinh viên Cơ sở II có 240 phòng ở. Cơ sở vật chất tại Ký túc xá được đầu tư khang trang, sạch đẹp, các phòng đều có máy nước nóng lạnh, điều hòa nhiệt độ... an ninh trật tự được đảm bảo.

Trạm Y tế của Trường được bố trí khuôn viên riêng, có 8 phòng làm việc với đội ngũ 11 y, bác sỹ, với đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại và thuốc, vật tư y tế đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám, chữa bệnh cho cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên, học viên trong Trường.

Nhà ăn cho cán bộ, sinh viên được xây dựng, tổ chức ở cả Cơ sở I và Cơ sở II của Nhà trường, phục vụ chủ yếu cho hơn 1.000 sinh viên ở tập trung trong các Ký túc xá sinh viên. Nhà ăn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, chất lượng suất ăn, khẩu phần ăn của sinh viên theo quy định; niêm yết thực đơn bữa ăn của từng ngày, giá cả đồ dùng sinh hoạt thiết yếu, văn phòng phẩm phục vụ sinh viên tại các quầy bán hàng.

Ngoài cơ sở vật chất phục vụ học tập, nghiên cứu, sinh hoạt, Nhà trường còn có hệ thống sân chơi, bãi tập phục vụ đào tạo ngành Giáo dục Thể chất và môn Thể dục thể thao cho sinh viên toàn Trường. Đây cũng là nơi tổ chức các giải thể thao của cán bộ, sinh viên; nơi để cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh rèn luyện thể chất, rèn luyện sức khỏe.

1.2.5. Công tác kế hoạch - tài chính

Các hoạt động tài chính của Nhà trường hiện nay đang thực hiện theo Luật kế toán sửa đổi 2015; Nghị định số 25/2017/NĐ-CP; Thông tư số 107/2017/TT-BTC. Nhà trường thực hiện tốt việc công khai, minh bạch mọi hoạt động, góp phần thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Công tác điều hành ngân sách đảm bảo hiệu quả, đúng pháp luật. Hàng năm, Nhà trường sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ để phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo an toàn thu nhập cho cán bộ, trích lập các quỹ theo đúng quy định.

Nhà trường đã tổ chức quản lý và khai thác các nguồn thu hiệu quả, quản lý công tác chi đúng quy định. Công tác kế hoạch và dự toán đi vào nề nếp, giúp cho việc quản lý, điều hành của Nhà trường hiệu quả và trôi chảy. Thực hiện có hiệu quả quy trình mua sắm và quản lý tài sản. Hoàn thành việc giải ngân các nguồn kinh phí đúng tiến độ, đạt hiệu quả. Nhà trường nghiêm túc thực hiện 3 công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; công tác thanh tra, kiểm toán thực hiện đúng quy định, chu kỳ, niên độ. Hiện nay, tổng giá trị tài sản bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc... của Nhà trường trị giá khoảng trên 2.400 tỷ đồng.

1.3. Tóm tắt kết quả tự đánh giá

Tiêu chuẩn 1

TÂM NHÌN CHIẾN LƯỢC, QUẢN LÝ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1.1. Điểm mạnh

- Tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường được xây dựng phù hợp với sứ mạng của Nhà trường đã công bố.
- Trường thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường theo một quy trình khoa học, hợp lý, đảm bảo tính khả thi để triển khai thực hiện.
- Các chính sách, quy trình, quy định, công cụ thường xuyên được đánh giá, rà soát để cải tiến, sửa đổi, bổ sung.
- Các vị trí việc làm trong bộ máy tổ chức của trường được thực hiện theo quy định của pháp luật, được mô tả đầy đủ trong đề án vị trí việc làm, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Trường đã thiết lập hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong gồm có chính sách đảm bảo chất lượng đơn vị đảm bảo chất lượng chuyên trách và đội ngũ cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng có năng lực chuyên môn phù hợp để thực hiện hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong.
- Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá, đánh giá ngoài cấp trường và cấp chương trình đào tạo; hoạt động tự đánh giá, đánh giá ngoài được chuẩn bị kỹ càng, có kế hoạch quy trình rõ ràng, cụ thể.
- Nhà trường có hệ thống thông tin tổng thể phục vụ các hoạt động quản lý và tích hợp để thu thập, xử lý dữ liệu về giảng viên và người học.
- Nhà trường có Hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về trải nghiệm và tiến bộ học tập của người học.

1.2. Điểm tồn tại

- Trường chưa tổ chức được nhiều hội nghị chuyên đề để sơ kết việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường, đang chủ yếu lồng ghép vào các hội nghị chung của Đảng uỷ, Hội đồng trường và Ban Giám hiệu Nhà trường.
- Nhà trường đã triển khai hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc gia ISO TCVN 9001:2015 trong các lĩnh vực quản lý, tuy nhiên chưa được sử dụng đồng bộ tất cả các hoạt động của Nhà trường.
- Hệ thống mạng lưới đảm bảo chất lượng vận hành chưa đồng đều, chưa khai thác hết năng lực đội ngũ về ĐBCL của Nhà trường
- Một số chức năng trong Hệ thống thu thập thông tin chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong tình hình mới.
- Chưa có sự liên kết giữa phần mềm phân tích câu hỏi, đề thi với cổng thông tin cán bộ để trả kết quả phân tích phổ điểm và đề thi đến cán bộ giảng dạy.

1.3. Kế hoạch hành động

- Tổ chức hội nghị chuyên đề sơ kết việc thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030.
- Rà soát chiến lược và kế hoạch vận hành hệ thống mạng lưới đảm bảo chất lượng hiệu quả hơn nhằm nâng cao hoạt động cải tiến chất lượng của Nhà trường.
- Tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện Hệ thống thu thập thông tin để đáp ứng yêu cầu người dùng.
- Nâng cấp công thông tin cán bộ và phần mềm phân tích phổ điểm, đề thi.

1.4. Tự đánh giá tiêu chuẩn: 6.00

Tiêu chuẩn 2: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Điểm mạnh

- Nhà trường luôn chú trọng xây dựng, cải tiến quy trình thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh CTĐT gắn với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của trường và nhiệm vụ được giao.
- CTĐT và CTBD của Nhà trường được xây dựng và phát triển theo quy trình khoa học, áp dụng đồng bộ cho toàn trường, do đó đảm bảo tính thống nhất và nhất quán.
- Các CTĐT, CTBD của Nhà trường đều được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên các quy trình, kế hoạch, tuân thủ quy trình PDCA, đáp ứng được các yêu cầu của các bên liên quan. Quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh và phát triển các CTĐT, CTBD của Nhà trường, việc khảo sát, tham vấn các bên liên quan là yêu cầu bắt buộc cho tất cả các CTĐT và CTBD
- Nhà trường đã cải tiến mạnh mẽ chuẩn đầu ra CTĐT của các ngành đào tạo giáo viên đáp ứng được tất cả 15 tiêu chí của Tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông và giáo dục mầm non ở mức Đạt và mức Khá và các yêu cầu khác của các bên liên quan
- Mạng lưới 62 trường phổ thông vệ tinh của Nhà trường đã giúp sinh viên sư phạm được thực hành nghề nghiệp liên tục trong suốt quá trình học tập.
- Nhà trường đã có sự chuyển đổi nhanh trong thiết kế, phân bổ thời gian, thời lượng triển khai các học phần, xây dựng kế hoạch học tập linh hoạt, kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp để thích ứng nhanh với bối cảnh chuyển đổi số, ứng phó kịp thời với diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid 19.
- Các CTĐT, CTBD được Nhà trường thiết kế hợp lý, với nhiều môn học rèn luyện cho người học các kỹ năng, tích hợp, bao quát được các tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.
- Nhà trường quy định các nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho hoạt động dạy và học các CTĐT, chương trình bồi dưỡng đã được thực hiện.

2.2. Điểm tồn tại

- Việc lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT và CTBD ở phạm vi hẹp, đặc biệt đối với CTĐT Sau đại học.
- Năng lực dạy học dựa vào dự án của giảng viên chưa đồng đều để đáp ứng được yêu cầu sự đổi mới các chương trình đào tạo.
- Một số ngành đào tạo tuyển sinh khó, ít sinh viên nên việc đăng kí các học phần tự chọn chưa hoàn toàn theo nguyện vọng của người học, còn phụ thuộc vào số lượng người chọn các học phần đó. Chương trình bồi dưỡng chưa có nhiều sự lựa chọn do phải đảm bảo các nội dung theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Kế hoạch hành động

- Mở rộng phạm vi khảo sát và tăng số lượng khảo sát các bên liên quan về CTĐT, CTBD, đặc biệt đối với CTĐT SDH.
- Tiếp tục tổ chức bồi dưỡng năng lực dạy học dựa vào dự án cho giảng viên.
- Nghiên cứu giải pháp để người học tự chọn linh hoạt hơn và cho phép sinh viên được học các học phần ngoài CTĐT.

2.4. Tự đánh giá tiêu chuẩn: 6.00

Tiêu chuẩn 3: NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN VÀ ĐỔI MỚI

3.1. Điểm mạnh

- Chiến lược NCKH&CGCN của Nhà trường thể hiện rõ mục tiêu, nội dung và giải pháp thực hiện nhằm nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu thuộc lĩnh vực KHGD;
- Trường có những chính sách ưu tiên đầu tư kinh phí cho NCKH, mua sắm trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới KHGD phù hợp với mục tiêu phát triển và thực tế.
- Kết quả nghiên cứu của cán bộ, GV của Nhà trường được ứng dụng trong giáo dục, đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Đồng thời, nhiều kết quả nghiên cứu đã góp phần hoạch định chính sách, thúc đẩy sự phát triển, đổi mới KHGD và được phổ biến trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế.
- Trường có nhiều chính sách và kế hoạch thiết thực để hỗ trợ cho cán bộ, GV tham gia công việc nghiên cứu và thực hiện đề tài các cấp. Công tác quản lý và thực hiện các đề tài được công khai, minh bạch.
- Quy định về quản lý các hoạt động KHCN của Nhà trường được xây dựng phù hợp với thực tiễn, định kỳ rà soát, điều chỉnh nhằm tạo điều kiện cho cán bộ, GV hoàn thành được nhiệm vụ NCKH hằng năm.
- Hệ thống trang thiết bị được đầu tư đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tốt cho công tác đào tạo và NCKH.

3.2. Điểm tồn tại

- Công bố quốc tế trong lĩnh vực KHGD vẫn còn chiếm tỷ lệ thấp hơn kì vọng trong

tổng số công bố quốc tế của Trường.

- Nhà trường có các chính sách chưa đủ mạnh để có thể hỗ trợ tốt hơn nữa cho cán bộ, GV trong việc thực hiện đề tài và tham gia nghiên cứu;

- Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động NCKH về lĩnh vực KHGD còn khiêm tốn.

3.3. Kế hoạch hành động

- Có giải pháp hỗ trợ nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc công bố quốc tế trong lĩnh vực KHGD

- Xây dựng chính sách mang tính chiến lược, ban hành chính sách cụ thể, mạnh mẽ hơn để hỗ trợ cán bộ, GV thực hiện các đề tài, nghiên cứu khoa học.

- Tìm các nguồn đầu tư ưu tiên hỗ trợ thêm kinh phí cho các hoạt động NCKH về lĩnh vực KHGD

3.4. Tự đánh giá tiêu chuẩn: 5.65

Tiêu chuẩn 4: HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

4.1. Điểm mạnh

- Nhà trường đóng vai trò tiên phong, chủ động trong việc hỗ trợ các địa phương về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng; chủ động phối hợp với các địa phương và các đơn vị ngoài trường có kế hoạch và triển khai hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục.

- Nhà trường có hệ thống các trường vệ tinh phục vụ công tác đào tạo

- Trường thường xuyên tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục với các trường đại học trong và ngoài nước, với các đơn vị và địa phương trong nước, được đánh giá có vai trò quan trọng trong các hoạt động.

- Hoạt động hợp tác quốc tế được cụ thể hóa các mục tiêu cụ thể và giải pháp trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường, đã có hiệu quả trong việc giúp Nhà trường phát triển đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học.

- Nhà trường ký nhiều thỏa thuận hợp tác để liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài.

- Nhà trường có chiến lược và quy định về việc nâng cao năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên.

- Trường được thụ hưởng Chương trình ETEP; tham gia Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA), Hiệp hội CDIO quốc tế.

- Trường đã có những chính sách cụ thể hỗ trợ giảng viên và người học của mình tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành: Quy chế chi tiêu nội bộ, các quy chế đặc thù...

- Việc xuất bản và phát hành giáo trình, tài liệu, sách liên kết của Nhà trường thực hiện đúng các quy trình, quy định phù hợp với các yêu cầu của Nhà nước và có chất lượng.

4.2. Điểm tồn tại

- Chưa phát huy hết các thỏa thuận hợp tác với các địa phương để tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục.

- Chính sách khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án về nghiên cứu còn chưa hiệu quả cao, chủ yếu là đi đào tạo, bồi dưỡng.

- Trường chưa tổ chức được các chương trình dạy học tiên tiến, học bằng tiếng nước ngoài và các chương trình đào tạo liên kết với các trường đại học uy tín trên thế giới.

- Việc hợp tác với các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác chủ yếu về đào tạo, bồi dưỡng, chưa chú trọng nhiều đến nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

4.3. Kế hoạch hành động

- Đẩy mạnh hợp tác với các địa phương để tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục như hội nghị, hội thảo; các hoạt động về chuyển giao khoa học và công nghệ

- Xây dựng các chính sách mới nhằm khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án về nghiên cứu khoa học

- Tổ chức được các chương trình học tiên tiến, học bằng tiếng nước ngoài và các chương trình liên kết với các trường đại học uy tín trên thế giới

- Xây dựng kế hoạch và triển khai hợp tác với các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác về nghiên cứu và chuyển giao công nghệ

4.4. Tự đánh giá tiêu chuẩn: 5.18

Tiêu chuẩn 5: MÔI TRƯỜNG SƯ PHẠM VÀ CÁC NGUỒN LỰC

5.1. Điểm mạnh

- Khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của trường được quy hoạch, thiết kế phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của trường.

- Trường thường xuyên duy tu, bảo dưỡng và đầu tư cho khuôn viên cảnh quan, môi trường phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên. An ninh, an toàn xã hội trong Trường được đảm bảo tạo tâm lý yên tâm trong công tác dạy và học.

- Nhà trường thường xuyên bảo trì duy tu các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPTN, hệ thống CNTT, thiết bị, bổ sung tài liệu học tập.

- Môi trường trực tuyến của Nhà trường hiện đại, đảm bảo cho việc dạy và học mọi lúc, mọi nơi và ứng phó kịp thời với đại dịch Covid-19.

- Nhà trường có nguồn thu đa dạng từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và tập huấn. Trường cũng luôn chủ động trong việc xây dựng năng lực để thích ứng với xu thế đào tạo mới, phù hợp với sứ mạng và chiến lược phát triển trường.

- Nhà trường có hệ thống chính sách linh hoạt trong việc thúc đẩy các đơn vị đầu mối chủ trì đăng ký thực hiện các nhiệm vụ, các hoạt động có tính quan hệ, hợp tác quốc tế nhằm thu hút và nâng cao các khoản thu cho hoạt động này.

- Nhà trường có Chính sách và quy trình tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và

khen thưởng, kỷ luật rõ ràng, minh bạch.

- Nhà trường đã có chính sách và biện pháp cụ thể về thời gian, kinh phí để hỗ trợ, động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

5.2. Điểm tồn tại

- Giáo trình cho một số ngành đào tạo Sau đại học mới mở chưa thực sự đầy đủ.
- Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của nhà trường có tính ứng dụng nhưng ở mức độ quy mô nhỏ, chưa thực hiện nhiều việc chuyển giao công nghệ áp dụng vào thực tiễn.
- Chính sách quản lý đối với lưu học sinh còn chưa thực sự linh hoạt và đáp ứng nhu cầu của người học. Kinh phí thu được từ các hoạt động hợp tác quốc tế chưa cao.
- Nhà trường đã có những chính sách khuyến khích cán bộ nâng cao năng lực ngoại ngữ, tuy nhiên năng lực ngoại ngữ của cán bộ vẫn còn hạn chế.

5.3. Kế hoạch hành động

- Thực hiện rà soát và đầu tư mua bổ sung giáo trình cho các chuyên ngành trình độ thạc sĩ mới được đào tạo.
- Đầu tư thêm thiết bị CNTT đảm bảo tính đồng bộ và hoạt động hiệu quả hơn.
- Tạo thêm các cơ chế, chính sách nhằm ủng hộ về thời gian, khuyến khích, tạo động lực về thu nhập để giảng viên phát huy năng lực nghiên cứu khoa học.
- Sửa đổi, bổ sung một số chính sách trong việc tiếp cận, áp dụng và quản lý đối với Lưu học sinh sao cho phù hợp hơn với tình hình thực tế.
- Mở thêm các lớp bồi dưỡng, nâng cao năng lực ngoại ngữ dành cho cán bộ.

5.4. Tự đánh giá tiêu chuẩn: 5.50

Tiêu chuẩn 6: HỖ TRỢ DẠY HỌC

6.1. Điểm mạnh

- Nhà trường xây dựng được hệ thống chính sách nhân sự, tài chính hỗ trợ giảng viên mới và giảng viên tập sự một cách bài bản, có rà soát và cải tiến.
- Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện về chính sách nhằm động viên và khuyến khích giảng viên thực hiện không chỉ là người dạy mà còn là người hướng dẫn hiệu quả.
- Công tác bồi dưỡng thường xuyên của Nhà trường đã quan tâm tới đặc thù của giảng viên sư phạm là gắn kết với trường phổ thông. Hình thức bồi dưỡng giảng viên đã có sự tiến bộ, đa dạng: bồi dưỡng thông qua đi thực tế phổ thông, thông qua hội nghị, hội thảo, tập huấn; bồi dưỡng qua kèm cặp tại chỗ; bồi dưỡng trực tiếp, trực tuyến...
- Nhà trường có những chính sách và hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên, đặc biệt là các phương pháp giảng dạy thực nghiệm.
- Nhà trường cơ bản đã tạo cơ hội chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ giảng viên để đáp

ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm.

- Nhà trường có chính sách đánh giá công khai, minh bạch, tạo điều kiện nâng cao chất lượng GV đáp ứng yêu cầu từng giai đoạn phát triển.

- Trường có nhiều chính sách công nhận, đãi ngộ, khuyến khích GV giảng dạy và NCKH.

6.2. Điểm tồn tại

- Chưa huy động được nhiều nguồn kinh phí nhằm hỗ trợ cho giảng viên mới, giảng viên tập sự (do qui định quản lý tài chính công) để các GV này sớm ổn định cuộc sống và yên tâm công tác.

- Số giảng viên đủ điều kiện tham gia bồi dưỡng ngắn ngày, tập huấn, hội nghị, hội thảo... ở nước ngoài còn chưa cao so với tiềm năng.

- Hệ thống theo dõi sự cải tiến của GV sau đánh giá chưa hoàn toàn đánh giá được tác động của các chính sách của Nhà trường.

- Hoàn thiện hệ thống theo dõi sự cải tiến của giảng viên sau đánh giá

- Trình độ ngoại ngữ của một số giảng viên còn hạn chế nên việc tiếp cận các tài liệu bằng tiếng nước ngoài hiệu quả chưa cao.

6.3. Kế hoạch hành động

- Tìm các nguồn kinh phí hỗ trợ cho giảng viên, đặc biệt là giảng viên tập sự, giảng viên mới nâng cao trình độ và chuyên môn hóa trình độ; Xây dựng chính sách hỗ trợ tài chính cho đối tượng giảng viên tập sự, giảng viên mới.

- Xây dựng các chính sách và cung cấp nhiều cơ hội cho giảng viên, cán bộ QLGD tham gia bồi dưỡng ngắn ngày, hội nghị, hội thảo, tập huấn... ở nước ngoài.

- Tăng cường ngoại ngữ cho cán bộ giảng dạy.

6.4. Tự đánh giá tiêu chuẩn: 5.35

Tiêu chuẩn 7: HỖ TRỢ HỌC TẬP

7.1. Điểm mạnh

- Trường Đại học Vinh tổ chức tuyển sinh theo đúng qui định của Bộ GD-ĐT và Chính sách tuyển sinh của Nhà trường, đảm bảo công khai minh bạch, khách quan, lựa chọn đúng những thí sinh có năng lực vào học các ngành sư phạm. Việc quảng bá tuyển sinh được thực hiện rộng rãi với nhiều hình thức, đặc biệt là sử dụng hiệu quả về cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT để chuyển đổi số trong công tác quảng bá, xét tuyển, nhập học, giúp người học thuận tiện hơn trong việc nắm bắt được thông tin tuyển sinh, nhập học vào trường.

- Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học và việc tổ chức thực hiện là rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận; người học được hỗ trợ và tư vấn thường xuyên, đầy đủ khi theo học tại trường.

- Công tác hỗ trợ người học được tổ chức bài bản, đa dạng, phong phú, hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực và đáp ứng được nhu cầu cơ bản của người học.

- Lộ trình học tập, các chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước được Nhà trường thông báo công khai, minh bạch.

- Công tác hỗ trợ, cung cấp các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn các học phần, hướng nghiệp cho người học được tổ chức bài bản, đa dạng, phong phú, hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực và đáp ứng được nhu cầu cơ bản của người học.

- Nhà trường đã thực hiện đầy đủ, đúng qui định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập người học của Bộ GD - ĐT. Chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo được công bố rộng rãi đến người học ngay từ khi nhập học và tại buổi học đầu tiên. Lộ trình học tập, đề cương chi tiết được công bố công khai, gửi tới từng sinh viên thông qua tài khoản do Nhà trường cung cấp.

- Sự tham gia của cựu sinh viên trong giảng dạy, hướng dẫn thực tập, hướng dẫn rèn luyện NVSP diễn ra thường xuyên, liên tục.

7.2. Điểm tồn tại

- Việc cung cấp các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học đang phân thành từng mảng riêng do nhiều đơn vị, bộ phận phụ trách nên có chỗ còn chưa đảm bảo sự thống nhất.

- Công tác giám sát, đánh giá về chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa giữa các trường đại học trong và ngoài nước chưa được như mong muốn.

- Công tác hỗ trợ việc làm cho SV ngành sư phạm sau khi tốt nghiệp chưa đáp ứng tối đa nhu cầu.

- Công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện quy định về kiến tập, thực tập cơ bản còn phụ thuộc nhiều vào các cơ sở giáo dục phổ thông.

7.3. Kế hoạch hành động

- Xây dựng quy chế, quy định về cơ chế phối hợp và phân công nhiệm vụ, trách nhiệm trong việc cung cấp các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học... đảm bảo kịp thời, chính xác.

- Tăng cường công tác giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện các nội dung về chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước

- Đẩy mạnh công tác hỗ trợ việc làm cho SV ngành sư phạm sau khi tốt nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch, chương trình để gửi sinh viên đi kiến tập sư phạm từ năm thứ nhất, thứ 2 và tăng cường thực tập sư phạm từ năm thứ 3; Tăng cường công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện quy định về kiến tập, thực tập của người học.

7.4. Tự đánh giá tiêu chuẩn: 5.30

Phần 2: TỰ ĐÁNH GIÁ
Tiêu chuẩn 1
TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC, QUẢN LÝ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Tiêu chí 1: Tầm nhìn chiến lược

Chỉ số 1.1.1. Tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phù hợp với sứ mạng của trường

1. Mô tả

Để xây dựng sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược, Nhà trường đã ban hành Hướng dẫn số 1541/ĐHV-ĐBCL, ngày 31/12/2019 về xây dựng sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược và Quyết định số 241/QĐ-ĐHV ngày 28/01/2021 về việc ban hành Quy trình xây dựng sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược. Việc xây dựng sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Nhà trường được thực hiện theo các bước: xây dựng dự thảo, lấy ý kiến các bên liên quan, ban hành, đánh giá và điều chỉnh sau khi tổ chức thực hiện [1.1.1.1].

Nhà trường luôn chú trọng xây dựng, rà soát sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược để phù hợp với sự phát triển của Nhà trường và đáp ứng sự thay đổi nhu cầu về chất lượng nhân lực của xã hội.

Năm 2017, Trường Đại học Vinh là 1 trong 8 cơ sở giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo chọn triển khai thực hiện Chương trình Phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP). Trước bối cảnh đó, Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu Nhà trường đã thông qua chủ trương xây dựng, rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025 và tầm nhìn đến 2030 [1.1.1.2] [1.1.1.3].

Ban Giám hiệu Nhà trường đã giao Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế chủ trì xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển. Sau khi xây dựng xong dự thảo Kế hoạch chiến lược phát triển, trong đó có tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát và giá trị cốt lõi, Nhà trường đã xin ý kiến của các bên liên quan gồm: Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu, các đoàn thể cấp Trường, các cơ quan, đơn vị, trường học, cựu sinh viên... và toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên. Tháng 1/2018, Hội đồng Trường đã thông qua tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Vinh. Ngày 28/12/2018, Hiệu trưởng Nhà trường đã ký Quyết định số 1278/QĐ-ĐHV ban hành Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030.

Năm 2019, Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Hội đồng Trường đã thảo luận và thống nhất điều chỉnh, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát và giá trị cốt lõi và bổ sung triết lý giáo dục của Nhà trường. Nhà trường đã công bố sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát và giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục ban hành kèm theo Quyết định số 3719/QĐ-ĐHV, ngày 30/12/2019. Theo đó, sứ mạng của Trường là: "Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo

dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học". Tầm nhìn của Trường là: "Trường Đại học Vinh trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN." [1.1.1.4]

Tháng 6/2020, Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Vinh lần thứ XXXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đánh giá việc thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường, trên cơ sở đó đề ra tầm nhìn chiến lược: Phát triển Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh, là trụ cột của các cơ sở giáo dục đại học khu vực Bắc Trung Bộ, hướng tới xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á. [1.1.1.5]

Để chuẩn bị cho giai đoạn phát triển mới - giai đoạn tự chủ và hội nhập, năm 2020, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 22/KH-ĐHV cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài cơ sở giáo dục Trường Đại học Vinh giai đoạn 2020 - 2022 [1.1.1.6]. Vào mỗi năm học, Nhà trường đều ban hành kế hoạch lấy ý kiến người học, phụ huynh học sinh và các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, các đơn vị nói chung và sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, chiến lược phát triển của Nhà trường nói riêng để phù hợp với tình hình thực tiễn. Cuối năm 2020 và trong năm 2021, Nhà trường đã triển khai rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn và lấy ý kiến rộng rãi các bên liên quan. Theo đó, Nhà trường đã đề xuất sứ mạng: "Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm đổi mới sáng tạo góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế" và tầm nhìn: "Đến năm 2030, Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á". Tháng 5 và tháng 6/2021, Nhà trường đã lấy ý kiến khảo sát trực tuyến và hỏi ý kiến chuyên gia của 3.534 đối tượng gồm: lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động / doanh nghiệp / cơ sở sản xuất; giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia các ngành sư phạm và ngoài sư phạm; lãnh đạo sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo, các trường phổ thông và nhận được ý kiến phản hồi tích cực của các bên liên quan. Kết quả khảo sát cho thấy có 80,38% ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với sứ mạng của Nhà trường đề xuất; có 15,43% ý kiến không đồng ý hoặc hoàn toàn không đồng ý với sứ mạng của Nhà trường đề ra; có 78,41% ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với tầm nhìn của Nhà trường đề xuất; có 15,14% ý kiến không đồng ý hoặc hoàn toàn không đồng ý với tầm nhìn của Nhà trường.

Năm 2021, Nhà trường cũng đã tiến hành rà soát, điều chỉnh Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030 để phù hợp với định hướng phát triển của Ngành Giáo dục và Đào tạo đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thông qua và định hướng phát triển của Nhà trường đã được Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2020 - 2025 thông qua. Tháng 9 và tháng 10/2021, đã thu thập ý kiến nhận xét và đánh giá phản hồi tích cực của các bên liên quan về việc thực hiện

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030 của 300 đối tượng gồm: cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên, sinh viên đang công tác, học tập tại trường; lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động / doanh nghiệp / cơ sở sản xuất; nhà khoa học, chuyên gia giáo dục; cựu sinh viên của trường. Kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan là căn cứ quan trọng để Nhà trường sửa đổi, điều chỉnh nội dung tầm nhìn, sứ mạng nói riêng và các lĩnh vực hoạt động của trường nói chung phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và yêu cầu hội nhập quốc tế. Tháng 12/2021, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường đã thảo luận và thống nhất nội dung tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường. Theo đó, sứ mạng hiện nay của Nhà trường là: "Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục - đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế" và tầm nhìn hiện nay của Nhà trường là "Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến xếp hạng top 1.000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045" [1.1.1.7]. Định kỳ, Nhà trường đã tổ chức đánh giá việc thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển, sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát và giá trị cốt lõi của Nhà trường thông qua hội nghị tổng kết công tác xây dựng Đảng của Đảng ủy, hội nghị của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Trường; hội nghị giao ban cơ quan hàng tháng, hội nghị tổng kết năm học, hội nghị cán bộ, viên chức của Ban Giám hiệu Nhà trường; hội nghị của Hội đồng Trường. Tháng 12/2021, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường đã thống nhất đánh giá việc thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030; đồng thời điều chỉnh mốc thời gian của Kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường thành các giai đoạn: 2021 - 2025; 2025 - 2030 và tầm nhìn 2045 [1.1.1.8]. Để thực hiện Sứ mạng và hiện thực hoá Tầm nhìn (sau rà soát, điều chỉnh năm 2021), Nhà trường đã xây dựng Dự thảo Kế hoạch chiến lược cụ thể trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH, HTQT, ĐBCL, nguồn nhân lực, CSVC, tài chính với các mục tiêu trong chiến lược phát triển đều gắn chặt với những nội dung trong sứ mạng và tầm nhìn [1.1.1.9].

Như vậy, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược mà Nhà trường đã nêu ra là phù hợp với sứ mạng của Trường, với xu thế phát triển của xã hội, định hướng phát triển và cải tiến các mặt hoạt động của Nhà trường, có tác dụng tích cực trong việc cải thiện các mặt hoạt động của Nhà trường. Trong quá trình thực hiện, Nhà trường đã định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung đảm bảo tính khả thi, có thể thực hiện trong thực tế. Khi có thay đổi sứ mạng và tầm nhìn, Trường đã chủ động rà soát, điều chỉnh Kế hoạch chiến lược, xác định những giải pháp phù hợp cho từng lĩnh vực hoạt động để đạt được tầm nhìn và thực hiện sứ mạng mới.

Tuy nhiên, Trường chưa tổ chức được hội nghị chuyên đề để sơ kết việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường mà chủ yếu lồng ghép vào các hội nghị chung của Đảng ủy, Hội đồng trường và Ban Giám hiệu Nhà trường

2. Điểm mạnh

- Tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường được xây dựng phù hợp

với sứ mạng của Nhà trường đã công bố. Trường có cải tiến quy định và hoạt động xây dựng tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường; lấy ý kiến tham vấn các bên liên quan khi xây dựng, rà soát, bổ sung; tầm nhìn và kế hoạch chiến lược mà Nhà trường đã nêu có tác dụng tích cực trong việc cải thiện các mặt hoạt động của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

- Trường chưa tổ chức được hội nghị chuyên đề để sơ kết việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường mà chủ yếu lồng ghép vào các hội nghị chung của Đảng uỷ, Hội đồng trường và Ban Giám hiệu Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Tổ chức hội nghị chuyên đề sơ kết việc thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030	ĐU, HĐT, BGH, Các đơn vị thuộc và trực thuộc	Năm 2022	Năm 2022
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn và Kế hoạch chiến lược của Nhà trường	ĐU, HĐT, BGH, Các đơn vị trực thuộc	Năm học 2020-2021	Năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 1.1.1						6	

Chỉ số 1.1.2. Tầm nhìn, sứ mạng của trường được công bố công khai và được triển khai trong các hoạt động của trường

1. Mô tả

Nhà trường luôn quan tâm đến việc công bố công khai, giới thiệu, phổ biến sứ mạng, tầm nhìn và Kế hoạch chiến lược phát triển đến toàn thể CBVC, người học, nhà tuyển dụng và các bên liên quan khác.

Trong Hội nghị tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 2019 và triển khai nhiệm vụ năm 2020, Nhà trường đã tổ chức Lễ công bố Quyết định số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục Trường Đại học Vinh cho cán bộ chủ chốt và cán bộ, viên chức, người lao động là đảng viên toàn Trường. Tháng 12/2021, Nhà trường công bố nội dung sửa đổi sứ mạng, tầm nhìn tại hội nghị cán bộ chủ chốt của Nhà trường và kết quả rà soát, bổ sung Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030 [1.1.2.1].

Sứ mạng, tầm nhìn và Kế hoạch chiến lược của Trường được công bố công khai trên nhiều hình thức khác nhau như website, trang thông tin điện tử của Trường, phần mềm Văn phòng điện tử iOffice, bản báo cáo thường niên hàng năm, tờ rơi [1.1.2.2]. Nhà trường đã kiện toàn Ban Biên tập, Ban Quản trị website Trường [1.1.2.3], thành lập Bộ phận Truyền thông [1.1.2.4], thành lập Ban Liên lạc cựu sinh viên của các viện, khoa và Nhà trường [1.1.2.5] ... để tuyên truyền, quảng bá rộng rãi sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Trường bằng các hình thức khác nhau như: đăng tải, chia sẻ trên facebook, Youtube, bảng điện tử...; in ấn trên các băng rôn, biển hiệu, pano, áp phích, bảng tin, tờ rơi... [1.1.2.6]; in trên các tài liệu chính thức của Trường như: các báo cáo của Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, sách Cẩm nang học sinh, sinh viên, học viên; sách Trường Đại học Vinh 60 năm xây dựng và phát triển (1959 - 2019), Tài liệu Báo cáo thường niên năm 2019, 2020... [1.1.2.7].

Nhà trường cũng đã tổ chức hội nghị tổng kết công tác cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020 và công tác truyền thông giai đoạn 2017 – 2020, trong hội nghị này đã đánh giá công tác truyền thông liên quan đến công bố và quảng bá sứ mạng tầm nhìn của nhà trường cũng như kế hoạch cải tiến; trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch cải cách hành chính, chiến lược truyền thông giai đoạn 2020 - 2025, nâng cấp Bộ phận truyền thông chuyên nghiệp, hiện đại, sử dụng được các kỹ thuật và nghiệp vụ truyền thông tiên tiến [1.1.2.8].

Sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Trường được phổ biến, chuyển tải thành các nội dung công tác và học tập của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, giảng viên, nhân viên và người học trong Trường [1.1.2.9]. Nhà trường đã giới thiệu sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phát triển của Trường đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ, các Sở Giáo dục và Đào tạo trong cả nước, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố, thị xã, các trường phổ thông trong và ngoài tỉnh. Sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược cũng được giới thiệu tại các hội nghị, buổi làm việc, ký thỏa thuận hợp tác của Nhà trường với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cơ quan, đơn vị và gửi cho cựu sinh viên của Nhà trường [1.1.2.10]. Nhờ vậy, mà các bên liên quan trong và ngoài Trường Đại học Vinh đều biết, hiểu và chấp nhận về sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược của Trường.

Để triển khai tầm nhìn, sứ mạng, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển cho từng lĩnh vực hoạt động, trong đó xác định rõ mục tiêu trung và dài hạn, phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức và đã đề ra những giải pháp phù hợp nhằm thực hiện thành công được sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [1.1.2.11]. Trên cơ sở Kế hoạch chiến lược đó, Nhà trường và các đơn vị trong Trường cụ thể hóa trong mục tiêu, nhiệm vụ của từng năm học; các nhiệm vụ của từng năm học được định kỳ rà soát, đánh giá, tổng kết [1.1.2.12]

Việc cụ thể hóa và triển khai sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Nhà trường trong thời gian qua đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật. Được sự đồng ý của Tỉnh

ủy Nghệ An, Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhiệm kỳ 2015 - 2020, Nhà trường đã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án tái cấu trúc Trường Đại học Vinh. Nhà trường thành lập 6 viện trên cơ sở chia tách, sáp nhập 11 khoa (trong đó có Viện Sư phạm Tự nhiên và Viện Sư phạm Xã hội). [1.1.2.13]. Nhờ vậy, đã tập hợp được đội ngũ các nhà khoa học có chuyên môn cùng khối ngành để tăng cường giảng dạy, làm việc, nghiên cứu chuyên sâu, tăng tính liên thông trong học thuật và sử dụng chung trang thiết bị, cơ sở vật chất. Nhà trường cũng đã thành lập Trung tâm Nghiên cứu - Khởi nghiệp sáng tạo [1.1.2.14]. Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ Sư phạm [1.1.2.15], Ban Quản lý Cơ sở 2 [1.1.2.16]; gia nhập Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA) [1.1.2.17].

Để phù hợp với chiến lược phát triển Nhà trường, năm học 2019 - 2020, Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu đã chỉ đạo xây dựng Đề án thành lập Trường Sư phạm, Trường Kinh tế, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Trường Đại học Vinh. Ban Giám hiệu Nhà trường đã cử các đoàn cán bộ đi tham quan, học tập, nghiên cứu, tìm hiểu thực tế tại một số cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước. Nhà trường đang lấy ý kiến thảo luận, góp ý của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Trường; của các tổ chức đảng, đơn vị, đoàn thể và cán bộ, viên chức cho Dự thảo Đề án thành lập các Trường thuộc Trường Đại học Vinh. Năm 2021, Nhà trường đã thành lập Trường Sư phạm trên cơ sở sáp nhập, tổ chức lại 4 đơn vị (Viện Sư phạm Tự nhiên, Viện Sư phạm Xã hội, Khoa Giáo dục, Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ Sư phạm); thành lập Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn trên cơ sở sáp nhập, tổ chức lại 2 đơn vị (Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn, Khoa Luật); thành lập Trường Kinh tế trên cơ sở tổ chức lại Khoa Kinh tế; thành lập Viện Nghiên cứu và Đào tạo Trực tuyến trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Công nghệ thông tin. Trường Sư phạm được thành lập (gồm có 14 đơn vị thuộc: 12 khoa, 1 Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ Sư phạm, 1 Văn phòng) đã đáp ứng sự mong mỏi của nhiều thế hệ cán bộ, viên chức, sinh viên, học viên nhằm gìn giữ, nâng cao thương hiệu, vị trí của các ngành đào tạo giáo viên của Nhà trường, khẳng định truyền thống đào tạo và bồi dưỡng giáo viên trong 62 năm xây dựng và phát triển của Trường Đại học Vinh. Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh được thành lập là đơn vị đào tạo mới, đủ mạnh, xứng đáng với vị thế vốn có của các ngành sư phạm; là cơ hội để tiếp tục nhận được sự quan tâm, ưu tiên đầu tư của Nhà nước, các cấp, các ngành và chính quyền các địa phương, của nhân dân và cộng đồng xã hội. Sự ra đời của Trường Sư phạm mở đầu cho việc thực hiện chủ trương đổi mới trong lĩnh vực giáo dục đại học theo tinh thần của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14. Cùng với sự thành lập Trường Sư phạm, các khối ngành được cơ cấu lại cụ thể, rõ ràng hơn, nâng cao tính tự chủ của các đơn vị trong Trường. Hiện nay, mô hình quản lý của Trường vận hành thống nhất, hiệu quả theo 3 cấp: Trường - Trường trực thuộc, Trường thuộc, Khoa/Viện - Bộ môn. Trường Đại học Vinh có 3 trường thuộc, 4 viện, 4 khoa, 1 Trường Trung học phổ thông Chuyên, 1 Trường Thực hành sư phạm; có

24 phòng ban, trung tâm, trạm và 2 Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Thanh Hóa [1.1.2.18].

Để nâng cao chất lượng các nguồn lực thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và Kế hoạch chiến lược, Nhà trường đặc biệt chú trọng công tác phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên và người học: nâng mức chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ [1.1.2.19], khuyến khích giảng viên đi làm nghiên cứu sinh nước ngoài, nâng cao tiêu chí tuyển dụng giảng viên... [1.1.2.20]; mở nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp và tăng cường đào tạo trung cấp, cao cấp lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học, cho cán bộ, giảng viên [1.1.2.21]; đưa trình độ năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam làm chuẩn đầu ra cho sinh viên từ khóa 54, đưa trình độ công nghệ thông tin ứng dụng làm chuẩn đầu ra cho sinh viên từ khóa 62 [1.1.2.22]; chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy - học [1.1.2.23]; tổ chức hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng và sinh viên; triển khai lấy ý kiến người học đánh giá về Nhà trường và đội ngũ giảng viên; khảo sát, lấy ý kiến người học sau tốt nghiệp [1.1.2.24]. Nhà trường đã đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Giai đoạn 2015 - 2020, cán bộ của Trường đã triển khai 579 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. Nhà trường đã tổ chức hàng chục hội thảo cấp Trường, 11 hội thảo quốc gia, 5 hội thảo quốc tế. Nhà xuất bản Đại học Vinh đã xuất bản trên 310 xuất bản phẩm, gồm giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, sách liên kết xuất bản, sách tái bản, sách nhà nước đặt hàng, lịch. Tổng số bài báo được cán bộ của Trường công bố trên các tạp chí là 1.981 bài, trong đó có trên 384 bài báo quốc tế [1.1.2.25]. Trường thiết lập được hệ thống các trường phổ thông "vệ tinh" thuộc các tỉnh Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh làm địa điểm thực hành, thực tế và thực tập chuyên môn cho sinh viên sư phạm...; tổ chức lễ ký kết thỏa thuận hợp tác giữa Trường Đại học Vinh và các trường vệ tinh năm học 2021 - 2021; triển khai Dự án Phát triển giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp, đã biên soạn 7/13 CTĐT giáo viên các ngành Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học, Địa lý và Quản lý giáo dục, được Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ đánh giá cao và thống nhất đưa vào sử dụng rộng rãi trong các trường đại học có đào tạo giáo viên trung học phổ thông trên cả nước [1.1.2.26].

Như vậy, tầm nhìn, sứ mạng và kế hoạch chiến lược của Nhà trường được công bố công khai, được triển khai trong các hoạt động của Trường [1.1.2.27]. Để đảm bảo sự phát triển của Nhà trường đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực của xã hội trong tình hình mới, năm 2021, Nhà trường đã thực hiện rà soát, điều chỉnh Sứ mạng, Tầm nhìn và cải tiến Kế hoạch chiến lược, xác định những giải pháp phù hợp cho từng lĩnh vực hoạt động để đạt được tầm nhìn và thực hiện sứ mạng mới [1.1.2.28]. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh đã có sự tham gia của các bên liên quan trong trường (cán bộ lãnh đạo, quản lý; giảng viên, nhân viên; người học) và ngoài trường (chuyên gia giáo dục, nhà sử dụng lao động, cựu sinh viên).

Tuy nhiên, việc khảo sát, lấy ý kiến của cơ quan quản lý trực tiếp của Nhà trường (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh uỷ Nghệ An...) để rà soát, bổ sung tầm nhìn, sứ mạng và kế hoạch chiến lược của Nhà trường thực hiện chưa thường xuyên.

2. Điểm mạnh

Tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường được công bố công khai đến các bên liên quan trong và ngoài Trường bằng nhiều hình thức khác nhau, được rà soát, điều chỉnh phù hợp.

Kế hoạch Chiến lược phát triển bám sát với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường, đã xác định rõ mục tiêu và đề ra những giải pháp để thực hiện từng lĩnh vực hoạt động; được cụ thể hóa trong mục tiêu, nhiệm vụ của từng năm học và đạt được nhiều kết quả nổi bật.

3. Điểm tồn tại

Trường thực hiện chưa thường xuyên việc khảo sát, lấy ý kiến của cơ quan quản lý trực tiếp của Nhà trường (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh uỷ Nghệ An...) để rà soát, bổ sung tầm nhìn, sứ mạng và kế hoạch chiến lược của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT		Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Tổ chức khảo sát, lấy ý kiến của cơ quan quản lý trực tiếp của Nhà trường để rà soát, bổ sung tầm nhìn, sứ mạng và kế hoạch chiến lược của Nhà trường.	ĐU, HĐT, BGH	Năm học 2021-2022	Năm học 2021-2022
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Nhà trường	ĐU, HĐT, BGH, Các đơn vị trực thuộc	Thường xuyên	Thường xuyên
3.		Truyền thông và tổ chức thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường	ĐU, HĐT, BGH, Các đơn vị trực thuộc	Thường xuyên	Thường xuyên

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.1.2						6	

Điểm tự đánh giá tiêu chí 1

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.1.1						6	
Chỉ số 1.1.2						6	
Điểm tiêu chí 1	6.0						

Tiêu chí 2: Quản lý

Chỉ số 1.2.1. Trường có các chính sách, quy trình, quy định, công cụ thích hợp để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ phát huy năng lực.

1. Mô tả

Năm 2001, Thủ tướng Chính phủ quyết định đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh [1.2.1.1]. Năm 2011, Trường Đại học Vinh được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia [1.2.1.2]. Trường đã hình thành cơ cấu tổ chức và mô hình quản lý phù hợp với nguồn lực và điều kiện cơ sở vật chất.

Năm 2015, Trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh phù hợp theo Điều lệ Trường Đại học [1.2.1.3]. Năm 2018, Trường đã sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động phù hợp theo Luật Giáo dục đại học. Năm 2020 và năm 2021 để phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Trường đã xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế dân chủ của Trường Đại học Vinh [1.2.1.4].

Nhiệm kỳ 2015 - 2020, để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, giảm đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, Nhà trường đã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án tái cấu trúc Trường Đại học Vinh [1.2.1.5-8].

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Nhà trường đã thành lập Trường Sư phạm trên cơ sở sáp nhập, tổ chức lại 4 đơn vị [1.2.1.9]. Cùng với sự thành lập Trường Sư phạm, các khối ngành được cơ cấu lại cụ thể, rõ ràng hơn, nâng cao tính tự chủ của các đơn vị trong Trường. Hiện nay, mô hình quản lý của Trường vận hành thống nhất, hiệu quả theo 3 cấp: (1) Trường, (2) Trường trực thuộc, Trường thuộc, Khoa/Viện, Trung tâm, Phòng ban chức năng và (3) Bộ môn.

Trường có hệ thống chính sách, quy trình, quy định, công cụ nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả của hoạt động quản lý của Trường. Đối với hệ thống chính sách nhà trường ban hành dưới các hình thức văn bản như Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường, nghị quyết, các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn, quy hoạch ... [1.2.1.10]. Nhà trường có các quy định, quy trình, quy chế về mọi hoạt động trong nhà trường từ công tác đào tạo, NCKH, nhân lực, sinh viên,... [1.2.1.11]. Nhà trường cũng ban hành các công cụ quản lý như Sổ

tay ĐBCL, Sở tay giảng viên, sinh viên.... [1.2.1.12].

Hệ thống chính sách, quy trình, quy định, công cụ quản lý của trường đảm bảo phù hợp trong việc thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, Kế hoạch chiến lược phát triển, đồng thời khuyến khích đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học phát huy năng lực và được phản ánh cụ thể thông qua các quyết định thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, quyết định khen thưởng các công trình công bố trên tạp chí quốc tế, nâng lương trước thời hạn đối với cán bộ bảo vệ luận án tiến sĩ trước thời hạn (từ 3 tháng trở lên) [1.2.1.13].

Mức độ phù hợp của các chính sách quy trình, quy định, công cụ quản lý còn thể hiện thông qua kết quả mức độ hoàn thành công việc hàng tháng, hàng năm [1.2.1.14] cũng như kết quả tuyển sinh, đào tạo, nghiên cứu khoa học của nhà trường. [1.2.1.15-16].

Tất cả các chính sách, quy trình, quy định, công cụ quản lý được xây dựng đảm bảo tính khoa học, công khai, dân chủ, được lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị, cá nhân trong Trường trước khi được Đảng ủy, Hội đồng Trường phê duyệt, Hiệu trưởng ra quyết định và tổ chức thực hiện. Các chính sách, quy trình, quy định, công cụ này được phổ biến rộng rãi đến tất cả CB, GV, người lao động và người học với nhiều hình thức khác nhau [1.2.1.17]. Sau khi lấy ý kiến các bên liên quan thì các văn bản được sửa đổi, bổ sung theo ý kiến góp ý để ban hành và triển khai thực hiện [1.2.1.18].

Để phù hợp với từng giai đoạn phát triển cũng như phù hợp với các văn bản quản lý nhà nước về giáo dục, Nhà trường đều tiến hành thực hiện rà soát, bổ sung, chỉnh sửa từ Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường [1.2.1.19] cho đến các kế hoạch thuộc từng lĩnh vực hoạt động [1.2.1.20] và các quy trình, quy định trong toàn trường. Năm 2021, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị, viên chức và người lao động của Trường Đại học Vinh. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng được căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị; chức trách, nhiệm vụ được giao của viên chức và người lao động. Kết quả thực hiện được thể hiện thông qua công việc, sản phẩm cụ thể; riêng viên chức lãnh đạo, quản lý các cấp còn gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhà trường và đơn vị được giao quản lý, phụ trách. Nhà trường cũng xây dựng và ban hành Quy định về công tác thi đua khen thưởng và Quy định về sáng kiến và xét công nhận sáng kiến của Trường Đại học Vinh. Qua đó, góp phần đánh giá kết quả phong trào thi đua và lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để Nhà trường khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. [1.2.1.21]

Hiện nay, Nhà trường đang từng bước áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và quản lý các hoạt động của Nhà trường, cũng như ứng dụng công nghệ/phần mềm nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý [1.2.1.22].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ các chính sách, quy trình, quy định, công cụ thích hợp để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược; khuyến khích đội ngũ cán bộ, viên chức và

người lao động phát huy năng lực. Hệ thống chính sách, quy định, quy trình và công cụ định kỳ đánh giá, rà soát và cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Chưa đồng bộ hệ thống quản lý điện tử của nhà trường

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Đồng bộ hệ thống quản lý điện tử của nhà trường	BGH Phòng HCTH	Năm học 2021- 2022	Năm học 2021- 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục sử dụng có hiệu quả các chính sách, quy trình, quy định, công cụ để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động phát huy năng lực	BGH Các đơn vị trong toàn trường	Thường xuyên	Thường xuyên
3		Định kỳ rà soát, cải tiến, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản lãnh đạo, quản trị, quản lý, điều hành Nhà trường phù hợp các quy định của Đảng, Nhà nước.	BGH Phòng HCTH; Phòng TCCB;	Hàng năm	Hàng năm

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.2.1.						6	

Chỉ số 1.2.2. Năng lực chuyên môn của nhân sự trong trường đáp ứng chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí việc làm.

1. Mô tả

Các vị trí việc làm trong bộ máy tổ chức của trường được thực hiện dựa trên các văn bản quy định và hướng dẫn của Nhà nước [1.2.2.1]. Trên cơ sở đó Trường lập kế hoạch xây dựng đề án vị trí việc làm [1.2.2.2] và được Hiệu trưởng nhà trường ký phê duyệt vào ngày 04/12/2018, trong đó mô tả chi tiết vị trí việc làm và yêu cầu về năng lực của nhân sự

của từng vị trí [1.2.2.3].

Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong trường đáp ứng chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí việc làm, thể hiện ở đội ngũ cán bộ, giảng viên, người lao động đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu với 1.036 cán bộ, viên chức, trong đó có 50 giáo sư, phó giáo sư, 300 tiến sĩ, 495 thạc sĩ... Trường có 381 giảng viên hạng III; 135 giảng viên hạng II; 50 giảng viên hạng I. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên là 50%, riêng Trường Sư phạm có tỷ lệ giảng viên trình độ tiến sĩ trở lên chiếm 66,06%" [1.2.2.4]. Với kết quả đó cho thấy đến nay Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ có cơ cấu hợp lý, đáp ứng các tiêu chí theo quy định. Đội ngũ giảng viên được tuyển dụng từ các cơ sở giáo dục đại học có uy tín trong và ngoài nước [1.2.2.5].

Để đánh giá năng lực nhân sự của từng vị trí việc làm, Nhà trường ban hành quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và sử dụng phiếu đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm [1.2.2.6]. Đội ngũ nhân sự của Trường được tuyển dụng theo nhu cầu, đúng chỉ tiêu và Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt. Hàng năm, Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng cho các đơn vị cũng như tổ chức thi tuyển vào biên chế. Cán bộ giảng dạy đang ký hợp đồng lao động ngắn hạn muốn thi tuyển vào biên chế phải có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/B2 (khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam); hoặc kết quả sát hạch ngoại ngữ hàng năm với trình độ tương đương của Trường Đại học Vinh của một trong các thứ tiếng Anh, Nga, Trung, Pháp, Đức); đối với giảng viên tiếng Anh thì phải đạt trình độ bậc 5 trở lên [1.2.2.7].

Trường có định kỳ rà soát đánh giá năng lực nhân sự của từng vị trí việc làm thông qua việc lấy ý kiến của các bên liên quan bằng các phiếu khảo sát (ví dụ: thực hiện khảo sát ý kiến của người học đối với giảng viên, đánh giá của người học đối với hoạt động của các phòng ban chức năng, đối với công tác hỗ trợ người học...) hoặc thông qua các Hội nghị tổng kết năm học, hội nghị CBCC, VC hàng năm và kết quả phân loại cán bộ viên chức hàng năm. Qua đó, Nhà trường ban hành các kế hoạch rà soát, bổ sung phù hợp với nhu cầu và cải tiến kịp thời theo dự báo [1.2.2.8]. Ngoài ra Trường còn định kỳ rà soát đánh giá năng lực nhân sự của từng vị trí việc làm thông qua các đề án, các nhiệm vụ phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên [1.2.2.9].

Nhà trường đã tích cực chỉ đạo, có chế tài động viên, khuyến khích cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo từng năm và giai đoạn, đảm bảo tính khoa học, tính kế thừa và phù hợp với tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm theo quy định. Mỗi năm, Nhà trường đã mở nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cho giảng viên [1.2.2.10]; mở nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng, an ninh, ngoại ngữ, tin học cho hàng trăm lượt cán

bộ, viên chức [1.2.2.11]. Bên cạnh đó, các giảng viên tham gia đào tạo giáo viên hàng năm đều được cử đi thực tế trường phổ thông, thường xuyên tham gia các hoạt động tập huấn với giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức [1.2.2.12]. Nhà trường cũng quan tâm, tạo điều kiện cho đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên đi thực tế ở các cơ quan, đơn vị trong nước. Đội ngũ KTV, nhân viên phục vụ của Trường được đào tạo cơ bản, đúng chuyên môn và được bố trí làm việc ở các phòng thí nghiệm, thực hành và các bộ phận để hỗ trợ và phục vụ cho hoạt động học tập, giảng dạy và NCKH của Nhà trường [1.2.2.13]. Qua đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, giảng viên, nhân viên, kỹ thuật viên đã vận dụng và phát huy tốt những kiến thức được đào tạo, bồi dưỡng vào công tác chuyên môn. Mỗi năm, có hàng chục giảng viên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ trong và ngoài nước [1.2.2.14]. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường luôn phấn đấu hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao [1.2.2.15].

Nhà trường đã cải tiến bộ tiêu chí, chỉ số đánh giá hiệu quả công việc theo hướng (1) phù hợp với từng vị trí việc làm, (2) các chỉ số đánh giá mang tính định lượng, dễ đo lường, đánh giá hơn; và đã áp dụng trong đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý, giảng viên người lao động và các tập thể năm 2021 [1.2.2.16].

2. Điểm mạnh

- Các vị trí việc làm trong bộ máy tổ chức của trường được thực hiện theo quy định của pháp luật, được mô tả đầy đủ trong đề án vị trí việc làm, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Nhà trường luôn đáp ứng chức năng, nhiệm vụ theo vị trí việc làm.

- Định kỳ hàng năm, Trường thực hiện rà soát đánh giá năng lực nhân sự của từng vị trí việc làm và có kế hoạch cải tiến từ đó nâng cao được năng lực nhân sự của nhà trường

3. Điểm tồn tại: Không có

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Không	BGH Phòng TCCB	2022	12/2022
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Nhà trường để đáp ứng chức năng, nhiệm vụ theo vị trí việc làm.	BGH Phòng TCCB Các đơn vị	Hàng năm	Hàng năm

2	Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Nhà trường	BGH Phòng TCCB Các đơn vị	Hàng năm	Hàng năm
---	--	------------------------------------	----------	----------

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.2.2.						6	

Chỉ số 1.2.3. Nhân sự trong trường thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm và giải trình theo định kỳ và theo yêu cầu.

1. Mô tả

Để thực hiện đầy đủ trách nhiệm và giải trình, đầu mỗi năm học, Nhà trường đều ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch năm học, hướng dẫn tổ chức hội nghị cán bộ, viên chức cho từng đơn vị, từ cấp bộ môn, tổ chuyên môn, tổ công tác, trong đó nhiệm vụ của từng cán bộ, giảng viên, nhân viên được mô tả rõ ràng theo vị trí việc làm, mọi người đều được tham gia góp ý xây dựng kế hoạch năm học của bộ môn và của đơn vị hay Nhà trường và được công khai trước khi thực hiện [1.2.3.1]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn có các kế hoạch tổ chức các chương trình khác nhau nhằm cung cấp thông tin cho cán bộ, đảng viên và người học hiểu rõ và đồng thuận trong việc triển khai thực hiện các chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước và Nhà trường như tổ chức hội nghị học tập nghị quyết, hội nghị trưởng bộ môn, trợ lý đào tạo, cố vấn học tập và hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng với sinh viên [1.2.3.2]. Đảng ủy Trường đã ban hành Hướng dẫn kiểm điểm, xếp loại cán bộ lãnh đạo quản lý và đảng viên hàng năm. Hiệu trưởng đã ban hành Quy chế quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và người lao động [1.2.3.3] và bộ tiêu chí thi đua cá nhân để đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, chuyên viên, kỹ thuật viên và nhân viên phục vụ [1.2.3.4].

Nhà trường thực hiện trách nhiệm giải trình của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên tại hội nghị cán bộ, viên chức của các đơn vị và Nhà trường. Đồng thời, tại các hội nghị định kỳ của Đảng ủy, Hội đồng Trường, các hội nghị giao ban cơ quan hàng tháng của Trường; các cuộc họp giao ban công việc tại từng đơn vị hàng tuần, hàng tháng các kế hoạch công tác, sản phẩm và trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân được giải trình công khai, rõ ràng trước tập thể [1.2.3.5]. Hàng năm, việc kiểm điểm, đánh giá, phân loại cán bộ, giảng viên, nhân viên được thực hiện nghiêm túc, khách quan. Đây cũng chính là cơ sở để thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí, sử dụng cán bộ. Đồng thời qua đó cũng giúp cho mỗi cán bộ, giảng viên, nhân viên từng bước khắc phục những

khuyết điểm, thiếu sót và tích cực phát huy những ưu điểm để tiếp tục hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở kết quả đánh giá viên chức của các đơn vị, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Nhà trường cùng xem xét, đánh giá kết quả công tác của đội ngũ CBQL và các cá nhân trong các đơn vị và đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả xếp loại, khen thưởng. Kết quả đánh giá năm 2021 cho thấy, đội ngũ CBQL và người lao động đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tỷ lệ “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” đạt ...%. Cùng với việc định kỳ đánh giá kết quả hoạt động hằng năm, Nhà trường cũng yêu cầu thực hiện công khai, minh bạch tài sản đối với người thuộc diện phải kê khai; giải trình kết quả công tác theo nhiệm kì hoặc trước khi quy hoạch, bổ nhiệm [1.2.3.6]

Nhà trường thực hiện giám sát hoạt động giải trình thông qua các kế hoạch, chương trình giám sát của các bộ phận như Hội đồng trường, Phòng Thanh tra - Pháp chế, Ban thanh tra nhân dân, ủy ban kiểm tra của Công đoàn Trường, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy trường, [1.2.3.7]. Các báo cáo giải trình đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong trường được Nhà trường thực hiện tại Hội nghị cán bộ, công chức viên chức hàng năm; tại Hội nghị tổng kết năm học; Hội nghị tổng kết công tác Đảng và một số hội nghị chuyên đề khác [1.2.3.8].

Năm 2021, để phù hợp với các điều kiện thực tiễn phát triển của ngành và Nhà trường, nhất là khi Trường Sư phạm thuộc Trường Đại học Vinh được thành lập, các quy định về trách nhiệm giải trình đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong trường được Nhà trường đã được rà soát và điều chỉnh, bổ sung; một số văn bản còn được xây dựng mới nhằm đảm bảo tính minh bạch khi nhân sự thực thi nhiệm vụ thông qua một số kết quả văn bản được xây dựng và ban hành như: Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh; Quy định chế độ làm việc giảng viên, Quy định đánh giá xếp loại viên chức, người lao động, Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Sư phạm; Quy chế dân chủ, Quy chế tài chính, các văn bản hướng dẫn tổng kết đánh giá thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng kế hoạch năm học theo năm tài chính; các văn bản hướng dẫn tổ chức Hội nghị CB,CCVC năm học; văn bản hướng dẫn tổ chức tổng kết Đảng hàng năm; văn bản hướng dẫn báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên đề theo kế hoạch của các bộ phận giám sát [1.2.3.9].

Dựa trên các kết quả rà soát, Nhà trường có cải tiến trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác hàng năm cũng như xây dựng được chế độ làm việc phù hợp, và đánh giá được đúng mức độ thực hiện công việc của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong Trường [1.2.3.10].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có các quy định về trách nhiệm giải trình đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên thực hiện trách nhiệm giải trình một cách đầy đủ theo quy định và theo yêu cầu.

- Nhà trường đã thực hiện giám sát hoạt động giải trình và có các bộ phận chịu trách nhiệm giám sát.

- Quy định về trách nhiệm giải trình đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong Trường được rà soát, điều chỉnh bổ sung.

3. *Điểm tồn tại:* Không có

4. *Kế hoạch hành động*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Không có			
1	Phát huy điểm mạnh	Vận hành tốt các quy định về trách nhiệm giải trình đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên để đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên thực hiện trách nhiệm giải trình một cách đầy đủ	Các đơn vị trong toàn trường	Hàng năm	Hàng năm
2		Tiếp tục thực hiện giám sát hoạt động giải trình	Các đơn vị trong toàn trường	Hàng năm	Hàng năm
3		Khảo sát lấy ý kiến về các quy định về trách nhiệm giải trình đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong trường	Vp Đảng - ĐT P. TCCB P. TT-PC	Hàng năm	Hàng năm

5. *Điểm tự đánh giá*

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.2.3.						6	

Điểm tự đánh giá tiêu chí 2

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.2.1.						6	
Chỉ số 1.2.2.						6	
Chỉ số 1.2.3.						6	
Điểm tiêu chí:	6.0						

Tiêu chí 3: Hệ thống đảm bảo chất lượng

Chỉ số 1.3.1: Trường có các chính sách thích hợp, có đơn vị đảm bảo chất lượng và nhân sự có chuyên môn để thực hiện hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong.

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh có chính sách đảm bảo chất lượng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu phát triển. Nhà trường cam kết cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực cao, phát triển bền vững giáo dục và khoa học công nghệ; không ngừng cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo; Tạo môi trường học tập, nghiên cứu và điều kiện làm việc cho người học, giảng viên và cán bộ viên chức của Nhà trường; Tăng cường hợp tác với các trường đại học uy tín; Học tập mô hình quản lý hiện đại, tiếp cận khoa học kỹ thuật, thực hiện chuyển giao khoa học công nghệ; Các chương trình đào tạo của Nhà trường đều được công nhận với các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục uy tín. [1.3.1.1].

Chính sách chất lượng của Nhà trường được thể hiện rõ trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh, trong Sổ tay Đảm bảo chất lượng, và các văn bản quản trị, điều hành. Chính sách chất lượng của Nhà trường được đưa ra họp bàn và thống nhất cao trong báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ, được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ thông qua các Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ, các kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường từng giai đoạn [1.3.1.2]. Nhà trường đã ban hành Nghị quyết về tăng cường hiệu quả hoạt động đảm bảo chất lượng với mục tiêu tổng quát và cụ thể nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác để phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của Nhà trường [1.3.1.3]. Nội dung của Nghị quyết tiếp tục được cụ thể hóa bằng các chương trình hành động, các kế hoạch năm học, kế hoạch cải tiến được triển khai và được giám sát thực hiện tiến độ đảm bảo đạt được chỉ tiêu đề ra. Hàng năm, các kế hoạch được rà soát và báo cáo kết quả bằng văn bản giúp Nhà trường chủ động trong việc đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm học mới [1.3.1.4]. Năm học 2020 - 2021, Nhà trường đã triển khai kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về chính sách đảm bảo chất lượng. Theo đó, chính sách đảm bảo chất lượng của Nhà trường đã có sự điều chỉnh để phù hợp với tình hình phát triển với nhiều cơ hội và thách thức mới. Nhà trường chú trọng phát triển bền vững giáo dục và khoa học công nghệ; phát huy tinh thần tận tụy, thói quen làm việc theo quy trình và ISO trong mọi lĩnh vực cam kết đảm bảo dự đoán và kiểm toán một cách khách quan để chuẩn hóa các kết quả đạt được; Đảm bảo cung cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ cho giáo dục đại học học, chuyên nghiệp và kịp thời cho việc thực hiện mục tiêu chất lượng giáo dục và nghiên cứu khoa học trong từng thời kỳ phát triển; Tăng cường hợp tác với các trường uy tín về giáo dục và nghiên cứu khoa học của thế giới, học tập mô hình quản lý hiện đại; tiếp cận khoa học kỹ thuật tiên tiến và các phương pháp thực hành tốt nhất trong thực tiễn; thực hiện chuyển giao khoa học công

nghệ; tất cả chương trình đào tạo và văn bằng của Trường đều được các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có uy tín kiểm định và công nhận (Trích “*Báo cáo thường niên năm 2020*”).

Nghị quyết Hội đồng Trường đã nhất trí thông qua tuyên bố tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, các nghị quyết hàng năm đã đề ra chỉ tiêu và đẩy mạnh việc triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ đảm bảo như chính sách chất lượng đã cam kết về chính sách chất lượng [1.3.1.5]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng có những cải tiến, bổ sung về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường năm 2018 và hiện nay, trước yêu cầu của việc tái cấu trúc, Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động năm 2021 trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của cán bộ, viên chức trong toàn trường [1.3.1.6]. Ngoài ra, Nhà trường cũng đang khẩn trương hoàn thiện đề án vị trí việc làm giai đoạn 2; Xây dựng, triển khai KPIs quản trị phục vụ cơ sở giáo dục và hoạt động đào tạo nhằm mục đích nâng cao hiệu quả công việc, góp phần đảm bảo chính sách chất lượng đã đề ra [1.3.1.7].

Trường Đại học Vinh có đơn vị chuyên trách Trung tâm Đảm bảo chất lượng từ năm 2007, có chức năng nhiệm vụ tham mưu giúp Hiệu trưởng về phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong, hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và công tác khảo thí trong phạm vi toàn trường. Nhân sự của Trung tâm Đảm bảo chất lượng có năng lực chuyên môn phù hợp có thể đảm nhận nhiệm vụ Nhà trường giao gồm: 13 cán bộ (01 tiến sĩ, 12 thạc sĩ, 01 cử nhân), tất cả cán bộ đều được bồi dưỡng về nghiệp vụ đảm bảo chất lượng, 01 cán bộ có thể kiểm định chất lượng, 02 cán bộ có chứng chỉ bồi dưỡng về kiểm định chất lượng, 11 cán bộ được đào tạo và bồi dưỡng về đo lường đánh giá trong giáo dục [1.3.1.8]. Hàng năm, Nhà trường triển khai lấy ý kiến người học về các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính trong trường trong đó có Trung tâm Đảm bảo chất lượng về các chỉ số như thời gian, quy trình xử lý công việc, tinh thần, thái độ phục vụ... nhằm từng bước cải thiện dựa trên những ý kiến phản hồi của người học. Thống kê các ý kiến phản hồi các năm, Trung tâm Đảm bảo chất lượng luôn đạt mức tốt, năm sau cao hơn năm trước (đáp ứng từ 80% trở lên) với hơn 70% tỉ lệ phiếu tham gia [1.3.1.9].

Mạng lưới đảm bảo chất lượng Trường Đại học Vinh được thành lập năm 2019 với 104 thành viên trải đều từ các khoa/viện đến các phòng ban trong Trường. Nhà trường đã cử 13 trợ lý đảm bảo chất lượng tại các đơn vị đào tạo để thực hiện các nhiệm vụ về bảo đảm và kiểm định chất lượng cấp chương trình đào tạo. Năm 2021, Trường Đại học Vinh tái cấu trúc giai đoạn 2, một số đơn vị mới được thành lập, nhiều đơn vị được chia tách, sát nhập. Để phù hợp với thực tế phát triển, Nhà trường đã thực hiện lấy ý kiến góp ý trong toàn trường về hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong; Kiện toàn mạng lưới đảm bảo chất lượng, cử mới các Trợ lý đảm bảo chất lượng, trợ lý đào tạo tại các đơn vị, cử chuyên viên phụ trách mảng đào tạo tại các đơn vị hành chính trong toàn trường; Triển khai xây

dựng các quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 ... [1.3.1.10].

Trường Đại học Vinh có đội ngũ nhân sự về công tác đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng được bồi dưỡng đào tạo bài bản nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc. Hiện tại, đội ngũ tham gia công tác đảm bảo chất lượng có 59 cán bộ được đào tạo kiểm định viên; 26 cán bộ có thẻ kiểm định viên; có 02 cán bộ đào tạo về hệ thống đảm bảo chất lượng của AUN; hơn 200 lượt người được bồi dưỡng, tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng theo bộ tiêu chuẩn trong nước và theo bộ tiêu chuẩn của AUN-QA; 12 cán bộ được đào tạo trình độ thạc sĩ về đo lường đánh giá; 14 cán bộ có chứng chỉ nghiệp vụ đo lường và đánh giá trong giáo dục [1.3.1.11]. Tất cả thành viên của mạng lưới và các cán bộ giảng dạy tham gia công tác kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đều được bồi dưỡng nghiệp vụ về đảm bảo chất lượng do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Vinh tổ chức. Ngoài ra Nhà trường luôn tạo điều kiện cho các thành viên tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn về công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng do các trung tâm uy tín trong nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức như: Tập huấn nâng cao năng lực quản trị đại học (tháng 3/2019); Tập huấn công tác đánh giá chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA (năm 2020, 2021); Cử cán bộ tham gia làm quan sát viên đánh giá ngoài từ xa chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA. Năm 2021, Nhà trường tổ chức các đợt tập huấn về hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và tập huấn về xếp hạng cơ sở giáo dục đại học theo THE Impact cho cán bộ toàn trường... Những hoạt động này góp phần giúp tăng cường hệ thống và nguồn lực cho hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong ngày càng hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [1.3.1.12]. Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Vinh được thành lập năm 2018, ngoài các chức năng nhiệm vụ về công tác kiểm định chất lượng được giao, trung tâm có nhiệm vụ hỗ trợ tư vấn cho Nhà trường công tác đảm bảo chất lượng bên trong, công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và CTĐT; phản biện, góp ý các báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo, xếp hạng đại học [1.3.1.13].

Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Trường Đại học Vinh hoạt động hiệu quả, phù hợp. Nhà trường cũng đã ban hành Qui định về hoạt động đảm bảo chất lượng để triển khai thực hiện các nhiệm vụ mang tính chiến lược và các hoạt động bảo đảm chất lượng bên trong của Nhà trường, xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp với các qui định, tiêu chuẩn Nhà nước đã ban hành và đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan [1.3.1.14]. Kết quả thực hiện các chính sách của Nhà trường đạt kết quả tốt thể hiện mức độ thích hợp của chính sách đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Kết quả được thể hiện rõ trong các báo cáo tổng kết hàng năm (với hơn 90% kế hoạch đảm bảo chất lượng hoàn thành) và trong các báo cáo định kỳ của Nhà trường với cán bộ viên chức, các bên liên quan và đơn vị chủ quản [1.3.1.15]. Hiện tại, Nhà trường đang trong quá trình ổn định sau tái cấu trúc giai đoạn 2.

Trong thời gian tới, sau khi lấy ý kiến góp ý về Tầm nhìn, sứ mạng, Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2035, chính sách chất lượng, hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong và kiện toàn mạng lưới đảm bảo chất lượng, Nhà trường sẽ từng bước điều chỉnh các kế hoạch, thực hiện rà soát các quy định về chính sách; cải tiến hoạt động đảm bảo chất lượng và nhân sự, ban hành quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 về công tác đảm bảo chất lượng nhằm thực hiện, vận hành tốt hơn các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong, góp phần thúc đẩy sự phát triển của Trường Đại học Vinh như cam kết và mục tiêu đã đề ra [1.3.1.16].

2. Điểm mạnh

- Trường đã có chính sách đảm bảo chất lượng phù hợp,
- Đơn vị chuyên trách đảm bảo chất lượng và nhân sự có năng lực chuyên môn phù hợp để thực hiện hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong.
- Có báo cáo đánh giá hoạt động đảm bảo chất lượng hằng năm với trên 85% đến 95% khối lượng nội dung đã được hoàn thành.

3. Điểm tồn tại

- Hệ thống mạng lưới đảm bảo chất lượng vận hành chưa đồng đều, chưa khai thác hết năng lực đội ngũ về ĐBCL của Nhà trường
- Chưa lấy ý kiến đầy đủ các bên liên quan về chính sách chất lượng.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Có kế hoạch vận hành hệ thống mạng lưới đảm bảo chất lượng hiệu quả	TT ĐBCL Các đơn vị	Thường xuyên	Thường xuyên
1	Phát huy điểm mạnh	Sử dụng có hiệu quả các chính sách đảm bảo chất lượng, đơn vị đảm bảo chất lượng và nhân sự có năng lực chuyên môn phù hợp để thực hiện hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong.	TT ĐBCL	Thường xuyên	Thường xuyên
2		Tiếp tục thực hiện báo cáo đánh giá hoạt động đảm bảo chất lượng hằng năm	TT ĐBCL	Hàng năm	Hàng năm

5. Điểm TĐG

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.3.1.						6	

Chỉ số 1.3.2: Trường đã tiến hành tự đánh giá cấp trường, tự đánh giá cấp chương trình đào tạo nhằm cải thiện chất lượng giáo dục.

1. Mô tả

Tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục và CTĐT là một trong những nhiệm vụ chính nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Hoạt động tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục và cấp CTĐT được Nhà trường chuẩn bị kỹ càng bằng việc ra Nghị quyết chỉ đạo, cụ thể hóa thành mục tiêu trong kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh từng giai đoạn [1.3.2.1]. Đối với công tác tự đánh giá CTĐT, dựa vào kế hoạch chiến lược, Nhà trường lập kế hoạch triển khai tự đánh giá và đánh giá ngoài cho giai đoạn và từng năm học [1.3.2.2]. Ngoài ra, việc lập kế hoạch tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục và cấp CTĐT của Nhà trường còn căn cứ vào cam kết của Nhà trường đối với cơ quan quản lý và trách nhiệm giải trình với xã hội thông qua kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài cơ sở giáo dục; thông qua việc thực hiện mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường trong từng giai đoạn phát triển [1.3.2.3].

Đơn vị được giao nhiệm vụ đầu mối về công tác tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo là Trung tâm Đảm bảo chất lượng [1.3.2.4]. Trung tâm Đảm bảo chất lượng căn cứ vào Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường; Nghị quyết đại hội Đảng bộ, nghị quyết Hội nghị cán bộ công chức, viên chức và kế hoạch năm học để đưa ra chương trình hành động và kế hoạch triển khai công tác tự đánh giá giai đoạn, năm học. Tham mưu Nhà trường ban hành các Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm viết báo cáo; Xây dựng kế hoạch thời gian, phân công nhiệm vụ đến các đơn vị liên quan để triển khai thực hiện; cung cấp tài liệu hướng dẫn về đánh giá chương trình đào tạo; Giám sát tiến độ thực hiện và công khai kết quả báo cáo tự đánh giá trong toàn trường khi báo cáo hoàn thành. [1.3.2.5].

Các thành viên Hội đồng tự đánh giá, thành viên ban thư ký và các nhóm chuyên trách được tham gia tập huấn về đánh giá chương trình đào tạo theo Bộ tiêu chuẩn quốc gia trước khi triển khai kế hoạch tự đánh giá, do chuyên gia của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục của Trường và Trung tâm Đảm bảo chất lượng hướng dẫn. Nhà trường còn tạo điều kiện mời các chuyên gia có kinh nghiệm tại các trường đại học có uy tín về tập huấn công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài hình thức online theo tiêu chuẩn AUN-QA; Tập huấn THE Impact [1.3.2.6]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn ban hành sổ tay đảm bảo chất lượng, hướng dẫn lưu trữ và thu thập minh chứng; xây dựng các quy trình nội bộ về tự đánh giá, đánh giá ngoài, quy trình giám sát cải tiến chất lượng sau tự đánh giá và đánh

giá ngoài CTĐT và cơ sở giáo dục nhằm phục vụ công tác kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục ngày càng hiệu quả hơn [1.3.2.7].

Sau khi có kế hoạch tự đánh giá, các hoạt động TĐG chương trình đào tạo được thực hiện theo quy trình đã được hướng dẫn theo công văn của Bộ Giáo dục và đào tạo [1.3.2.8]. Trung tâm Đảm bảo chất lượng phối hợp với khoa/ viện có chương trình đào tạo tự đánh giá tham mưu Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký và các nhóm viết báo cáo theo từng tiêu chuẩn [1.3.2.9]; lập kế hoạch tự đánh giá [1.3.2.10]; tổ chức họp Hội đồng tự đánh giá để triển khai nhiệm vụ; tiến hành tổ chức tập huấn cho các thành viên trong hội đồng, ban thư ký và các nhóm chuyên trách về tự đánh giá chương trình đào tạo [1.3.2.11]; phổ biến rộng rãi với cán bộ, giảng viên, sinh viên toàn trường về kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo qua việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Nhà trường (iOffice) [1.3.2.12]; Giám sát quá trình thực hiện tự đánh giá của các ngành theo đúng lịch trình, tiến độ đã đề ra. Sau khi báo cáo tự đánh giá hoàn thành, trung tâm công khai kết quả lên trang thông tin điện tử của Nhà trường, hướng dẫn các ngành lập kế hoạch cải tiến chất lượng và làm các thủ tục báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bên liên quan để đánh giá ngoài [1.3.2.13].

Kết quả tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục cũng như chương trình đào tạo được Nhà trường sử dụng để cải tiến chất lượng thông qua việc phát huy các điểm mạnh và khắc phục điểm tồn tại trong kế hoạch cải tiến hằng năm và cho giai đoạn chu kỳ kiểm định [1.3.2.14]. Hoạt động cải tiến được theo dõi, giám sát và có chế độ báo cáo định kỳ với lãnh đạo Nhà trường, đơn vị chủ quản và được công bố công khai nhằm thực hiện cam kết và giải trình với các bên liên quan. Theo báo cáo kết quả cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục năm học 2020 - 2021, Nhà trường đã đạt được 100% kế hoạch cải tiến đề ra theo lộ trình hàng năm, nhiều điểm tồn tại được khắc phục, những điểm tích cực được phát huy rõ rệt giúp Nhà trường đạt được các kết quả đáng ghi nhận. [1.3.2.15].

Trường Đại học Vinh đã thực hiện tự đánh giá cơ sở giáo dục chu kỳ 2 và đã hoàn thành Báo cáo tự đánh giá vào năm 2016 với số tiêu chí đạt yêu cầu là 58/61 (đạt 95,1%) và số tiêu chí chưa đạt yêu cầu là 03/61 (đạt 4,9 %) [1.3.2.16].

Năm 2017, Trường đăng ký đánh giá ngoài cơ sở giáo dục với TT KĐCLGD- ĐH QGHN và được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng vào tháng 11/2017. [1.3.2.17]

Tháng 3 năm 2020, Trường Đại học Vinh hoàn thành Báo cáo giữa kỳ cơ sở giáo dục theo hướng dẫn và gửi kết quả báo cáo giữa kỳ cho Trung KĐCLGD - ĐH QGHN và cơ quan chủ quản Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời xây dựng kế hoạch cải tiến sau báo cáo giữa kỳ giai đoạn 2020-2022

Kế hoạch cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục được thực hiện ngay sau khi hoàn thành đánh giá ngoài và báo cáo giữa kỳ. Kế hoạch cải tiến cơ sở giáo dục được giám sát và có chế độ báo cáo định kỳ cuối mỗi năm học cho lãnh đạo Nhà trường và Bộ chủ quản [1.3.2.18].

Về chương trình đào tạo, đến tháng 12/2021 Trường Đại học Vinh đã hoàn thành tự đánh giá 18/40 CTĐT chiếm 45% số CTĐT của toàn trường theo kế hoạch giai đoạn 2019-2025 [1.3.2.19]. Có 18 CTĐT đã đăng ký đánh giá ngoài với các trung tâm kiểm định chất lượng trong nước và AUN-QA. Các trung tâm KĐCLGD trong nước được Nhà trường chọn gồm: TT KĐCLGD - ĐH QGHN, TT KĐCLGD Đà Nẵng và TT KĐCLGD Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam.

Việc đăng ký đánh giá ngoài với nhiều trung tâm trong nước giúp các CTĐT kiểm tra chéo, bổ sung những ưu điểm, khắc phục những tồn tại mà các trung tâm khuyến nghị để có kế hoạch cải tiến phù hợp [1.3.2.20]. Nhà trường đăng ký 02 CTĐT đánh giá ngoài với tổ chức kiểm định AUN-QA, nhằm thực hiện mục tiêu sứ mệnh mà Nhà trường đã đề ra trở thành thành viên chính thức của AUN, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo [1.3.2.21].

Đến tháng 12/2021, Trường có 18/40 CTĐT thực hiện đánh giá ngoài chiếm 45%, trong đó có 08 CTĐT sư phạm, gồm các ngành: Giáo dục tiểu học, Sư phạm hóa học, Sư phạm Toán học (AUN-QA), Giáo dục Mầm non, Sư phạm Ngữ Văn, Sư phạm Địa lý, Sư phạm Lịch sử, Giáo dục thể chất,. Có 10/18 CTĐT đã nhận giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng, 8/18 CTĐT đang chờ thẩm định kết quả Đánh giá ngoài. Như vậy, so với kế hoạch chiến lược đề ra, Nhà trường đã vượt chỉ tiêu về tự đánh giá đánh giá ngoài CTĐT [1.3.2.22]

Kết quả thực hiện kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo cùng với việc không ngừng cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài đã có tác động tích cực đến mọi mặt hoạt động của Trường Đại học Vinh trong thời gian qua.

Cụ thể Trường Đại học Vinh đạt chất lượng 4 sao theo bộ tiêu chuẩn UPM năm 2020 - một trong những tổ chức đối sánh chất lượng uy tín mang tầm quốc tế. Hai CTĐT của Trường là ngành Sư phạm Toán học đạt 5 sao và Quản trị Kinh doanh đạt 4 sao và theo tiêu chuẩn UPM năm 2021 [1.3.2.23]

Tỷ lệ tuyển sinh năm sau cao hơn năm trước, vượt chỉ tiêu đề ra cụ thể: năm 2020 tuyển sinh được hơn 3.294 sinh viên hệ chính quy, năm 2021 con số đó là 5.538 sinh viên; Trong thời điểm hiện tại, Nhà trường đủ các điều kiện đảm bảo chất lượng để mở thêm nhiều mã ngành mới, một số ngành trước đây ít sinh viên hoặc không tuyển được sinh viên thì hai năm trở lại đây tình trạng đã được cải thiện rõ rệt, đặc biệt là các ngành Sư phạm tỷ lệ tuyển sinh năm 2021 tăng so với năm 2020, như: Sư phạm Vật lý, Sư phạm Toán, Sư phạm Ngữ Văn, Sư phạm Hóa học ... [1.3.2.24]

Điều kiện đảm bảo chất lượng đầu vào năm sau cao hơn năm trước; Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp ngày càng tăng và rút ngắn thời gian; Phản hồi từ các đối tác hợp tác, các nhà tuyển dụng cũng ngày càng tích cực Đại học Vinh ngày càng nhiều và mở rộng cơ cấu ngành nghề...

Cơ sở vật chất, môi trường cảnh quan của Nhà trường được cải tạo và bổ sung hàng

năm. Tỷ lệ sinh viên hài lòng về cơ sở vật chất, hỗ trợ học tập, chương trình đào tạo... ngày càng nâng cao. Đặc biệt, Nhà trường đã có bước chuyển mình kịp thời, tích cực để phù hợp với tình hình thực tiễn trong dạy và học trực tuyến đảm bảo thời gian và tiến độ kế hoạch năm học. Viện Đào tạo trực tuyến được thành lập không chỉ thực hiện đào tạo, bồi dưỡng các chương trình đào tạo của Nhà trường bằng hình thức trực tuyến mà còn giúp Nhà trường trong việc triển khai thực hiện chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hướng tới mục tiêu phát triển Trường Đại học Vinh thành đại học thông minh trong thời gian không xa.

Về mặt cơ cấu tổ chức, Nhà trường đã tiến hành tái cấu trúc giai đoạn 2 thuận lợi, đang từng bước ổn định và chuẩn bị cho mục tiêu cao hơn là tiến tới thành lập Đại học Vinh trong tương lai [1.3.2.25].

2. Điểm mạnh

Hoạt động tự đánh giá, đánh giá ngoài cấp trường và cấp chương trình đào tạo được chuẩn bị kỹ càng, có kế hoạch quy trình rõ ràng, cụ thể.

Kế hoạch TĐG cấp trường và cấp CTĐT đã được hoàn thành theo kế hoạch; đã kiểm tra, đánh giá, 100% khối lượng nội dung đã được hoàn thành, có ít nhất 50% khối lượng hoạt động hoàn thành xuất sắc (tự đánh giá hoàn thành trước thời hạn và đạt 160% định mức đề ra trong kế hoạch chiến lược giai đoạn 2019-2025).

Đánh giá ngoài chương trình đào tạo: có 02 chương trình hoàn thành vượt kế hoạch thời gian trước 6 tháng.

Hoạt động cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài cấp cơ sở giáo dục và cấp CTĐT đã được triển khai và có tác động tích cực góp phần vào việc phát triển Nhà trường ngày càng lớn mạnh.

3. Điểm tồn tại

Số lượng CTĐT giáo viên được đánh giá ngoài và công nhận theo tiêu chuẩn quốc tế còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường số lượng CTĐT giáo viên được đánh giá ngoài và công nhận theo tiêu chuẩn quốc tế	Các đơn vị trong trường	Theo kế hoạch cải tiến	Theo kế hoạch cải tiến
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai tự đánh giá và đánh giá ngoài tất cả các CTĐT bậc đại học và bậc Cao học của Nhà trường	Các đơn vị đào tạo	Theo kế hoạch đã ban hành	Theo kế hoạch đã ban hành

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá					
	①	②	③	④	⑤	⑥
Chỉ số 1.3.2						6

Chỉ số 1.3.3: Trường có một hệ thống thông tin tích hợp để định kỳ thu thập và xử lý dữ liệu về giảng viên và người học.

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh đã và đang thực hiện việc quản lý đội ngũ cán bộ, giảng viên, người lao động, người học, cùng các hoạt động đào tạo, NCKH, tài chính, ĐBCL và các lĩnh vực công việc khác trên hệ thống thông tin tích hợp phù hợp.

Hệ thống thông tin tích hợp của nhà trường được xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm 2007 với phần mềm CMC dùng để quản lý hoạt động đào tạo, quản lý điểm, quản lý tổ chức thi, quản lý công tác sinh viên; phần mềm quản lý cán bộ được sử dụng từ năm 2014; phần mềm quản lý khoa học năm 2010, phần mềm quản lý thư viện ILib năm 2014, ... [1.3.3.1]. Tuy nhiên, việc sử dụng các phần mềm chưa đồng bộ nên đã gây không ít trở ngại cho việc khai thác và tổng hợp dữ liệu. Vì vậy, để đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả trong công tác điều hành, triển khai các nhiệm vụ, cũng như kiểm tra và giám sát các hoạt động của Nhà trường, đầu năm 2017 trong khuôn khổ Chương trình Etep, Trường đã xây dựng đề án Quy hoạch tổng thể hệ thống thông tin Trường Đại học Vinh và giao Trung tâm Công nghệ thông tin đánh giá thực trạng hệ thống thông tin của Trường, đánh giá hiệu quả tích hợp và đề xuất phương án xây dựng [1.3.3.2].

Nhà trường xây dựng phần mềm tổng thể và đưa vào sử dụng các phân hệ quản lý theo lộ trình: Phân hệ LMS, phân hệ Elearning, phân hệ quản lý bồi dưỡng giáo viên, phân hệ Quản lý cán bộ (bao gồm: Quản lý hồ sơ cán bộ, Quản lý tiền lương bảo hiểm, Quản lý định mức lao động, Quản lý kê khai giờ dạy - giờ khoa học, Cổng thông tin cán bộ), phần mềm quản lý thư viện KiPos sử dụng từ năm 2018 [1.3.3.3]; các phân hệ quản lý kế hoạch đào tạo; quản lý học sinh, sinh viên; quản lý điểm; quản lý tổ chức thi, khảo sát các bên liên quan trong và ngoài trường sử dụng từ năm 2020,... [1.3.3.4]. Đặc biệt năm 2021 có tới 55 subweb quảng bá tuyển sinh của từng ngành học kết hợp với hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; Hệ thống và trang đăng ký xét tuyển sinh đại học chính quy trực tuyến từ hệ thống này đã có gần 5000 lượt thí sinh đăng ký và hơn 1800 sinh viên nhập học được đăng ký từ hệ thống này; Hệ thống quản lý và tra cứu bằng, chứng chỉ với ứng dụng mã QR để định danh và tra cứu nhanh văn bằng, chứng chỉ trực tuyến; Phân hệ đăng ký và phê duyệt lịch công tác trực tuyến; Phân hệ phê duyệt và đăng ký ký giấy đi đường trực tuyến; Cổng thông tin cán bộ trên ứng dụng điện thoại [1.3.3.5]; Triển khai Hệ thống hỗ trợ nâng cao chất lượng tài liệu tại địa chỉ

<http://doit.vinhuni.edu.vn> đến nay đã khai báo và kích hoạt cho 4.372 tài khoản của cán bộ, giảng viên và học viên. Hệ thống đã vận hành rà soát trùng lặp cho 27.471 tài liệu [1.3.3.6]. Phần mềm Tạp chí Khoa học điện tử của Nhà trường (<http://tckh.vinhuni.edu.vn>) cũng đang từng bước hoàn thiện và đưa vào sử dụng, thuận tiện cho công tác quản lý, trong đó có hoạt động gửi và công bố bài báo của giảng viên, người học.

Về tốc độ đường truyền, cấu hình phần cứng đáp ứng nhu cầu sử dụng cho người dùng [1.3.3.7]. Hệ thống máy chủ, đường truyền thường xuyên được bảo dưỡng, nâng cấp thông qua các kế hoạch năm học của Trung tâm CNTT [1.3.3.8].

Tất cả cán bộ, giảng viên của trường đều có một tài khoản riêng (trong địa chỉ <http://canbo.vinhuni.edu.vn>) để quản lý lý lịch cá nhân, giờ dạy, kê khai giờ khoa học, xem thời khóa biểu và cập nhật điểm quá trình cho sinh viên bằng máy tính hoặc ứng dụng điện thoại thông minh [1.3.3.9]. Về công tác nghiên cứu khoa học, Trường có hệ thống thông tin quản lý lý lịch khoa học và công trình khoa học, bài báo của cán bộ, viên chức toàn trường qua đó nắm được tình hình nghiên cứu khoa học trong trường do Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế quản lý [1.3.3.10]. Đối với mỗi sinh viên, học viên của Trường đều được cấp một tài khoản để có thể truy cập xem thông tin về đăng ký học, thời khóa biểu, điểm, lịch thi, các thông báo từ trường, các khảo sát,... các khóa học từ năm 2020 (K60) trở về trước sẽ dựng trên Hệ thống phần mềm do Công ty CMC cung cấp, từ khóa học năm 2020 (K61) trở về, Nhà trường sử dụng trên Hệ thống phần mềm do công ty Trí Nam cung cấp [1.3.3.11]. Các phần mềm khi đưa vào sử dụng đều được Nhà trường phối hợp với các bên liên quan tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng và phổ biến đến toàn thể CBVC, sinh viên, học viên [1.3.3.12].

Mỗi học kỳ, Phòng CTCT HSSV là đơn vị chịu trách nhiệm lên kế hoạch khảo sát về công tác giảng dạy, công tác hỗ trợ và cơ sở vật chất của Nhà trường thông qua khảo sát người học, qua đó nắm được tình hình cơ sở vật chất nói chung và mức độ đáp ứng của hệ thống thông tin của Nhà trường với người học [1.3.3.13]. Từ năm học 2020-2021, Trường đã tiến hành khảo sát ý kiến người học bằng hình thức online đối với sinh viên, học viên các loại hình đào tạo sau đại học, bồi dưỡng, văn bằng 2, vừa làm vừa học và các bên liên quan ngoài trường để cải tiến để cải tiến các hoạt động của Nhà trường trong đó có hệ thống thông tin tích hợp [1.3.3.14]. Các số liệu trong quá trình thu thập ý kiến được xử lý trên phần mềm khảo sát và có báo cáo đánh giá từ đó Nhà trường đưa ra các Kế hoạch cải tiến phù hợp. Kết quả cho thấy trên 90% người được hỏi hài lòng với công tác hỗ trợ và cơ sở vật chất của Nhà trường trong đó có hệ thống thông tin tích hợp [1.3.3.15] [1.3.3.16].

Ngoài ra còn một số chức năng trong Hệ thống thu thập thông tin chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong tình hình mới.

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường có hệ thống thông tin tổng thể tích hợp để thu thập, xử lý dữ liệu về giảng viên và người học. Các hợp phần/phân hệ của hệ thống kết nối, đảm bảo truy xuất

dữ liệu thống nhất, nhanh chóng, thuận lợi.

- Tốc độ đường truyền, cấu hình phần cứng đã đáp ứng yêu cầu thu thập, xử lý dữ liệu về giảng viên và người học.

- Trường có hệ thống cơ sở dữ liệu và xử lý kết quả khảo sát người học về hoạt động giảng dạy có tính đồng bộ.

3. Điểm tồn tại:

Một số chức năng trong Hệ thống thu thập thông tin chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong tình hình mới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện Hệ thống thu thập thông tin để đáp ứng yêu cầu người dùng.	TT CNTT	12/2021	30/12/2022
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát dữ liệu và cải tiến CSDL về giảng viên và người học theo hướng quản lý đảm bảo chất lượng	TT CNTT	Hàng năm	Hàng năm
3		Định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng phần cứng nhằm đáp ứng tốt các hoạt động của hệ thống thông tin Nhà trường.	- TCCB - CTCT&HSSV - HTSV&QHDN	Hàng năm	Hàng năm

5. Điểm TĐG

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.3.3						6	

Chỉ số 1.3.4: Trường có hệ thống thu thập phản hồi từ các bên liên quan về trải nghiệm và tiến bộ học tập; có phương pháp thu thập, phân tích phản hồi và sử dụng kết quả phân tích để cải tiến việc dạy học.

1. Mô tả

Nhà trường có Hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về trải nghiệm và tiến bộ học tập từ năm học 2016 [1.3.4.1]. Theo chức năng nhiệm vụ của Nhà trường việc thu thập thông tin từ người học được giao cho Phòng CTHSSV, đối với cựu người học và nhà tuyển dụng là Trung tâm HTSV&QHDN, đối với đội ngũ cán bộ giảng

viên là Phòng TCCBNhà trường đã thiết kế 12 bộ công cụ khảo sát dành cho người học, 01 bộ công cụ dành cho cựu người học, 01 bộ công cụ dành nhà tuyển dụng và 02 bộ công cụ dành cho đối tượng cán bộ, giảng viên [1.3.4.2], [1.3.4.3]. Năm 2021, Nhà trường đã thực hiện thu thập, phân tích thông tin phản hồi của các bên liên quan về trải nghiệm và tiến bộ học tập của người học thông qua phân hệ Khảo sát trực tuyến thuộc Hệ thống thông tin của trường [1.3.4.4].

Hệ thống Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Trợ lý quản lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm thường xuyên hỗ trợ công tác khảo sát, Nhà trường đã tiến hành khảo sát các đối tượng liên quan gồm: người học, cựu người học, cán bộ, giảng viên, nhà tuyển dụng,... [1.3.4.5]. Bên cạnh đó, Nhà trường thông qua Bộ phận Truyền thông để tiếp nhận giải đáp kịp thời thông tin phản hồi của các bên liên quan qua Subweb, facebook [1.3.4.6] và Bộ phận Một cửa để giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của người học, trong đó có khiếu nại về kết quả học tập, các khiếu nại có quy trình thực hiện và được giải đáp nhanh chóng, đảm bảo đúng quy chế [1.3.4.7]. Năm 2021, Nhà trường đã xây dựng 55 subweb quảng bá tuyển sinh cho từng ngành học kết hợp với hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; Hệ thống và trang đăng ký xét tuyển sinh đại học chính quy trực tuyến từ hệ thống này đã có gần 5000 lượt thí sinh đăng ký và hơn 1800 sinh viên nhập học được đăng ký từ hệ thống này; Hệ thống quản lý và tra cứu bằng, chứng chỉ với ứng dụng mã QR để định danh và tra cứu nhanh văn bằng, chứng chỉ trực tuyến; App Công thông tin cán bộ ứng dụng cho điện thoại thông minh [1.3.4.8];

Ngoài ra, để giám sát sự tiến bộ của người học Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thi Test online cho 85% các học phần thi giữa kỳ; Thi kết thúc học phần cho gần 60% học phần của sinh viên năm thứ nhất và thứ 2, hơn 25% học phần của sinh viên năm thứ 3 và thứ 4 [1.3.4.9]. Sau mỗi đợt thi, TT ĐBCL sẽ thống kê và phân tích phổ điểm của sinh viên theo từng học phần; phân tích bộ đề thi từng học phần về độ tin cậy, độ khó, độ phân biệt, ... của câu hỏi và được gửi về Khoa/Viện/Bộ môn nắm bắt tình hình kết quả học tập của sinh viên, cũng như đánh giá sự phù hợp của từng câu hỏi/đề thi qua đó điều chỉnh công tác giảng dạy và điều chỉnh đề thi phù hợp [1.3.4.10], [1.3.4.11]. Với sinh viên, qua kết quả đánh giá thì có thể biết được mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của mình qua đó điều chỉnh học tập phù hợp với các chuẩn ra yêu cầu [1.3.4.12].

Mỗi học kỳ, Nhà trường tiến hành tổ chức Hội nghị dân chủ sinh viên, Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng và sinh viên, tổng kết tháng rèn nghề hay tổng kết đợt học kỹ năng, đợt thực tập, kiến tập sư phạm để có thể phản hồi các ý kiến về trải nghiệm và tiến bộ học tập [1.3.4.13] [1.3.4.14].

Thông qua kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan, nhà trường tổ chức tổng kết, viết báo cáo và gửi các kết quả cho các bên liên quan được khảo sát như giảng viên, các đơn vị hành chính trong toàn trường, ban lãnh đạo trường, các Khoa/Viện/Trường trực

thuộc, ... làm căn cứ cho việc rà soát, cải tiến các hoạt động của các đơn vị và Nhà trường [1.3.4.15]. Đồng thời, phản hồi của các bên liên quan là một trong những căn cứ quan trọng để Nhà trường đánh giá, phân tích xu hướng thay đổi trong kết quả học tập và rèn luyện của người học, từ đó đề xuất các giải pháp để hỗ trợ người học cải tiến, nâng cao thành tích học tập, giảm tỉ lệ thôi học, buộc thôi học và tỉ lệ người học bị cảnh báo học vụ, nâng cao tỉ lệ và chất lượng sinh viên tốt nghiệp...

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có Hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về trải nghiệm và tiến bộ học tập.

- Trường sử dụng đa dạng các phương pháp thu thập, phản hồi, trong đó có ứng dụng công nghệ thông tin/phần mềm chuyên dụng.

- Kết quả khảo sát được phân tích và sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Chưa có sự liên kết giữa phần mềm phân tích câu hỏi, đề thi với cổng thông tin cán bộ để đề trả kết quả phân tích phổ điểm và đề thi đến cán bộ giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cấp cổng thông tin cán bộ và phần mềm phân tích phổ điểm, đề thi.	Trung tâm CNTT Trung tâm ĐBCL	12/2021	12/2022
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ thu thập và xử lý dữ liệu về các bên liên quan	- TCCB - CTCT&HSSV - DVHTSV&QHĐN	Hàng năm	Hàng năm
3		Sử dụng kết quả khảo sát để cải tiến việc dạy học và các hoạt động hỗ trợ khác của Trường	Phòng TCCB Các khoa/Viện đào tạo	Hàng năm	Hàng năm

5. Điểm TĐG

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.3.4						6	

Điểm tự đánh giá tiêu chí 3

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.3.1						6	
Chỉ số 1.3.2						6	
Chỉ số 1.3.3						6	
Chỉ số 1.3.4						6	
Điểm tiêu chí 3	6.0						

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 1

STT	Tiêu chí	Mức đánh giá
1	Tiêu chí 1	6.0
2	Tiêu chí 2	6.0
3	Tiêu chí 3	6.0
ĐIỂM TIÊU CHUẨN		6.00

Tiêu chuẩn 2

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tiêu chí 4: Phát triển chương trình

2.4.1. Các quy trình thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng gắn với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của trường và nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả

Từ năm 2019, Nhà trường đã ban hành quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ [2.4.1.1]. Trong năm 2020 và 2021, quy trình này tiếp tục được rà soát, cập nhật, cụ thể hóa các bước triển khai để các quy trình thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng gắn với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của trường và nhiệm vụ được giao; phù hợp với Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT và Quy định đào tạo trình độ đại học từ năm học 2021 - 2022 của Trường [2.4.1.2]. Để ban hành, các quy trình này đều được phản biện, góp ý bởi Ban nghiên cứu lý luận CDIO của Trường [2.4.1.3].

Trong năm 2021, Nhà trường đã phê duyệt 48 đề tài, đề án trọng điểm cấp Trường, trong đó có 15 đề tài, đề án cho tất cả 15 ngành Sư phạm để “Rà soát, cập nhật mục tiêu, chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và chiến lược của Trường”; đồng thời tổ chức các tổ kiểm tra để giám sát, tư vấn giúp các đề tài/đề án thực hiện đúng theo các hướng dẫn đã ban hành [2.4.1.4]. Kết quả nghiệm thu sản phẩm mục tiêu, chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo của cho thấy các chương trình đào tạo giáo viên đã gắn với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của trường và nhiệm vụ được giao [2.4.1.5]. Tuy nhiên, dựa trên kết quả đã đạt được trong năm 2021 và rà soát lại quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, Nhà trường đã ban hành Khung chuẩn đầu ra các ngành đào tạo giáo viên thay thế cho Đề cương CDIO trong quy trình phát triển chương trình đào tạo nhằm đảm bảo tính thống nhất về các năng lực cần đạt được cho sinh viên các ngành sư phạm của Trường [2.4.1.6]. Khung chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo giáo viên được ban hành, trở thành cơ sở giáo dục đầu tiên trên cả nước có Khung chuẩn đầu ra chung. Chương trình đào tạo giáo viên trình độ đại học của Nhà trường sau khi rà soát, cập nhật có mục tiêu, chuẩn đầu ra được thiết kế tiệm cận chuẩn quốc tế. Khung chương trình hiện đại, linh hoạt, tăng cường các chuỗi đồ án môn học theo 2 hướng: định hướng khoa học cơ bản với chuỗi 3 đồ án và định hướng năng lực sư phạm với chuỗi 4 đồ án xuyên suốt từ năm thứ nhất đến năm thứ 4.

Về các chương trình bồi dưỡng, Nhà trường thực hiện theo các nhiệm vụ của chương trình ETEP để xây dựng, tham gia xây dựng tài liệu bồi dưỡng [2.4.1.7], thực hiện chuyển giao các sản phẩm của chương trình ETEP cho các trường phổ thông [2.4.1.8]. Quá trình thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình bồi dưỡng,

ngoài việc bám sát nhiệm vụ được giao, Nhà trường triển khai, rà soát, cập nhật các chương trình bồi dưỡng thông qua kết quả khảo sát, đánh giá sau mỗi đợt bồi dưỡng.. Các chương trình bồi dưỡng giáo viên có nội dung phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Nhà trường và nhiệm vụ đào tạo giáo viên được giao. Trong quá trình thực hiện trường đã tiến hành rà soát và điều chỉnh chương trình bồi dưỡng cho phù hợp với bối cảnh hiện nay và nhu cầu xã hội. Nhà trường triển khai hợp tác với 62 trường vệ tinh để thực hiện bồi dưỡng giáo viên cốt cán cho các địa phương theo kế hoạch, chương trình và tài liệu do Ban quản lý ETEP quy định [2.4.1.9]

Năm 2021, Nhà trường chủ trương cải tiến CTĐT bậc sau đại học theo tiếp cận CDIO [2.4.1.10]. Quy trình thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh các CTĐT được áp dụng như đối với các chương trình đào tạo trình độ đại học nhằm tạo ra sự thống nhất, liên thông dọc giữa các CTĐT của Nhà trường [2.4.1.11].

2. Điểm mạnh

Quy trình thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo được thiết kế khoa học, rõ ràng, gắn với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Trường.

Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đầu tiên trên cả nước có Khung chuẩn đầu ra chung.

Việc thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình bồi dưỡng của Nhà trường được tiến hành đồng bộ

3. Điểm tồn tại

Thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo sau đại học đang triển khai chưa hoàn chỉnh.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn chỉnh thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo sau đại học	Phòng ĐT SDH	01/2022	12/2022
2	Phát huy điểm	Huy động tối đa sự tham gia của các nhà khoa học, các chuyên gia xây dựng chương trình vào quá trình cải	Phòng Đào tạo	01/2022	12/2022

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
	mạnh	tiến quy trình thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh CTĐT đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông tổng thể của Bộ GD-ĐT.			
		Huy động tối đa nguồn lực từ các trường phổ thông vệ tinh để nâng cao chất lượng đào tạo, nâng chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học	Phòng Đào tạo Trung tâm BDNVSP	1/2022	12/2022

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 2.4.1						6	

Chỉ số 2.4.2. Các CTĐT và chương trình bồi dưỡng giáo viên được phát triển đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, thể hiện tính hệ thống và nhất quán.

1. Mô tả

Năm 2021, 15/15 chương trình đào tạo giáo viên của Nhà trường đã hoàn thành việc rà soát cập nhật mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT theo hướng tinh gọn, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và triết lý giáo dục của Nhà trường, tương thích với khung trình độ quốc gia, chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn AUN-QA và các kỹ năng toàn cầu của sinh viên thế kỷ 21 theo diễn đàn kinh tế thế giới (WEF, 2017) [2.4.1.4], [2.4.1.5]. Đến nay, Trường Đại học Vinh là trường duy nhất trong số các trường sư phạm Ban hành Khung chuẩn đầu ra cho khối ngành sư phạm với sự đối sánh với Khung trình độ quốc gia, Chuẩn CTĐT theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, Chuẩn AUN-QA,... nhằm đảm bảo tính hệ thống và nhất quán cho tất cả các chương trình đào tạo giáo viên của Trường [2.4.1.6].

Vào năm 2017, trong quá trình triển khai xây dựng chương trình đào tạo tiếp cận CDIO, Nhà trường đã triển khai lấy ý kiến trực tiếp bằng phiếu. Thực hiện Kế hoạch phát triển CTĐT tiếp cận CDIO kèm theo QĐ 06/KH-ĐHV ngày 03/1/2020, việc lấy ý kiến tham vấn các bên liên quan được triển khai linh hoạt hơn, bao gồm cả trực tiếp và trực tuyến [2.4.2.1]. Số liệu khảo sát được xử lý và sử dụng để điều chỉnh, hoàn thiện chuẩn

đầu ra đáp ứng nhu cầu các bên liên quan [2.4.2.2].

Các CTĐT giáo viên của Nhà trường đều được xây dựng dựa trên Chuẩn chương trình đào tạo [2.4.2.3] , thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra, đảm bảo sự tương thích giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá [2.4.2.4] đáp ứng sự liên thông giữa các loại hình đào tạo, phương thức đào tạo và giữa các trình độ đào tạo, bao gồm: Liên thông giữa trình độ đào tạo từ cao đẳng lên đại học; liên thông giữa các khối kiến thức của các ngành đào tạo (kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành,...); liên thông với các ngành đào tạo của các trường đại học khác [2.4.2.5] thể hiện tính hệ thống và nhất quán.

Chương trình bồi dưỡng của trường Đại học Vinh được xây dựng nhằm đáp ứng mục tiêu của chương trình ETEP, đảm bảo sự thống nhất, đáp ứng các bên liên quan. Trong quá trình triển khai, các ý kiến phản hồi của các bên liên quan được phân tích để cải tiến nội dung, phương pháp tổ chức của chương trình bồi dưỡng [2.4.2.6]

Năm 2021, tất cả chương trình đào tạo giáo viên của Nhà trường được thiết kế dựa trên đề cương CDIO và Khung chuẩn đầu ra nhóm các ngành sư phạm [2.4.2.7]. Tất cả chương trình đào tạo các ngành giáo viên trình độ đại học được hoàn thiện. Nhà trường hoàn thành 100% nội dung hoàn thiện CTĐT các ngành đào tạo giáo viên của Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo tiếp cận CDIO ban hành theo QĐ số 06/QĐ-ĐHV ngày 03/01/2020. Để tăng kỹ năng cho sinh viên trong thời đại chuyển đổi số, Nhà trường đã đưa vào chuẩn đầu ra về Công nghệ thông tin cao hơn quy định hiện hành của quốc gia và đã được phân nhiệm vào trong các CTĐT;[2.4.2.8].

Đối với CTBD, Trường đã nghiên cứu, phân tích nhu cầu bồi dưỡng của giáo viên và CBQL ở các CSGD phổ thông trong từng giai đoạn để thiết kế CTBD mới cũng như điều chỉnh các CTBD hiện hành nhằm đáp ứng nhu cầu của họ phù hợp với những thay đổi trong giáo dục, cũng như xu hướng xã hội, đặc biệt các CTBD đáp ứng CTPT2018. Từ đó thiết kế nội dung các CTBD phục vụ nhu cầu BD của GV và CBQL các CSGD phổ thông. Cụ thể năm 2020, Trường đã xây dựng được các chương trình, tài liệu BD như: Tài liệu phát triển chương trình giáo dục nhà trường cấp Tiểu học, cấp THCS, cấp THPT; Tài liệu Nâng cao năng lực giảng dạy thực hành - thí nghiệm môn khoa học tự nhiên cho giáo viên THCS một số tỉnh Bắc Trung Bộ đáp ứng yêu cầu chương trình phổ thông 2018; Tài liệu hướng dẫn Thiết kế nội dung chủ đề và hướng dẫn dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lý cấp trung học cơ sở trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; Tài liệu bồi dưỡng giáo viên phổ thông của các trường về tinh về kỹ năng sư phạm để thiết kế bài giảng, thực hành môn học theo Chương trình GDPT 2018 và Sách Giáo khoa được lựa chọn; Tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý về Quản trị nhà trường Tiểu học, THCS, THPT; Tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên về Văn hóa nhà trường Tiểu học, THCS, THPT... [2.4.2.9]

Trước khi ban hành CTĐT, CTBD nhà trường đã gửi các tài liệu tới các bên liên quan, tổ chức các hội nghị tham vấn để xin ý kiến góp ý. Ý kiến góp ý của các bên liên

quan về CTĐT, CTBD đã được Nhà trường tiếp nhận, phân tích và sử dụng chỉnh sửa bổ sung và hoàn thiện CTĐT, CTBD của Nhà trường. [2.4.2.10]

Ngoài ra, các bên liên quan còn được Nhà trường mời tham gia vào hội đồng thẩm định và nghiệm thu các CTĐT, CTBD [2.4.2.11].

Tuy nhiên, việc lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT và CTBD chưa được triển khai trên diện rộng, đặc biệt đối với CTĐT Sau đại học. Vì vậy, từ năm 2021 Nhà trường sẽ triển khai xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT và CTBD trên phạm vi rộng hơn.

2. Điểm mạnh

- CTĐT và CTBD của Nhà trường được xây dựng và phát triển theo quy trình khoa học, rõ ràng, do đó đảm bảo tính thống nhất và nhất quán.

- Quá trình xây dựng và phát triển các CTĐT trình độ đại học và CTBD đều có sự tham gia tích cực của các bên liên quan, do vậy CTĐT và CTBD của Nhà trường đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT và CTBD chưa được triển khai trên diện rộng, đặc biệt đối với CTĐT Sau đại học.

Việc lấy ý kiến về CTĐT, CTBD chưa được thực hiện đầy đủ các bên liên quan.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát đầy đủ các bên liên quan về CTĐT, CTBD.	Phòng ĐT Phòng ĐT SĐH TT BDNVSP TT GDTX Khoa/viện TT ĐBCL TT HTSV&QHDN	02/01/2021	31/12/2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến quy trình xây dựng và phát triển CTĐT, CTBD đảm bảo tính thống nhất, tính nhất quán	Phòng ĐT Phòng ĐT SĐH TT BDNVSP TT GDTX Khoa/viện TT ĐBCL TT HTSV&QHDN	02/01/2021	31/12/2021

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
		Phân tích, sử dụng dữ liệu góp ý của các bên liên quan để không ngừng cải tiến CTĐT, CTBD ngày càng linh hoạt hơn đáp ứng nhu cầu của xã hội	Phòng ĐT Phòng ĐT SĐH TT BDNVSP TT GDTX Khoa/viện TT ĐBCL TT HTSV&QHDN	02/01/2021	31/12/2021

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 2.4.2						6	

2.4.3. Chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng giáo viên được định kỳ rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung với sự tham gia của các bên liên quan.

1. Mô tả

Từ năm 2016, Trường Đại học Vinh đã triển khai thực hiện CTĐT theo tiếp cận CDIO, quy trình đào tạo CDIO bắt đầu từ việc xác định mục tiêu đào tạo, xây dựng chuẩn đầu ra và căn cứ vào chuẩn đầu ra để thiết kế chương trình. Quy trình này được xây dựng đảm bảo tính khoa học và tính thực tiễn chặt chẽ với sự tham gia của các bên liên quan bao gồm nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên, giảng viên, các nhà khoa học. Chuẩn đầu ra theo mô hình CDIO được xây dựng dựa vào việc khảo sát, nghiên cứu kỹ yêu cầu thị trường lao động [2.4.3.1].

Năm 2018, để đảm bảo việc rà soát, đánh giá, chỉnh sửa, bổ sung với sự tham gia của các bên liên quan và sự phát triển của xã hội, Nhà trường đã ban hành Quy trình xây dựng và phát triển CTĐT; Quy định đã ghi rõ: “Ít nhất 2 năm một lần, Trường các khoa/viện phải tổ chức đánh giá CTĐT theo quy định từ bước 1 đến bước 4 của Quy trình cập nhật, đánh giá, phát triển CTĐT”, đồng thời việc rà soát điều chỉnh CTĐT phải dựa vào “những thay đổi trong quy định của nhà nước, của nhà trường về CTĐT; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến CTĐT; phản hồi của các bên liên quan” [2.4.3.2].

Năm 2021, Thực hiện kế hoạch phát triển CTĐT theo CDIO giai đoạn 2020 – 2022, Nhà trường tiếp tục tiến hành rà soát, cập nhật tất cả các CTĐT của nhà trường, trong đó có 15 CTĐT giáo viên. Nhà trường chú trọng tham vấn các bên liên quan bằng nhiều hình thức, như: Tham vấn bằng phiếu, trực tiếp và tổ chức các Hội nghị tham vấn các bên liên quan, trong đó có Hội nghị tổng kết 4 năm xây dựng và phát triển CTĐT theo tiếp cận

CDIO; Hội nghị đã đánh giá lại kết quả 4 năm triển khai xây dựng và tổ chức đào tạo CTĐT theo tiếp cận CDIO và mức độ đáp ứng của CTĐT với nhu cầu nghề nghiệp của các bên liên quan. Qua quá trình rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung với sự tham gia của các bên liên quan, Nhà trường đã ban hành Khung chuẩn đầu ra CTĐT các ngành đào tạo giáo viên, mục tiêu CTĐT, chuẩn đầu ra CTĐT, Khung CTĐT, Mô tả khung CTĐT, đề cương chi tiết học phần của tất cả 15 ngành sư phạm và đã được sử dụng để tổ chức đào tạo từ năm học 2021 - 2022 [2.4.3.3].

Song song với việc cải tiến chương trình đào tạo đại học thì chương trình bồi dưỡng và CTĐT SDH cũng được định kỳ rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung [2.4.3.4]

2. Điểm mạnh

- Các CTĐT, CTBD của Nhà trường đều được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên các quy trình, kế hoạch.

- Quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh và phát triển các CTĐT, CTBD của Nhà trường đều có sự tham gia của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

- Sự tham gia của các bên liên quan về việc điều chỉnh CTĐT sau đại học chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch, tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan để rà soát, điều chỉnh và phát triển các CTĐT sau đại học thường xuyên	Phòng ĐT SDH TT HTSV-QHDN Khoa/viện		Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cải tiến và phát triển CTĐT, CTBD theo quy định của Trường.	Phòng ĐT TT BDNVSP TT ĐBCL TT HTSV-QHDN Khoa/viện		Hàng năm
		Tăng cường tổ chức các Hội nghị tham vấn các bên liên quan về CTĐT, CTBD thường xuyên.	Phòng ĐT TT BDNVSP TT ĐBCL TT HTSV-QHDN Khoa/viện		Hàng năm

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 2.4.3						6	

Điểm tự đánh giá tiêu chí 4

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 2.4.1						6	
Chỉ số 2.4.2.						6	
Chỉ số 2.4.3.						6	
Điểm tiêu chí 4	6.0						

Tiêu chí 5: Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện

Chỉ số 2.5.1. Nội dung chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra, gắn kết với chuẩn nghề nghiệp, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật, tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế.

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh cải tiến các chương trình đào tạo bậc đại học theo hướng phát triển năng lực của người học từ năm 2016. Trong đó, chuẩn đầu ra các CTĐT được thiết kế dựa trên đề cương CDIO gồm 4 phần tương đương với 4 trụ cột cho giáo dục của UNESCO. Trong năm 2021, Nhà trường đã tổ chức rà soát, chỉnh sửa mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình và đề cương chi tiết học phần của tất cả 15 ngành Sư phạm để đảm bảo rằng nội dung chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra, gắn kết với chuẩn nghề nghiệp, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật, tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế [2.4.1.4], [2.4.1.5].

Nhà trường đã ban hành Khung chuẩn đầu ra chương trình đào tạo giáo viên Trường Đại học Vinh để làm cơ sở cho các khoa đào tạo thực hiện quy trình cải tiến liên tục các chương trình đào tạo giáo viên. Văn bản này đã đối sánh, thể hiện rõ sự gắn kết với chuẩn nghề nghiệp giáo viên, đảm bảo sinh viên sư phạm Trường Đại học Vinh khi tốt nghiệp đạt được các kỹ năng chung cần thiết cho nghề nghiệp giáo viên và các năng lực đặc thù của sinh viên sư phạm Trường Đại học Vinh. Khung chuẩn đầu ra quy định mức năng lực tối thiểu cần đạt của sinh viên tốt nghiệp ở tất cả các ngành đào tạo giáo viên của Nhà trường, đảm bảo mức Đạt ở tất cả tiêu chí, mức Khá ở nhiều tiêu chí theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông ban hành theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT và chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ban hành theo Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT [2.5.1.1].

Để đảm bảo tính khoa học, phù hợp giữa 3 thành tố: Chuẩn đầu ra CTĐT - Hoạt động dạy học - Kiểm tra đánh giá, trong năm 2021, cấu trúc CTĐT của tất cả các ngành được thay đổi đáng chú ý nhất là xây dựng chuỗi 7 học phần dạy học dựa vào dự án với

tổng số 30 tín chỉ, trong đó có 3 học phần tập trung cho các dự án khoa học cơ bản của bộ môn và 4 học phần tập trung cho các dự án về khoa học giáo dục [2.5.1.2]. Trong số 7 học phần này, học phần Nhập môn ngành Sư phạm đã được triển khai trong học kỳ 1, năm học 2021 - 2022; đã đưa hơn 2000 sinh viên sư phạm thực hiện dự án có trải nghiệm ở trường phổ thông và có sự tham gia của giáo viên phổ thông [2.5.1.3]. Nội dung chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra thể hiện qua ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra cho các học phần và Mô tả về lộ trình phát triển năng lực của các chuẩn đầu ra qua các học phần [2.5.1.4]. Phương pháp học tập chủ động được phát huy thông qua việc sinh viên thực hiện các dự án học phần; đồng thời tích hợp đào tạo các kỹ năng đáp ứng 16 kỹ năng toàn cầu theo Diễn đàn kinh tế thế giới; các chủ đề cho các dự án học phần bám sát yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 với quy trình 4 bước: Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai – Vận hành kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục và đề tài nghiên cứu khoa học [2.5.1.5].

Khối lượng số tín chỉ cho các CTĐT không thay đổi nhưng số giờ dạy thực tế đã được cập nhật phù hợp với Thông tư 08, cụ thể là số tiết thực tế giảng dạy 1 tín chỉ thực hành đã được tăng từ 24 tiết lên 30 tiết; thời lượng sinh viên trải nghiệm được tăng lên thông qua các học phần dự án; Phương pháp kiểm tra - đánh giá theo chuẩn đầu ra được xem là một bước đột phá quan trọng, được quy định chính thức trong Quy định đào tạo trình độ đại học của Nhà trường. Thông qua các học phần dạy học dự án, sinh viên sư phạm được tăng cường thời gian trải nghiệm thực tiễn (3 lần xuống trường phổ thông), cùng với giảng viên sư phạm hỗ trợ giáo viên và học sinh phổ thông giải quyết những vấn đề khó hiện nay ở trường phổ thông (tổ chức dạy học theo tiếp cận năng lực, kiểm tra đánh giá, chuyển đổi số trong trường học); Quy trình cải tiến liên tục ở cấp độ học phần và cấp độ chương trình đào tạo được quy định với sự phân nhiệm cụ thể cho giảng viên và các đơn vị chức năng của Nhà trường [2.5.1.6]

Năm 2021, song song với việc tổ chức rà soát, chỉnh sửa mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình và đề cương chi tiết học phần, Nhà trường đã tổ chức tập huấn và bổ sung mô hình tổ chức dạy học đảo ngược (Flipped Learning) và hỗn hợp (Blended Learning) vào mô hình CDIO hiện có thành 2 phiên bản (CFB và CFO) tăng cường. Nhà trường đã thiết kế lại chương trình dạy học của các mô hình CFB/CFO có chuỗi các học dự án (Problem Based Learning) theo cả khối khoa học cơ bản và khoa học giáo dục (mỗi học kỳ có 1 học phần, triển khai từ năm thứ nhất) [2.5.1.7].

Năng lực dạy học dựa vào dự án của giảng viên chưa đồng đều để đáp ứng được yêu cầu sự đổi mới các chương trình đào tạo.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã cải tiến mạnh mẽ chuẩn đầu ra CTĐT của các ngành đào tạo giáo viên đáp ứng được tất cả 15 tiêu chí của Tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục tiểu học ở mức Đạt và mức Khá và các yêu cầu khác của các bên liên quan;

Mục tiêu dạy học của các học phần đã cân đối được giữa các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ; phương pháp dạy học đúng theo nguyên tắc lấy người học làm trung tâm; đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa vào chuẩn đầu ra với các công cụ kiểm tra - đánh giá phù hợp.

3. Điểm tồn tại

Năng lực dạy học dựa vào dự án của giảng viên chưa đồng đều để đáp ứng được yêu cầu sự đổi mới các chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức bồi dưỡng năng lực dạy học dựa vào dự án cho giảng viên	- Phòng đào tạo. - Các Khoa/viện - Phòng đào tạo SĐH - Trung Tâm BDNVSP - Trung tâm GDTX	12/2021	8/2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy định xây dựng và nội dung CTĐT, chương trình bồi dưỡng	- Các Khoa/viện - Phòng Đào tạo SĐH - Trung Tâm BDNVSP - Trung tâm GDTX	1/2022	3/2022
		Hoàn thiện nội dung chương trình bồi dưỡng và chương trình sau đại học	- Các Khoa/viện - Phòng Đào tạo SĐH - Trung Tâm BDNVSP - Trung tâm GDTX	4/2022	12/2022

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 2.5.1						6	

Chỉ số 2.5.2. Chương trình thể hiện tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho người học có đầy đủ năng lực và phẩm chất để thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học.

1. Mô tả

Các chương trình đào tạo giáo viên của Nhà trường được xây dựng theo định hướng tiếp cận CDIO, đáp ứng Khung trình độ quốc gia, chuẩn CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào

tạo và chuẩn nghề nghiệp giáo viên [2.5.2.1]. Mặc dù Thông tư số 07/2015/TT- BGDDT không quy định cụ thể về tỉ lệ lý thuyết và thực hành, nhưng việc bám sát 12 tiêu chuẩn của CDIO giúp các chương trình đào tạo giáo viên của Nhà trường đảm bảo sự hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, tích hợp kỹ năng, đảm bảo người học được trải nghiệm và hình thành được 4 trụ cột của CDIO gồm: Kiến thức và lập luận ngành; Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp; Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; Kỹ năng Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học [2.5.2.2].

Cấu trúc của CTĐT các ngành đào tạo giáo viên của Nhà trường được thiết kế đảm bảo các khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Khung tỷ lệ lý thuyết/thực hành/đồ án được xây dựng dựa trên dữ liệu tham vấn các bên liên quan thông qua các hình thức khảo sát trực tuyến, Tổ chức Hội nghị tham vấn trực tiếp, tham vấn ý kiến các chuyên gia thông qua Hoạt động Kiểm định các Chương trình đào tạo [2.4.2.3]. Tất cả 15/15 CTĐT đào tạo giáo viên được thiết kế thành chuỗi 7 học phần đồ án [2.5.2.4] với học phần Nhập môn sư phạm ở năm thứ nhất đến học phần Thực tập và đồ án tốt nghiệp ở năm thứ 4 giúp sinh viên trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm theo 02 hướng: trải nghiệm về khoa học cơ bản tích hợp kỹ năng nghiên cứu khoa học (3 học phần), trải nghiệm khoa học giáo dục tích hợp các kỹ năng cá nhân và liên nhân của giáo viên tương lai (4 học phần) [2.5.2.5] Sự tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá được thực hiện đồng bộ nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra [2.5.2.6]

Chương trình bồi dưỡng được xây dựng với tham gia/tham vấn của các Sở GD-ĐT, các cán bộ quản lý trường phổ thông, đảm bảo sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành thảo luận, bài tập đáp ứng các yêu cầu cần thiết của chương trình bồi dưỡng ngắn hạn [2.5.2.7].

Các hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cũng được Nhà trường chú trọng như: Tổ chức tháng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (NVSP); Hội thi NVSP; thực tập sư phạm; các câu lạc bộ cho sinh viên, Nhà trường có các không gian mở để SV sư phạm sinh hoạt câu lạc bộ, tập giảng, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

Đặc biệt Nhà trường có 62 trường phổ thông vệ tinh là những địa chỉ thực tập sư phạm giúp cho các giáo viên tương lai được thực hành nghề nghiệp liên tục trong suốt quá trình học tập là điều kiện tốt để sinh viên học hỏi, vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống sư phạm thực tế nhằm nâng cao kiến kỹ năng về nghiệp vụ sư phạm và phát triển năng lực chuyên môn, các kỹ năng mềm cho người học một cách toàn diện. Trường ĐHV sẽ đầu tư hệ thống học tập LMS cho các trường vệ tinh để triển khai dạy học chương trình giáo dục phổ thông 2018, gắn với mô hình tổ chức dạy học đảo ngược và hỗn hợp (trước hết là thí điểm cho môn Tiếng Anh năm 2012- được UBND tỉnh Nghệ AN đặt hàng thông qua nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh); Trường có kế xây dựng hệ thống học liệu E-Learning hỗ trợ cho cả trường phổ thông vệ tinh để học sinh phổ thông có cơ

hội được tiếp cận những bài giảng của các giáo viên có uy tín trong nước và quốc tế. [2.5.2.8].

2. Điểm mạnh

Nhà trường áp dụng quy trình phát triển chương trình đào tạo theo mô hình CDIO - một mô hình phát triển chương trình đào tạo tích hợp, chú trọng phương pháp dạy học tích cực, tăng cường trải nghiệm kỹ năng, thái độ nên CTĐT giáo viên của Nhà trường tạo được sự cân bằng hợp lý giữa lý thuyết và thực hành.

Việc triển khai chương trình đào tạo chú trọng không gian làm việc, thực hành nghề nghiệp, tích hợp phát triển kỹ năng liên nhân và kỹ năng cá nhân nên đã giúp người học tiếp cận sớm với môi trường Nhà trường.

Hệ thống 62 trường phổ thông vệ tinh của Nhà trường đã giúp sinh viên sư phạm được thực hành nghề nghiệp liên tục trong suốt quá trình học tập.

Vận dụng mô hình phát triển CTĐT tiên tiến cho trình độ đại học để phát triển đồng bộ các chương trình đào tạo bồi dưỡng, chương trình đào tạo sau đại học đi đúng hướng, đảm bảo sự liên thông cao giữa CTĐT đại học, sau đại học.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ lý thuyết/thực hành ở chương trình bồi dưỡng đã được cải tiến dựa trên ý kiến khảo sát các bên liên quan, nhưng vẫn chưa được như kì vọng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan để cải thiện tỷ lệ lý thuyết/thực hành phù hợp hơn trong các chương trình bồi dưỡng, đáp ứng nhu cầu của người học	Phòng ĐT TT BDNVSP Khoa/viện/ trường		Hằng năm

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đánh giá hiệu quả của các học phần dự án để cải tiến khung CTĐT, đề cương chi tiết học phần nhằm tăng hiệu quả đào tạo năng lực, phẩm chất của người học	Phòng ĐT Phòng KH & HTQT TT BDNVSP TT GDTX Khoa/viện TT ĐBCL		Hằng năm
		Tiếp tục tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT, thời lượng thực hành, trải nghiệm kiến thức ở ngoài lớp học.	Phòng ĐT Phòng ĐT SĐH TT BDNVSP TT GDTX Khoa/viện		Hằng năm

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 2.5.2						6	

Chỉ số 2.5.3. Việc phân bổ các học phần đảm bảo tính hợp lý, đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học.

1. Mô tả

Chương trình đào tạo của Nhà trường được thiết kế thành các khối học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Tùy theo CTĐT, có 2-3 khối học phần tự chọn để sinh viên có thể lựa chọn linh hoạt theo nhu cầu, sở thích và phù hợp với kế hoạch cá nhân [2.5.3.1] Chương trình đào tạo được thiết kế liên thông, tạo ra các tiểu nhóm ngành với các ngành gần như: nhóm ngành Sư phạm tự nhiên, nhóm ngành Sư phạm xã hội, nhóm ngành Tiểu học - Mầm non hoặc tiểu nhóm ngành Toán Tin, tiểu nhóm ngành Vật lý - Hóa học - Sinh học [2.5.3.2] Quy định của Nhà trường cho phép sinh viên chủ động xây dựng kế hoạch học tập, từ đó sinh viên có thể lựa chọn hoàn thành chương trình học tập để tốt nghiệp sớm hoặc tốt nghiệp cùng lúc 02 chương trình đào tạo [2.5.3.3]

Chương trình đào tạo được xây dựng theo lộ trình phát triển năng lực hợp lý, với thời lượng phù hợp ở mỗi kì học giúp hầu hết người học có thể hoàn thành chương trình đúng hạn. Việc xây dựng nhóm các học phần song song, học phần học trước, học phần tiên quyết tạo sự linh hoạt trong đăng kí học [2.5.3.4]. Trong mỗi học kì, Nhà trường và các khoa/viện

mở đủ số lớp học phần để sinh viên lựa chọn đăng kí học tùy vào năng lực của bản thân. Nhà trường đã có quy định cụ thể để giúp người học lựa chọn kế hoạch học tập linh hoạt, có thể chủ động thay đổi kế hoạch học tập trong thời gian cho phép và đều được các khoa, viện và Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi. Bên cạnh đó, hệ thống Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Trợ lý quản lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm thường xuyên quan tâm hỗ trợ để người học có thể sắp xếp kế hoạch học tập một cách linh hoạt nhất [2.5.3.5].

Hàng năm, dựa trên ý kiến tham vấn các bên liên quan, đặc biệt là ý kiến của người học, Nhà trường thu thập dữ liệu để cải tiến kế hoạch mở lớp, cập nhật, điều chỉnh sự phân kì cho phù hợp, đặc biệt là cập nhật cải tiến chương trình giáo dục thể chất, phân kì các học phần chung, cải tiến kế hoạch triển khai chương trình Giáo dục QPAN, đào tạo Kỹ năng mềm, bảo đảm mức độ phù hợp trong việc phân bổ các học phần trong cấu trúc chương trình và kế hoạch học tập của người học [2.5.3.6]

Trong các năm học 2019 - 2020 và 2020 - 2021, nhằm đối phó với dịch bệnh Covid 19 và thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số, Nhà trường đã triển khai thiết kế chương trình dạy học kết hợp trực tuyến và trực tiếp, tăng cường ứng dụng CNTT cho tất cả CTĐT ở các trình độ, hình thức đào tạo, chương trình bồi dưỡng. Việc cải tiến và áp dụng hình thức tổ chức dạy học theo mô hình “Dạy học kết hợp” (Blended learning) nhằm mục tiêu hướng đến cá nhân hóa, học tập chủ động; đảm bảo sự linh hoạt cho hoạt động dạy và học; tăng thời gian trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Nhà trường, giúp cho người học có thể bố trí thời gian học tập một cách dễ dàng, linh hoạt, học tập mọi lúc, mọi nơi [2.5.3.7]. Chương trình đào tạo Sau đại học có số lượng chuyên đề tự chọn nhiều, giúp học viên có thể lựa chọn theo sở trường, nhu cầu của mình [2.5.3.8]

2. Điểm mạnh

Các CTĐT và CTBD được Nhà trường xây dựng có các học phần phân bổ hợp lý, nhằm đáp ứng linh hoạt nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học.

Các CTĐT và CTBD được định kì rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung dựa trên ý kiến đóng góp của các bên liên quan và thực tiễn tổ chức đào tạo nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học, giúp người học thích ứng tốt hơn với sự thay đổi không ngừng trong thực tế của bên sử dụng lao động.

Nhà trường đã có sự chuyển đổi nhanh trong thiết kế, phân bổ thời gian, thời lượng triển khai các học phần, xây dựng kế hoạch học tập linh hoạt, cải tiến hình thức tổ chức dạy-học (kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp) để thích ứng nhanh với bối cảnh chuyển đổi số, ứng phó kịp thời với diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid 19.

3. Điểm tồn tại

Một số ngành đào tạo tuyển sinh khó, ít sinh viên nên việc đăng kí các học phần

tự chọn chưa hoàn toàn theo nguyện vọng của người học, còn phụ thuộc vào số lượng người chọn các học phần đó.

Chương trình bồi dưỡng chưa có nhiều sự lựa chọn do phải đảm bảo các nội dung theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc lựa chọn giảng viên trong các khóa bồi dưỡng chưa linh hoạt.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, cải tiến CTĐT và CTBD giáo viên đảm bảo các sự phân bổ các học phần hợp lý hợp lý, đáp ứng linh hoạt nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học, chú trọng sự tham gia của các bên liên quan.	- Phòng đào tạo. - Các Khoa/viện - Phòng đào tạo SDH - Trung Tâm BDNVSP - Trung tâm GDTX		
2	Khắc phục tồn tại	Nghiên cứu giải pháp để người học tự chọn linh hoạt hơn và cho phép sinh viên được học các học phần ngoài CTĐT.	- Phòng đào tạo. - Các Khoa/viện - Trung Tâm BDNVSP		

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 2.5.3						6	

Chỉ số: 2.5.4. Việc tổ chức thực hiện chương trình tích hợp/bao quát được nhiều tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.

1. Mô tả

Các CTĐT, CTBD của Nhà trường được xây dựng trên các văn bản của Bộ GD&ĐT, các quy định của Trường, do đó, các CTĐT, CTBD đảm bảo tính tích hợp, bao quát được các tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông, cụ thể: Các CTĐT, CTBD giáo viên được thiết kế với các khối kiến thức giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp, kiến thức về rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Trong đó khối kiến thức rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp được thiết kế gồm nhiều học phần kỹ

năng sư phạm như: Tâm lý học, Giáo dục học, Nhập môn ngành sư phạm, Giao tiếp sư phạm, Phương pháp tổ chức dạy học ở trường phổ thông, Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục ở trường phổ thông, Thực hành phương pháp dạy học bộ môn, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, Kiến tập sư phạm, Thực tập sư phạm,... Chương trình các môn học rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp đã bao quát được những tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông. [2.5.4.1]

Đồng thời để người học rèn luyện được các kỹ năng nghề nghiệp, Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn, kế hoạch tổ chức, triển khai thực hiện các hoạt động ở tại trường và tại các trường phổ thông, giúp người học làm quen và thực hành với thực tiễn các tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông. [2.5.4.2]

Trường Đại học Vinh có Trường THPT Chuyên và Trường Thực hành sư phạm, đây là 2 địa điểm Nhà trường tổ chức cho người học rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp thường xuyên. Nhà trường cũng đã tổ chức cho người học hỗ trợ, trợ giảng cho các giáo viên trường THPT Chuyên trong các hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm. Bên cạnh đó, Nhà trường có hệ thống trường phổ thông vệ tinh, hằng năm tổ chức cho người học học tập và rèn luyện để nâng cao kỹ năng, cũng như thực hành với các tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông. [2.5.4.3]

Việc phân bổ hợp lý các môn học trong CTĐT từ học kỳ đầu đến học kỳ cuối, mỗi học kỳ đều có ít nhất 01 môn học giúp người học thường xuyên được rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho bản thân và thực hành với các tình huống thực tiễn nghề nghiệp. Trên cơ sở CTĐT toàn khóa, kế hoạch dạy học từng năm, từng học kỳ, Nhà trường, các khoa/viện/ngành đã bố trí các giảng viên có kinh nghiệm đảm nhận các môn học về rèn luyện tay nghề. Do đó, người học vừa được làm việc với tiếp thu được các tình huống thực tiễn vừa học hỏi kinh nghiệm của đội ngũ giảng viên có kiến thức và kỹ năng tốt. [2.5.4.4]

Các hoạt động không thể thiếu trong việc tích hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ, bao quát được nhiều tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông được Nhà trường thực hiện thường xuyên, đó là tổ chức Tháng Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và Hội thi Nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên. Đây là chùm các hoạt động được Nhà trường tổ chức từ tháng 10 đến hết tháng 12 hằng năm để giúp sinh viên luyện tập các tình huống thực tiễn trong dạy học, giáo dục, tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế,... đồng thời vinh danh ngày Nhà giáo Việt nam 20-11. Thông qua các hoạt động này, đội ngũ giảng viên không những là người cố vấn, hỗ trợ cho người học tổ chức hoạt động, mà họ còn được học hỏi, nghiên cứu, được thực hành nhiều hơn các kỹ năng, các tình huống thực tiễn. Để thực hiện tốt các hoạt động này, Nhà trường đều có đầy đủ các văn bản, kế hoạch chỉ đạo, tổ chức thực hiện, cũng như sơ kết, tổng kết đánh giá kết

quả. [2.5.4.5]

Để đội giảng viên tiếp cận, nắm bắt nhiều hơn với các tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông, đồng thời giúp Nhà trường có được những phản hồi tốt nhất để cải tiến CTĐT, tổ chức dạy học, đó là hằng năm Nhà trường đều cử giảng viên biệt phái về tham gia sinh hoạt chuyên môn, tham gia giảng dạy, thực hiện chương trình đào tạo tại trường phổ thông, trường THPT Chuyên và Trường THSP; mỗi giảng viên phải có kết nối ít nhất với 05 trường phổ thông để nắm tiếp cận với các hoạt động của Nhà trường phổ thông và cập nhật các tình huống mới trong hoạt động dạy học và giáo dục. Nhà trường đã tổ chức, triển khai nhiều hoạt động để thực hiện chương trình tích hợp, bao quát được các tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông, bao gồm: tổ chức dạy học theo chương trình đã phê duyệt; tổ chức các hoạt động rèn nghề, hội thi rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho người học; xây dựng hệ thống trường phổ thông vệ tinh, trường THPT chuyên, THSP và tổ chức cho người học học tập, rèn luyện các tình huống thực tiễn; cử giáo viên biệt phái về giảng dạy, sinh hoạt chuyên môn tại các trường phổ thông,...[2.5.4.6]

Để hỗ trợ cho việc cải tiến CTĐT, CTBD nhằm cập nhật nhiều hơn với những tình huống học tập đa dạng ở bên trong trường và tại các trường phổ thông, hàng năm, Nhà trường đều tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, người học và các cơ sở giáo dục về hoạt động học tập và những tình huống học tập đa dạng ở bên trong trường và tại các trường phổ thông. [2.5.4.7]

Kết quả khảo sát cho thấy việc tổ chức thực hiện CTĐT, CTBD đã bao quát được trên 75% những tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường SP và trường PT. Trên cơ sở kết quả khảo sát đó Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến quy định và việc tổ chức thực hiện CTĐT, CTBD để bao quát hơn nữa những tình huống học tập thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông. [2.5.4.8]

2. Điểm mạnh

- Các CTĐT, CTBD được Nhà trường thiết kế hợp lý, với nhiều môn học rèn luyện cho người học các kỹ năng, tích hợp, bao quát được các tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.

- Nhà trường đã tổ chức, triển khai nhiều hoạt động để thực hiện chương trình tích hợp, bao quát được các tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông,

- Nhà trường đã thường xuyên khảo sát và mở rộng phạm vi khảo sát các bên liên quan để lấy ý kiến cải tiến CTĐT cũng như các hoạt động thực hiện chương trình tích hợp, bao quát được nhiều tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.

3. Điểm tồn tại

Các quy định và kế hoạch tổ chức thực hiện các CTĐT, chương trình bồi dưỡng tại trường sư phạm và trường phổ thông mà Nhà trường ban hành đã được thực hiện, đã kiểm tra, đánh giá. Tuy nhiên một số nội dung, hoạt động có trong quy định và kế hoạch chưa được thực hiện hay thực hiện chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Có kế hoạch cải tiến quy định và tổ chức thực hiện CTĐT, chương trình bồi dưỡng tại trường sư phạm và trường phổ thông.	- Phòng ĐT - Phòng ĐT SDH - Các Khoa/viện SP - TT-BDNVSP - TTGDTX	01/2022	12/2022
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục cải tiến CTĐT, CTBD được Nhà trường hợp lý, điều chỉnh nội dung chương trình các môn học, tăng cường dạy học theo đồ án để nâng cao hiệu quả rèn luyện cho người học các kỹ năng, tích hợp, - Tiếp tục cải tiến các quy định và cách thức tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng ở trường sư phạm và trường phổ thông; - Tiếp tục cải tiến công tác khảo sát và mở rộng phạm vi khảo sát các bên liên quan để lấy ý kiến cải tiến CTĐT cũng như các hoạt động thực hiện chương trình tích hợp, bao quát được nhiều tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.	- Phòng ĐT - Phòng ĐT SDH - Các Khoa/viện SP - TT-BDNVSP - TTGDTX	01/2022	12/2022

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá
--------	----------------

	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 2.5.4						6	

Chỉ số 2.5.5. Trường đảm bảo tính phù hợp của nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng trong suốt quá trình thực hiện chương trình để đáp ứng chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Để thực hiện chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra Nhà trường đã ban hành các văn bản, các quy định cụ thể điều kiện đảm bảo nguồn lực, thời lượng chương trình, phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho hoạt động dạy học các CTĐT, chương trình bồi dưỡng. [2.5.5.1]

Nhà trường đã kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định về đảm bảo nguồn lực, thời lượng chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng. Kết quả cho thấy các nguồn lực về con người, về cơ sở vật chất, về tài chính đã đáp ứng được các hoạt động của chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, cụ thể:

Trước hết, về đội ngũ, Nhà trường luôn xác định công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, có ảnh hưởng đến việc thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ gắn liền với Chiến lược phát triển Trường, từ chiến lược này để xây dựng các kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn và chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể hằng năm. Trường đã quy định rõ để đảm bảo điều kiện nguồn lực cán bộ thực hiện chương trình, đó là mỗi môn học có ít nhất 2 giảng viên đảm nhận và mỗi giảng viên đảm nhận ít nhất 2 môn học. [2.5.5.2]

Nhà trường đã xây dựng chiến lược để phát triển nguồn nhân lực, đội ngũ giảng viên, chuyên viên, kỹ thuật viên... đảm bảo thực hiện được CTĐT và NCKH, đáp ứng được qui mô đào tạo về số lượng sinh viên, số lớp học phần. Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, còn có hàng trăm nhà khoa học trong nước (từ một số Viện thành viên của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán; Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, v.v...) và ngoài nước (từ Anh, Hoa Kỳ, Ba Lan...) tham gia đào tạo đại học và sau đại học tại Trường. [2.5.5.3]

Ngoài nguồn lực con người, hệ thống cơ sở vật chất của nhà trường bao gồm phòng học, phòng thực hành thí nghiệm, sân bãi, cơ sở thực hành, thực tế chuyên môn và trường THSP đã được nhà Trường xây dựng và trang bị đầy đủ, đáp ứng nội dung và yêu cầu của CTĐT. Nhà trường có hệ thống kí túc xá, trạm y tế, thư viện đầy đủ, hiện đại đảm bảo cho SV ổn định, yên tâm học tập. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học cho cán bộ, giảng viên được nhà trường quan tâm đầu tư đồng bộ,

bao gồm thiết bị văn phòng, thiết bị CNTT, thiết bị văn phòng hiện đại. Năm 2020, Nhà trường đã triển khai hệ thống phần mềm quản lý mới phục vụ cho công tác quản lý tổng thể nhà trường và quản lý toàn bộ công tác đào tạo từ khóa tuyển sinh năm 2020 trở đi thay thế dần phần mềm quản lý hiện tại. [2.5.5.4]

Về nguồn lực tài chính, là một trong những nguồn lực cốt yếu để đảm bảo các hoạt động của Nhà trường. Trường có các giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn thu hợp pháp bao gồm nguồn kinh phí Nhà nước cấp hằng năm, nguồn thu từ học phí và lệ phí, nguồn thu từ hoạt động NCKH, dịch vụ và các dự án. Nhà trường đã xây dựng các văn bản, quy trình quản lý về tài chính phù hợp để quản lý, phân bổ và sử dụng tài chính một cách hợp lý cho các lĩnh vực hoạt động và đạt hiệu quả tốt. Hệ thống quản lý tài chính của Trường chặt chẽ, công khai, minh bạch, được tin học hóa và chuẩn hóa. [2.5.5.5]

Hằng năm, Nhà trường chỉ đạo các đơn vị trong trường xây dựng Kế hoạch năm học cho đơn vị, trong đó xác định rõ kế hoạch đào tạo, NCKH, công tác tổ chức, cán bộ và các điều kiện về nguồn lực tài chính để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch năm học của từng đơn vị và của toàn trường. Trên cơ sở đó, phòng Đào tạo chủ trì việc xây dựng kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu cho các hoạt động đào tạo bao gồm học trên lớp và ứng dụng CNTT qua hệ thống LMS của toàn trường đáp ứng chuẩn đầu ra. [2.5.5.6]

Về thời lượng chương trình đào tạo được Nhà trường xây dựng có khối lượng kiến thức 125 tín chỉ, bố trí đào tạo trong 4 năm, khối lượng kiến thức trung bình mỗi học kỳ từ 15 - 20 tín chỉ, riêng học kỳ cuối, được dành cho thực tập nghề nghiệp và học môn học cuối khóa. Căn cứ vào CTĐT, Nhà trường chỉ đạo các khoa/viện thiết kế thời khóa biểu cho từng học kỳ phù hợp với các nguồn lực, giúp cho sinh viên lựa chọn kế hoạch học tập, đăng ký học một cách linh hoạt. Với thời lượng chương trình và việc sắp xếp kế hoạch thời khóa biểu hằng kỳ đảm bảo cho người học tăng thời gian tự học, hoạt động trải nghiệm, tham gia nghiên cứu khoa học, các hoạt động xã hội và các hoạt động khác,... để tăng cường kỹ năng nghề nghiệp cho bản thân. [2.5.5.7]

Đối với CTBD, tùy thuộc vào yêu cầu, nội dung bồi dưỡng, Nhà trường cũng đã chỉ đạo thiết kế chương trình có thời lượng hợp lý, linh hoạt đáp ứng chuẩn đầu ra. [2.5.5.8]

Để không ngừng cải tiến tính phù hợp của nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng trong suốt quá trình thực hiện chương trình để đáp ứng chuẩn đầu ra, Nhà trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan [2.5.5.9]. Trên cơ sở đó Trường đã tiến hành xây dựng kế hoạch rà soát, cải tiến quy định và các nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho hoạt động dạy và học các CTĐT, chương trình bồi dưỡng. [2.5.5.10]

2. Điểm mạnh

Nhà trường quy định các nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho hoạt động dạy và học các CTĐT, chương trình bồi dưỡng đã được thực hiện; đã kiểm tra, đánh giá, có trên 90% khối lượng nội dung đã được hoàn thành, điều kiện đảm bảo các nguồn lực cho hoạt động dạy và học được đảm bảo, có tác dụng tích cực trong việc cải thiện hoạt động dạy và học trong trường; có kế hoạch cải tiến quy định và các nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho hoạt động dạy và học các CTĐT, chương trình bồi dưỡng.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường đã không ngừng cải tiến các nguồn lực để đảm bảo thực hiện tốt các hoạt động của chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng nhưng mức độ hoàn thành của một số lĩnh vực còn hạn chế; Một số ngành tuyển sinh còn hạn chế dẫn đến sự mất cân đối hay lãng phí về nguồn lực; Tình hình dịch bệnh covid diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng của việc thực hiện chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục cải tiến các nguồn lực để đảm bảo thực hiện tốt các hoạt động của chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng	- TTCNTT - Phòng ĐT SDH - Các Khoa/viện SP - TT-BDNVSP - TTGDTX	01/2022	12/2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát và phát huy các nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho hoạt động dạy và học các CTĐT, chương trình bồi dưỡng	- Phòng ĐT - Phòng ĐT SDH - Các Khoa/viện SP - TT-BDNVSP - TTGDTX	9/2020	9/2021

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 2.5.5						6	

2.5.6. Việc thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.

Với xu thế tất yếu về việc chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực trong đó lĩnh vực Giáo

dục và Đào tạo là một trong những lĩnh vực được ưu tiên hàng đầu, tận dụng thế mạnh về cơ sở vật chất và hệ thống công nghệ thông tin. Trường Đại học Vinh đã chủ động tích cực thay đổi về hình thức tổ chức đào tạo, cải tiến các chương trình bồi dưỡng đáp ứng nhanh với bối cảnh chuyển đổi số [2.5.6.1]. Nhà trường đã ban hành quy định về hình thức tổ chức dạy học trong đó chú trọng đến sự chuyển đổi linh hoạt giữa đào tạo trực tiếp kết hợp với trực tuyến đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông [2.5.6.2]

Thực hiện nhiệm vụ Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ cho Trường Đại học Vinh triển khai các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn như: Giáo dục phổ thông 2018 modul - 4, 5, 9 cho giáo viên phổ thông cốt cán trên địa bàn 3 tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh; bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp Giáo viên tại Hà Nội; bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên Trường cao đẳng và Đại học Thành phố Vinh; bồi dưỡng Thường xuyên tỉnh Gia Lai; bồi dưỡng Giáo viên chủ nhiệm; bồi dưỡng Tổ trưởng chuyên môn; bồi dưỡng lớp 2, lớp 6 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phối hợp với các Sở Giáo dục và Đào tạo, Quận, huyện, Đơn vị liên kết để mở các khóa bồi dưỡng. [2.5.6.3]

Trong năm 2021 Nhà trường đã mở các khóa bồi dưỡng trên các địa bàn tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Hà Nội, Gia Lai. Hình thức phối hợp triển khai tổ chức, thực hiện quản lý, đào tạo bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt, việc học và đánh giá kết quả của học viên được cập nhật kịp thời. [2.5.6.4] Sau khi tiến hành các khóa bồi dưỡng nhà trường đã tiến hành khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về tác động của khóa bồi dưỡng và công tác tổ chức bồi dưỡng, bên cạnh đó xây dựng phiếu điều tra, tiến hành khảo sát năng lực và nhu cầu của Giáo viên ở trường phổ thông, Trên cơ sở các thông tin mà giảng viên cung cấp, xác định nhu cầu thực tế của giáo viên, phân loại nhu cầu theo từng đối tượng. Báo cáo kết quả thu được cho thấy có trên 90% số lượng học viên hài lòng và rất hài lòng với các khóa bồi dưỡng. [2.5.6.5]

2. Điểm mạnh

Các hình thức, phương pháp tổ chức bồi dưỡng đa dạng, linh hoạt rất phù hợp với bối cảnh thực tiễn và nhu cầu của người học cũng như việc đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo định hướng tiếp cận và phát triển năng lực của giáo viên và học viên trong chuyển đổi số áp dụng trong dạy học.

Các nội dung các chương trình bồi dưỡng thường xuyên được cập nhật đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục, đặc biệt đối với chương trình Giáo dục phổ thông 2018 năm 2021.

Việc thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu và sự quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.

Đa dạng hóa các hình thức bồi dưỡng theo hình thức tiếp cận phương thức Đào

tạo theo mô hình chuyển đổi số bằng hình thức bồi dưỡng online, trực tuyến qua zoom, qua Teams kết hợp với trực tuyến trên hệ thống LMS.

3. Điểm tồn tại

Các địa bàn và các đối tượng tham gia các chương trình bồi dưỡng còn chủ yếu tập trung trên địa bàn các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường sự hợp tác và mở rộng địa bàn để thực hiện các chương trình Đào tạo, bồi dưỡng	Phòng ĐT Phòng ĐT SDH TT BDNVSP TT GDTX Khoa chuyên ngành	2021	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng đổi mới các chương trình ở trường phổ thông theo chuyển đổi số.	Phòng ĐT Phòng ĐT SDH TT BDNVSP TT GDTX Khoa chuyên ngành	2021	2022
		Tiếp tục thực hiện và cải tiến chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.	Phòng ĐT Phòng KH & HTQT TT BDNVSP TT GDTX Khoa chuyên ngành TT ĐBCL	2021	2022

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 2.5.6						6	

Điểm tự đánh giá tiêu chí 5

Chỉ số	Thang đánh giá						
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
Chỉ số 2.5.1						6	
Chỉ số 2.5.2						6	
Chỉ số 2.5.3						6	
Chỉ số 2.5.4						6	
Chỉ số 2.5.5						6	
Chỉ số 2.5.6						6	
Điểm tiêu chí 5							

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 2

STT	Tiêu chí	Mức đánh giá
1	Tiêu chí 4	6.0
2	Tiêu chí 5	6.0
ĐIỂM TIÊU CHUẨN		6.00

Tiêu chuẩn 3

NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN VÀ ĐỔI MỚI

Tiêu chí 6: Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới

3.6.1. Trường có chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược của trường và nhiệm vụ được giao

1. Mô tả

Nhà trường có Sứ mạng “*Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục-đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế*” và Tầm nhìn “*trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á năm 2030, hướng đến top 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045*” theo Thông báo số 153/QĐ-ĐHV, ngày 07/12/2021 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo (ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn của Trường Đại học Vinh sau rà soát năm 2021). Nghiên cứu khoa học, phát triển và đổi mới là những nhiệm vụ cốt lõi được xác định trong Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường.

Trường Đại học Vinh đã xây dựng chính sách, chiến lược và kế hoạch phát triển dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới được thể hiện qua các văn bản của Đảng bộ Trường và Nhà trường thể hiện quyết tâm phát triển khoa học công nghệ của Nhà trường giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn đến 2030 [3.6.1.1], [3.6.1.2], [3.6.1.3], [3.6.1.4], [3.6.1.5]. Năm 2021, Nhà trường đã xây dựng Quy trình ISO về khoa học công nghệ nhằm tối ưu và chuẩn hóa quy trình quản lý khoa học công nghệ tạo điều kiện thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ của Trường [3.6.1.11]. Nhà trường đã có các chính sách về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới khoa học giáo dục, theo đó ngân sách được phân bổ tăng và được sử dụng nhằm mục tiêu phát triển khoa học giáo dục [3.6.1.12] [3.6.1.13]. [3.6.1.14] [3.6.1.15] [3.6.1.16] [3.6.1.17] [3.6.1.18] [3.6.1.19]. Cụ thể kinh phí chi cho NCKH tăng từ 14.332.373.000 đồng năm 2020 lên mức 16.051.902.000 đồng năm 2021 [3.6.1.20].

Nhà trường đã thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và tiến hành đánh giá, khảo sát ý kiến tham vấn để xây dựng sứ mạng tầm nhìn năm 2021. Kết quả khảo sát cho thấy 80,38% những người được tham vấn đồng ý và hoàn toàn đồng ý với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường đề xuất và Nhà trường đã tiến hành công bố chính thức sứ mạng, tầm nhìn năm 2021 sau khi chỉnh sửa từ các ý kiến tham vấn [3.6.1.10].

Các chính sách và chiến lược phát triển đã được thực hiện và có những tác dụng tích cực đến cộng đồng, đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng cũng như khu vực. Chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới của Nhà trường đã phản ánh những nhu cầu của cộng đồng địa phương, cụ thể UBND tỉnh Nghệ An đã có chỉ

đạo phối hợp Trường Đại học Vinh nghiên cứu khoa học, ứng dụng trong các lĩnh vực khác nhau trong đó có khoa học giáo dục [3.6.1.24], chính quyền địa phương đã có những đặt hàng về nghiên cứu khoa học nhằm phát triển kinh tế - xã hội - giáo dục địa phương [3.6.1.25]. Nhà trường đã tổ chức các chương trình bồi dưỡng giáo viên cốt cán và giáo viên phổ thông. Kết quả cho thấy 88% giáo viên phổ thông được bồi dưỡng hài lòng với chương trình, 80% giáo viên cốt cán được bồi dưỡng trong khuôn khổ thực hiện PA, nguồn nhân lực này tiếp tục bồi dưỡng cho các giáo viên khác nhằm tiến đến 100% giáo viên được bồi dưỡng đầy đủ [3.6.1.6] [3.6.1.7].

Hơn nữa, chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO được rà soát, điều chỉnh nhằm nâng cao vai trò tự chủ và nghiên cứu khoa học của sinh viên (dạy học dự án) [3.6.1.23]. Để đảm bảo phát huy công tác quản lý KHCN đồng bộ, Trường Đại học Vinh đã xây dựng đề án sáp nhập Trung tâm Khởi nghiệp-Sáng tạo và Phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế [3.6.1.22].

Năm 2021, Trường Đại học Vinh đã đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu, những thiếu sót trong chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Nhà trường trong thời kì đầu của giai đoạn 2020-2025 và đã có những cải tiến về chính sách và kế hoạch dài hạn dựa vào kết quả đánh giá thực hiện chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2018-2025, kết quả thực hiện PA, các hoạt động, đánh giá giữa kì kết quả cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài cơ sở giáo dục [3.6.1.6] [3.6.1.7] [3.6.1.8] [3.6.1.9]. Những cải tiến này cũng được thể hiện qua chế độ làm việc đối với giảng viên với các định mức tính giờ dạy và nghiên cứu khoa học, theo đó giảng viên sẽ được tính giờ dạy theo hệ số lương giao động từ 200 đến 350 giờ/1 năm và giờ NCKH từ 125 đến 350 giờ/1 năm; giảng viên có nhiều thời gian hơn để thực hiện các đề tài nghiên cứu phục vụ công tác giảng dạy và ứng dụng [3.6.1.21]. Số lượng nhiệm vụ KHCN cấp Trường năm 2021 tăng vượt bậc, cụ thể năm 2020 không có đề tài trọng điểm cấp Trường, năm 2021 có 41 đề tài trọng điểm; công bố quốc tế năm 2021 là 59 công trình [3.6.1.13].

Nhà trường cũng đã tiến hành đánh giá mức độ phù hợp/tính đáp ứng của chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới với nhu cầu của thực tiễn các địa phương [3.6.1.26]. Trường được đánh giá là Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước [3.6.1.10]. Trên cơ sở đánh giá đó, Nhà trường đã thực hiện các điều chỉnh phù hợp với sự phát triển, đồng thời xúc tiến phát triển khoa học công nghệ, chú trọng khoa học giáo dục và tiếp tục rà soát và xây dựng khung kế hoạch KHCN 5 năm 2021-2025 [3.6.1.27].

2. Điểm mạnh

Các chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới đã ban hành phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường.

Chiến lược NCKH&CGCN của Nhà trường thể hiện rõ mục tiêu, nội dung và giải

pháp thực hiện nhằm nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu thuộc lĩnh vực KHGD;

Trường đã có những chính sách ưu tiên đầu tư kinh phí cho NCKH&CGCN, mua sắm trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới KHGD;

Nhà trường đã tiến hành đánh giá tổng thể kế hoạch chiến lược, chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới nói chung và khoa học giáo dục nói riêng, đồng thời đã tiến hành điều chỉnh nhằm đẩy mạnh phát triển KHCN nói chung và khoa học giáo dục nói riêng. Kết quả cải tiến đã góp phần thực hiện hiệu quả kế hoạch chiến lược và các hoạt động của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Các công trình NCKH thuộc lĩnh vực KHGD còn ít, chưa xứng tầm với quy mô và nhân lực của Nhà trường.

4. Kế hoạch khắc phục

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, <u>người thực hiện</u>	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách, giải pháp tài chính mạnh mẽ hơn nhằm thúc đẩy phát triển KHGD	Phòng KH&HTQT, Phòng KH-TC	2021	2025
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu thuộc lĩnh vực KHGD;	Phòng KH&HTQT	2021	2025

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 3.6.1						6	

3.6.2. Trường có chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới khoa học giáo dục

1. Mô tả

Khoa học giáo dục (KHGD) vừa là thế mạnh, vừa là truyền thống của Trường Đại học Vinh, được xác định ưu tiên thực hiện hàng đầu “là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục của khu vực Bắc Trung Bộ” trong Sứ

mạng của Nhà trường. Do đó, Nhà trường đã có những chủ trương, chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới KHGD như Xây dựng Quỹ khoa học, công nghệ, hợp tác quốc tế [3.6.2.1], tăng cường hoạt động của các nhóm nghiên cứu [3.6.2.2], triển khai các đề tài nghiên cứu về KHGD [3.6.2.3]. Nội dung những chủ trương chính sách này đã bám sát và cụ thể hóa Sứ mạng “*Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm đổi mới sáng tạo góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế*” với mục tiêu phát triển được xác định rõ: “*Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công.*” [3.6.2.4].

Nhà trường đã có những ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới KHGD. Những quy định về NCKH trong lĩnh vực KHGD của Nhà trường được thể hiện rõ trong quy định về quản lý đề tài KHCN cấp Trường và quy định về khen thưởng hoạt động khoa học công nghệ [3.6.2.5]. Những cán bộ, giảng viên công tác trong lĩnh vực KHGD, tham gia sinh hoạt chuyên môn ở Trung tâm Nghiên cứu- Khởi nghiệp, sáng tạo, hằng năm có các công bố quốc tế, nước ngoài, được hưởng các chế độ khuyến khích như: miễn giảm giờ dạy [3.6.2.6]. Năm 2020, đội ngũ cán bộ, giảng viên của Nhà trường có 160 công bố quốc tế (năm 2019 là 92 bài), đã được Nhà trường khen thưởng trên 1,7 tỷ đồng, đồng thời đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo khen thưởng, trong đó có 10 bài báo thuộc lĩnh vực KHGD được công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc Danh mục ISI/Scopus [3.6.2.7]

Trường đã và đang chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hợp tác toàn diện với Tập đoàn Bkav để tăng cường sử dụng các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Nhà trường nói chung, tổ chức các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá (như phần mềm LMS, Zoom, Microsoft Teams...) nói riêng [3.6.2.8]. Năm 2021, Nhà trường đã thành lập Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến, xây dựng phòng kỹ thuật xây dựng bài giảng điện tử, phòng thí nghiệm ảo... nhằm tăng cường nguồn học liệu số, hỗ trợ cho hoạt động đào tạo trực tuyến [3.6.2.9]. Ngoài ra, Nhà trường có chính sách ưu tiên và tạo điều kiện cho nhiều cán bộ giảng viên tham gia các hoạt động chung của ngành, của Bộ yêu cầu như: biên soạn sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, nghiệm thu chương trình giáo dục phổ thông mới... [3.6.2.10].

Nhà trường đã và đang thực hiện tốt các chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới KHGD. Tính từ năm 2017 đến nay, Trường đã đặt hàng thực hiện 235 nhiệm vụ KHGD với tổng số tiền đầu tư là trên 5 tỷ đồng. Trong năm 2021, Trường tiếp tục triển khai các nhiệm vụ các cấp với nguồn kinh phí hơn 3 tỷ đồng [3.6.2.11]; Trường đã triển khai các đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường nhằm rà

soát chuẩn đầu ra, khung năng lực và khung chương trình của 41 ngành (trong đó có tất cả 14 ngành đào tạo giáo viên), nhóm ngành đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO [3.6.2.12].

Việc biên soạn giáo trình được thực hiện theo quy định về việc biên soạn và công nhận tài liệu học tập của Trường Đại học Vinh [3.6.2.13]. Trong năm 2021, Nhà trường phê duyệt, xuất bản 38 giáo trình phục vụ hoạt động đào tạo (năm 2020 là 16 giáo trình, 8 tài liệu tham khảo, 2 giáo trình tái bản) [3.6.2.14], đã biên soạn các tài liệu bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán theo chương trình phổ thông mới 2018 và tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán [3.6.2.15]. Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến đã hỗ trợ các giảng viên xây dựng bài giảng E-learning; đã có 33 học phần/môn học được hỗ trợ, trong đó có 01 môn xây dựng bài giảng cấp độ 2 [3.6.2.16].

CSVC, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới KHGD đã được Nhà trường quan tâm đầu tư. Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm hiện có 84 phòng thí nghiệm (PTN) với đầy đủ trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo của Nhà trường, trong đó có hơn 50% số PTN phục vụ đào tạo sư phạm. Trong đó, Nhà trường có phòng thí nghiệm Vật lý hiện đại và phòng thí nghiệm Quang tử là 2 phòng thí nghiệm hiện đại bậc nhất của cả nước về lĩnh vực nghiên cứu và ngang tầm khu vực ASEAN với tổng giá trị của 2 phòng gần 40 tỷ đồng, giai đoạn 2017-2021 được đầu tư hơn 7 tỷ đồng thiết bị.

Bảng 1: Nguồn ngân sách đầu tư cho các phòng Thí nghiệm-Thực hành

STT	Danh mục các gói thầu	Kinh phí đầu tư (đồng)	Ghi chú
1	Mua sắm trang thiết bị ngành Sinh học theo HĐ số 02/BSTBSP/2014	460.500.000	Ngành sinh học
2	Mua sắm trang thiết bị ngành Hóa và Địa lý thuộc DA tăng cường trang thiết bị đào tạo GV phổ thông nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn , toàn diện ngành GD và ĐT sau năm 2015	2.653.000.000	Ngành Hóa, ngành Địa lý
3	Lắp đặt hệ thống bảo vệ thiết bị phòng thí nghiệm Quang học quang phổ	237.000.000	Nay thuộc phòng Thí nghiệm Vật lý hiện đại - Ngành Vật lý
4	Nâng cấp hệ thống sắc ký lỏng siêu hiệu năng phục vụ công tác thực hành thí nghiệm hóa học	2.755.000.000	Ngành hóa học
5	Mua sắm lắp đặt bổ sung hệ thống bàn ghế PTN Ngành Sinh học	975.835.400	Ngành sinh học
6	Mua sắm lắp đặt bổ sung hệ thống bàn ghế PTN Ngành Hóa học	731.055.600	Ngành hóa học

STT	Danh mục các gói thầu	Kinh phí đầu tư (đồng)	Ghi chú
7	Đầu tư mua sắm thiết bị phòng thí nghiệm thông tin quang	5.390.230.000	Nay thuộc phòng Thí nghiệm Quang tử - Ngành Vật lý
8	Mua sắm công cụ dụng cụ phục vụ thực hành thí nghiệm Hóa Sinh	670.925.000	Ngành hóa học, sinh học
9	Sửa chữa, cải tạo hệ thống hút mùi khí thải hóa chất các phòng thí nghiệm Hóa Sinh	745.195.000	Ngành hóa học, sinh học
10	Đầu tư duy tu, bảo dưỡng và nâng cấp phòng thí nghiệm Quang lượng tử - Quang tử	5.769.800.000	Nay thuộc phòng Thí nghiệm Quang tử
11	Mua sắm thiết bị và phụ kiện quang lượng tử	3.710.000.000	Nay thuộc phòng Thí nghiệm Quang tử - Ngành Vật lý
12	Cung cấp vật tư chế tạo bộ phận quang (Thuộc dự toán Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học và công nghệ số 17/2017/HĐ-ĐTĐL.CN-CNN ngày 01/6/2017)	824.100.000	Nay thuộc phòng Thí nghiệm Vật lý hiện đại - Ngành Vật lý
13	Cung cấp vật tư chế tạo bộ phận điện tử (Thuộc dự toán Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học và công nghệ số 17/2017/HĐ-ĐTĐL.CN-CNN ngày 01/6/2017)	215.450.000	Nay thuộc phòng Thí nghiệm Vật lý hiện đại - Ngành Vật lý
14	Mua sắm nguyên vật liệu thuộc Đề tài “Thiết kế và chế tạo nguồn phổ siêu liên tục sử dụng sợi tinh thể quang tử có lõi rỗng chứa chất lỏng, định hướng ứng dụng trong quang phổ laser cực ngắn”, mã số ĐTĐL.CN-32/19"	540.000.000	Nay thuộc phòng Thí nghiệm Quang tử - Ngành Vật lý
15	Nguồn laser bơm cho laser femtosecond thuộc Đề tài “Thiết kế và chế tạo nguồn phổ siêu liên tục sử dụng sợi tinh thể quang tử có lõi rỗng chứa chất lỏng, định hướng ứng dụng trong quang phổ laser cực ngắn”, mã số ĐTĐL.CN-32/19"	2.000.000.000	Nay thuộc phòng Thí nghiệm Quang tử - Ngành Vật lý
	Tổng	27.678.091.000	

Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển và đã được đầu tư các phòng thí nghiệm trọng điểm như dự án PTN Hóa thực phẩm, PTN Quang học-Quang phổ, PTN Hóa được

... [3.6.2.17]. Ngoài các PTN khoa học cơ bản, các ngành sư phạm có phòng thực hành, phòng chuyên đề về phương pháp giảng dạy, studio phòng kỹ thuật xây dựng bài giảng điện tử... với hệ thống CSVC đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu KHGD [3.6.2.18]. Các thiết bị hiện đại được đầu tư đã mang lại hiệu quả bước đầu trong nâng tầm tiềm lực KHCN của Trường, phát triển số lượng các đề tài KHCN các cấp, các bài báo khoa học quốc tế, bài báo ISI/Scopus của Trường thời gian qua [3.6.2.19]. Hiện nay, Nhà trường đang tiếp tục đầu tư nâng cấp các PTN hiện có, nhằm đáp ứng các điều kiện đào tạo theo CDIO cũng như yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới [3.6.2.20].

Bảng 2: Nguồn ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới năm 2020, 2021

TT	Danh mục	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Đề tài cấp Nhà nước (bộ KHCN)	3.992.000.000	1.016.000.000	3.198.000.000
2	Đề tài Cấp Nhà nước Nafosted	2.896.000.000	3.949.000.000	2.276.000.000
3	Ợp tác quốc tế		400.000.000	1.300.000.000
4	Cấp bộ (nguồn NS và nguồn trường)	3.600.000.000	4.942.000.000	3.900.000.000
5	Cấp Tỉnh	527.000.000	673.000.000	1.572.000.000
6	Đề tài CDIO (Cấp trường)	1.327.000.000		3.397.108.000
7	Bài báo Quốc tế (Nguồn NS + Nguồn trường)	1.374.000.000	2.034.000.000	
	Tổng	13.716.000.000	13.014.000.000	15.643.108.000

Hoạt động rà soát, đánh giá chính sách ưu tiên nghiên cứu, phát triển và đổi mới KHGD được chú trọng. Cuối mỗi năm học, Nhà trường đều yêu cầu các đơn vị liên quan (P. Kế hoạch-Tài chính, P. Quản trị-Đầu tư, TT. TH-TN...) rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, học liệu và ngân sách [3.6.2.21], từ đó có cơ sở xây dựng kế hoạch sửa chữa, bổ sung kịp thời nhằm đáp ứng các yêu cầu trong nghiên cứu, phát triển và đổi mới các hoạt động của Nhà trường [3.6.2.19]. Năm 2021, Nhà trường đã tiến hành khảo sát ý kiến của các bên liên quan về Kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường, giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030, trong đó có nội dung, đánh giá hiệu quả sử dụng và cải tiến cơ sở vật chất, trang thiết bị, học liệu và ngân sách (Lĩnh vực 7 của Kế hoạch chiến lược: Cơ sở vật chất-Tài chính) [3.6.2.22]. Kết quả khảo sát cho thấy trên 90%

các ý kiến hài lòng với các chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới của Nhà trường.

Trên cơ sở rà soát, Nhà trường đã và đang có những điều chỉnh về chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới KHGD. Trong năm 2021, Trường tiếp tục điều chỉnh và cải tiến các chương trình đào tạo, hình thức đào tạo nhằm đáp ứng kịp thời xu thế của thời đại và nhu cầu xã hội với một số hoạt động nổi bật như: nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu “Nâng cao năng lực giảng dạy thực hành-thí nghiệm môn Khoa học Tự nhiên cho giáo viên THCS một số tỉnh Bắc Trung bộ đáp ứng chương trình phổ thông 2018” (Nhiệm vụ ETEP HD03-2019) [3.6.2.23]; tổ chức các Hội thảo quốc tế “Giáo dục Tân học ở các nước Đông Á và Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX đến cuối thế kỷ XX”, ngày 26/11/2021; “Phát triển chương trình đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực” và “Đánh giá môn học theo mô hình CDIO” ngày 27/11/2021[3.6.2.24].

2. Điểm mạnh

Trường đã có những chính sách ưu tiên đầu tư kinh phí cho NCKH, mua sắm trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới KHGD phù hợp với mục tiêu phát triển và thực tế.

Trong năm 2021, đã có nhiều đề tài NCKH về KHGD được triển khai; nhiều giáo trình phục vụ đào tạo được xuất bản; nhiều hoạt động đổi mới trong KHGD được thực hiện; các chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới KHGD của Nhà trường được các bên liên quan đánh giá cao.

3. Điểm tồn tại

Công bố quốc tế trong lĩnh vực KHGD vẫn còn chiếm tỷ lệ thấp trong tổng số công bố quốc tế của Trường.

4. Kế hoạch khắc phục

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Thực hiện các giải pháp hỗ trợ khả thi nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc công bố quốc tế trong lĩnh vực KHGD	- Phòng KH&HTQT, - Các Trường thuộc, khoa, viện đào tạo; - TT Nghiên cứu sáng tạo-khởi nghiệp	01/2022	Đánh giá hằng năm
2.	Phát	Tăng cường rà soát, đề xuất	- Phòng	Hằng	Đánh

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
	<i>huy điểm mạnh</i>	cải tiến các nguồn lực về tài chính và trang thiết bị của nhà trường dành cho công tác NCKH để thực hiện hiệu quả và nâng cao chất lượng các đề tài về KHGD	KH&HTQT; - TT Nghiên cứu sáng tạo-khởi nghiệp	năm	giá hằng năm
		Tăng cường sự tham gia của các bên liên quan và nâng cao hiệu quả thực hiện và chất lượng các sản phẩm nghiên cứu khoa học giáo dục	Nhà trường Đội ngũ CB, GV	12/2021	Đánh giá hằng năm

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 3.6.2						6	

3.6.3. Kết quả nghiên cứu của trường được tích hợp và ứng dụng vào hoạt động dạy và học.

Kết quả nghiên cứu khoa học luôn được tích hợp và ứng dụng vào hoạt động dạy và học thể hiện trong quy định quản lý các hoạt động KHCN, quy định đào tạo trình độ đại học [3.6.3.01]. Những năm gần đây, Nhà trường tăng cường thực hiện chính sách khuyến khích, ưu tiên xét chọn các đề tài cấp cơ sở nghiên cứu về lĩnh vực KHGD, các hoạt động nghiên cứu có sản phẩm phát triển chương trình đào tạo, nâng cao năng lực thực hành thí nghiệm. Sản phẩm của đề tài lĩnh vực khoa học giáo dục đều được ứng dụng vào trong quá trình dạy và học [3.6.3.02].

Thực hiện quy định của Trường về việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào hoạt động dạy và học và là trường duy nhất trong hệ thống tập trung các đề tài cấp trường hàng năm cho phát triển CTĐT. Nhà trường đã thành lập Ban CDIO, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện quá trình đào tạo theo tiếp cận CDIO. Theo hướng tiếp cận CDIO, sản phẩm của các đề tài KHGD là chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, khung năng lực, khung chương trình, đề cương chi tiết học phần cũng như đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá đã được áp dụng vào hoạt động đào tạo.. Hàng năm nhà trường tổ chức đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất cải tiến cho năm sau. Sau bốn năm xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO, Nhà trường đã tổ chức hội nghị tổng kết đánh

giá những thành quả đã đạt được, tiến hành rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO, điều chỉnh hình thức dạy học theo hai phần: phần cơ sở lý thuyết và phần trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, thái độ [3.6.3.03].

Kết quả NCKH của trường là những đề tài CDIO đã được tích hợp và ứng dụng vào lĩnh vực phát triển chương trình và thay đổi PPDH. Việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện dưới dạng các đề tài khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Trường hoặc dự án. Năm 2021, Nhà trường đã triển khai 41 đề tài KHCN trọng điểm, rà soát cập nhật chương trình đào tạo với tổng kinh phí 3.397.153 đồng. Đến nay, sản phẩm khung chương trình đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của các đề tài đã hoàn thành và đưa vào giảng dạy cho sinh viên khóa 62 của Trường [3.6.3.04].

Năm 2021, Thực hiện kế hoạch phát triển CTĐT theo CDIO giai đoạn 2020 – 2022, Nhà trường chú trọng tham vấn các bên liên quan bằng nhiều hình thức, như: Tham vấn bằng phiếu, trực tiếp và tổ chức các Hội nghị tham vấn các bên liên quan, trong đó có Hội nghị tổng kết 4 năm xây dựng và phát triển CTĐT theo tiếp cận CDIO; Hội nghị đã đánh giá lại kết quả 4 năm triển khai xây dựng và tổ chức đào tạo CTĐT theo tiếp cận CDIO và mức độ đáp ứng của CTĐT với nhu cầu nghề nghiệp của các bên liên quan. Qua quá trình rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung với sự tham gia của các bên liên quan, Nhà trường đã ban hành Khung chuẩn đầu ra CTĐT các ngành đào tạo giáo viên, mục tiêu CTĐT, chuẩn đầu ra CTĐT, Khung CTĐT, Mô tả khung CTĐT, đề cương chi tiết học phần của tất cả 15 ngành sư phạm và đã được sử dụng để tổ chức đào tạo từ năm học 2021 - 2022 [3.6.3.05]

2. Điểm mạnh

Sản phẩm của các đề tài nghiên cứu KHGD đã được áp dụng vào hoạt động dạy và học. Việc rà soát, cập nhật chương trình đào tạo các ngành được thực hiện đồng bộ từ khóa đào tạo thứ 62.

3. Điểm tồn tại

Kết quả nghiên cứu đã được tích hợp và ứng dụng trong hoạt động dạy học, tuy nhiên vẫn còn chưa nhiều, chưa xứng tầm với năng lực của đội ngũ cán bộ và Nhà trường.

4. Kế hoạch khắc phục

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, <u>người thực hiện</u>	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Có giải pháp hỗ trợ nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc công bố quốc tế trong lĩnh vực KHGD	- Trung tâm nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp - Phòng KH&HTQT, - Các trường, khoa,	01/2022	12/2022

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, <u>người thực hiện</u>	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
			viện đào tạo.		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tuyên truyền phổ biến, khuyến khích ứng dụng kết quả nghiên cứu vào dạy và học	Ban CDIO và các trường, khoa, viện đào tạo	01/2022	12/2022

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 3.6.3						6	

3.6.4. Kết quả nghiên cứu của trường thúc đẩy sự phát triển, hoạch định chính sách, đổi mới khoa học giáo dục và được phổ biến trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế.

Trong những năm gần đây, Trường Đại học Vinh đã đưa ra nhiều kế hoạch, chính sách, hoạt động hỗ trợ cán bộ, GV trong việc nghiên cứu khoa học phục vụ việc thúc đẩy, đổi mới và phát triển Khoa học giáo dục. [3.6.4.1]. Nhà trường đã cử các giảng viên sư phạm chủ chốt tham gia các Hội thảo tập huấn về chuyển giao và hướng dẫn tài liệu mô đun, cũng như mở các lớp Bồi dưỡng trực tiếp và trực tuyến cho đội ngũ giáo viên phổ thông các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh nhằm mục đích nâng cao năng lực dạy học [3.6.4.2]

Cán bộ, GV của Nhà trường tham gia đề xuất và triển khai nhiều nhiệm vụ KHGD gắn liền với thực tiễn giáo dục ở địa phương cũng như trên khắp cả nước. Các đề tài KHGD tập trung giải quyết các vấn đề về đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá; ứng dụng CNTT trong dạy học; các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục ở các bậc đại học và phổ thông. Việc ứng dụng sản phẩm các đề tài KHGD này đã góp phần thúc đẩy sự đổi mới cũng như hoạch định chính sách về KHGD phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của Nhà trường và các địa phương [3.6.4.3].

Trong năm học 2020-2021, Nhà trường đã mở nhiều lớp Bồi dưỡng các mô đun 1,2,3,4,5,9 cho hơn một nghìn giáo viên thuộc đội ngũ giáo viên cốt cán bậc Trung học cơ sở, Trung học phổ thông các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên phổ thông cốt cán về Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Trường đã chủ trì biên soạn Mô đun 6 Xây dựng Văn hóa nhà trường dành cho GV và CBQL và đã được chuyển giao cho cả nước [3.6.4.4].

Các kết quả nghiên cứu KHGD của Trường được phổ biến rộng rãi trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế thông qua các hội thảo, hội nghị khoa học và công bố trên các tạp chí khoa học. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh xuất bản mỗi năm 4 số, mỗi số gồm 2 bản, thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên - kỹ thuật và khoa học xã hội - nhân văn. Năm 2020-2021 trường xuất bản 4 số 3B-2020, 4B-2020, 1B-2021 và 2B-2021 thuộc lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn có tất cả 43 bài, trong đó 23 bài thuộc về lĩnh vực KHGD, chiếm hơn 50%. Bên cạnh đó, nhiều kết quả nghiên cứu của cán bộ, GV của Trường Đại học Vinh được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín nằm trong danh mục WoS và Scopus [3.6.4.5].

Hàng năm, Hội đồng HĐKH&ĐT Nhà trường đều nghiêm túc đánh giá những đóng góp cũng như hạn chế, tồn tại của hoạt động KHCN trong giáo dục và đào tạo cũng như NCKH, từ đó đề xuất các giải pháp khắc phục nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng những kết quả nghiên cứu vào việc hoạch định chính sách, thúc đẩy sự phát triển, đổi mới KHGD cho thời gian tới [3.6.4.6], [3.6.4.8]. Năm 2021, Nhà trường đã tiến hành tổng rà soát lại các kết quả nghiên cứu lĩnh vực KHGD từ năm 2015 cho tới nay. Tính từ năm 2015 cho đến tháng 6 năm 2021, Trường Đại học Vinh đã chủ trì triển khai 389 nhiệm vụ KHCN thuộc lĩnh vực KHGD thuộc các cấp; công bố 519 kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực KHGD trên các tạp chí khoa học, kỷ yếu hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước; xuất bản 41 đầu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo [3.6.4.6].

Sau các buổi tập huấn và các lớp bồi dưỡng, Nhà trường thường xuyên khảo sát lấy ý kiến của các giáo viên, giảng viên tham gia tập huấn bồi dưỡng, nhằm đúc kết kinh nghiệm, đánh giá lại các thiếu sót trong suốt quá trình giảng dạy để khắc phục và cải thiện cho những lần tiếp theo và hơn 90% người được hỏi hài lòng [3.6.4.7].

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện chính sách khen thưởng đối với những cán bộ, GV, người học có công trình khoa học công bố trên các tạp chí quốc tế theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Năm 2021, Nhà trường đã xây dựng Quyết định về việc ban hành Quy định làm việc đối với GV. Quyết định này hướng tới việc khuyến khích cán bộ, GV đẩy mạnh việc nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng bài báo và công bố trong nước cũng như quốc tế, góp phần là nguồn tài liệu tham khảo có ý nghĩa phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu KHGD và phát triển công nghệ cũng như hợp tác quốc tế [3.6.4.8].

Cuối mỗi năm, Nhà trường đã phối hợp cùng Văn phòng ETEP rà soát và chỉnh sửa PA nhằm cải tiến chính sách và kế hoạch nghiên cứu của Nhà trường trong lĩnh vực khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên [3.6.4.9].

2. Điểm mạnh

Chiến lược NCKH&CGCN của Nhà trường đã chú trọng nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu thuộc lĩnh vực KHGD;

Những kết quả nghiên cứu của cán bộ, GV của Nhà trường được ứng dụng trong giáo dục, đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, một số kết quả/hoạt động

ngiên cứu đã góp phần hoạch định chính sách, thúc đẩy sự phát triển, đổi mới KHGD và được phổ biến trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế.

Hàng năm, Nhà trường đã nghiêm túc đánh giá những đóng góp cũng như hạn chế, tồn tại của hoạt động KHCN trong giáo dục và đào tạo cũng như NCKH để đưa ra những chính sách và quy định hỗ trợ cán bộ, GV trong việc nghiên cứu khoa học.

3. Điểm tồn tại

Số lượng bài báo, đề tài của cán bộ, GV của Nhà trường trong lĩnh vực KHGD còn khá thấp so với mặt bằng chung, nhất là những bài báo, công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Có giải pháp hỗ trợ nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc công bố quốc tế trong lĩnh vực KHGD	- Phòng KH&HTQT, - Các khoa, viện đào tạo; - Trung tâm Nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp	2021	2022
2.	Phát huy điểm mạnh	Nâng số lượng đề tài thuộc chương trình KHGD, các đề tài của các địa phương về KHGD	Phòng KH&HTQT	10/2021	12/2022
		Tăng số lượng công bố quốc tế trong nghiên cứu cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên - kỹ thuật, khoa học xã hội - nhân văn nói chung và KHGD nói riêng ứng dụng vào thực tiễn	- Phòng KH&HTQT; - Trung tâm Nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp	12/2021	12/2022

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
		giáo dục và đào tạo.			

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 3.6.4						6	

Điểm tự đánh giá tiêu chí 6

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 3.6.1						6	
Chỉ số 3.6.2						6	
Chỉ số 3.6.3						6	
Chỉ số 3.6.4						6	

Tiêu chí 7: Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới

3.7.1 Trường hỗ trợ giảng viên về mặt tổ chức để thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh đã phối hợp cùng Phòng KH&HTQT, đơn vị đầu mối của Nhà trường về lĩnh vực Khoa học Công nghệ để đưa ra những chính sách và quy định về việc thực hiện các đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, cấp Tỉnh và các cấp Bộ ngành tương đương để cán bộ và giảng viên trong trường có thể tiếp cận thông tin và lựa chọn, xác định mục tiêu nhiệm vụ [3.7.1.1].

Hàng năm, Phòng KH&HTQT tham mưu cho Nhà trường ban hành văn bản hướng xây dựng kế hoạch NCKH&CGCN các cấp và công bố rộng rãi trên website và Ioffice cho tất cả cán bộ, GV biết để tham gia. Các Hội đồng tư vấn giúp chủ nhiệm và thành viên các đề tài hoàn thiện các ý tưởng cũng như nội dung nghiên cứu của các cá nhân đề xuất. Nhà trường cũng đã mời các chuyên gia, các nhà khoa học có uy tín trong và ngoài Trường tư vấn, hỗ trợ các ứng viên trong quá trình xây dựng hồ sơ đề xuất, đấu thầu. Bên cạnh đó, Phòng KH&HTQT cung cấp đầy đủ thông tin, biểu mẫu, hướng dẫn các ứng viên xây dựng hồ sơ đúng theo qui định của cấp quản lý tương ứng [3.7.1.2].

Đối với công tác tham gia đấu thầu thực hiện các nhiệm vụ NCKH và CGCN ngoài Trường, Phòng KH&HTQT luôn kịp thời hỗ trợ các yêu cầu của các ứng viên cũng như thành lập các Hội đồng giúp Nhà trường đánh giá một cách chính xác nhất các hồ sơ đấu thầu nhằm giúp các Cán bộ, GV tăng cao khả năng trúng thầu. Nhờ các chính sách và kế

hoạch hỗ trợ hợp lý, trong vài năm qua, tỷ lệ trúng thầu các đề tài KHCN cấp Bộ của Trường Đại học Vinh đạt mức khá cao so với chỉ tiêu được Bộ giao [3.7.1.3].

Nhiều kết quả nghiên cứu của cán bộ, GV của Trường Đại học Vinh được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín. Khen thưởng năm 2020, Nhà trường thống kê được 160 bài báo thuộc danh mục WoS và Scopus [3.7.1.4].

Hằng năm, thông qua các hội nghị như: Hội nghị Cán bộ công chức của Nhà trường và các đơn vị, Hội nghị tổng kết năm học, Hội nghị Trưởng bộ môn... Nhà trường đã thu thập các ý kiến góp ý của GV về mức độ đáp ứng của Nhà trường trong việc hỗ trợ GV tổ chức để thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ được thu thập để điều chỉnh phù hợp, kịp thời nhằm nâng cao chất lượng hoạt động này của Nhà trường [3.7.1.5].

Nhà trường cũng đã giao Trung tâm Đảm bảo Chất lượng rà soát, đánh giá và đưa ra báo cáo về những mặt hạn chế và thiếu sót trong việc thực hỗ trợ các Cán bộ, GV thực hiện đề tài và chuyển giao công nghệ, để nhờ vào đó đưa ra những kế hoạch, chính sách giúp cải tiến chất lượng Trường, nhằm nâng cao và hoàn thiện hơn nữa việc hỗ trợ cán bộ, giảng viên thực hiện đề tài, nhiệm vụ khoa học phục vụ cộng đồng [3.7.1.6].

2. Điểm mạnh

Trường đã có nhiều chính sách và kế hoạch thiết thực để hỗ trợ cho cán bộ, GV tham gia công việc nghiên cứu và thực hiện đề tài các cấp;

Công tác quản lý và thực hiện các đề tài được công khai, minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có kế hoạch xác định nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên của trường.

4. Kế hoạch khắc phục

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	- Lập kế hoạch xác định nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể đối với đội ngũ cán bộ, GV của trường	Phòng KH&HTQT	2021	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ và tạo điều kiện về mặt tổ chức cho cán bộ, GV tham gia và hoàn thành nhiệm vụ NCKH hằng năm phù hợp với hoàn cảnh của mình	- Trung tâm nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp - Phòng KH&HTQT	2021	2022

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 3.7.1					5		

3.7.2. Trường xác định các hoạt động nghiên cứu khác nhau để giảng viên hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu của mình.

Hoạt động nghiên cứu khoa học là bắt buộc đối với giảng viên. Trường Đại học Vinh qui định cụ thể định mức NCKH của cán bộ, GV trong qui định về quản lý các hoạt động KHCN của Nhà trường, ngày 12/5/2021 Nhà trường đã ra QĐ số 1181/QĐ-ĐHV ngày 12/5/2021 Quy định về chế độ làm việc của giảng viên, quy định này rất linh hoạt trong việc xác định định mức NCKH của GV (trong mỗi mức có 3 nhóm khác nhau về tỷ lệ giờ dạy: giờ NCKH: giờ chuyên môn để GV có thể đăng ký phù hợp với thực tế) [3.7.2.1]. Định mức NCKH của cán bộ, GV được qui đổi thành giờ chuẩn và được qui định theo hệ số lương thành 6 mức khác nhau chế độ miễn giảm đã được qui định rõ trong quy chế tài chính mới của Nhà trường đồng thời, quy định của Nhà trường về hỗ trợ kinh phí đối với các sản phẩm KHCN có chất lượng cao vẫn được áp dụng nhằm hỗ trợ cán bộ nghiên cứu khoa học, đặc biệt là nghiên cứu khoa học giáo dục [3.7.2.3]. Để động viên khích lệ và có chế tài đối với cán bộ, giảng viên thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, Nhà trường đã lồng ghép nội dung nghiên cứu khoa học vào trong các tiêu chí thi đua hàng năm [3.7.2.2].

Sản phẩm KHCN đa dạng, bao gồm: chương trình, nhiệm vụ NCKH các cấp, bài báo, báo cáo khoa học, sách, giáo trình, hướng dẫn NCS, SV NCKH, seminar.... [3.7.2.4]; Việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học có thể được thực hiện qua các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp (ở vai trò là chủ nhiệm hay vai trò là thành viên của một đề tài nghiên cứu); công bố bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học hay Kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học; viết giáo trình, tài liệu tham khảo, hướng dẫn thạc sĩ nghiên cứu sinh làm luận văn, luận án hay làm đề tài nghiên cứu khoa học tham gia các buổi tọa đàm, báo cáo khoa học ở đơn vị [3.7.2.5]. Hàng năm, Trường thực hiện đánh giá giờ NCKH đã quy đổi của giảng viên làm cơ sở cho việc đánh giá, phân loại công chức, viên chức và bình xét thi đua khen thưởng [3.7.2.6].

Đề tài nghiên cứu của đội ngũ giảng viên Trường Đại học Vinh được thực hiện ở các cấp: cấp Trường, cấp Bộ hay cấp Quốc gia (từ quỹ Nafosted) [3.7.2.7]. Các nhiệm vụ khoa học công nghệ của Trường được xây dựng trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, cá nhân trong trường; sau đó được triển khai thực hiện dưới dạng các đề tài nghiên cứu khoa học và được xét chọn theo các lĩnh vực: khoa học tự nhiên và công nghệ; khoa học xã hội và nhân văn và khoa học giáo dục [3.7.2.8]. Trường đã thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, ban hành quy định hoạt động cùng với chính sách giảm giờ dạy chuẩn đối với các thành viên của các nhóm nghiên cứu mạnh đồng thời thực hiện giao ưu tiên thực hiện đề tài gắn với nhiệm vụ nghiên cứu của các nhóm nghiên cứu mạnh [3.7.2.9].

Từ hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, trong giai đoạn 2020-2021, đã có 17 giáo trình được xuất bản [3.7.2.9], đã có 32 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ; 120 nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm cấp trường, hơn 28 đề tài NCKH của sinh viên được thực hiện có chất lượng [3.7.2.10] [3.7.2.11]. Cuối mỗi năm học, Nhà trường thông báo kê khai và tổng hợp các hoạt động NCKH của từng GV trong năm học đó, và thông báo cụ thể đến từng GV. Kết quả kê khai cho thấy hoạt động NCKH của rất đa dạng và phù hợp với quy định của Nhà trường.

Nhà trường đã thực hiện công tác rà soát và đánh giá chính sách và kế hoạch nghiên cứu đối với đội ngũ giảng viên của trường. Cụ thể, trong báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ hằng năm, kết quả hoạt động KHCN được đánh giá, làm rõ điểm mạnh, điểm yếu trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và đề xuất các giải pháp khắc phục điểm yếu, tăng cường hoạt động KHCN [3.7.2.12]. Ngoài ra, Hội đồng KH&ĐT của Nhà trường họp, rà soát đánh giá các hoạt động nghiên cứu khoa học và điều chỉnh chương trình đào tạo CDIO [3.7.2.13]. Đồng thời, Nhà trường thực hiện thu thập ý kiến các bên liên quan về chính sách và kế hoạch xác định nhiệm vụ nghiên cứu nhằm đánh giá khách quan hơn kết quả các hoạt động nghiên cứu. Cuối mỗi năm học, Nhà trường thông báo kê khai và tổng hợp các hoạt động NCKH của từng GV trong năm học đó, và thông báo cụ thể đến từng GV. Đây là cơ sở đáng tin cậy để Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện các điều chỉnh cần thiết cho giai đoạn sắp tới [3.7.2.14].

Dựa vào kết quả thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học từ kế hoạch chiến lược KH&CN, Nhà trường đã tiến hành cải tiến quản lý các hoạt động KH&CN nhằm tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động KH&CN của giảng viên [3.7.2.15].

2. Điểm mạnh

Qui định về quản lý các hoạt động KHCN của Nhà trường được xây dựng phù hợp với thực tiễn, định kỳ rà soát, điều chỉnh nhằm tạo điều kiện cho cán bộ, GV hoàn thành được nhiệm vụ NCKH hằng năm phù hợp với hoàn cảnh của mình. Các hoạt động NCKH đa dạng, thu hút được sự tham gia đông đảo và hiệu quả của đội ngũ GV.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có phần mềm hỗ trợ tra cứu và quản lý khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Có kế hoạch xây dựng phần mềm hỗ trợ tra cứu và quản lý khoa học	- Phòng KHHTQT - TT CNTT	01/2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ và tạo điều kiện về mặt tổ chức cho cán bộ, GV tham gia và hoàn thành nhiệm vụ NCKH hằng năm phù hợp với hoàn cảnh của mình	- Trung tâm nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp - Phòng KH&HTQT	01/2022	12/2022
		Thường xuyên cập nhật và phổ biến công khai, minh bạch và rộng rãi về công tác quản lý và thực hiện các đề tài, phương tiện, thiết bị <u>phục vụ</u> nghiên cứu	- Trung tâm nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp - Phòng KH&HTQT - Trung tâm THTN - Phòng Quản trị- Đầu tư	12/2021	12/2022

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 3.7.2					5		

3.7.3. Danh sách đề tài, phương tiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu được cập nhật và công khai trong toàn Trường.

1. Mô tả

Chính sách và hệ thống quản lý hoạt động khoa học và công nghệ luôn được Nhà trường quan tâm, được cụ thể hóa thông qua: Quyết định về việc ban hành Quy định về quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Vinh; Quyết định ban hành kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHV giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030; Quyết định về việc đầu tư, khen thưởng, quy đổi giờ chuẩn giảng dạy đối với các sản phẩm khoa học và công nghệ chất lượng cao... [3.7.3.1], Quy chế chi tiêu nội bộ; thông qua các Nghị quyết của Hội đồng Trường, Nghị quyết đại hội Đảng bộ Trường [3.7.3.2]. Các chính sách và hệ thống quản lý hoạt động khoa học và công nghệ còn được thể hiện rõ thông qua

các thông báo về việc đăng ký tham gia đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KHCN trong nước và nước ngoài; Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo [3.7.3.3].

Cơ sở dữ liệu về hoạt động khoa học và công nghệ của Trường được cụ thể hóa thông qua: danh sách đề tài, chương trình nghiên cứu các cấp; kinh phí; tiến độ thực hiện; kết quả nghiên cứu được kê khai tại phần mềm kê khai hoạt động KH&CN tại cổng thông tin cán bộ; phần mềm quản lý giờ dạy (kê khai giờ dạy và giờ nghiên cứu khoa học); quy định rõ trong chức năng nhiệm vụ của Phòng KH&HTQT, Trung tâm CNTT; thông qua danh mục đề tài KHCN được triển khai... Đồng thời giảng viên có thể chủ động tiếp cận cơ sở dữ liệu về hoạt động khoa học và công nghệ của trường qua danh mục đề tài KHCN được triển khai trong năm tiếp theo [3.7.3.4].

Nhà trường thường xuyên cập nhật và công khai danh mục các đề tài NCKH đã được thực hiện nhằm cung cấp thêm thông tin, hỗ trợ cho cán bộ, GV trong việc đề xuất và thực hiện các nhiệm vụ KHCN tiếp theo. Trong lĩnh vực KHGD từ năm 2017 đến nay, đề tài các cấp đã được cán bộ, GV của Nhà trường chủ trì, trong đó có các đề tài CDIO thực hiện năm 2017, 2018, 2019, 2020 đã được công bố công khai... [3.7.3.5]. Thông tin về sản phẩm của đề tài (bản thảo giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo) cũng như ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào quá trình đào tạo cũng được chú trọng cập nhật, phổ biến rộng rãi trong toàn trường [3.7.3.6].

Các phương tiện, thiết bị hiện đại được Nhà trường đầu tư trang bị khá đầy đủ tại các phòng thực hành thí nghiệm thuộc Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm nhằm phục vụ tốt cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tại mỗi phòng thí nghiệm đều có danh mục trang thiết bị được đặt tại vị trí thuận lợi, sát với cửa chính ra vào phòng thí nghiệm; mỗi thiết bị đều có đầy đủ thông tin về tên thiết bị và hướng dẫn sử dụng tạo điều kiện cho CB và SV trong quá trình sử dụng. Danh mục và hiện trạng của hệ thống thiết bị của Trung tâm được công bố rộng rãi tới các đơn vị bằng các văn bản. Đặc biệt, các công việc phục vụ cho hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường như bảo dưỡng máy móc thiết bị; phục vụ, hỗ trợ giảng viên và sinh viên làm đề tài, nghiên cứu khoa học ... đều thể hiện trên lịch tuần, dán ở bảng thông báo của Trung tâm Thực hành Thí nghiệm, ở bảng thông báo của các tổ thực hành và cập nhật tại bảng tin ở bên ngoài các phòng thí nghiệm. Quy trình làm việc tại các phòng thí nghiệm, mẫu đơn đề nghị làm việc tại các phòng thí nghiệm, danh mục tài sản phục vụ đào tạo các ngành sư phạm... đều được công khai trên website của Nhà trường [3.7.3.7]. Mặt khác hằng năm, Trung tâm đều rà soát cơ sở vật chất, xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, mua sắm bổ sung trang thiết bị, dụng cụ trên cơ sở đề xuất của các đơn vị và phù hợp với khả năng tài chính của Trường nhằm đáp ứng tốt các yêu cầu của hoạt động giảng dạy và NCKH ở các phòng thí nghiệm. Trung tâm luôn tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho GV và người học được sử dụng các trang thiết bị phục vụ

nghiên cứu cũng như các hoạt động dạy và học [3.7.3.8]. Hệ thống trang thiết bị được đầu tư đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tốt cho công tác đào tạo và NCKH

Đặc biệt Nhà trường thường xuyên quan tâm, khích lệ cán bộ tăng cường công tác NCKH thông qua các chính sách như các Quyết định về việc khen thưởng bài báo công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín trong danh mục ISI từ kinh phí khen thưởng của Bộ giáo dục và đào tạo [3.7.3.9].

Đồng thời, Nhà trường thường xuyên thu thập ý kiến của GV và SV trên tất cả các mặt hoạt động của Nhà trường, trong đó chú trọng đến vấn đề sở vật chất, trang thiết bị, máy móc, chất lượng phục vụ công tác nghiên cứu khoa học. Kết quả năm 2021 đã có trên 90% người được hỏi hài lòng. Trên cơ sở đó nâng cao hiệu quả sử dụng trang thiết bị, từ đó nâng cao hiệu quả công tác NCKH. Bên cạnh đó hoạt động rà soát chính sách và hệ thống quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của trường và những cải tiến về chính sách và hệ thống quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Nhà trường luôn được hết sức quan tâm [3.7.3.10].

Dựa vào khuyến nghị của các Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chất lượng CSGD (năm 2018) và đánh giá chất lượng các CTĐT (các năm 2019, 2020, 2021) về chính sách và hệ thống quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, Nhà trường đã xây dựng, ban hành kế hoạch cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến giữa kỳ của cơ sở giáo dục nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động khoa học và công nghệ [3.7.3.11]. Đặc biệt Nhà trường đã cụ thể hóa các chính sách về hệ thống quản lý hoạt động khoa học và công nghệ thông qua hệ thống kê khai giờ NCKH; Quyết định về việc ban hành quy định chế độ làm việc, thời gian làm việc, NCKH... đối với giảng viên [3.7.3.12].

2. Điểm mạnh

Danh sách đề tài, phương tiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu được cập nhật và phổ biến kịp thời trong toàn Trường;

Công tác quản lý và thực hiện các đề tài nghiên cứu công khai, minh bạch;

Hệ thống trang thiết bị được đầu tư đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tốt cho công tác đào tạo và NCKH;

Vấn đề mua sắm bổ sung, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, dụng cụ hằng năm luôn được thực hiện kịp thời trên cơ sở đề xuất của các đơn vị và khả năng tài chính của Nhà trường.

Các chính sách và hệ thống quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Nhà trường được triển khai, rà soát, đánh giá và cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động NCKH về lĩnh vực KHGD chưa xứng tầm

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tìm các nguồn đầu tư ưu tiên hỗ trợ thêm kinh phí cho các hoạt động NCKH về lĩnh vực KHGD	Phòng KH&HTQT; Phòng KHTC	2021	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật và phổ biến một cách kịp thời danh sách đề tài, phương tiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu trong toàn Trường	Phòng KH&HTQT; Trung tâm CNTT; Trung tâm THTN.	2021	2022

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 3.7.3						6	

Điểm tự đánh giá tiêu chí 7

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 3.7.1					5		
Chỉ số 3.7.2					5		
Chỉ số 3.7.3.						6	
Điểm tiêu chí 7							

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 3

STT	Tiêu chí	Mức đánh giá
1	Tiêu chí 6	6.0
2	Tiêu chí 7	5.3
ĐIỂM TIÊU CHUẨN		5.65

Tiêu chuẩn 4

HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Tiêu chí 8: Hợp tác vùng, địa phương

4.8.1. Trường lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh hiện nay là một trung tâm đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ lớn. Trường đã tuyên bố Sứ mạng: *"Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế"* - (Quyết nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường ngày 01/12/2021). Ngoài nhiệm vụ giáo dục và đào tạo (phổ thông, đại học, sau đại học), Nhà trường còn được các cơ quan chức năng giao nhiệm vụ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục; bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ khác.... Đặc biệt, triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán theo Chương trình ETEP.

Để đáp ứng với nhu cầu đào tạo của từng địa phương và thích hợp với từng đối tượng cụ thể, Trường thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông trong vùng và địa phương; thực hiện các chương trình phối hợp, liên kết đào tạo với nhiều cơ quan, đơn vị trên cả nước; xây dựng hệ thống trường vệ tinh nhằm nắm bắt kịp thời nhu cầu và triển khai đào tạo, bồi dưỡng cho giáo viên và cán bộ quản lý phổ thông [4.8.1.1 - 4.8.1.6].

Thực hiện các công văn đề nghị của các đơn vị, địa phương; các thỏa thuận hợp tác giữa Nhà trường và các đơn vị, Nhà trường đã xây dựng nhiều kế hoạch cụ thể quy định về nội dung, chương trình, thời gian, cách thức bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông [4.8.1.7 - 4.8.1.12].

Trên cơ sở kế hoạch, chương trình, nội dung đã được xây dựng, Nhà trường triển khai bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên; bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên, giáo viên các trường đại học, cao đẳng tại các địa phương; bồi dưỡng năng lực tư vấn cho giáo viên làm công tác tư vấn tâm lý cho học sinh các trường phổ thông; đào tạo, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ các loại hình đào tạo ngắn hạn (ngoại ngữ, tin học...) theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ ban hành.

Thực hiện Chương trình ETEP, Trường đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh thực hiện bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán, hỗ trợ bồi dưỡng giáo viên phổ thông đại trà; bồi dưỡng giáo viên phổ thông của các trường vệ tinh về kỹ năng sư phạm để thiết kế bài giảng, thực hành môn học theo Chương trình Giáo dục phổ

thông 2018; bồi dưỡng giáo viên phổ thông của các trường vệ tinh về kỹ năng sư phạm để thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông.

Ngoài ra, Trường còn chủ động xây dựng và thực hiện bồi dưỡng tổ trưởng chuyên môn trường phổ thông; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nghệ An thực hiện bồi dưỡng cho giáo viên lớp 1, lớp 2, lớp 6 đại trà về Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 [4.8.1.13 - 4.8.1.16].

Từ năm 2019 đến năm 2020, Trường đã bồi dưỡng và cấp 24.656 lượt chứng chỉ chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm; 2.248 chứng chỉ ngoại ngữ; 2.237 chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản. Riêng năm 2021, Trường đã bồi dưỡng và cấp: 10.614 lượt chứng chỉ chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm; 195 chứng chỉ ngoại ngữ; 188 chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản.

Thực hiện Chương trình ETEP, từ năm 2019 đến năm 2020, Trường đã bồi dưỡng mô đun 1, 2, 3 cho 18.509 lượt giáo viên phổ thông cốt cán và hỗ trợ bồi dưỡng mô đun 1, 2 cho 79.186 lượt giáo viên đại trà của 3 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh. Riêng năm 2021, Trường đã bồi dưỡng 8.901 giáo viên phổ thông cốt cán của 3 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh về mô đun 4, 5, 9.

Trường cũng đã bồi dưỡng 900 tổ trưởng chuyên môn các tỉnh: Nghệ An, Thanh Hóa, Bắc Giang, Ninh Bình, Nam Định, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Thái Bình; bồi dưỡng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cho 2.344 giáo viên lớp 1, 4.177 giáo viên lớp 2 và 11.722 giáo viên lớp 6 của tỉnh Nghệ An.

Đối với các trường phổ thông vệ tinh, năm 2020, Trường đã bồi dưỡng 135 giáo viên của 15 trường về kỹ năng sư phạm để thiết kế bài giảng, thực hành môn học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; năm 2021, Trường đã bồi dưỡng cho gần 300 giáo viên về kỹ năng sư phạm để thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông theo tinh thần Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" [4.8.1.17 - 4.8.1.21].

Việc thực hiện hoạt động đào tạo và bồi dưỡng nói trên có tác động tích cực tới hoạt động dạy và học của Nhà trường. Đội ngũ giảng viên được liên tục tập huấn và tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật liên tục những vấn đề/kiến thức mới về đổi mới giáo dục phổ thông, được tương tác liên tục với giáo viên phổ thông... Điều này giúp các giảng viên có thêm tri thức thực tế và phương pháp làm việc cung cấp cho sinh viên, qua đó, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên dễ dàng tiếp cận và sát với giáo dục phổ thông.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức các hội nghị tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm rút kinh nghiệm và có những cải tiến cho năm tiếp theo; hội nghị tham vấn các bên liên quan... Các hoạt động này được tổ chức tại Trường và mời các bên liên quan tham dự

để có những đánh giá khách quan cho công tác đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên. Tại các hội nghị này, Nhà trường và các bên cùng bàn, đưa ra giải pháp tốt hơn và cùng xây dựng kế hoạch cho năm tiếp theo.

Ngoài ra, tại các khóa đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông, Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến khảo sát của người học cho biết hài lòng hoặc không hài lòng; thực hiện giám sát, đánh giá các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng theo đúng các quy định [4.8.1.22 - 4.8.1.26]. Đã có trên 90% người học đã đánh giá tốt, đặc biệt trong việc bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán theo Chương trình ETEP, Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Quản lý Chương trình ETEP Trung ương, các Sở Giáo dục và Đào tạo, các học viên đánh giá cao [4.8.1.27 - 4.8.1.29].

Các kết quả trên giúp Nhà trường điều chỉnh kịp thời những tồn tại và phát huy hơn nữa những điểm mạnh của công tác bồi dưỡng. Thông qua các hoạt động bồi dưỡng, từ phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường đã tiếp thu các ý kiến và thực hiện cải tiến chất lượng tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên; điều chỉnh chương trình đào tạo để sinh viên tốt nghiệp có thể bắt tay ngay vào thế giới việc làm [4.8.1.30 - 4.8.1.32].

Hiện nay, các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông đã và đang ngày càng tốt hơn theo đúng Sứ mạng của Nhà trường đã công bố.

2. Điểm mạnh

- Trường đã có kế hoạch cụ thể cho các khóa bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông; nội dung đào tạo bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

- Nhà trường đã đóng vai trò tiên phong, chủ động trong việc hỗ trợ các địa phương về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng; chủ động phối hợp với các địa phương và các đơn vị ngoài trường có kế hoạch và triển khai hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục. Việc thực hiện hoạt động đào tạo và bồi dưỡng nói trên có tác động tích cực tới hoạt động dạy và học của Nhà trường.

- Các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông thực hiện tốt, được đánh giá cao.

3. Điểm tồn tại

- Đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông mới chỉ tập trung tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Mở rộng mạng lưới liên kết đào tạo, bồi dưỡng để thực hiện cho nhiều địa phương hơn	- Phòng ĐT - TT GDTX - TT BD NVSP - Các khoa/viện - Phòng KH-TC	2020	2022 (hàng năm)
1.	Phát huy điểm mạnh	Triển khai có hiệu quả các đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục	- TT GDTX - TT BD NVSP - Các khoa/viện - Phòng KH-TC	2020	2022 (hàng năm)
2.		Bố trí hợp lý nhân lực của Nhà trường để triển khai các chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục	- Phòng TCCB - Phòng ĐT - TT GDTX - TT BD NVSP - Các khoa/viện	2020	2022 (hàng năm)

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.8.1						6	

4.8.2. Trường thường xuyên phối kết hợp với các trường đại học và các bên có liên quan triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục.

1. Mô tả

Việc tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa nhà trường, địa phương và các doanh nghiệp để triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ là rất quan trọng đối với các cơ sở giáo dục đại học hiện nay. Chính vì vậy, Trường Đại học Vinh đã xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu hội nhập và cạnh tranh với thị trường lao động trong nước. Nhà trường đã xây dựng và ban hành , Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐH Vinh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030 và Dự thảo Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐH Vinh, giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045; Chiến lược

phát triển khoa học và công nghệ Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025 để triển khai thực hiện tốt các hoạt động về khoa học giáo dục [4.8.2.1].

Để hợp tác triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục, Nhà trường đã ký nhiều thỏa thuận với các trường đại học và các bên liên quan trong vùng, địa phương. Nhà trường cũng đã lập kế hoạch khảo sát nhu cầu của các trường đại học và các bên liên quan trong vùng, địa phương để đáp ứng tốt nhu cầu xã hội khi xây dựng, phát triển các chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng và các xác định các nhiệm vụ, đề tài, chương trình nghiên cứu. Đặc biệt, triển khai thực hiện Chương trình ETEP, Nhà trường đã ký thỏa thuận hợp tác với các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở và tiểu học trên địa bàn tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh; ký thỏa thuận hợp tác với Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh để phối hợp tổ chức các hoạt động, sự kiện về khoa học giáo dục [4.8.2.2 - 4.8.2.6].

Ngoài ra, sự tham gia của Trường vào mạng lưới trường sư phạm và các hoạt động phát triển hợp tác phản ánh các mục tiêu giáo dục của Trường: *Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công*. Từ đó, Trường đã xây dựng và thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển lĩnh vực Sư phạm giai đoạn 2018 - 2022, tầm nhìn 2030 [4.8.2.7].

Từ các thỏa thuận hợp tác, từ các nhu cầu của các trường đại học và các bên liên quan trong vùng, địa phương, Trường xây dựng và ban hành các kế hoạch, chương trình tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo để bàn các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục. Tiêu biểu như Hội nghị vật lý lý thuyết toàn quốc lần thứ 37, Hội nghị "*Hợp tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong giai đoạn mới*", Hội thảo nghiên cứu phát triển các sản phẩm tự nhiên lần thứ V, Hội thảo khoa học quốc gia "*Xây dựng tiêu chí chất lượng đội ngũ nhà giáo cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*", Hội thảo khoa học quốc tế "*Đào tạo bồi dưỡng giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông và giảng viên sư phạm*", Hội thảo khoa học "*Đổi mới hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên ngữ văn đáp ứng mô hình giáo dục phát triển năng lực*", Hội thảo khoa học "*Nghiên cứu và dạy học Toán đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay*", Hội nghị quốc tế "*Quang học phi tuyến và vật liệu mới*", Hội nghị "*Hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Nước CHDCND Lào trong thời kỳ hội nhập*", Hội thảo quốc tế "*Chương trình giảng dạy tiếng Anh*", Hội nghị Quốc tế "*Các xu thế trong Quang học đương đại*", Hội thảo khoa học quốc tế "*Phát triển chương trình, tổ chức đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực*". Năm 2021, Nhà trường đăng cai tổ chức Hội nghị lần thứ 7 về khoa học tự nhiên dành cho các nhà khoa học trẻ, học viên cao học và nghiên cứu sinh đến từ các nước ASEAN; Hội thảo Quốc tế về Phương pháp giảng dạy tiếng Anh VietTESOL 2021... [4.8.2.8 - 4.8.2.9].

Thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, chương trình giáo dục địa

phương là nội dung bắt buộc đưa vào nội dung dạy học, Trường đã phối hợp với các Sở Giáo dục và Đào tạo ở các địa phương biên soạn, hoàn thiện nội dung để giảng dạy trong những năm tới. Nhằm đáp ứng yêu cầu dạy học theo Chương trình mới cho sinh viên sư phạm, Nhà trường khuyến khích giảng viên đưa bối cảnh địa phương vào các hoạt động giảng dạy trong trường, đặc biệt trong việc giảng dạy sinh viên các ngành sư phạm Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý... Phục vụ bồi dưỡng thường xuyên giáo viên phổ thông của các tỉnh, Nhà trường cũng đã xây dựng học liệu môn học Địa phương học cho các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh [4.8.2.10 - 4.8.2.11].

Thực hiện Chương trình ETEP, năm 2020, Trường Đại học Vinh đã ký kết thỏa thuận hợp tác với 12 trường trung học phổ thông, trung học cơ sở và tiểu học trên địa bàn tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh. Nhà trường đã tổ chức Hội thảo - Tập huấn bồi dưỡng giáo viên của các trường về kỹ năng sư phạm để thiết kế bài giảng, thực hành môn học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Năm 2021, thực hiện Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *"Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"*, Trường đã tổ chức Hội thảo - Tập huấn bồi dưỡng giáo viên phổ thông của các trường về kỹ năng sư phạm để thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông.

Thực hiện Đề án Ngoại ngữ Quốc gia, từ 22/10 đến 24/10/2021, Trường Đại học Vinh đã chủ trì, phối hợp với Phân hội Nghiên cứu và giảng dạy tiếng Anh Việt nam (VietTESOL) và Ban Quản lý Đề án Ngoại ngữ Quốc gia tổ chức Hội thảo Quốc tế về Phương pháp giảng dạy tiếng Anh VietTESOL 2021 theo hình thức trực tuyến [4.8.2.12 - 4.8.2.16].

Từ sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo Nhà trường, hoạt động phối hợp triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục tại Trường đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Các sự kiện về khoa học giáo dục do Nhà trường tổ chức rất thành công, được Bộ Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, trường phổ thông cũng như các đối tác trong nước và quốc tế đánh giá cao.

Thông qua các sự kiện này, Nhà trường nhận được nhiều chia sẻ từ các chuyên gia, các học giả và người học qua đó để trường cải thiện tốt hơn môi trường giáo dục, phù hợp với sứ mệnh của nhà trường và sự phát triển của xã hội. Bên cạnh đó, các diễn đàn đã mở ra cho nhà trường nhiều thỏa thuận hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ [4.8.2.17 - 4.8.2.20].

Hàng năm, Nhà trường làm tốt công tác báo cáo, đánh giá việc triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục [4.8.2.21 - 4.8.2.22].

Từ năm 2018, căn cứ kết quả đánh giá ngoài chất lượng cơ sở giáo dục Trường Đại học Vinh và các khuyến nghị của các Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chất lượng các CTĐT theo tiêu chuẩn quốc gia và chuẩn AUN-QA, căn cứ các báo cáo tổng kết năm học,

báo cáo của Hiệu trưởng tại Hội nghị cán bộ, viên chức..., để làm tốt các hoạt động nói chung và công tác phối kết hợp với các trường đại học và các bên có liên quan triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục nói riêng, Nhà trường đều có kế hoạch cải tiến hàng năm và triển khai tốt kế hoạch cải tiến [4.8.2.23 - 4.8.2.25].

2. Điểm mạnh

- Trường thường xuyên phối kết hợp với các trường đại học và các bên có liên quan để tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục, được đánh giá có vai trò quan trọng trong các hoạt động.

- Sự tham gia của Trường vào mạng lưới trường sư phạm và các hoạt động phát triển hợp tác phản ánh các mục tiêu giáo dục của Trường; giúp các trường chia sẻ kinh nghiệm, cải tiến chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học...

3. Điểm tồn tại

- Chưa phát huy hết các thỏa thuận hợp tác với các địa phương để tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Phối hợp với các địa phương để tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục như hội nghị, hội thảo; các hoạt động về chuyển giao khoa học và công nghệ	- Phòng Đào tạo - TT DV, HTSV&QHDN	2020	2022 (hàng năm)
1.	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức thêm các sự kiện về khoa học giáo dục (ngoài hội nghị, hội thảo) với các trường đại học trong và ngoài nước, với các đơn vị và địa phương trong nước	- Phòng Đào tạo - Phòng KH&HTQT - TT DV, HTSV&QHDN	2020	2022 (hàng năm)
2.		Triển khai nhiều hoạt động hơn trong mạng lưới các trường sư phạm	- Phòng Đào tạo - BQL ETEP	2020	2022 (hàng năm)

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.8.2					5		

Điểm tự đánh giá tiêu chí 8

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.8.1						6	
Chỉ số 4.8.2					5		
Điểm tiêu chí 8	5.5						

Tiêu chí 9: Hợp tác quốc tế

4.9.1. Trường có chính sách khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản trong mạng lưới này.

1. Mô tả

Trong bối cảnh hội nhập, hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng hiện đại, tiếp cận nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên, Trường Đại học Vinh luôn coi trọng việc khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản trong mạng lưới này. Nhà trường đã cụ thể hóa các mục tiêu cụ thể và giải pháp hoạt động hợp tác quốc tế trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030; ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức và người lao động; quy chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức học tập, công tác ở nước ngoài; quy chế quản lý việc ra nước ngoài của cán bộ, công chức và viên chức... [4.9.1.1 - 4.9.1.4].

Tạo cơ chế để các bên liên quan tham gia vào việc xây dựng chính sách hợp tác quốc tế, trước khi ban hành các Quy định, Quy chế, Nhà trường đều xin ý kiến rộng rãi cán bộ, viên chức toàn trường để đảm bảo Quy định, Quy chế ban hành phù hợp, sát thực tế [4.9.1.5 - 4.9.1.7].

Nhằm khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản, Nhà trường quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ về nguồn kinh phí hỗ trợ cho cán bộ, giảng viên, học sinh, sinh viên tham gia trao đổi và hợp tác quốc tế; quy định quyền lợi của viên chức, người lao động được đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài trong Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức và người lao động. Ngoài ra, Trường còn có các quy định ưu tiên, miễn giảm giờ dạy, giờ nghiên cứu khoa học cho cán bộ làm công tác hợp tác quốc tế [4.9.1.8 - 4.9.1.9].

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch năm học, trong đó chú trọng kế hoạch

hợp tác quốc tế và kế hoạch thực hiện chính sách khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản [4.9.1.10 - 4.9.1.12].

Thực hiện kế hoạch hợp tác quốc tế và kế hoạch thực hiện chính sách khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản, Nhà trường đã tăng cường thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trong đó chú trọng bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, viên chức bằng việc triển khai thực hiện Đề án nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh tại Trường Đại học Vinh; thường xuyên kiểm tra trình độ và mở nhiều lớp bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ giảng dạy. Đối với sinh viên, Nhà trường bắt buộc sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh theo quy định Chuẩn đầu ra. Ngoài ra, Nhà trường còn mở nhiều khóa học tiếng Hàn Quốc, Nhật Bản, Đức miễn phí cho cán bộ, sinh viên [4.9.1.13 - 4.9.1.17].

Nhờ có các chính sách, kế hoạch hợp lý, Nhà trường đã có nhiều cán bộ, giảng viên tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản bằng cách tham gia trao đổi kinh nghiệm về quản trị đại học, đào tạo, nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài; làm Văn phòng đại diện tại các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Úc... Nhà trường cũng đã có nhiều cơ hội mới với các thỏa thuận hợp tác quốc tế, đồng thời phối hợp với các trường đại học nước ngoài, các tổ chức quốc tế tổ chức nhiều hội nghị có chất lượng, tham gia nhiều diễn đàn, triển lãm giáo dục khác do các trường đại học nước ngoài tổ chức. Nhiều cán bộ, giảng viên có công trình nghiên cứu khoa học đăng trên các tạp chí uy tín được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Vinh khen thưởng... Đối với sinh viên, đa số sinh viên có trình độ ngoại ngữ tốt; nhiều em được tham gia trao đổi văn hóa với các nước trong khu vực và quốc tế như Lào, Trung Quốc, Thái Lan, đi thực tập sinh tại Israel, đi du học tại Úc... [4.9.1.18 - 4.9.1.23].

Hàng năm, Nhà trường đều có báo cáo về tình hình cán bộ, giảng viên tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản [4.9.1.24 - 4.9.1.26].

Nhà trường đều có kế hoạch cải tiến, có báo cáo giữa kỳ kiểm định chất lượng nêu rõ các giải pháp để cải tiến các chính sách và kế hoạch [4.9.1.27 - 4.9.1.28].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã có nhiều chính sách tạo cơ chế cho các bên liên quan tham gia vào việc xây dựng chính sách hợp tác quốc tế, hỗ trợ cho cán bộ, giảng viên, học sinh, sinh viên tham gia trao đổi và hợp tác quốc tế.

- Trường chú trọng bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, viên chức; mở nhiều khóa học tiếng Hàn Quốc, Nhật Bản miễn phí cho cán bộ, sinh viên để khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản.

- Nhà trường đã có nhiều cán bộ, giảng viên tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội

thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản bằng cách tham gia trao đổi kinh nghiệm về quản trị đại học, đào tạo, nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài; làm Văn phòng đại diện tại các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Úc...

- Hoạt động hợp tác quốc tế đã hướng tới nhiều trung tâm, khu vực có giáo dục đại học phát triển mạnh, trong đó đặc biệt là phát triển về đào tạo giáo viên và khoa học giáo dục như Hoa Kỳ, EU, các nước Đông Âu, Mạng lưới các trường đại học ASEAN.

3. Điểm tồn tại

- Chính sách khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án về nghiên cứu còn ít, chủ yếu là đi đào tạo, bồi dưỡng.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Xây dựng các chính sách mới nhằm khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án về nghiên cứu khoa học	- Phòng KH&HTQT	2020	2022 (hàng năm)
1.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng các chính sách tạo cơ chế cho các bên liên quan tham gia vào việc xây dựng chính sách hợp tác quốc tế, hỗ trợ cho cán bộ, giảng viên, học sinh, sinh viên tham gia trao đổi và hợp tác quốc tế	- Phòng KH&HTQT - Các đơn vị	2020	2022 (hàng năm)
2.		Chú trọng bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, viên chức; mở nhiều khóa học tiếng Hàn Quốc, Nhật Bản, Đức miễn phí cho cán bộ, sinh viên	- Phòng KH&HTQT - Các đơn vị	2020	2022 (hàng năm)
2.		Phát huy vai trò của cán bộ tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản; Văn phòng đại diện	- Phòng KH&HTQT - Các khoa, viện	2020	2022 (hàng năm)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
		tại các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Úc...			
3.		Xây dựng kế hoạch tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế về đào tạo giáo viên, khoa học giáo dục đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới	- Phòng KH&HTQT - Các đơn vị	2020	2022 (hàng năm)

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.9.1					5		

4.9.2. Trường hỗ trợ phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài; tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng.

1. Mô tả

Nhằm thực hiện tốt việc liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài Nhà trường xác định chính sách, kế hoạch thông qua Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030 và tạo những chính sách hợp lý bằng Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường, Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức và người lao động [4.9.2.1 - 4.9.2.3].

Hiện nay, chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài của Nhà trường đang được triển khai xây dựng hướng đến đa dạng và bền vững. Nhà trường đã ký thỏa thuận hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng với các Sở Giáo dục và Đào tạo của Lào, các trường đại học của Thái Lan, Trường Đại học Giáo dục Hồng Kông, Đài Loan; hợp tác phát triển giáo dục và tăng cường sự hiểu biết đa chiều với trường đại học ở Hàn Quốc. Song song đó, Nhà trường cử nhiều cán bộ, giảng viên tham gia các chương trình trao đổi giảng viên; tiếp nhận, trao đổi chương trình học với lưu học sinh Lào và Thái Lan; cử sinh viên đi học tập và thực tập tại Isarel, tu nghiệp sinh tại Úc... Chỉ tính năm 2021, Trường đã ký kết 5 thỏa thuận hợp tác với 5 tổ chức, đơn vị [4.9.2.4 - 4.9.2.7].

Từ các trao đổi quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, Nhà trường đã được đánh giá cao và ghi nhận. Tiêu biểu là đã được Chính phủ Nước Cộng hòa dân chủ

nhân dân Lào 3 lần tặng Huân chương Hữu nghị và 1 lần tặng Huân chương Lao động hạng Ba. Đây là ghi nhận quý báu cho sự cố gắng và phấn đấu của Nhà trường trong việc xây dựng và phát triển thương hiệu, phát triển liên kết đào tạo và hợp tác quốc tế [4.9.2.8].

Trong những năm gần đây, giới tính, môi trường, toàn cầu hóa là những nội dung quan trọng, cấp thiết được tích hợp trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường. Trường Đại học Vinh quy định về việc tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa trong phát triển chương trình đào tạo và bồi dưỡng; đặc biệt là kỹ năng để phát triển sinh viên trở thành người công dân toàn cầu. Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường như giảm thiểu, thu gom, phân loại, tái sử dụng và tái chế rác thải nhựa; mô hình tự quản sống xanh trong các khu ký túc xá của các trường đại học; tập huấn bảo vệ môi trường cho sinh viên sư phạm... Thực hiện Chương trình ETEP, Trường Đại học Vinh đã hợp tác nghiên cứu và chuyển giao về phát triển chương trình tài liệu bồi dưỡng tư vấn tâm lý học đường cho giáo viên phổ thông khu vực Bắc Trung Bộ. Ngoài ra, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp của Nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa về giới tính, sức khỏe sinh sản, bảo vệ môi trường cho sinh viên [4.9.2.9 - 4.9.2.13].

Nhằm làm tốt hơn việc hỗ trợ phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài, Nhà trường khảo sát giảng viên và người học về nội dung trên [4.9.2.14].

Hàng năm, Nhà trường đều có báo cáo về tình hình phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài [4.9.2.15 - 4.9.2.16].

Nhà trường có kế hoạch và triển khai cải tiến việc hỗ trợ phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài; tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng [4.9.2.17 - 4.9.2.18].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã ký nhiều thỏa thuận hợp tác để liên kết bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài.

- Nhà trường đã được đánh giá cao và ghi nhận sự cố gắng và phấn đấu trong việc xây dựng và phát triển thương hiệu, phát triển liên kết đào tạo và hợp tác quốc tế.

- Đã có sự tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa trong các chương trình đào tạo và bồi dưỡng của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

- Chưa khảo sát giảng viên và người học đánh giá kết quả hoạt động hỗ trợ và phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường

đại học và các đối tác nước ngoài.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Triển khai lấy ý kiến giảng viên và người học đánh giá kết quả hoạt động hỗ trợ và phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài	- Đào tạo - Các khoa, viện - Trung tâm DV, HTSV&QHĐN	2020	2022 (hàng năm)
1.	Phát huy điểm mạnh	Phát triển và ký kết thỏa thuận với các đối tác nước ngoài mới để thực hiện liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học	- Phòng KH&HTQT - Các khoa, viện	2020	2022 (hàng năm)
2.		Tiếp tục xây dựng các giải pháp trong việc xây dựng và phát triển thương hiệu, phát triển liên kết đào tạo và hợp tác quốc tế để nâng cao chất lượng hoạt động	- Phòng KH&HTQT - Phòng Đào tạo - Các khoa, viện	2020	2022 (hàng năm)

5. Điểm tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.9.2					5		

4.9.3. Trường có chính sách và triển khai thực hiện để giảng viên và người học đạt được mức độ thông thạo ngoại ngữ theo quy định.

1. Mô tả

Trong giai đoạn hiện nay, ngoại ngữ là yếu tố rất quan trọng đối với cơ sở giáo dục đại học. Đối với Trường Đại học Vinh, Nhà trường xác định trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030 là Nâng cao năng lực tiếng Anh và CNTT cho người học để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0. Từ đó, Nhà trường có quy định trình độ ngoại ngữ

của giảng viên và người học các chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng. Cụ thể đối với cán bộ, tiêu chuẩn để tuyển dụng vào vị trí giảng viên phải có trình độ ngoại ngữ bậc 4/B2 hoặc tương đương trở lên. Riêng giảng viên của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ khi tuyển đầu vào phải có trình độ tiếng Anh bậc 5/C1 quốc tế. Đối với sinh viên, học viên cao học thạc sĩ, từ khóa tuyển sinh năm 2013, Nhà trường quy định chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với sinh viên và cao học thạc sĩ là bậc 3/B1 [4.9.3.1 - 4.9.3.4].

Để cán bộ, giảng viên và người học đạt được mức độ thông thạo ngoại ngữ theo quy định, từ năm 2014, Nhà trường đã ban hành Đề án nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh ở Trường Đại học Vinh. Nhà trường tham gia Đề án Ngoại ngữ Quốc gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức đào tạo, thi cấp chứng nhận ngoại ngữ 6 bậc (tương đương Khung tham chiếu Châu Âu) theo đúng các quy định hiện hành [4.9.3.5 - 4.9.3.7].

Trường thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh theo hình thức trực tuyến, tại chỗ cho cán bộ, viên chức; có lộ trình cụ thể để ngày càng nâng cao và chuẩn hóa trình độ ngoại ngữ của cán bộ, đặc biệt là cán bộ trẻ theo thời gian công tác. Đối với sinh viên, Nhà trường đã tổ chức nhiều mô hình câu lạc bộ tiếng Anh cho sinh viên tham gia; tổ chức không gian học tiếng Anh...; thông qua các tổ chức quốc tế và các trường đại học, Trường cũng mời các chuyên gia nước ngoài về trực tiếp dạy ngoại ngữ cho sinh viên [4.9.3.8 - 4.9.3.12].

Nhờ các giải pháp trên, năng lực ngoại ngữ của cán bộ, giảng viên, sinh viên đã được cải thiện. Kết quả khảo sát, đánh giá trình độ ngoại ngữ của giảng viên hàng năm có nhiều tiến bộ; kết quả học ngoại ngữ của sinh viên được chú trọng và đạt được nhiều kết quả tốt [4.9.3.13 - 4.9.3.14]. Tuy nhiên một số giảng viên vẫn chưa thành thạo việc giao tiếp bằng tiếng Anh; kết quả học ngoại ngữ của một số sinh viên vẫn đang còn thấp.

Riêng đối với cán bộ, viên chức, trình độ ngoại ngữ gắn liền với chính sách nhân sự và việc làm. Hàng năm, Nhà trường tiến hành kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ nghiêm túc và được thông báo công khai, được đem vào xếp loại thi đua. Từ năm 2016, Trường ban hành và áp dụng Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh; Quy định về công tác bổ nhiệm cán bộ; Quy định về bổ nhiệm giảng viên chính, các chức danh Giáo sư và Phó giáo sư. Trong đó quy định rất rõ về những vị trí việc làm nào, chức danh nào sẽ cần trình độ ngoại ngữ tương đương để tất cả giảng viên biết và cải thiện năng lực ngoại ngữ của mình, nhằm đáp ứng được yêu cầu của nhà trường và xã hội [4.9.3.15 - 4.9.3.18].

Để giảng viên và người học đạt được mức độ thông thạo ngoại ngữ theo quy định, Nhà trường đánh giá thông qua khảo sát giảng viên và người học qua điều tra thống kê. Nhà trường đã có các kế hoạch cải tiến chính sách về ngoại ngữ trong Trường [4.9.3.19].

Hiện nay, đối với sinh viên Nhà trường đã rà soát, ban hành chuẩn đầu ra ngoại ngữ mới; đối với cán bộ, giảng viên, Nhà trường xây dựng, ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị, viên chức và người lao động [4.9.3.20 - 4.9.3.22].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có chiến lược và quy định về việc nâng cao năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên.

- Các khóa bồi dưỡng về năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, giảng viên đã được Nhà trường tổ chức thường xuyên.

- Nhà trường đã gắn trình độ ngoại ngữ với chính sách nhân sự và việc làm; thực hiện kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ hàng năm đối với cán bộ, viên chức toàn trường.

- Tổ chức được nhiều hội thảo khoa học quốc tế; có nhiều môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh.

3. Điểm tồn tại

- Một số giảng viên vẫn chưa thành thạo việc giao tiếp bằng tiếng Anh.

- Kết quả học ngoại ngữ của một số sinh viên vẫn đang còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Xây dựng quy định cứng để giảng viên thành thạo trình độ ngoại ngữ, giao tiếp bằng ngoại ngữ	- Ban Giám hiệu - Các khoa, viện	2020	2022 (hàng năm)
2.		Xây dựng giải pháp hỗ trợ để tất cả sinh viên nâng cao kết quả học và thi ngoại ngữ của sinh viên	- Phòng Đào tạo - Các khoa, viện - Đoàn TN, Hội SV	2020	2022 (hàng năm)
1.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện chiến lược và quy định về việc nâng cao năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên	- Ban Giám hiệu - Phòng TCCB - Các khoa, viện	2020	2022 (hàng năm)
2.		Thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, giảng viên	- Phòng TCCB - Khoa SP Ngoại ngữ - Các khoa, viện	2020	2022 (hàng năm)
3.		Tiếp tục xây dựng các quy định, quy chế gắn trình độ ngoại ngữ với	- Phòng TCCB - Khoa SP Ngoại ngữ	2020	2022 (hàng năm)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
		chính sách nhân sự và việc làm; thực hiện kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ hàng năm đối với cán bộ, viên chức toàn trường	- Các khoa, viện		

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 4.9.3					5		

Điểm tự đánh giá tiêu chí 9

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 4.9.1					5		
Chỉ số 4.9.2					5		
Chỉ số 4.9.3					5		
Điểm tiêu chí 9	5.0						

Tiêu chí 10: Hợp tác với các tổ chức khác

4.10.1. Trường cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác theo nhiều mục tiêu khác nhau.

1. Mô tả

Để thực hiện sứ mạng của Nhà trường đã tuyên bố, Trường xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030; Kế hoạch chiến lược phát triển lĩnh vực Sư phạm của trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2022, tầm nhìn 2030 [4.10.1.1 - 4.10.1.3].

Triển khai các kế hoạch chiến lược, ngoài duy trì đào tạo đại học, sau đại học tại Trường, Trường đã tổ chức đào tạo thạc sĩ tại Trường Đại học Tây Nguyên, Trường Đại học Sài Gòn, Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Đại học SPKT Vĩnh Long, Trường Đại học KTCN Long An, Trường Đại học Đà Lạt. Với hình thức này, Trường Đại học Vinh đã trực tiếp hỗ trợ đào tạo tại chỗ cho giảng viên, cán bộ quản lý của các trường hiệu quả nhất. Ngoài ra, được sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường cũng đã triển khai đào tạo sinh viên đại học chính quy các ngành chất lượng cao, trong đó có ngành Sư phạm Toán học - chất lượng cao, Sư phạm Tiếng Anh - Lớp tài năng nhằm cung cấp nguồn giáo

viên dạy Toán cho hệ thống giáo dục và đào tạo khu vực và cả nước [4.10.1.4 - 4.10.1.5].

Từ khi thành lập đến nay, Nhà trường đã đào tạo và cung cấp cho khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước trên 170.000 cử nhân sư phạm, cử nhân khoa học và kỹ sư, 13.366 thạc sĩ và 244 tiến sĩ; số học sinh tốt nghiệp THPT là 8.805 em (có 12 em đoạt các giải Toán quốc tế và giải Toán khu vực châu Á - Thái Bình Dương, 236 em đoạt giải quốc gia). Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm chiếm trên 90%. Sinh viên tốt nghiệp từ Trường Đại học Vinh được đào tạo toàn diện về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, kỹ năng sống... nên khi ra trường sớm khẳng định được năng lực chuyên môn, được các nhà tuyển dụng đánh giá cao. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế lớn trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, nhiều cán bộ chất lượng cao của Nhà trường cũng được mời, cử và chuyển đến các trường đại học, cao đẳng khác để tham gia giảng dạy, quản lý, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho các trường theo nhiều mục tiêu khác nhau [4.10.1.6 - 4.10.1.7].

Để thực hiện tốt nhiệm vụ cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác, Trường đã thường xuyên theo dõi cựu cán bộ, sinh viên của trường, khảo sát lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và người học về chính sách và kế hoạch cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao [4.10.1.8 - 4.10.1.9].

Hàng năm, Nhà trường tổng kết việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo của Hiệu trưởng tại Hội nghị cán bộ, viên chức. Từ năm 2018, căn cứ thêm kết quả đánh giá ngoài cơ sở giáo dục Trường Đại học Vinh năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng, Đại học Quốc gia Hà Nội, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến để làm tốt việc khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản [4.10.1.10 - 4.10.1.11].

Để tiếp tục cải tiến hoạt động cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác, Trường đã đầu tư phát triển, hoàn thiện mô hình, quy trình và các chương trình đào tạo đại học theo tiếp cận CDIO, trong đó tập trung chú trọng: vi chỉnh khung chương trình, đề cương chi tiết các học phần; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng và đưa vào sử dụng bài giảng E-learning để tạo điều kiện thuận lợi cho người học và nâng cao chất lượng đào tạo; xây dựng và áp dụng đào tạo các chương trình tiên tiến và chất lượng cao [4.10.1.12].

2. Điểm mạnh

- Trường có đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở nhiều trình độ: đại học, sau đại học.

- Nhiều cán bộ chất lượng cao của Nhà trường cũng được mời, cử và chuyển đến

các trường đại học, cao đẳng khác để tham gia giảng dạy, quản lý, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho các trường.

3. Điểm tồn tại

- Việc khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản còn chưa kịp thời

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản	- Phòng TCCB - Phòng ĐT	2020	2022
1.	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng và triển khai đào tạo đại học hệ chất lượng cao các ngành sư phạm (SP Hóa học, SP Ngữ văn, SP Tiếng Anh); đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành phương pháp giảng dạy	- Ban Giám hiệu - Phòng ĐT - Phòng ĐT SDH	2020	2022
2.		Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện liên kết với cơ sở đào tạo, cơ quan, đơn vị để tăng thêm nguồn thu cho Nhà trường, tăng thêm thu nhập hợp pháp cho cán bộ, giảng viên năm sau cao hơn năm trước nhằm giữ cán bộ, giảng viên	- Ban Giám hiệu - Phòng ĐT - Phòng ĐT SDH - TT GDTX	2020	2022

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
Chỉ số 4.10.1					5		

4.10.2. Trường tham gia mạng lưới các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác nhằm chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn.

1. Mô tả

Là trường đào tạo giáo viên với nhiều trình độ khác nhau, Trường luôn chú trọng xây dựng mối liên hệ với các trường đại học, cao đẳng sư phạm trong cả nước. Hiện nay, Trường là một đơn vị lớn, có vị thế trong mạng lưới các trường đại học sư phạm. Trường là 1 trong 8 trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, được tham gia và thụ hưởng Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP). Ngoài ra, Trường tham gia Câu lạc bộ Hiệu trưởng các trường đại học sư phạm (*gồm các trường: Trường ĐHSPT Hà Nội, Trường ĐHSPT Hà Nội 2, Trường ĐHSPT TP. HCM, Trường ĐHSPT Huế, Trường ĐHSPT - Đại học Thái Nguyên, Trường ĐHSPT - Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Vinh và Trường Đại học Đồng Tháp*); tham gia Câu lạc bộ Giám đốc Trung tâm GDTX tỉnh, thành phố toàn quốc, có nhiều giải pháp để cùng trao đổi, hợp tác triển khai các hình thức liên kết đào tạo tốt nhất, tạo cơ hội để Nhà trường cũng như các đối tác liên kết cùng phát triển; tham gia Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA), Hiệp hội CDIO quốc tế... [4.10.2.1 - 4.10.2.3].

Nhằm thể hiện vai trò, vị trí của trường trong mạng lưới các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác trong việc chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, đặc biệt là chính sách hợp tác với các trường sư phạm và các trường khác, năm 2019, Trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển lĩnh vực Sư phạm của Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2022, tầm nhìn 2030 [4.10.2.4].

Thực hiện nhiệm vụ của mình trong mạng lưới các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác, Nhà trường và các đơn vị, cá nhân thuộc Trường đã tích cực tham gia các hoạt động như thực hiện các đề tài, nhiệm vụ trong Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP); tham gia các hoạt động chung của Câu lạc bộ và chủ trì tổ chức Hội nghị Hiệu trưởng các trường đại học sư phạm với nhiều kết quả hợp tác tốt đẹp; tham gia các hội nghị của Câu lạc bộ Giám đốc Trung tâm GDTX tỉnh, thành phố toàn quốc [4.10.2.5 - 4.10.2.10].

Cùng với các hoạt động kiểm tra, giám sát trong Chương trình ETEP, từ năm 2018, căn cứ kết quả đánh giá ngoài cơ sở giáo dục Trường Đại học Vinh năm 2017 của Trung

tâm Kiểm định chất lượng, Đại học Quốc gia Hà Nội, để thực hiện tốt vai trò của mình trong mạng lưới các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác nhằm chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, Nhà trường đều có kế hoạch cải tiến hàng năm và triển khai tốt kế hoạch cải tiến [4.10.2.11 - 4.10.2.12].

2. Điểm mạnh

- Trường được thụ hưởng Chương trình ETEP; tham gia Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA), Hiệp hội CDIO quốc tế.

- Trường tham gia Mạng lưới các trường đại học sư phạm, Câu lạc bộ Hiệu trưởng các trường đại học sư phạm, Câu lạc bộ Giám đốc Trung tâm GDTX tỉnh, thành phố toàn quốc.

3. Điểm tồn tại

- Việc tham gia Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA) mới chỉ có các hoạt động kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Đề xuất và tham gia nhiều hoạt động khác của Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA)	- Phòng ĐT - Trung tâm GDTX - Trung tâm BD NVSP - Trung tâm ĐBCL - Trung tâm KĐCLGD	2020 2020	2022 (hàng năm)
1.	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện tốt các nhiệm vụ thuộc Chương trình ETEP; xây dựng các kế hoạch và nội dung hoạt động tham gia Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA) và Hiệp hội CDIO quốc tế	- Phòng ĐT - Phòng KH&HTQT - BQL ETEP	2020	2022 (hàng năm)
2.		Xây dựng kế hoạch cụ thể để tham gia hoạt động của Mạng lưới các trường ĐHSP, Câu lạc	- Phòng ĐT - Phòng KH&HTQT - Trung tâm	2020	2022 (hàng năm)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
		bộ Hiệu trưởng các trường ĐHSP, Câu lạc bộ Giám đốc Trung tâm GDTX toàn quốc	GDTX - Trung tâm BD NVSP - BQL ETEP		

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.10.2					5		

4.10.3. Trường hỗ trợ giảng viên và người học tham gia, đóng góp các hoạt động chuyên môn trong ngành.

1. Mô tả

Là một trường đại học lớn, Trường Đại học Vinh luôn có mặt tham gia và đóng góp cho các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của Ngành Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường đã xác định trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030 và tuyên bố Sứ mạng của Nhà trường [4.10.3.1 - 4.10.3.3].

Để hỗ trợ giảng viên và người học tham gia, đóng góp các hoạt động chuyên môn, Trường có các chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng; thanh toán tiền mua tài liệu, thanh toán tiền tàu xe; hỗ trợ thêm tiền ăn cho cán bộ, giảng viên tham gia bồi dưỡng... được thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức Trường Đại học Vinh trong đó có quy định về mức chi cho hoạt động hỗ trợ giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước để nâng cao trình độ đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đổi mới giáo dục; Quy chế đặc thù cho cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học ở Trung tâm Nghiên cứu Khởi nghiệp - Sáng tạo của Nhà trường; Quy chế đặc thù cho các nhóm nghiên cứu và nghiên cứu mạnh... [4.10.3.4 - 4.10.3.7].

Ngoài hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng; thanh toán tiền mua tài liệu, tiền tàu xe; hỗ trợ thêm tiền ăn cho cán bộ, giảng viên tham gia bồi dưỡng; Trường đã thanh toán dạy vượt giờ chuẩn, hoạt động làm thêm của nhà giáo và người lao động với số tiền chi vượt chuẩn hàng chục tỷ đồng. Trường còn trích quỹ để chi khen thưởng cho các cán bộ, giảng viên có các bài báo, các công trình đăng trên các tạp chí có uy tín ở nước ngoài [4.10.3.8 - 4.10.3.9].

Hàng năm, Trường thường xuyên cử cán bộ, giảng viên tham gia các hoạt động do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức: tham gia biên soạn chương trình Giáo dục phổ thông mới; tham gia giảng dạy, ra đề thi, coi thi các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, thi THPT quốc gia;

cử giảng viên sư phạm chủ chốt tham gia bồi dưỡng giáo viên phổ thông theo Chương trình ETEP; cử đoàn giảng viên tham gia Hội thi Giảng viên trẻ dạy giỏi toàn quốc; cử đoàn tham gia hội thi NVSP toàn quốc. Trường có 87 giảng viên sư phạm chủ chốt và 06 giảng viên CBQLGD chủ chốt tham gia bồi dưỡng chương trình ETEP. Ngoài ra Trường còn cử cán bộ đến nghiên cứu tại Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán; tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước... [4.10.3.10 - 4.10.3.13].

Đối với sinh viên, hàng năm Trường tổ chức Tháng rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm và Hội thi Nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên tham gia rèn luyện các kỹ năng thực hành sư phạm, thúc đẩy các hoạt động văn hóa văn nghệ và tăng cường hiểu biết, giao lưu, học tập kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng giáo dục sinh viên sư phạm; tổ chức cho sinh viên năm thứ 3, năm cuối thực hiện kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm theo đúng chương trình đào tạo; hỗ trợ sinh viên tham gia các hoạt động như Giải thưởng Sinh viên Nghiên cứu khoa học cấp Bộ, các hoạt động, hội thi mang tầm quốc gia, khu vực... [4.10.3.14 - 4.10.3.16].

Từ những nỗ lực, cố gắng của Nhà trường, giảng viên và người học đã được tham gia nhiều hoạt động và có nhiều đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành [4.10.3.17 - 4.10.3.20].

Nhằm làm tốt hơn việc hỗ trợ giảng viên và người học tham gia, đóng góp các hoạt động chuyên môn trong ngành, Trường đã thường xuyên theo dõi, đánh giá hoạt động hỗ trợ giảng viên và người học, lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và người học về hoạt động hỗ trợ... [4.10.3.21 - 4.10.3.22].

Trên cơ sở ý kiến phản hồi của giảng viên và người học, kết hợp kết quả đánh giá ngoài cơ sở giáo dục Trường Đại học Vinh năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng, Đại học Quốc gia Hà Nội, hàng năm Nhà trường đã ban hành kế hoạch cải tiến và triển khai thực hiện tốt kế hoạch [4.10.3.23 - 4.10.3.24].

2. Điểm mạnh

- Trường đã có những chính sách cụ thể hỗ trợ giảng viên và người học của mình tham gia, đóng góp hiệu quả cho các hoạt động chuyên môn trong ngành.

- Đã thường xuyên theo dõi, đánh giá hoạt động hỗ trợ giảng viên và người học và có kế hoạch cải tiến hằng năm.

3. Điểm tồn tại

- Số lượng cán bộ và giảng viên đi tham gia, học tập, dự hội thảo ở nước ngoài còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và thực hiện kế hoạch cử cán bộ và giảng viên đi tham gia trao đổi kinh nghiệm, dự hội nghị, hội thảo ở nước ngoài với các chỉ số thực hiện cụ thể	- Phòng TCCB - Phòng KH&HTQT - Các khoa/viện	2020	2022 (hàng năm)
1.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục có những chính sách cụ thể hỗ trợ giảng viên và người học của mình tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành	- Phòng TCCB - Phòng KH&HTQT - Phòng KHTC - Các khoa/viện	2020	2022 (hàng năm)
2.		Thường xuyên theo dõi, đánh giá hoạt động hỗ trợ giảng viên và người học và có kế hoạch cải tiến hàng năm	- TT DV, HTSV&QHDN - TT ĐBCL	2020	2022 (hàng năm)

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.10.3					5		

4.10.4. Trường khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

1. Mô tả

Ngoài việc giảng dạy cho sinh viên, học viên của Trường, Nhà trường còn có các chính sách khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác. Trường quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định về quản lý hoạt động công nghệ, Kế hoạch chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2018 - 2025 [4.10.4.1 - 4.10.4.4].

Để hỗ trợ cán bộ, giảng viên tham gia các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, hàng năm Trường ban hành kế hoạch triển khai

nhiệm vụ khoa học công nghệ; Phê duyệt chủ trì và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ; ban hành nhiều quyết định cử cán bộ tham gia vào các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác [4.10.4.5 - 4.10.4.7].

Từ sự hỗ trợ của Nhà trường bằng những chính sách phù hợp, hàng năm, công tác khoa học công nghệ của Nhà trường luôn có kết quả tốt; số lượng công bố quốc tế của cán bộ, giảng viên hàng năm gia tăng; đặc biệt, các năm 2020 và 2021, Công bố khoa học trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục Web of Science tăng cao; vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ XXXII đề ra.

Cán bộ, giảng viên của Trường ngoài thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của mình tại đơn vị còn được bố trí tham gia giảng dạy tại Trường THPT Chuyên, Trường Thực hành sư phạm; giảng dạy bậc THPT chất lượng cao; giảng dạy đại học hệ vừa làm vừa học; giảng dạy một số môn hệ đại học và một số chuyên đề cao học thạc sĩ tại các trường khác; tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi THPT các cấp; tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học và chuyển giao công nghệ về giáo dục với các bên có liên quan. Đặc biệt, năm 2020, cán bộ Trường Đại học Vinh đạt giải Nhất, lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo Giải thưởng Sáng tạo Khoa học Công nghệ tỉnh Nghệ An với sản phẩm "*Hệ thống dạy học trực tuyến cho đào tạo tiếp cận năng lực*", hiện nay Nhà trường đang chuyển giao sản phẩm cho Trường Chính trị tỉnh Nghệ An và các trường phổ thông trên địa bàn các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

Thực hiện Chương trình ETEP, Nhà trường đã hợp tác, nghiên cứu và chuyển giao về phát triển chương trình, tài liệu bồi dưỡng tư vấn tâm lý học đường cho giáo viên phổ thông khu vực Bắc Trung Bộ; hỗ trợ và giám sát các Sở GD&ĐT Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh quản lý, khai thác hệ thống đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của GVPT và CBQLCSGDPT; tổ chức bồi dưỡng giáo viên phổ thông về kỹ năng sư phạm để thực hiện các hoạt động thực hành cũng như giảng dạy trực tuyến; tổ chức bồi dưỡng giáo viên phổ thông về kỹ năng sư phạm để thiết kế bài giảng, thực hành môn học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và Sách giáo khoa được lựa chọn [4.10.4.08 - 4.10.4.15].

Nhằm làm tốt hơn việc khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, Trường đã thường xuyên theo dõi, đánh giá chính sách khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ [4.10.4.16].

Hiện nay, Nhà trường đang rà soát, xây dựng và cải tiến các chính sách khuyến khích cán bộ, viên chức, sinh viên, học viên tham gia các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu và chuyển giao công nghệ [4.10.4.17 - 4.10.4.18].

2. Điểm mạnh

- Trường đã có những chính sách khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào tạo,

bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác.

- Trường đã thực hiện hỗ trợ giảng viên và người học tham gia vào hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ có hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

- Việc hợp tác với các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác chủ yếu về đào tạo, bồi dưỡng, còn ít nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch và triển khai hợp tác với các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác về nghiên cứu và chuyển giao công nghệ	- Phòng KH&HTQT - Các khoa, viện	2020	2022 (hàng năm)
1.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện các chính sách khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác	- Phòng ĐT - Phòng ĐT SDH - TT GDTX - TT BD NVSP - Phòng KH&HTQT - Phòng KH-TC - Các khoa/viện	2020	2022 (hàng năm)
2.		Triển khai thực hiện hỗ trợ giảng viên và người học tham gia vào hoạt động hợp tác có hiệu quả	- Phòng ĐT - Phòng ĐT SDH - TT GDTX - TT BD NVSP - Phòng KH&HTQT - Phòng KH-TC	2020	2022 (hàng năm)

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.10.4					5		

Điểm tự đánh giá tiêu chí 10

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.10.1					5		
Chỉ số 4.10.2					5		
Chỉ số 4.10.3						6	
Chỉ số 4.10.4					5		
Điểm tiêu chí 10	5.25						

Tiêu chí 11: Thông tin và truyền thông

4.11.1. Trường đảm bảo việc xuất bản các ấn phẩm chuyên môn tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, chống đạo văn và quyền riêng tư.

1. Mô tả

Để phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, Trường có các ấn phẩm chuyên môn là tài liệu, giáo trình, tạp chí khoa học, các kỷ yếu hội nghị, hội thảo, luận văn, luận án... Nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển khoa học công nghệ Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025 trong đó thể hiện định hướng của Nhà trường trong công tác xuất bản các ấn phẩm chuyên môn.

Việc xuất bản và phát hành các tài liệu, giáo trình, sách liên kết của Nhà trường thực hiện theo Quy định về việc biên soạn, nghiệm thu, xuất bản, phát hành, sử dụng giáo trình, tài liệu học tập và quản lý tài chính trong hoạt động xuất bản giáo trình, tài liệu học tập, sách liên kết của Trường Đại học Vinh. Việc công bố các kết quả nghiên cứu khoa học trên Tạp chí khoa học được thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh. Việc lưu trữ, công bố luận văn, luận án của học viên, nghiên cứu sinh được quy định trong quy chế đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ [4.11.1.1 - 4.11.1.3].

Tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, trong Quy định về quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Vinh, trong các quy chế, quy định của Nhà trường về xuất bản và phát hành các ấn phẩm chuyên môn, Nhà trường đã quy định rõ và hướng dẫn thực hiện việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, các tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động khoa học công nghệ, chống đạo văn và tôn trọng quyền riêng tư [4.11.1.4 - 4.11.1.6].

Ngoài ra, công tác nghiệm thu, phản biện và phê duyệt tài liệu, giáo trình; việc tiếp

nhận bài báo, phản biện, đăng bài trên Tạp chí Khoa học; việc đánh giá luận văn, luận án được xây dựng rõ ràng, đảm bảo tính chính xác, khoa học và bảo mật.

Trong quá trình xuất bản và phát hành các ấn phẩm chuyên môn, Nhà trường đã quy định cụ thể việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; chính sách hỗ trợ cá nhân, đơn vị thực hiện xuất bản và phát hành các ấn phẩm chuyên môn [4.11.1.7 - 4.11.1.8].

Thực hiện các quy trình, quy định xuất bản, phát hành, sử dụng ấn phẩm chuyên môn, Nhà trường đã thành lập Nhà xuất bản Đại học Vinh (năm 2011) phụ trách việc xuất bản tài liệu, giáo trình; thành lập Tạp chí khoa học (năm 2003) phụ trách hoạt động của Tạp chí khoa học. Nhà xuất bản Đại học Vinh là đơn vị sự nghiệp công lập, có tư cách, có con dấu, tài khoản riêng, hoạt động theo giấy phép của Bộ Thông tin và Truyền thông (Giấy phép số 384/GP-BTTTT ngày 31/10/2018) và chịu sự quản lý của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh. Tạp chí khoa học là tổ chức báo chí mang tính học thuật trực thuộc Trường, có sứ mệnh công bố các kết quả nghiên cứu mới trong các lĩnh vực về khoa học giáo dục, khoa học cơ bản và ứng dụng của các tác giả trong và ngoài trường, hoạt động theo sự đồng ý của Bộ Thông tin và Truyền thông (Giấy phép số 211/GP-BTTTT ngày 15/7/2003) [4.11.1.9 - 4.11.1.10].

Để đảm bảo việc xuất bản các ấn phẩm chuyên môn thực hiện đúng quy định quản lý hoạt động xuất bản và phát hành. Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà xuất bản, Quy chế tổ chức và hoạt động của Tạp chí khoa học; xây dựng phần mềm Tạp chí; tổ chức cho cán bộ Nhà xuất bản, Tạp chí khoa học và các đơn vị liên quan tham dự các lớp đào tạo chuyên sâu về Sở hữu trí tuệ; áp dụng hệ thống hỗ trợ nâng cao chất lượng tài liệu DoIT để kiểm tra trùng lặp văn bản với dữ liệu của hệ thống bao gồm các giáo trình, tài liệu, luận văn, khoa luận của nhiều trường đại học lớn trong cả nước, cũng như các bài báo, tạp chí và nhiều nguồn tài liệu uy tín khác. Ngoài ra các hoạt động ký hợp đồng xuất bản, ký cam kết tuân thủ Luật sở hữu trí tuệ và quyền tác giả... được triển khai thực hiện đúng quy định [4.11.1.11 - 4.11.1.15].

Nhằm thực hiện tốt hoạt động xuất bản và phát hành ấn phẩm chuyên môn trong trường, Nhà trường đã có Kế hoạch xuất bản giáo trình, tài liệu từng năm học. Đặc biệt, từ năm 2016, Nhà trường đã triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học trọng điểm xây dựng và phát triển chương trình đào tạo tiếp cận CDIO, trong đó quy định chi tiết về nhiệm vụ viết bài giảng, tài liệu, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo tiếp cận CDIO từ khóa tuyển sinh năm 2017. Về Tạp chí khoa học, Nhà trường có kế hoạch phân bổ chỉ tiêu cho các khoa, viện đào tạo về số lượng bài báo đăng trên Tạp chí hàng năm [4.11.1.16 - 4.11.1.18].

Nhờ thực hiện tốt các quy trình, quy định; làm tốt công tác quản lý, giám sát, số lượng và chất lượng các ấn phẩm chuyên môn của Nhà trường luôn được đảm bảo. Việc nghiệm thu và xuất bản giáo trình, tài liệu đã được tiến hành đúng quy định, chất lượng giáo trình được nâng lên, tất cả đều được biên soạn theo chương trình tiếp cận CDIO. Hàng năm, Nhà trường xuất bản nhiều tài liệu, giáo trình có chất lượng; xuất bản Tạp chí khoa

học phục vụ tốt công tác tham khảo, nghiên cứu. Năm 2021, Nhà trường đã xuất bản 59 sản phẩm gồm: 19 giáo trình, 6 sách tài liệu tham khảo, 21 sách liên kết xuất bản, 7 sách nhà nước đặt hàng, 2 sách tải bản, 4 lịch block. Tổng bản in của các sản phẩm là 306.180. Tạp chí Khoa học đã xuất bản 3 số kép với 60 bài báo [4.11.1.19 - 4.11.1.20].

Năm 2020, thực hiện Chương trình đào tạo tiếp cận CDIO, để đáp ứng với những thay đổi trong tình hình mới, Nhà trường đã xây dựng dự thảo "Quy định về công tác xuất bản và quản lý tài chính trong hoạt động xuất bản giáo trình, tài liệu học tập, sách liên kết của Trường Đại học Vinh" thay thế cho quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 533/QĐ-ĐHV ngày 28/6/2018 và đã xin ý kiến của các đơn vị liên quan trong Trường [4.11.1.21 - 4.11.1.22].

Sau khi có góp ý của các đơn vị liên quan, Nhà xuất bản Đại học Vinh đã nghiêm túc tiếp thu, sửa chữa và chuẩn bị ban hành "Quy định về công tác xuất bản và quản lý tài chính trong hoạt động xuất bản giáo trình, tài liệu học tập, sách liên kết của Trường Đại học Vinh" trong đó có nhiều điểm cải tiến so với Quy định trước đây. Năm 2021, Nhà trường đã hoàn thành các thủ tục và bổ nhiệm Tổng biên tập Nhà xuất bản theo đúng quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Về Tạp chí khoa học, hiện Nhà trường đang tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư kinh phí để phát triển gia nhập vào hệ thống trích dẫn Đông Nam Á (ACI) để làm tốt hơn việc xuất bản Tạp chí khoa học trong giai đoạn phát triển mới của Nhà trường. Năm 2021, Nhà trường cũng đã thực hiện quy trình bổ nhiệm Tổng biên tập Tạp chí khoa học theo các quy định [4.11.1.23 - 4.11.1.25].

2. Điểm mạnh

- Hoạt động xuất bản các ấn phẩm chuyên môn được Nhà trường tổ chức chuyên nghiệp, có đơn vị và cá nhân phụ trách, chịu trách nhiệm.
- Việc xuất bản và phát hành giáo trình, tài liệu, sách liên kết của Nhà trường thực hiện đúng các quy trình, quy định phù hợp với các yêu cầu của Nhà nước và có chất lượng.
- Tạp chí Khoa học được Nhà trường quan tâm đẩy mạnh và có kế hoạch phân bổ chỉ tiêu hàng năm, có Dự án nâng cấp Tạp chí khoa học.

3. Điểm tồn tại

- Dự án nâng cấp Tạp chí khoa học Trường Đại học Vinh còn chậm, chưa hoàn thành, nghiệm thu và sử dụng.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Đẩy nhanh tiến độ Dự án nâng cấp Tạp chí khoa học Trường Đại học Vinh	- Tạp chí khoa học - Các đơn vị liên quan	2020	2022 (hàng năm)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Phát huy điểm mạnh	Kiến toàn cơ cấu tổ chức của Nhà Xuất bản và Tạp chí Khoa học	- Nhà trường - Nhà xuất bản - Tạp chí khoa học	2020	2022 (hàng năm)
2.		Cải tiến và thực hiện đúng các quy trình, quy định về xuất bản và phát hành các ấn phẩm chuyên môn	- Nhà xuất bản - Các đơn vị	2020	2022 (hàng năm)
3.		Xây dựng và thực hiện chế độ khuyến khích cán bộ các khoa, viện gửi bài đăng Tạp chí khoa học	- Nhà trường - Tạp chí khoa học - Các đơn vị	2020	2022 (hàng năm)

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.11.1					5		

4.11.2. Trường công khai các thông tin cơ sở, đặc biệt là dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm.

1. Mô tả

Trong giai đoạn hiện nay, thông tin truyền thông là nội dung được ưu tiên để công khai các thông tin cơ sở, quảng bá hình ảnh và khẳng định vai trò, vị thế của Nhà trường trong tiến trình hội nhập và phát triển, tạo tiền đề nhằm tiếp tục có những bước đột phá, trở thành trường đại học có uy tín, vị thế. Để làm tốt công tác truyền thông nói chung, công tác truyền thông đảm bảo thông tin về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm nói riêng, Nhà trường đã đề ra chính sách, chiến lược thông tin truyền thông trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030; ban hành Kế hoạch chiến lược truyền thông giai đoạn 2016 - 2020, Kế hoạch chiến lược truyền thông giai đoạn 2020 - 2025; quan tâm về truyền thông thể hiện trong Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ trường lần thứ XXXII [4.11.2.1 - 4.11.2.4].

Đặc biệt, về chính sách và kế hoạch công bố cơ sở dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm, Nhà trường nghiêm túc thực hiện theo Quy định Ba công khai của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế dân chủ của Trường Đại học Vinh [4.11.2.5 - 4.11.2.6].

Đề thu thập, lưu trữ, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm, Trường có các bộ phận chuyên trách: Phòng Tổ chức Cán bộ thu thập, lưu trữ, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu về đội ngũ giảng viên; Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên thu thập, lưu trữ, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu về sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp; Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp thu thập, lưu trữ, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu về tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm. Hàng năm, các đơn vị tiến hành thu thập dữ liệu, lưu trữ trên phần mềm của Nhà trường: Phòng Tổ chức Cán bộ thu thập dữ liệu từ hồ sơ cá nhân của cán bộ, viên chức hoặc qua phần mềm Cổng cán bộ của Nhà trường; Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên thu thập, lưu trữ cơ sở dữ liệu trên Cổng Sinh viên, khi thu hồ sơ sinh viên nhập học và làm các thủ tục cho sinh viên tốt nghiệp; Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp khảo sát việc làm đối với sinh viên tốt nghiệp hàng năm, lưu trữ và lập báo cáo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo [4.11.2.7 - 4.11.2.10].

Trên cơ sở các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường, dữ liệu đội ngũ giảng viên, sinh viên sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm, được Trường công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng qua website: <https://vinhuni.edu.vn/>, báo cáo thường niên, báo cáo ba công khai, các báo cáo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đề án tuyển sinh của Trường [4.11.2.11 - 4.11.2.14].

Hàng năm, thông qua việc khảo sát ý kiến của sinh viên về các hoạt động và các đơn vị thuộc và trực thuộc, Nhà trường đã lấy được ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách và hoạt động công bố thông tin, dữ liệu đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm [4.11.2.15 - 4.11.2.16].

Từ ý kiến khảo sát người học và kết quả đánh giá ngoài cơ sở giáo dục Trường Đại học Vinh năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng, Đại học Quốc gia Hà Nội, Báo cáo giữa kỳ kiểm định chất lượng... Nhà trường đã ban hành kế hoạch cải tiến hàng năm và triển khai tốt kế hoạch cải tiến [4.11.2.17 - 4.11.2.19].

2. Điểm mạnh

- Công tác thông tin truyền thông được Nhà trường quan tâm và đầu tư để đảm bảo thông tin về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm.

- Việc thu thập, lưu trữ, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm được triển khai thực hiện bài bản.

3. Điểm tồn tại

- Việc công bố thông tin, dữ liệu đội ngũ giảng viên, sinh viên sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp ở cấp khoa, viện thực hiện còn chậm, không cập nhật thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Quản triệt các đơn vị, cá nhân cập nhật thông tin trên website; có thể đưa vào công tác thi đua - khen thưởng	- BBT website - Các đơn vị - Hội đồng TĐ-KT	2020	2022 (hàng năm)
1.	Phát huy điểm mạnh	Đầu tư cho công tác thông tin truyền thông chuyên nghiệp, chuyên trách, hiện đại	- Nhà trường	2020	2022 (hàng năm)
3.		Nâng cao việc thu thập và công khai thông tin, dữ liệu về sinh viên tốt nghiệp, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm	- TT HTSV&QHDN - Các khoa/viện	2020	2022 (hàng năm)

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.11.2					5		

Điểm tự đánh giá tiêu chí 11

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.11.1					5		
Chỉ số 4.11.2					5		
Điểm tiêu chí 11	5.0						

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 4

STT	Tiêu chí	Mức đánh giá
1	Tiêu chí 8	5.50
2	Tiêu chí 9	5.00
3	Tiêu chí 10	5.25
4	Tiêu chí 11	5.00
ĐIỂM TIÊU CHUẨN		5.18

Tiêu chuẩn 5

MÔI TRƯỜNG SỰ PHẠM VÀ CÁC NGUỒN LỰC

Tiêu chí 12: Môi trường sự phạm

Chỉ số 5.12.1. Cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Trường.

1. Mô tả

Diện tích sử dụng đất của Trường đảm bảo phù hợp với TCVN 3981-1985, hiện tại Nhà trường có 05 cơ sở nằm trên địa bàn 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Diện tích đất đang sử dụng trên địa bàn tỉnh Nghệ An là 42,61 ha/118 ha theo quy hoạch, cụ thể: cơ sở 1 số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh là 13,57 ha; cơ sở 2 tại xã Nghi Ân, thành phố Vinh, xã Nghi Phong huyện Nghi Lộc là 27,66 ha; cơ sở 3 tại Phường Hưng Bình là 0,558 ha; cơ sở 4 tại thị trấn Hưng Nguyên là 1,43 ha. Diện tích đất đang sử dụng trên địa bàn xã Đan Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh là 9,268 ha.

Nhà trường đã có kế hoạch phát triển cơ sở vật chất tại các cơ sở theo từng năm và 5 năm trình các cấp bộ, ngành thẩm định, phê duyệt theo kế hoạch đầu tư công trung hạn; kèm theo đó là kế hoạch chiến lược phát triển cơ sở vật chất của Nhà trường đến năm 2025 tầm nhìn năm 2035. Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, tỷ lệ 1/2000 tại các cơ sở của Nhà trường đã được UBND tỉnh Nghệ An và UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt [5.12.1.1].

Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, Nhà trường đã từng bước thực hiện đầu tư xây dựng các công trình, hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo đúng quy hoạch, đảm bảo cảnh quan môi trường phục vụ tốt nhất cho người học và phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn theo tiêu chuẩn TCVN 3981:1985 “Trường Đại học - Tiêu chuẩn thiết kế” [5.12.1.2]. Các toà nhà được lắp đặt hệ thống máy lọc nước uống tại vòi (gần 250 máy); hệ thống máy bán hàng tự động; hệ thống vệ sinh, thoát nước bẩn tại các toà nhà thường xuyên được bảo trì, bảo dưỡng và nâng cấp nhằm mục tiêu đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn và quy chuẩn về an toàn [5.12.1.3].

Khuôn viên cảnh quan môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Nhà trường. Năm học 2020 - 2021, Nhà trường tiếp tục thực hiện Kế hoạch duy tu hạ tầng cơ sở vật chất theo hướng môi trường khuôn viên thông minh, lớp học thông minh, phòng thực hành - thí nghiệm ảo, ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin hướng tới quản trị Nhà trường, phục vụ cộng đồng và nâng cao năng lực trong dạy và học. Năm học 2020 - 2021, Nhà trường đã thực hiện cải tạo lát vỉa hè xung quanh nhà tập bắn và các hoạt động thể thao, hành lang mái che đi bộ, làm đường tại Trung tâm GDQP - An ninh; Cải tạo sửa chữa phá dỡ tường rào, lát lại vỉa hè và xây mương xử lý nước thải nhà ăn Trung tâm GDQP- An ninh; Sửa chữa thay thế đường điện, quạt điện nhà tập bắn và bổ sung đường ống thoát nước từ ao Trung tâm GDQP -An ninh ra hồ sen tại

Trung tâm GDQP-An ninh; Sửa chữa lát gạch bong tróc và xử lý thấm tại khu nhà ở sinh viên Hưng Bình; Xây mới nhà xe, thay máng nước gara, cải tạo hệ thống lan can lớp học chuyên. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thực hiện cải tạo và duy tu nhiều công trình khuôn viên phục vụ cho công tác dạy học như: Xây dựng hệ thống hạ tầng, lát sân, xây hàng rào khu vực Trung tâm khảo thí; lát sân, lát lại vỉa hè bồn hoa và hệ thống mương sau nhà B Viện Tài nguyên và Môi Trường [5.12.1.4]

Trong năm học 2020 - 2021, Nhà trường tiếp tục thực hiện lấy ý kiến của các bên liên quan về khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập nhằm xác định tính phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của trường. [5.12.1.5]. Nhà trường đã nhận được 88.56% các ý kiến phản hồi tích cực từ các bên liên quan và căn cứ vào kết quả phiếu khảo sát để thực hiện công tác cải thiện chất lượng về khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập cho các năm tiếp theo [5.12.1.6]. Trường có khuôn viên đẹp chú trọng đến việc trồng cây xanh, trồng mới cây xanh bóng mát và thảm cây có hoa phía trước khuôn viên nhà học D1 và D3 tại cơ sở 1, tạo không gian thoáng mát cho người học, có căng tin và nhà ăn phục vụ đáp ứng các hoạt động TDTT và văn hóa, văn nghệ... của người học. Từ tháng 10/2020 - 7/2021, Nhà trường đã bổ sung cây xanh tại khuôn viên cơ sở I và II; làm đồi nhân tạo tại Trung tâm GDQP - AN Vinh [5.12.1.7]

Kết quả khảo sát cho thấy giảng viên và người học luôn cảm thấy an toàn, thoải mái trong khuôn viên của Trường. Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn theo Nghị định 80/2017/NĐ - CP của Thủ tướng chính phủ như quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự, quy định về công tác SV tự quản; quy định công tác học sinh, SV và học viên nội trú, ngoại trú. Bên cạnh đó, Trường có tổ chức các cuộc tập huấn các biện pháp ứng phó khẩn cấp, triển khai công tác an ninh, chính trị trật tự an toàn xã hội và ban hành các văn bản hướng dẫn và sử dụng các hệ thống thiết bị nhằm thực hiện ứng phó khẩn cấp, đảm bảo an toàn trường học và các báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về các biện pháp ứng phó khẩn cấp; hợp đồng với công ty vệ sĩ để bảo đảm an toàn cho con người và tài sản Trường Đại học Vinh [5.12.1.8]. Nhà trường ký hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường đảm bảo vệ sinh các phòng học và phòng làm việc luôn được vệ sinh sạch sẽ trước và sau mỗi buổi học [5.12.1.9]. Trạm Y tế thường xuyên tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ, mở các đợt tuyên truyền, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản và hỗ trợ toàn trường trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid 19 [5.12.1.10].

Trường có thường xuyên có kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan về cải thiện chất lượng cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập [5.12.1.11]. Báo cáo giám sát, đánh giá kết quả về thực hiện quy hoạch tổng thể kế hoạch phát triển CSVC của Trường được thực hiện thường xuyên [5.12.1.12].

Do tình hình dịch bệnh Covid 19 năm 2021 diễn biến phức tạp nên có nhiều kế hoạch hoạt động triển khai còn chậm [5.12.1.13].

2. Điểm mạnh

Khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của trường được quy hoạch, thiết kế phù hợp với việc thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của trường.

Khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của trường đã được xây dựng theo quy hoạch, thiết kế.

Trường chú trọng đầu tư, nâng cấp chất lượng khuôn viên cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập.

3. Điểm tồn tại

Do tình hình dịch bệnh Covid 19 năm 2021 diễn biến phức tạp nên có nhiều kế hoạch hoạt động triển khai còn chậm

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Khi dịch bệnh cơ bản được kiểm soát, Nhà trường ưu tiên các nguồn lực để tiếp tục triển khai các kế hoạch đã đề ra.	P. KHTC, P. QTĐT	12/2021	12/2022
2.	Phát huy điểm mạnh	Kiến toàn lại kế hoạch xây dựng CSVC theo định hướng 2025 tầm nhìn 2030	Đảng ủy, HĐT, Ban Giám hiệu, các phòng ban chức năng	12/2021	12/2022

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.12.1						6	

Chỉ số 5.12.2. Khuôn viên, môi trường tự nhiên của trường, được quy hoạch và xây dựng phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên.

1. Mô tả

Khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của Nhà trường được xây dựng theo quy hoạch tổng thể và thiết kế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt [5.12.2.1].

Khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của Nhà trường được thiết

kế, thi công theo các quy định/tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 3981: 1985), phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, lấy người học làm trung tâm [5.12.2.2].

Nhà trường có hệ thống sân chơi, sân tập, thi đấu TDTT với diện tích gần 30.000m² và nhà thi đấu với sức chứa hơn 1,000 chỗ ngồi phục vụ cho các nhu cầu vui chơi giải trí và các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao của SV. Nhà trường có bố trí các nhà để xe và căng tin phục vụ cho người dạy và học. Trường có cảnh quan và môi trường thông thoáng, xanh - sạch - đẹp. Hệ thống điện đường và cây xanh được đầu tư chăm sóc thường xuyên, đảm bảo tốt vệ sinh môi trường. Đồng thời vệ sinh môi trường trong các giảng đường, khu vệ sinh, hội trường, đường bộ, bộ phận phục vụ và công ty dịch vụ vệ sinh thực hiện thường xuyên hàng ngày cho người dạy và học cảm thấy an toàn, thoải mái trong khuôn viên của trường [5.12.2.3].

Nhà trường luôn duy trì văn hóa học đường, công tác kiểm tra, đánh giá được tổ thanh tra của Nhà trường thực hiện tốt đảm bảo tốt cho môi trường sư phạm [5.12.2.4]; có biện pháp hữu hiệu để bảo vệ tài sản, đảm bảo an toàn cho CBVC và người học trong khuôn viên nhà trường [5.12.2.5].

Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về cảnh quan, môi trường dạy và học [5.12.2.6]. Báo cáo kết quả khảo sát về mức độ hài lòng từ các bên liên quan Trường luôn nhận được các phản hồi tích cực về tính phù hợp của khuôn viên và môi trường tự nhiên [5.12.2.7].

Trường thường xuyên cải tiến chất lượng khuôn viên cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập. Căn cứ vào kết quả khảo sát, kiến nghị đề xuất từ các đơn vị quản lý liên quan. Trong năm 2021, Nhà trường đã hoàn thành việc sửa chữa và thay thế các công trình: lát vỉa hè sau nhà A0 và khu vực để xe trước nhà học A; làm hành lang nhà D1 sang nhà B, nhà CNC sang nhà A0. Thực hiện cải tạo và duy tu nhiều công trình khuôn viên phục vụ cho công tác dạy học như: Xây dựng hệ thống hạ tầng, lát sân, xây hàng rào khu vực Trung tâm khảo thí; lát lại sân và gạch vỉa hè Trung tâm GDQP - AN Vinh [5.12.2.8]. Về công tác vệ sinh môi trường và chăm sóc cây cảnh Trường đã bổ sung trồng mới, thay thế nhiều cây xanh tại khuôn viên cơ sở I và II; làm đồi nhân tạo tại Trung tâm GDQP - AN Vinh; Về cơ sở phục vụ các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, văn nghệ vui chơi, sinh hoạt học thuật: Sửa chữa, cải tạo khuôn viên xung quanh sân bóng và xử lý đọng nước tại các tuyến đường nội bộ ở CS1; Lát gạch vỉa hè xung quanh sân hoạt động thể dục tại Trung tâm GDQP - AN Vinh [5.12.2.9].

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng đều được thực hiện trực tuyến, vì vậy công tác khảo sát đánh giá về khuôn viên, môi trường tự nhiên của trường chưa triển khai rộng rãi đến tất cả các bên liên quan [5.12.2.10].

2. Điểm mạnh

Khuôn viên, cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập của Nhà trường phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên.

Nhà trường đáp ứng các trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo qui định.

Trường thường xuyên cải tiến chất lượng khuôn viên cảnh quan, môi trường phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên.

An ninh, an toàn xã hội trong Trường được đảm bảo, tạo tâm lý yên tâm trong công tác dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Khuôn viên bê tông hóa nhiều, phân dành để xây dựng thảm cỏ còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường diện cây xanh và thảm cỏ trong khuôn viên nhà trường	Phòng CTCT HSSV	12/2021	12/2022
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy thực hiện môi trường an toàn và đảm bảo an ninh trường học	P. KHTC, P. QT&ĐT	12/2022	12/2022

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.12.2						6	

Điểm tự đánh giá tiêu chí

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.12.1						6	
Chỉ số 5.12.2						6	
Điểm tiêu chí	6.0						

Tiêu chí 13: Cơ sở vật chất, tài nguyên dạy và học

Chỉ số 5.13.1. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPTN, hệ thống CNTT, thiết bị, tài liệu học tập được trang bị, bảo trì và sử dụng phù hợp với các mục đích giáo dục của trường.

1. Mô tả

Trường có quy định trang bị, bảo trì và sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPTN, hệ thống CNTT, thiết bị, tài liệu học tập [5.13.1.1]. Kế hoạch trang bị, bảo

trì và sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPTN, hệ thống CNTT, thiết bị, tài liệu học tập được thực hiện định kỳ: các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPTN, hệ thống máy chủ, hệ thống máy tính máy in, hệ thống điện nước, máy điều hòa, thiết bị văn phòng, hệ thống thang máy [5.13.1.2].

Trường có cơ chế sử dụng hết tiềm năng cơ sở vật chất, trang thiết bị, hệ thống CNTT và tài liệu học tập cho hoạt động dạy, học và nghiên cứu phù hợp với mục đích giáo dục của trường. Nhà trường quản lý CSVC theo phương thức dùng chung. Ngoài ra, Nhà trường còn cho khai thác hệ thống CSVC làm tăng tần suất và hiệu quả sử dụng như năm học 2020 - 2021 cho Tỉnh ủy Nghệ An làm địa điểm tổ chức thi viên chức, hỗ trợ Trường Chính trị Nghệ An trong dạy học trực tuyến [5.13.1.3].

Năm học 2020 - 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 Nhà trường đã ứng dụng CNTT trong dạy và học bằng các hình thức: LMS, Elearning, Microsoft Teams, Zoom... [5.13.1.4].

Nhà trường giám sát các hoạt động trang bị, bảo trì, sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập qua các báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2020 - 2021 của các đơn vị trong toàn trường, báo cáo của Phòng Thanh tra, báo cáo của Hội đồng trường [5.13.1.5];

Nhà trường thu thập được ý kiến phản hồi của giảng viên và người học về hoạt động trang bị, bảo trì, sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập qua các hình thức khảo sát như: tham vấn ý kiến các chuyên gia (hồ sơ AUN), phiếu khảo sát, hệ thống LMS, elearning ... [5.13.1.6].

Nhà trường có kế hoạch cải tiến hoạt động trang bị, bảo trì, sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập [5.13.1.7]. Nhà trường luôn ưu tiên các nguồn kinh phí đầu tư cho phát triển CSVC, trang thiết bị tạo điều kiện tốt nhất cho công tác đào tạo và công tác quản lý. Năm học 2020 - 2021, về công tác quản lý cơ sở vật chất và trang thiết bị Nhà trường đã Hợp đồng Cung cấp, lắp đặt, cài đặt thiết bị CNTT và các thiết bị khác thuộc dự án đầu tư “Đầu tư thiết bị và hạ tầng CNTT Trường ĐHV”, mua bổ sung, thay thế, sửa chữa, trang thiết bị điều hòa tại các phòng làm việc; mua bổ sung máy tính bàn, máy in, máy chiếu, màn chiếu; thay thế bổ sung bàn, ghế làm việc cho cán bộ; bổ sung, lắp đặt máy lọc nước tại các cơ sở; bổ sung máy bơm, thiết bị nước để thay thế, sửa chữa thường xuyên [5.13.1.8]. Về công tác sửa chữa và thay thế các công trình: Sửa chữa và cải tạo mái nhà hội trường A và mái sảnh tầng 2 nhà A0; Sửa chữa thay thế hệ thống cửa và bổ sung hệ thống lan can inox tại các tầng nhà A0; Cải tạo sửa chữa lại các phòng làm việc cho Trường Sư phạm, Trường Kinh tế, Trường KHXH và Nhân văn; Thay thế bổ sung cửa các phòng học Trường THPT Chuyên; Cải tạo sửa chữa các phòng làm việc, mái nhà A Trung tâm

GDQP An Ninh; Cải tạo sửa chữa trường mầm non THSP cơ sở Hưng Bình. [5.13.1.9]. Về công tác học liệu được Nhà trường thực hiện bổ sung thường xuyên, năm 2021 Trường đã bổ sung sách các ngành: Công nghệ thực phẩm, ngành Xây dựng, Lý luận chính trị. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã mua sắm vật tư hóa chất phục vụ THPT năm học 2021 - 2022 [5.13.1.10].

Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm về trang bị, bảo trì, sử dụng và mức độ phù hợp với mục tiêu giáo dục của các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPT, hệ thống CNTT, thiết bị, tài liệu học tập. Trường đầu tư mua hệ thống máy chủ để tăng hiệu và ổn định cho hệ thống CNTT [5.13.1.11].

2. Điểm mạnh

Trường có quy định về việc sử dụng, bảo trì các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPT, hệ thống CNTT, thiết bị, tài liệu học tập.

Nhà trường thường xuyên bảo trì duy tu các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPT, hệ thống CNTT, thiết bị, bổ sung tài liệu học tập.

Trường có đủ diện tích, có phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành thí nghiệm đáp ứng đủ nhu cầu cho người dạy, học và NCKH.

Trường có đầy đủ các phòng chức năng, có ký túc xá đáp ứng đủ nhu cầu của sinh viên nội trú ở và sinh hoạt.

3. Điểm tồn tại

Giáo trình cho một số ngành đào tạo Sau đại học mới mở chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện đầu tư mua thêm sách	Trung tâm TT&TV, Phòng KHTC.	12/2021	12/2022
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện quy định về việc sử dụng, bảo trì các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPT, hệ thống CNTT, thiết bị, tài liệu học tập.	P.QT&ĐT, TT KHTC	12/2021	12/2022
		Tiếp tục thường xuyên việc bảo trì duy tu các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPT, hệ thống	P. KHTC, P.QT&ĐT, TT CNTT	12/2021	12/2022

		CNTT, thiết bị, bổ sung tài liệu học tập			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.13.1						6	

Chỉ số 5.13.2. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THTN, hệ thống CNTT, thiết bị, tài liệu học tập được sử dụng linh hoạt để đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên và người học, phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng.

Nhà trường có các quy định và kế hoạch sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THTN; hệ thống CNTT, cơ sở dữ liệu, thiết bị, tài liệu học tập. Căn cứ nhiệm vụ, kế hoạch hằng năm của Nhà trường, Phòng Quản trị - Đầu tư và Phòng KHTC chuẩn bị các điều kiện về CSVC phục vụ hoạt động đào tạo và bồi dưỡng bằng kế hoạch mua sắm, sửa chữa CSVC và kế hoạch phục vụ tương ứng với từng hoạt động cụ thể [5.13.2.1].

Thời khóa biểu, chương trình tập huấn các khóa đào tạo, bồi dưỡng và kế hoạch sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THTN, thiết bị, tài liệu học tập được quản lý trực tuyến [5.13.2.2].

Trường có sơ đồ các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THTN. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THTN, hệ thống CNTT, thiết bị, tài liệu học tập được sử dụng linh hoạt để đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên và người học, phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng [5.13.2.3].

Cơ sở vật chất được Nhà trường quản lý theo phương thức dùng chung giữa các đơn vị nên các trang thiết bị được thiết kế đa năng, đa phương tiện, các phòng học được trang bị đầy đủ máy chiếu, âm thanh, điều hòa nhiệt độ... đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên và người học, phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng. Đặc biệt hướng tới Trường điện tử và đề án chuyển đổi số của Trường Đại học Vinh thích ứng với quá trình quản lý, phục vụ phù hợp với các hình thức dạy học linh hoạt trong thời gian đại dịch Covid 19, Nhà trường thành lập Viện nghiên cứu và đào tạo trực tuyến. Nhằm đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên và người học, phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng Nhà trường thành lập Trường Sư phạm [5.13.2.4]. Nhà trường có Trung tâm THTN với đội ngũ cán bộ phục vụ và giảng dạy thực hành có trình độ chuyên môn nghiệp vụ; các phòng THTN có thời khóa biểu trực tuyến, có sổ theo dõi đánh giá thiết bị sử dụng. Thư viện quản lý theo hình thức mở, được kết nối Thư viện số, cơ sở dữ liệu Proquest central, liên kết với các trường ĐH trong và ngoài nước. Có đủ giáo trình cho các môn học, sách tham khảo đa dạng phong phú, thường xuyên được cập nhật và bổ sung [5.13.2.5]. Năm học 2021, Nhà trường hoàn thành việc nâng cấp sửa chữa CSVC nhà A thuộc chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực

đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP); Sửa chữa và cải tạo mái nhà hội trường A và mái sảnh tầng 2 nhà A0; Sửa chữa thay thế hệ thống cửa và bổ sung hệ thống lan can inox tại các tầng nhà A0; Cải tạo sửa chữa lại các phòng làm việc cho trường sư phạm, trường kinh tế, trường KHXX và Nhân văn; Thay thế bổ sung cửa các phòng học Trường THPT Chuyên; Cải tạo sửa chữa các phòng làm việc, mái nhà A Trung tâm GDQP An ninh; Cải tạo sửa chữa trường MN THSP cơ sở Hưng Bình [5.13.2.6].

Nhà trường có hơn 280 phòng học, trong đó có 256 phòng được trang bị máy chiếu và hệ thống âm thanh, có 86 phòng thí nghiệm cho các chuyên ngành đào tạo. 100% phòng học và phòng THPT được trang bị máy điều hòa. Nhà trường có 6 hội trường, trong đó có 2 hội trường lớn trên 500 chỗ ngồi, được trang bị hệ thống âm thanh ánh sáng, hệ thống đường truyền internet tốc độ cao đáp ứng các hoạt động hội nghị, hội thảo và cầu truyền hình trực tuyến. Trường có Thư viện với hệ thống phòng đọc, phòng mượn, phòng nghiệp vụ thông tin thư mục, kho lưu trữ tài liệu, phòng máy tra cứu tài liệu và không gian học tập rộng rãi thoáng mát với sức chứa hơn 1.000 chỗ ngồi [5.13.2.7].

Nhà trường hiện có hơn 2.000 máy tính trong đó 1310 máy tính cho 45 phòng phục vụ học tập (có 400 máy tính có hệ điều hành Windows 10 bản quyền); Có 10 phòng học Video Conference, 16 phòng học liên thông theo công nghệ Camera Analog [5.13.2.8].

Nhà trường đã thực hiện kế hoạch cải tiến quy định và việc sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPT, cơ sở thực hành sư phạm, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập qua việc ứng dụng CNTT trong các hoạt động dạy, học, tập huấn và bồi dưỡng. Nhà trường đã tạo và cấp hơn 32.000 tài khoản Microsoft Teams cho cán bộ và người học; xây dựng các phòng STEM, phòng thí nghiệm ảo, khu vực làm việc cho GS, ứng dụng phần mềm Eoffice 365 trong công tác hành chính [5.13.2.9].

Năm 2021, Nhà trường tiếp tục lấy ý kiến các bên liên quan về việc sử dụng các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng THPT, cơ sở thực hành sư phạm, hệ thống CNTT, thiết bị, tài liệu học tập. Kết quả khảo sát cho thấy trên 90% hài lòng với tính linh hoạt, hiện đại, phù hợp của hệ thống CSVC phục vụ hoạt động đào tạo và bồi dưỡng [5.13.2.10]. Tuy nhiên, do nguồn nhân lực của Trung tâm CNTT còn mỏng nên đôi lúc chưa bố trí người kịp thời để xử lý các sự cố hệ thống [5.13.2.11].

2. Điểm mạnh

- Hệ thống hạ tầng CNTT đồng bộ, hiện đại đáp ứng tốt cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và mục tiêu chuyển đổi số của Nhà trường;
- Cơ sở vật chất được Nhà trường quản lý theo phương thức dùng chung giữa các đơn vị, Nhà trường có hệ thống giám sát việc sử dụng CSVC hiệu quả và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Khoa học công nghệ ngày càng phát triển, rất nhiều các hệ thống, các dịch vụ về công nghệ thông tin cần và nên được triển khai nhưng số lượng cán bộ viên chức của Trung

tâm CNTT còn ít nên chưa thể bố trí xử lý kịp thời được.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Đề xuất bổ sung nhân sự	Phòng TCCB,	12/2021	12/2022
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục ứng dụng hệ thống CNTT vào hoạt động đào tạo và bồi dưỡng tiến tới mục tiêu chuyển đổi số		12/2021	12/2022

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.13.2						6	

Chỉ số 5.13.3. Môi trường trực tuyến của trường đảm bảo các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến được thực hiện có chất lượng với các phương pháp dạy học thích hợp.

1. Mô tả

Trường có quy định điều kiện đảm bảo chất lượng các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến [5.13.3.1]. Trường có kế hoạch xây dựng môi trường trực tuyến để tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến. Năm 2021, Trường thành lập Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến (Viện NC&ĐTTT) được thành lập theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐT ngày 21/7/2021 của Hội đồng Trường Đại học Vinh [5.13.3.2].

Môi trường trực tuyến của Nhà trường được quản lý bởi Viện NC&ĐTTT Nhà trường đã ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện như sau: Nghiên cứu và chuyển giao công nghệ số trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và phục vụ cộng đồng; Xây dựng các mô hình Trường học số, mô hình vận hành và quản trị nhà trường số, mô hình giáo dục và đào tạo trên nền tảng internet; Chủ trì xây dựng đề án chuyển đổi số của Nhà trường; Chủ trì vận hành mạng lưới các trợ lý đào tạo trực tuyến (Teaching Assistant -TA) của Nhà trường; Quản lý vận hành hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin của Trường Đại học Vinh; Xây dựng và vận hành kênh truyền hình Đại học Vinh (VinhUni TV) [5.13.3.3]. Nhà trường đã áp dụng Cổng thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học như giảng viên đưa bài giảng, bài tập, chia nhóm, nhiệm vụ nhóm/cá nhân... lên phần mềm và người học tự tải về bài giảng, bài tập, nhiệm

vụ nhóm/cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ và đưa kết quả thực hiện nhiệm vụ nhóm/cá nhân lên để giảng viên đánh giá. Năm học 2020 - 2021, do ảnh hưởng dịch covid 19 nên Nhà trường ứng dụng các phần mềm dạy học Zoom, Microsoft Teams, E - Learning và LMS [5.13.3.4].

Hệ thống máy chủ, đường truyền, hệ thống wifi; các phòng học trực tuyến; trung tâm dữ liệu, hệ thống học liệu được quản lý đáp ứng yêu cầu của giảng viên và người học. Toàn trường có 33 máy chủ vật lý và các máy chủ ảo hóa khác Windows Server 2012: 11 máy; Windows Server 2019: 48core; SQLServer 2014: 01 máy; SQLServer 2016: 03 máy; SQLServer 2017: 02 máy [5.13.3.5]. Hệ thống đường truyền cơ sở 1: 01 đường Leased line, tốc độ 340Mbps và 02 đường FTTH, tốc độ mỗi đường 350Mbps; Cơ sở 2: 03 đường GTTH với Viettel, tốc độ mỗi đường 60Mbps [5.13.3.6].

Trường đã xây dựng trung tâm dữ liệu, hệ thống học liệu và hệ thống quản lý học tập đáp ứng nhu cầu về đào tạo và bồi dưỡng [5.13.3.7].

Năm 2021, Trường đã tiến hành khảo sát về mức độ đáp ứng của môi trường trực tuyến đối với các hoạt động quản lý, đào tạo và bồi dưỡng [5.13.3.8]. Kết quả cho thấy đa số hài lòng về CSVC, các trang thiết bị môi trường trực tuyến của Nhà trường [5.13.3.9].

Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch cải tiến môi trường trực tuyến đảm bảo chất lượng cho các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến của trường, đáp ứng yêu cầu thực hiện các phương pháp dạy học thích hợp [5.13.3.10]. Do Viện NC&ĐTTT mới thành lập, cán bộ viên chức mới được tuyển dụng và luân chuyển nên chưa được tập huấn nhiều về các trang thiết bị mới [5.13.3.11].

2. Điểm mạnh

Hệ thống mạng truyền thông, các phần mềm quản lý học tập, hệ thống học liệu điện tử của Nhà trường được xây dựng và vận hành đảm bảo đáp ứng yêu cầu của các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng trực tuyến.

3. Điểm tồn tại

Do mới thành lập nên chưa có nhiều khóa bồi dưỡng nghiệp vụ cho đơn vị chuyên trách

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách của đơn vị	Phòng CTCT HSSV	12/2021	12/2022
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy và duy trì các điểm mạnh đã có	P. KHTC, QTĐT	12/2021	12/2022

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
Chỉ số 5.13.3						6	

Chỉ số 5.13.4. Hệ thống công nghệ thông tin của trường được bảo trì thường xuyên, luôn đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả.

1. Mô tả

Nhà trường có quy định quản lý, bảo trì hệ thống CNTT, đảm bảo hệ thống làm việc thường xuyên, liên tục, đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả [5.13.4.1]. Hệ thống CNTT của trường hàng năm được lập kế hoạch về việc bảo trì bảo dưỡng và nâng cấp nằm trong kế hoạch mua sắm, sửa chữa như: mua phần mềm an ninh mạng, nâng cấp phần cứng để đáp ứng nhu cầu hoạt động quản lý đào tạo và bồi dưỡng [5.13.4.2].

Hệ thống công nghệ thông tin của trường được bảo trì thường xuyên. Chất lượng hệ thống công nghệ thông tin luôn đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả. Các dữ liệu về quản lý nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng, sử dụng các phần mềm CMC, Office 365, phần mềm Trí Nam ... được cập nhật thường xuyên để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của trường, hệ thống phần cứng và phần mềm được Nhà trường luôn được duy trì thường xuyên bằng việc thay thế, cấp mới, trang bị máy tính xách tay cho tất cả cán bộ có trình độ từ tiến sĩ trở lên [5.13.4.3].

Bổ sung

Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và người học về mức độ hài lòng đối với hệ thống công nghệ thông tin [5.13.4.4]. Kết quả khảo sát năm học 2020 - 2021 từ các bên liên quan cho thấy hệ thống các trang thiết bị phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và hệ thống mạng đáp ứng yêu cầu của giảng viên và người học [5.13.4.5].

Nhà trường có kế hoạch cải tiến bảo trì hệ thống công nghệ thông tin một cách liên tục. Các hoạt động bảo trì hệ thống công nghệ thông tin được cập nhật và thay đổi theo quy chế hoạt động của các đơn vị chuyên trách nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu và có sự tác động tích cực trong sự phát triển của nhà trường [5.13.4.6].

2. Điểm mạnh

- Hệ thống công nghệ thông tin của trường được bảo trì và nâng cấp thường xuyên, hàng năm được đầu tư bổ sung đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả, có sự tác động tích cực trong sự phát triển của nhà trường

3. Điểm tồn tại

Một số thiết bị CNTT thiếu đồng bộ, khó tương thích nên việc ghép nối rất khó khăn;

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Đầu tư thiết bị CNTT đồng bộ	Phòng QTĐT, KHTC	12/2021	12/2022
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục bảo trì và nâng cấp hệ thống CNTT	P. KHTC, QTĐT	12/2021	12/2022

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.13.4						6	

6. Điểm tự đánh giá tiêu chí

Chỉ số	Thang điểm đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.13.1.						6	
Chỉ số 5.13.2						6	
Chỉ số 5.12.3						6	
Chỉ số 5.13.4						6	
Điểm tiêu chí	6.0						

Tiêu chí 14: Nguồn tài chính

Chỉ số 5.14.1: Trường có nguồn thu đa dạng và hợp pháp từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, NCKH và chuyển giao công nghệ phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Trường.

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh là trường đại học đa cấp, đa ngành, đa lĩnh vực. Trụ sở của nhà trường đóng trên địa bàn tuyển sinh chủ yếu là khu vực Bắc Trung bộ còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế. Thực hiện Công văn số 4941/BGDĐT-KHTC của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 26/10/2018, Trường là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên [5.14.1.1].

Kế hoạch chiến lược, chính sách nhằm đa dạng hóa các nguồn thu được thể hiện rõ trong Quyết định số 1278/QĐ-ĐHV ngày 28/12/2018 về việc ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025 [5.14.1.2]. Kế hoạch, chiến lược ghi rõ, mục tiêu trong giai đoạn 2018-2025 là tăng cường khai thác và đa dạng hóa các

nguồn thu, nguồn lực đầu tư; đảm bảo tính kế hoạch, hiệu quả, minh bạch trong điều hành ngân sách để phục vụ cho việc thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và các mục tiêu trong chiến lược đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Để hiện thực hóa các mục tiêu được đề ra tại Kế hoạch, chiến lược phát triển trường, hàng năm, Nhà trường xây dựng văn bản hướng dẫn các đơn vị Khoa, Viện trong toàn trường, xây dựng kế hoạch đào tạo, giảng dạy và lập dự toán ngân sách năm học [5.14.1.3]. Văn bản có kèm theo các mẫu biểu và hướng dẫn chi tiết để các đơn vị xây dựng. Trên cơ sở các quy định tại Quyết định số 1620/QĐ-ĐHV ngày 30/6/2011 về việc ban hành quy trình quản lý các khoản thu của nhà trường [5.14.1.4], Nhà trường đã có quy định rõ về cơ cấu nguồn thu và nguyên tắc quản lý các nguồn thu của đơn vị và Quyết định số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Vinh và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ [5.14.1.5], Nhà trường cũng có cơ chế khuyến khích các đơn vị Khoa, Viện, các đơn vị phụ trách đào tạo tăng cường tính chủ động, xây dựng mạng lưới cộng tác viên nhằm thực hiện tốt công tác tuyển sinh, tổ chức các lớp bồi dưỡng, ... đa dạng hóa các nguồn thu, hợp pháp và phù hợp với chiến lược phát triển trường.

Nhà trường thành lập các Tổ thẩm định và Tổ thư ký để thẩm định kế hoạch năm học của các đơn vị [5.14.1.6]. Tổ thẩm định và Tổ thư ký có trách nhiệm nghiên cứu, thẩm định kế hoạch năm học của các đơn vị theo đúng quy định của kế hoạch và văn bản hiện hành. Kết thúc đợt thẩm định, Nhà trường xây dựng Kế hoạch tổ chức hội nghị cán bộ, viên chức và duyệt kế hoạch năm học [5.14.1.7]. Sau khi hoàn thành công tác duyệt kế hoạch, Nhà trường phê duyệt thành Nghị quyết liên tịch giữa Hiệu trưởng và Công đoàn cơ sở về quyết nghị kế hoạch [5.14.1.8].

Căn cứ vào Nghị quyết liên tịch giữa Hiệu trưởng và Công đoàn cơ sở về quyết nghị kế hoạch năm, nhà trường báo cáo tình hình thực hiện năm 2020, xây dựng dự toán năm 2021 và kế hoạch tài chính giai đoạn 2021-2025 trình gửi Bộ giáo dục và Đào tạo [5.14.1.9].

Các nguồn thu của nhà trường đa dạng: đa dạng về loại hình đào tạo, về các hoạt động bồi dưỡng, và thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học. Tổng nguồn thu của Trường năm 2019 là 463 tỷ. Năm 2020, tổng nguồn thu của Trường là 484 tỷ, vượt kế hoạch 6,7% và tăng 5% so với năm 2019. Một số chỉ tiêu tăng lớn là thu từ hoạt động đào tạo (tăng 16 tỷ, 106%), bồi dưỡng (tăng 22 tỷ, 173%), bổ sung học phí sư phạm (19 tỷ, 190%). Nguồn thu từ hoạt động đào tạo lưu học sinh tự túc tuy đóng góp vào nguồn thu hơn 3 tỷ nhưng đã tăng 15% so với năm 2019. Toàn bộ số liệu thu được thể hiện rõ ràng, minh bạch lên báo cáo tài chính hàng năm của nhà trường, hàng năm được Bộ giáo dục và Đào tạo thẩm tra, duyệt quyết toán. Số liệu tổ chức đào tạo bồi dưỡng và thực hiện các nhiệm vụ khoa học được theo dõi, đối chiếu, so sánh qua các năm [5.14.1.10].

Nguồn thu từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng gồm thu từ đào tạo các bậc học, thu từ tổ chức các lớp bồi dưỡng và cấp chứng chỉ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giáo viên.

Trong năm 2020, thu từ đào tạo khối ngành khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên đạt 146.097,75 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 44,5 % so với tổng thu từ hoạt động đào tạo và đạt 30,16% trên tổng thu của nhà trường [5.14.1.11].

Kinh phí tổ chức các lớp nâng chuẩn chức danh nghề nghiệp bồi dưỡng giáo và các lớp bồi dưỡng giáo viên cấp trung học cơ sở dạy lớp 6 và giáo viên tiểu học dạy lớp 2 năm 2019 đạt 65% trên tổng thu của hoạt động, đạt 7% trên tổng thu của nhà trường; năm 2020 là 40.526,53 tỷ đồng, đạt 77% so với tổng thu của hoạt động bồi dưỡng, và đạt 11% so với tổng thu của nhà trường [5.14.1.12].

Kinh phí thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học là khoản kinh phí thu từ quản lý đề tài Nghiên cứu khoa học. Năm 2019, kinh phí thu từ các đề tài được thực hiện trong khối ngành khoa học giáo dục và đào tạo giáo, đạt 176,96 triệu đồng, đạt 36% trong tổng kinh phí của hoạt động và đạt 0,11% trên tổng thu của nhà trường; Năm 2020, số thu đạt 366,6 triệu đồng, tỷ trọng 46% trong tổng kinh phí thu được của hoạt động và 0,16% trên tổng thu của Nhà trường [5.14.1.13].

Con số đó cho thấy, Nhà trường đang phát triển phù hợp với sứ mạng và kế hoạch chiến lược trở thành trụ cột của các cơ sở giáo dục đại học Bắc Trung Bộ và hướng tới xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á.

Nguồn thu từ các hoạt động của nhà trường được thực hiện là hợp pháp. [5.14.1.14, 5.14.1.15, 5.14.1.16].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá chiến lược, chính sách và cơ chế tài chính. Nhà trường ban hành công văn, triển khai lấy ý rộng rãi của toàn thể cán bộ, viên chức trong toàn trường để lấy kiến phản hồi, góp ý, sửa đổi bổ sung cho quy chế chi tiêu nội bộ, để phù hợp với quy định hiện hành. Nhờ việc thực hiện rà soát, đánh giá và lấy ý kiến, năm 2021, nhà trường đã thực hiện sửa đổi, bổ sung một số các hệ số chức vụ, hệ số chức danh phù hợp với cơ cấu bộ máy hiện hành [5.14.1.17]. Năm 2021, Nhà trường đã thực hiện rà soát cơ chế tài chính trong Kế hoạch CLPT Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030.

Để có cơ sở pháp lý cho việc quản lý tài chính phù hợp với sứ mạng, chiến lược và bộ máy mới, Nhà trường đang triển khai xây dựng quy chế tài chính. Với mục tiêu, quy chế tài chính sẽ thể hiện về nguyên tắc quản lý tài chính và có các chính sách và cơ chế để các đơn vị chủ động xây dựng và đa dạng hóa các nguồn thu của đơn vị, góp phần thực hiện nhanh và hiệu quả hơn nữa cho mục tiêu của nhà trường đã xây dựng trong chiến lược phát triển trường [5.14.1.18].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có nguồn thu đa dạng từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và tập huấn. Nguồn thu từ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học năm 2020 tăng so với năm 2019.

Trường luôn chủ động trong việc xây dựng năng lực để thích ứng với xu thế đào tạo mới, phù hợp với sứ mạng và chiến lược phát triển trường.

3. Điểm tồn tại

Một số ít nhiệm vụ khoa học công nghệ có tính ứng dụng nhưng ở mức độ quy mô nhỏ, nguồn thu việc chuyển giao công nghệ chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Chủ động, tích cực tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng.	Các Giảng viên phối hợp Phòng KH&HTQT	Hàng năm	Hàng năm
		Xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh để phục vụ nghiên cứu.	Các Giảng viên phối hợp Phòng KH&HTQT	Hàng năm	Hàng năm
		Tạo ra các cơ chế, chính sách nhằm ủng hộ về thời gian, khuyến khích, tạo động lực về thu nhập để giảng viên phát huy năng lực nghiên cứu khoa học.	Hội đồng chính sách nhà trường.	Hàng năm	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Chủ động mở rộng các loại hình đào tạo, bồi dưỡng chức danh và tập huấn chương trình sách giáo khoa mới.	Trường sư phạm.	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.14.1					5		

Chỉ số 5.14.2. Nguồn thu từ các hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế được sử dụng nhằm tăng cường năng lực của Trường.

1. Mô tả

Nhà trường ban hành Quyết định số 1620/QĐ-ĐHV ngày 30/6/2011 về quy trình quản lý thu trong đó đã quy định về quản lý thu đối với Lưu học sinh nước ngoài và các khoản thu khác từ các tổ chức nước ngoài [5.14.2.1] áp dụng từ năm 2011. Và Quyết định số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ [5.14.2.2] có quy định rõ toàn bộ các khoản thu từ các hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế được hòa chung vào tổng thu của nhà trường. Tất cả các khoản thu được ghi chép, hạch toán vào sổ kế toán. Được cân đối thu chi theo tổng thu và tổng chi của nhà trường. Chênh lệch thu chi hàng năm được trích lập vào các quỹ theo quy định của Nhà nước và các cơ quan quản lý trực tiếp.

Các nguồn thu của trường từ hoạt động quan hệ quốc tế, hợp tác quốc tế bao gồm nguồn kinh phí ngân sách cấp qua giao dự toán để đào tạo cho lưu học sinh diện hiệp định [5.14.2.3], kinh phí học phí và ký túc xá của lưu học sinh diện tự túc [5.14.2.4], kinh phí học phí và định mức đào tạo do Tỉnh Nghệ An chuyển gửi đào tạo lưu học sinh hiệp định [5.14.2.4], và các nguồn thu khác thông qua việc tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế.

Năm 2020 và 2021, Nhà trường đã ký kết nhiều Thỏa thuận hợp tác và Biên bản ghi nhớ với các tổ chức quốc tế. Biên bản ghi nhớ giữa Trường Đại học Vinh và Tập đoàn OLC Nhật Bản vào tháng 6/2019 và được tổ chức này hỗ trợ trang thiết bị đầu tư xây dựng ngành điều dưỡng, dưỡng lão theo tiêu chuẩn Nhật bản và tổ chức dạy các lớp tiếng Nhật miễn phí [5.14.2.6 và 5.14.2.7]. Thỏa thuận hợp tác giữa Trường Đại học Vinh và Viện Kế toán công chứng xứ Wales ngày 16/01/2020 được tổ chức này tổ chức các lớp học mẫu dành cho 25 sinh viên xuất sắc nhất tham dự [5.14.2.8]. Thỏa thuận hợp tác giữa Trường Đại học Vinh và Công ty TNHH Giáo dục quốc tế tri thức được tổ chức này tổ chức cho sinh viên các lớp học tiếng Nhật miễn phí [5.14.2.9].

Trong tháng 10/2021, Nhà trường là đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đăng cai chủ trì các hội thảo quốc tế, Hội thảo Viettesol với chủ đề Nhìn lại việc giảng dạy ngoại ngữ trong bối cảnh Covid [5.14.2.10]. Hội thảo đã thu hút gần 2.000 đại biểu trong và ngoài nước giao lưu, trao đổi kết quả nghiên cứu, ý tưởng và phương pháp giảng dạy. Hội thảo đã kết thúc thành công và có nhiều bài học, bài báo cáo ý nghĩa và giá trị trong việc ứng dụng công nghệ vào công tác giảng dạy một cách tốt nhất và hiệu quả nhất. Trong tháng 11/2021, Nhà trường tiếp tục chủ trì Hội nghị quốc tế về khoa học tự nhiên lần thứ 7 dành cho các nhà khoa học trẻ, học viên cao học và nghiên cứu sinh đến từ các nước ASEAN [5.14.2.11]. Hội nghị đã thành công tốt đẹp. Hai cuộc hội thảo quốc tế được tổ chức trong năm thành công tốt đẹp. Tuy hội thảo không thu được kinh phí bằng tiền về cho Nhà trường nhưng đã xây dựng được hình ảnh tốt đẹp về một trường

Đại học Vinh chuyên nghiệp, phù hợp với sứ mạng và chiến lược phát triển của Nhà trường.

Tổng nguồn thu của Nhà trường được hạch toán vào tổng thu toàn Trường, được thể hiện trên báo cáo tài chính [5.14.2.12]. Quản lý và sử dụng nguồn thu được quy định theo quy chế chi tiêu nội bộ [5.14.2.13]. Chênh lệch thu chi được trích lập các quỹ theo quy định. Trong năm 2020, Nhà trường đã chi 90.000 triệu đồng vào đầu tư xây dựng cơ bản, 2.000 triệu đồng nâng cao năng lực sư phạm; 30.892 triệu đồng để đầu tư mua sắm trang thiết bị, phục vụ công tác đào tạo. Tổng kinh phí chi cho đầu tư năng lực năm 2020 từ quỹ đầu tư phát triển là 122.892 triệu đồng [5.14.2.14].

Hàng năm, Nhà trường ban hành văn bản lấy ý kiến của toàn thể viên chức, người lao động trong toàn trường để xin ý kiến góp ý, sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ [5.14.2.15] nhằm cải thiện, cập nhật và bổ sung các chế độ chính sách mới nhằm cải thiện các hoạt động hợp tác quốc tế.

Cũng trong năm 2021, Nhà trường xây dựng quy chế tài chính, nhằm tạo ra các quy định mới, phù hợp với tình hình và thực tế của Nhà trường để có những cải tiến mới trong công tác đẩy mạnh nguồn thu từ hợp tác quốc tế [5.14.2.16].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống chính sách linh hoạt trong việc thúc đẩy các đơn vị đầu mối chủ trì đăng ký thực hiện các nhiệm vụ, các hoạt động có tính quan hệ, hợp tác quốc tế nhằm thu hút và nâng cao các khoản thu cho hoạt động này.

Các nguồn thu từ các hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế được sử dụng phù hợp, góp phần tăng cường năng lực của Trường.

3. Điểm tồn tại

Kinh phí thu được từ các hoạt động hợp tác quốc tế chưa cao (so với tổng các nguồn thu của Nhà trường).

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Sửa đổi, bổ sung một số chính sách trong việc tiếp cận, áp dụng và quản lý tình hình thực tế đối với Lưu học sinh sao cho phù hợp hơn. Tích cực và chủ động hơn nữa trong việc tổ chức các hội thảo quốc tế và có khả	Các khoa, viện và phòng Khoa học và HTQT	Hàng năm	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
		năng mang lại nguồn thu cho nhà trường.			
2	Phát huy điểm mạnh	Bổ sung sửa đổi chính sách, ban hành cơ chế thông thoáng để nhà trường cũng như bộ phận tuyển sinh có động lực làm việc và kêu gọi quảng bá các nhiệm vụ quốc tế cho nhà trường.	Hội đồng chính sách Trường	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.14.2					5		

Điểm tự đánh giá tiêu chí

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.14.1.					5		
Chỉ số 5.14.2.					5		
Điểm tiêu chí 14	5.0						

Tiêu chí 15: Nguồn nhân lực

Chỉ số 5.15.1: Chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược.

1. Mô tả

Trường có các chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực gắn với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Nhà trường. Để thực hiện điều này, Nhà trường đã có các quy định cụ thể về công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý được thể hiện trong Quy chế về công tác cán bộ của Nhà trường, Đề án Vị trí việc làm. Trong năm 2021, Nhà trường đã tuyển dụng 10 hợp đồng lao động có thời hạn và gần 20 hợp đồng lao động thời vụ. Cũng trong năm 2021, Nhà trường thực hiện tái cơ cấu bộ máy nên đã thực hiện gần 200 lượt điều động, luân chuyển và bổ nhiệm lại cán bộ các đơn vị [5.15.1.1].

Quy trình tuyển dụng của Nhà trường được công khai, minh bạch và được quy định cụ thể trong Quy chế về công tác cán bộ và có sự giám sát của Hội đồng Trường [5.15.1.2]. Kế hoạch tuyển dụng được Nhà trường tổng hợp, xây dựng thông qua việc duyệt kế hoạch

hàng năm của các đơn vị và có sự điều chỉnh để đảm bảo được mục tiêu phát triển của Nhà trường trong từng giai đoạn cụ thể, được Đảng ủy, Hội đồng trường thông qua [5.15.1.3].

Để phát triển nguồn nhân lực phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Nhà trường, bên cạnh việc tuyển dụng, Nhà trường còn chú trọng đến việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hiện có. Hàng năm, Trường tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức và người lao động [5.15.1.4], kế hoạch được xây dựng trên cơ sở tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị thông qua Hội nghị cán bộ viên chức và duyệt kế hoạch hàng năm.

Chính sách, khen thưởng, kỷ luật của Nhà trường cũng được thể hiện rõ trong các Quy định về đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động hàng tháng, hàng năm [5.15.1.5], Quy chế chi tiêu nội bộ [5.15.1.6], Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức và người lao động Trường Đại học Vinh [5.15.1.7].

Việc sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại hàng tháng để làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm đã tạo động lực cho cán bộ phát huy hết năng lực của bản thân [5.15.1.8].

Nhà trường cũng có chính sách động viên, tạo điều kiện cho giảng viên tìm kiếm tài trợ cho việc phát triển năng lực chuyên môn của mình, ví dụ như quy định về việc khen thưởng các công trình khoa học tiêu biểu, khen thưởng những cán bộ, viên chức của Trường có các công bố khoa học quốc tế [5.15.2.9].

Ngoài ra, để đáp ứng yêu cầu phát triển Nhà trường theo từng giai đoạn cụ thể, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược, Nhà trường đã có chính sách, khen thưởng đối với những cán bộ có năng lực và được Nhà trường cử đi học văn bằng 2 trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, khuyến khích cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng, nâng cao năng lực ngoại ngữ. [5.15.1.10]

Bên cạnh những chính sách, khen thưởng Nhà trường còn có các quy định cụ thể về việc kỷ luật đối với những cán bộ có vi phạm quy định tại các văn bản: Quy định về đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động hàng tháng, hàng năm [5.15.1.11].

Hàng năm, Nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên về chính sách, quy trình tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật của trường [5.15.1.12].

Căn cứ vào ý kiến phản hồi từ các cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên Nhà trường có cải tiến chính sách, quy trình tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật của trường [5.15.1.13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Chính sách và quy trình tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật rõ ràng, minh bạch.

Chính sách và quy trình tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật được bổ sung và sửa đổi phù hợp với thực tế hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường đã có những chính sách khuyến khích cán bộ nâng cao năng lực ngoại ngữ, tuy nhiên, năng lực ngoại ngữ của một số cán bộ, giảng viên, nhân viên vẫn còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Mở các lớp bồi dưỡng, nâng cao năng lực ngoại ngữ dành cho cán bộ	P. TCCB	12/2021	12/2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện các chính sách và quy trình tuyển dụng phù hợp với thực tế hàng năm	P. TCCB	12/2021	12/2022

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.15.1					5		

Chỉ số 5.15.2. Trường có chiến lược và kế hoạch tuyển dụng, sử dụng đội ngũ minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả để phát triển các nhà giáo dục xuất sắc.

1. Mô tả

Hàng năm, thông qua việc duyệt kế hoạch các đơn vị, Trường đã tiến hành tổng hợp, xây dựng kế hoạch tuyển dụng đội ngũ giảng viên, nhân viên căn cứ trên nhu cầu thực tế của các đơn vị và Nhà trường theo từng giai đoạn [5.15.2.1]. Sau khi xin ý kiến Đảng ủy, Hội đồng trường phê duyệt, kế hoạch đó được Nhà trường ban hành và tổ chức thực hiện đảm bảo công khai, minh bạch [5.15.2.2].

Công tác tuyển dụng được Nhà trường thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật và được cụ thể hóa trong Quy chế về công tác cán bộ [5.15.2.3]. Việc thực hiện quy trình tuyển dụng được công khai, minh bạch: thông báo tuyển dụng, hình thức tuyển dụng, kết quả tuyển dụng... đều được công khai trên các phương tiện thông tin [5.15.2.4].

Nhà trường có chính sách ưu tiên tuyển dụng đối với những sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, sinh viên giỏi tốt nghiệp các trường đại học có uy tín trên cả nước [5.15.2.5].

Bên cạnh công tác tuyển dụng việc sử dụng viên chức được Nhà trường quy định cụ thể bằng Quy chế về công tác cán bộ, cán bộ, viên chức được luân chuyển, chuyển đổi vị trí việc làm theo định kỳ, đảm bảo đúng quy định và phát huy năng lực làm việc của từng cá nhân [5.15.2.6].

Công tác quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ quản lý cũng được Nhà trường quan tâm, chú trọng. Theo định kỳ, Nhà trường tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch các chức vụ quản lý trong Trường nhằm mục tiêu phát hiện, bồi dưỡng những cán bộ có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý tạo điều kiện để phát triển các nhà giáo dục xuất sắc [5.15.2.7].

Việc bổ nhiệm viên chức quản lý được Nhà trường quy định chi tiết, cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, quy định này đã thể hiện rất rõ việc công khai, minh bạch và cạnh tranh của Nhà trường trong công tác cán bộ [5.15.2.8].

Ngoài ra, Nhà trường còn có chính sách cho phép chuyển đổi vị trí việc làm, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp sang giảng viên đối với những cán bộ có học vị Tiến sĩ nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ, phát triển các nhà giáo dục xuất sắc, nhà trường đã thành lập các nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh, hỗ trợ công bố quốc tế nhằm phát triển các nhà giáo dục xuất sắc [5.15.2.9].

Năm 2021, Nhà trường đã thực hiện rà soát Chiến lược phát triển đội ngũ-là một nội dung trong Kế hoạch chiến phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030. Kết quả rà soát đã đề xuất một số nội dung cải tiến trong chiến lược phát triển đội ngũ đáp ứng yêu cầu của Nhà trường trong chuyển đổi số và xây dựng Trường Đại học thông minh [minh chứng]

Hàng năm, Nhà trường thực hiện cải tiến chiến lược và hoạt động tuyển dụng, sử dụng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong trường đảm bảo tính minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả để phát triển các nhà giáo dục xuất sắc bằng Quy chế công tác cán bộ, Quy định bổ nhiệm chức danh GS, PGS, GVCC, GVC, Quyết định sửa đổi bổ sung một số điều Quy định bổ nhiệm [5.15.2.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có chính sách và biện pháp cụ thể về thời gian, kinh phí để hỗ trợ, động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

Trường rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển và kế hoạch sử dụng đội ngũ đáp ứng yêu cầu công việc trong tình hình mới.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, ngoại ngữ vẫn là một điều yếu, điểm tồn tại của Nhà trường, Nhà trường hiện vẫn chưa đưa ngoại ngữ là một tiêu chí xét thi đua hàng năm để tăng thêm động lực cho cán bộ, giảng viên học ngoại ngữ.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Đưa kết quả đánh giá năng lực ngoại ngữ là một tiêu chí xét thi đua hàng năm để tăng thêm động lực cho cán bộ, giảng viên học ngoại ngữ.	P. TCCB	12/2021	12/2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ đội ngũ cán bộ.	P. TCCB	12/2021	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.15.2					5		

Chỉ số 5.15.3: Trường có chính sách và kế hoạch đảm bảo chất lượng trong cơ chế tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng.

1. Mô tả

Hiện nay, ở các hệ đào tạo của Nhà trường đều có nhu cầu sử dụng đội giảng viên thỉnh giảng. Để thực hiện việc tuyển dụng và sử dụng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng Nhà trường có cơ chế, chính sách tuyển dụng và sử dụng đội ngũ này thể hiện trong Quy định về chế độ thỉnh giảng của Trường Đại học Vinh [5.15.3.1].

Chính sách và kế hoạch đảm bảo chất lượng trong cơ chế tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng được các đơn vị đề xuất theo nhu cầu thực tế hàng năm [5.15.3.2].

Trường có các quy trình đảm bảo chất lượng trong việc tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng được cụ thể hóa bằng các hợp đồng thời vụ hoặc các hợp đồng thỉnh giảng theo môn học [5.15.3.3].

Chính sách và kế hoạch đảm bảo chất lượng trong cơ chế tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng, được thực hiện căn cứ vào Quy định về chế độ thỉnh giảng của Trường Đại học Vinh [5.15.3.4].

Trường có cơ chế giám sát, đánh giá kết quả giảng dạy của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng qua công tác khảo sát lấy ý kiến của giảng viên và người học [5.15.3.5].

Chính sách và kế hoạch đảm bảo chất lượng trong cơ chế tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng được Nhà trường thường xuyên rà soát, chỉnh sửa, bổ sung [5.15.3.6].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có một mạng lưới đội ngũ giảng viên thỉnh giảng có trình độ chuyên môn cao, sẵn sàng tham gia cộng tác, đảm nhận những học phần, môn học đáp ứng yêu cầu thực tế trong từng giai đoạn phát triển của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường cần có cơ chế, chính sách hợp lý, cụ thể để thu hút đội ngũ nhà giáo có uy tín, chuyên môn cao tham gia thỉnh giảng các học phần môn học trong các hệ đào tạo của Trường.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành

1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung, sửa đổi xây dựng chính sách về tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng	P. TCCB; Phòng ĐT Sau đại học	12/2021	12/2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao mạng lưới đội ngũ giảng viên thỉnh giảng	P. TCCB	12/2021	12/2022

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.15.3					5		

Điểm tự đánh giá tiêu chí

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.15.1.					5		
Chỉ số 5.15.2.					5		
Chỉ số 5.15.3.					5		
Điểm tiêu chí 15	5.0						

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 5

TT	Tiêu chí	Mức đánh giá
1	Tiêu chí 12:	6.0
2	Tiêu chí 13:	6.0
3	Tiêu chí 14:	5.0
4	Tiêu chí 15:	5.0
ĐIỂM TIÊU CHUẨN		5.50

Tiêu chuẩn 6

HỖ TRỢ DẠY HỌC

Tiêu chí 16: Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên

6.16.1. Trường có hệ thống hỗ trợ giảng viên tập sự và giảng viên mới.

1. Mô tả

Hàng năm, căn cứ vào Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2017 - 2025, tầm nhìn đến 2035, các đơn vị trong toàn Trường xây dựng kế hoạch năm học, trong đó nêu cụ thể nhu cầu tuyển dụng nhân sự. Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị, đối chiếu với chiến lược phát triển cán bộ của từng giai đoạn, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng cán bộ một cách cụ thể, rõ ràng và phù hợp với nhu cầu thực tế của Nhà trường, đáp ứng các yêu cầu về trình độ, chuyên môn [6.16.1.1] [6.16.1.2].

Nhà trường cũng đã có chính sách tuyển thẳng những sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc ở lại làm việc tại Trường [6.16.1.3] [6.16.1.4].

Nhà trường có quy định cụ thể nhiệm vụ, yêu cầu, các chế độ, quyền lợi được hưởng trong thời gian tập sự trong Quy chế công tác cán bộ [6.16.1.5]. Cụ thể, giảng viên tập sự được hướng dẫn bởi giảng viên có chức danh nghề nghiệp bằng hoặc cao hơn, có năng lực, kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng hướng dẫn người tập sự. Giảng viên tập sự được giao cho bộ môn hướng dẫn một cách chi tiết, bài bản giúp trau dồi kiến thức và rèn luyện năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ [6.16.1.6]. Trong thời gian tập sự, giảng viên có ít nhất 03 lần dự giờ đánh giá của bộ môn, khoa/viện và Nhà trường, được miễn giảm 50% định mức giờ chuẩn [6.16.1.7] [6.16.1.8]. Ngoài ra, đối với giảng viên mới tuyển về trường, nếu có thời gian công tác và đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tại các cơ sở giáo dục đại học có uy tín từ 12 tháng trở lên sẽ được miễn chế độ tập sự [6.16.1.9]. Trong thời gian tập sự, Nhà trường ưu tiên cử giảng viên tập sự đi bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học... giúp giảng viên tập sự nâng cao trình độ chuyên môn, đồng thời tích lũy đủ các điều kiện của chức danh nghề nghiệp theo đúng quy định [6.16.1.10]. Trường hợp giảng viên mới, giảng viên trẻ đi học trình độ tiến sĩ hoặc đi học theo diện học bổng, Nhà trường có chế độ hỗ trợ trong thời gian đào tạo như những giảng viên chính thức [6.16.1.11].

Đối với giảng viên mới, Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện để giảng viên học tập, nâng cao trình độ. Giảng viên mới cũng được hưởng các chính sách lương, thưởng, hỗ trợ về đào tạo, bồi dưỡng như một giảng viên chính thức, được quy định cụ thể tại Điều 29 Quy chế chi tiêu nội bộ như: các khoản phúc lợi, hỗ trợ học phí, hỗ trợ hàng tháng, phí đi lại, miễn giảm giờ dạy, thưởng khi bảo vệ thành công luận án thạc sĩ, tiến sĩ, ... [6.16.1.12].

Sau khi được tuyển dụng, giảng viên tập sự và giảng viên mới được sử dụng các cơ

sở vật chất như: phòng làm việc, giảng đường, thư viện,...như một giảng viên chính thức [6.16.13]. Giảng viên mới có trình độ tiến sĩ được nhà trường cấp máy tính xách tay phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học bình đẳng như những giảng viên có thời gian công tác lâu năm tại trường [6.16.1.14].

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức các cuộc thi như “Giảng viên trẻ dạy giỏi”, “Nghệ thuật sư phạm”... và được các giảng viên hưởng ứng và tham gia rất tích cực, góp phần tạo nên phong trào thi đua dạy và học trong giảng viên, giúp giảng viên không ngừng phấn đấu trau dồi năng lực, trình độ [6.16.1.15]. Giải thưởng của các Hội thi được quy định cụ thể tại Phần V, Phụ lục IV của Quy chế chi tiêu nội bộ [6.16.1.16]. Đặc biệt, hội nghị cán bộ trẻ được tổ chức hàng năm là nơi để giảng viên mới và giảng viên tập sự được trao đổi, học tập kinh nghiệm và được trực tiếp đối thoại với lãnh đạo Nhà trường, được lãnh đạo Nhà trường lắng nghe, trả lời những ý kiến trao đổi trong các mặt chuyên môn, đào tạo, bồi dưỡng cũng như chế độ chính sách [6.16.1.17].

Bằng nhiều giải pháp tích cực, giảng viên mới và giảng viên tập sự được giới thiệu và định hướng phát triển nghề nghiệp. Kế hoạch tuyển dụng viên chức hàng năm của Nhà trường xác định rõ các vị trí việc làm và yêu cầu, điều kiện tiêu chuẩn rõ ràng đối với chức danh giảng viên. Kế hoạch tuyển dụng, thông báo tuyển dụng được xem là việc giới thiệu và định hướng phát triển nghề nghiệp đầu tiên cho giảng viên [6.16.1.18]. Khi giảng viên lựa chọn trường Đại học Vinh để làm việc, giảng viên được bố trí việc làm phù hợp với trình độ, với chuyên ngành đào tạo và được Nhà trường tạo mọi điều kiện thuận lợi về vật chất, trang thiết bị dạy học, môi trường...để giảng viên phát triển nghề nghiệp. Trong quá trình công tác, giảng viên được Nhà trường hỗ trợ về đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, hành vi, thái độ, trình độ... giúp giảng viên tích lũy đủ các điều kiện để tham gia xét (thi) thăng hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn hoặc được bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư theo đúng quy định của Bộ, ngành và quy định của Nhà trường [6.16.1.19].

Để xác định những kinh nghiệm giảng dạy nào là thành công và phổ biến cho các giảng viên khác (*bao gồm giảng viên tập sự, giảng viên mới*), Nhà trường thường xuyên tổ chức thao giảng, dự giờ, thăm lớp, đánh giá giờ dạy qua thông qua bộ môn, khoa, trường, thông qua ý kiến phản hồi của người học đối với giảng viên, thông qua đánh giá thành tích giảng dạy của giảng viên hàng năm [6.16.1.20]

Năm 2021, để xác định được hiệu quả của hệ thống chính sách, nhân sự, tài chính đối với việc hỗ trợ giảng viên mới và giảng viên tập sự. Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến của chính các giảng viên tập sự, giảng viên mới, cán bộ quản lý giáo dục và các bên liên quan về các chính sách hỗ trợ giảng viên mới và giảng viên tập sự. [6.16.3.21]. Kết quả khảo sát với 300 giảng viên sư phạm, cán bộ QLGD và các bên có liên quan với bộ phiếu gồm 5 câu hỏi và 19 tiêu chí thì 99% trả lời hệ thống chính sách, nhân sự, tài chính của

Nhà trường hỗ trợ giảng viên mới, giảng viên tập sự đáp ứng yêu cầu từ mức khá trở lên [6.16.3.22].

Năm 2021, Nhà trường đã tiếp tục thực hiện các hoạt động cải tiến hệ thống hỗ trợ giảng viên tập sự, giảng viên mới. Hoạt động cải tiến ưu tiên việc đào tạo, bồi dưỡng trực tiếp giảng viên tập sự, giảng viên mới và đã được tổ chức thực hiện như: Xây dựng kế hoạch đi thực tế phổ thông cho sinh viên sư phạm, giảng viên sư phạm [6.16.1.23], tổ chức thao giảng cho giảng viên toàn trường, đây là cơ hội cho giảng viên tập sự, giảng viên mới tham gia học hỏi, đúc rút kinh nghiệm từ những giờ giảng được đánh giá cao về chất lượng [6.16.1.24], tổ chức cuộc thi “thời khắc khó quên” nhằm động viên viên chức toàn trường, đặc biệt là những viên chức trẻ đưa ra những mô hình hay, giải pháp hiệu quả cho giảng dạy, học tập, làm việc trong bối cảnh covid [6.16.1.25]; tổ chức cuộc thi thiết kế bài giảng E-learning nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên, đẩy mạnh ứng dụng CNTT, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, nâng cao chất lượng đào tạo. Đồng thời tăng cường giao lưu, học tập kinh nghiệm của giảng viên giữa các thế hệ; truyền đạt kinh nghiệm của giảng viên nhiều năm giảng dạy với giảng viên mới, giảng viên tập sự, giảng viên trẻ [6.16.1.26]; tổ chức Hội thảo quốc tế "Phát triển chương trình đào tạo bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ QLGD theo hướng tiếp cận năng lực" với hơn 600 giảng viên, cán bộ QLGD, các Nhà khoa học trong và ngoài trường tham gia [6.16.1.27]; Trong bối cảnh covid, Nhà trường tổ chức Tập huấn phần mềm Microsoft Teams trong giảng dạy và hội họp và tổ chức triển khai dạy học trực tuyến qua Microsoft Teams [6.16.1.28] giúp giảng viên tập sự, giảng viên mới hoàn toàn chủ động trong việc giảng dạy và trao đổi, học học kinh nghiệm từ các giảng viên khác; tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực triển khai chương trình đào tạo tiếp cận CDIO ở Trường Đại học Vinh [6.16.1.29] và nhiều hội nghị, hội thảo, tập huấn với gần 2.000 lượt giảng viên sư phạm tham gia, trong đó có giảng viên tập sự, giảng viên mới, giảng viên trẻ nhằm nâng năng lực nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn cho đội ngũ giảng viên [6.16.1.30].

Bên cạnh đó, để đảm bảo cho giảng viên mới, giảng viên tập sự được hướng dẫn, truyền đạt kinh nghiệm từ những giảng viên giỏi, uy tín, Nhà trường đã xây dựng “Quy định chế độ, chính sách cho người hướng dẫn tập sự” [6.16.1.31].

Hiệu quả của chính sách, nhân sự tài chính có tác động tích cực tới giảng viên tập sự, giảng viên mới: 100% giảng viên tập sự hoàn thành tập sự đúng thời hạn; 100% giảng viên tập sự, giảng viên mới được đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức hoàn thành nhiệm vụ trở lên [6.16.1.32].

Năm 2021, có 99% giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục đánh giá hệ thống hỗ trợ giảng viên tập sự và giảng viên của nhà trường đạt từ mức khá trở lên.

Giảng viên tập sự và giảng viên mới luôn là đối tượng được Nhà trường quan tâm, bồi dưỡng. Đó là nguồn nhân lực quan trọng trong việc phát triển Nhà trường trong tương

lai.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng được hệ thống chính sách nhân sự, tài chính hỗ trợ giảng viên mới và giảng viên tập sự một cách bài bản, có rà soát và cải tiến.

3. Điểm tồn tại:

Chưa huy động được nhiều nguồn kinh phí nhằm hỗ trợ cho giảng viên mới, giảng viên tập sự sớm ổn định cuộc sống để yên tâm công tác.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Tìm các nguồn kinh phí hỗ trợ cho giảng viên, đặc biệt là giảng viên tập sự, giảng viên mới nâng cao trình độ và chuyên môn hóa trình độ; Rà soát, điều chỉnh chính sách hỗ trợ tài chính cho đối tượng giảng viên tập sự, giảng viên mới	- Công đoàn trường; - Phòng TCCB; - Phòng KHTC; - Các khoa/viện	2021	2022
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách nhân sự, tài chính hỗ trợ giảng viên mới và giảng viên tập sự .	- Công đoàn trường; - Phòng TCCB; - Phòng KHTC;	2021	2022

5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 6.16.1					5		

6.16.2. Giảng viên được khuyến khích và thực hiện vai trò là người hướng dẫn một cách hiệu quả.

1. Mô tả

Nhà trường tạo mọi điều kiện về chính sách nhằm động viên và khuyến khích giảng viên thực hiện là người hướng dẫn hiệu quả. Thông qua việc tổ chức hướng dẫn SV nghiên cứu khoa học được thể hiện trong đề cương chi tiết các học phần lồng ghép việc tăng cường cho sinh viên nghiên cứu khoa học, khuyến khích và có chính sách tăng cường sinh viên nghiên cứu khoa học [6.16.2.1] đồng thời ban hành các tiêu chí đánh giá sinh viên trong

nghiên cứu khoa học [6.16.2.2], hướng dẫn người học tổ chức các hoạt động học tập tích cực và chủ động, lựa chọn học phần phù hợp với các hoạt động dạy học tích cực trên hệ thống Elearnig.

Nhà trường tổ chức thao giảng, dự giờ để đánh giá các hoạt động, đánh giá giờ dạy mẫu để khẳng định được hiệu quả các chính sách cũng như khả năng hướng dẫn của giảng viên.

Nhà trường từng bước xây dựng, bổ sung và hoàn thiện chương trình đào tạo phù hợp với vai trò hướng dẫn của giảng viên. Trên cơ sở chương trình đào tạo mới, Nhà trường tăng cường các phương pháp dạy học tích cực theo hướng tiếp cận năng lực (dạy học theo đồ án) trong đó cốt lõi là giảng viên hướng dẫn sinh viên thực hiện các thao tác tự chiếm lĩnh tri thức, xây dựng chương trình dạy học theo đồ án, theo hướng tiếp cận CDIO. [6.16.2.3].

Nhà trường thường xuyên đầu tư nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học như: phòng học, phòng thực hành, thực tập, thư viện, phòng đọc, sân chơi ... phù hợp với vai trò hướng dẫn của giảng viên. Đồng thời có chính sách, chế độ, cơ chế phù hợp để giúp giảng viên chủ động trong vai trò là người hướng dẫn [6.16.2.4]. Nhà trường cũng xây dựng được hệ thống chính sách, chế độ khen thưởng nhằm khuyến khích giảng viên trong quá trình cải tiến và sử dụng phương pháp dạy học hiệu quả. Đồng thời, không ngừng cải tiến các phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên một cách công bằng, khách quan và chính xác. Sử dụng kết quả đánh giá sinh viên làm căn cứ quan trọng trong đánh giá phương pháp dạy học của giảng viên [6.16.2.5].

Để giảng viên thực hiện tốt vai trò là người hướng dẫn hiệu quả, Nhà trường thường xuyên tổ chức các cuộc tập huấn, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy học [6.16.2.6]; thành lập Ban CDIO và mời chuyên gia đến từ Mỹ, mời chuyên gia của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO, xây dựng kế hoạch và thực hiện chuỗi kế hoạch làm việc với GS Mỹ về tập huấn cho giảng viên dạy học theo tiếp cận CDIO.

Nhà trường cử giảng viên tham gia các hội nghị, hội thảo trong ngoài nước, ưu tiên các giảng viên có bài tham luận tại các hội thảo, tham gia biên soạn sách giáo khoa cho các chương trình đào tạo [6.16.2.7]; khuyến khích giảng viên đăng ký thao giảng cấp trường, đặc biệt là các giờ dạy theo tiếp cận CDIO, tổ chức sinh hoạt seminar nhằm trao đổi, góp ý cho giảng viên...thông qua các hoạt động này giảng viên được huấn luyện để trở thành người hướng dẫn hiệu quả, giúp sinh viên từng bước chiếm lĩnh tri thức một cách chủ động và phát huy được năng lực của bản thân [6.16.2.8].

Đổi mới phương pháp dạy học và kế hoạch triển khai đã được thực hiện một cách quy mô, bài bản và triển khai đồng bộ bằng hệ thống Elearning, giảng viên đưa bài giảng lên hệ thống, sinh viên chủ động, tích cực nghiên cứu và sẽ tổ chức thảo luận, trao đổi khi giảng viên lên lớp trực tiếp [6.16.2.9].

Nhà trường đã tiến hành dự giờ, đánh giá các giờ dạy và dạy mẫu của giảng viên khi tiến hành các bài giảng Elearning; tổ chức hội thi” thiết kế bài giảng Elearning” và được hầu hết giảng viên tham gia nhiệt tình, tổ chức thu thập dữ liệu và báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng [6.16.10].

Nhà trường xây dựng chính sách khuyến khích và cải tiến các hạn chế cũng như bồi dưỡng giảng viên trong dạy học các học phần dự án đáp ứng mục tiêu đề ra [6.16.2.11].

Các dữ liệu khảo sát đánh giá của giảng viên và người học về chính sách khuyến khích giảng viên của trường thực hiện vai trò là người hướng dẫn một cách hiệu quả hướng dẫn của giảng viên đáp ứng trên 80% [6.16.2.12].

Nhà trường đã tổ chức khảo sát đánh giá của giảng viên và người học về bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giảng viên của trường [6.16.4.13]. Bên cạnh đó, nhà trường tăng cường dạy học đồ án cho giảng viên, trong đó chú trọng cử giảng viên phụ trách các môn học, học phần dạy học dự án [6.16.4.14].

Nhà trường cũng tổ chức khảo sát đánh giá của giảng viên và người học về chính sách khuyến khích giảng viên của trường thực hiện vai trò là người hướng dẫn một cách hiệu quả việc hướng dẫn của giảng viên cho từng đối tượng thông qua phiếu đánh giá của sinh viên và có các phản hồi tích cực [6.16.2.15].

Các chính sách hỗ trợ giảng viên của nhà trường đem lại hiệu quả tốt và tạo động lực cho giảng viên trong việc hướng dẫn người học tổ chức học tập chủ động và sáng tạo thông qua các Modul bồi dưỡng thường xuyên [6.16.2.16].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường tạo mọi điều kiện về chính sách nhằm động viên và khuyến khích giảng viên thực hiện là người hướng dẫn hiệu quả.

Nhà trường có các chính sách thực hiện việc nâng cao hiệu quả dạy học và việc khuyến khích giảng viên tăng cường lựa chọn các hình thức dạy học hiệu quả hơn trong chương trình mới được cải tiến thường xuyên.

3. Điểm tồn tại:

Một số chính sách chưa đủ mạnh để khuyến khích giảng viên một cách triệt để.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Tăng cường các chính sách hỗ trợ giảng viên	- Phòng TCCB; - Các khoa/viện	2021	2022
2.	Phát huy	Nghiên cứu các chính sách	- Phòng TCCB;	2022	2023

	điểm mạnh	triệt để thích hợp nhằm động viên và khuyến khích giảng viên	- Phòng KHTC;		
--	--------------	--	---------------	--	--

5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 6.16.2					5		

6.16.3. Lãnh đạo trường cam kết và triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên, gắn kết với thực tế trong các trường phổ thông.

1. Mô tả

Thực hiện chủ trương của Đảng, của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, trong đó, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt [6.16.3.1, 6.16.3.2, 6.16.3.3, 6.16.3.4]. Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường luôn quan tâm và có nhiều chủ trương trong việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho giảng viên [6.16.3.5, 6.16.3.6].

Trên cơ sở chủ trương của Đảng ủy, của Hội đồng trường về bồi dưỡng thường xuyên, Nhà trường tổ chức khảo sát nhu cầu bồi dưỡng thường xuyên của giảng viên, xây dựng kế hoạch và chương trình bồi dưỡng phù hợp [6.16.3.7, 6.16.3.8, H6.16.3.09, 6.16.3.10, 6.16.3.11, 6.16.3.12].

Nhà trường đặc biệt chú trọng nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên, gắn kết với thực tế trường phổ thông qua các hoạt động như: thường xuyên mở các lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm [6.16.3.13]; điều động giảng viên tham gia giảng dạy tại các trường phổ thông [6.16.3.14]; khuyến khích giảng viên đến trường phổ thông dự giờ, trao đổi kinh nghiệm, cử giảng viên đi thực tế, hướng dẫn sinh viên đi thực tập, thực tế phổ thông [6.16.3.15, 6.16.3.16], giúp giảng viên có điều kiện tìm hiểu, trao đổi hoạt động chuyên môn với các giáo viên phổ thông và trải nghiệm thực tế về môi trường giáo dục phổ thông. Đặc biệt, Trường xây dựng hệ thống các trường vệ tinh từ mầm non, tiểu học tới THCS, THPT ở thành phố Vinh tỉnh Nghệ An và các tỉnh lân cận [6.16.3.17] ...tạo điều kiện cho sinh viên kiến tập và thực tập, sớm có cơ hội tiếp xúc với thực tiễn giáo dục phổ thông.

Thông qua việc tổ chức dự giờ của những giảng viên giỏi, Nhà trường đã nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc bồi dưỡng năng lực sư phạm cho đội ngũ giảng viên, giúp các giảng viên khác có cơ hội được trao đổi, học hỏi kinh nghiệm dạy học và nghiên cứu. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, tự đào tạo và đào tạo lại đối với đội ngũ giảng

viên nhằm nâng cao chất lượng của giảng viên cả về năng lực chuyên môn lẫn kiến thức, nghiệp vụ sư phạm. Trường Đại học Vinh có đầy đủ hệ thống giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đến đại học. Vì vậy, giảng viên có cơ hội được học tập tại trường và thường xuyên được tiếp xúc, tìm hiểu thực tế và học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

Giảng viên thường xuyên được tham gia hội nghị, hội thảo khoa học nhằm trao đổi kinh nghiệm giảng dạy. Nhà trường luôn quan tâm chọn cử giảng viên giỏi tham gia bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo, trao đổi chương trình đào tạo, trao đổi chuyên môn, hợp tác khoa học... ở nước ngoài [6.16.3.18].

Nhà trường có nhiều chính sách nhằm khuyến khích các giảng viên tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đặc biệt, tăng cường đẩy mạnh công tác bồi dưỡng ngoại ngữ cho giảng viên: đối với những giảng viên học và thi được cấp chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh theo tiêu chuẩn quốc tế được thưởng 3.000.000 đồng và có thể được cử đi học nước ngoài nếu có nguyện vọng [6.16.3.19]. Đồng thời, liên tục mở các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ cho giảng viên [6.16.3.20]. Kết bồi dưỡng nâng cao năng lực Tiếng Anh được Nhà trường đưa vào tiêu chí xếp loại thi đua cuối năm [6.16.3.21].

Năm 2021, ngoài việc quy hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ giảng viên theo định kỳ và tập huấn theo chương trình ETEP, Nhà trường cũng đã đầu tư kinh phí mời chuyên gia về tập huấn cho gần 300 lượt giảng viên sư phạm về Đánh giá theo chuẩn đầu ra, dạy học dự án nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên

Nhà trường thường xuyên nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng và tự bồi dưỡng cho giảng viên [6.16.3.22]

Nhà trường luôn cập nhật các văn bản của Nhà nước về các yêu cầu, điều kiện, tiêu chuẩn của giảng viên để từ đó tổ chức các lớp bồi dưỡng nhằm cải tiến trình độ, năng lực và bổ sung hoàn thiện các điều kiện về tiêu chuẩn cho giảng viên như nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học... Vì vậy, đội ngũ giảng viên của Trường Đại học Vinh luôn đáp ứng được các điều kiện tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm.

Năm 2021, nhằm cải tiến công tác bồi dưỡng thường xuyên, Nhà trường vừa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức toàn vừa xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên dành cho giảng viên khối ngành sư phạm [6.16.3.23]. Để có cơ sở đánh giá được hiệu quả của chính sách và kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, Nhà trường đã tổ chức khảo sát, lấy ý kiến của giảng viên sư phạm, cán bộ QLGD, các giảng viên là học viên tham gia các khóa bồi dưỡng thường xuyên và các bên liên quan về các chính sách, kế hoạch, hình thức, nội dung cũng như hiệu quả của hoạt động bồi dưỡng thường xuyên của Nhà trường. Kết quả khảo sát với 300 giảng viên sư phạm, cán bộ QLGD và các bên có liên quan với bộ phiếu gồm 5 câu hỏi và 19 tiêu chí thì 99% trả lời các chính sách và kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của Nhà trường đáp ứng yêu cầu từ mức khá trở lên (*Khá: 32.18%; Tốt:*

42.96%; Xuất sắc: 24.53%) [6.16.3.24].

Năm 2021, Nhà trường tiếp tục thực hiện các hoạt động cải tiến chính sách và kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên [6.16.3.24]. Các hoạt động cải tiến ưu tiên bồi dưỡng thường xuyên gắn kết với thực tế trường phổ thông, đồng thời coi trọng nhu cầu bồi dưỡng thường xuyên của giảng viên.

Các hoạt động cải tiến bồi dưỡng thường xuyên đã được thực hiện trong năm 2021:

Tổ chức khảo sát nhu cầu bồi dưỡng của giảng viên thông qua việc xây dựng kế hoạch hàng năm của các đơn vị [6.16.3.25]; Xây dựng kế hoạch đi thực tế phổ thông cho sinh viên sư phạm, giảng viên sư phạm [6.16.3.26]; tổ chức thao giảng cho giảng viên toàn trường giúp giảng viên học hỏi lẫn nhau, đúc rút kinh nghiệm từ những giờ giảng được đánh giá cao về chất lượng [6.16.3.27], tổ chức cuộc thi “thời khắc khó quên” nhằm động viên viên chức toàn trường, đặc biệt giảng viên đưa ra những mô hình, phương pháp giảng dạy hiệu quả cho giảng dạy, học tập, làm việc trong bối cảnh covid [6.16.3.28]; tổ chức cuộc thi thiết kế bài giảng E-learning nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên, đẩy mạnh ứng dụng CNTT, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, nâng cao chất lượng đào tạo [6.16.3.29]; tổ chức Hội thảo quốc tế "Phát triển chương trình đào tạo bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ QLGD theo hướng tiếp cận năng lực" với hơn 600 giảng viên, cán bộ QLGD, các nhà khoa học trong và ngoài trường tham gia [6.16.3.30]; Trong bối cảnh covid, Nhà trường tổ chức Tập huấn phần mềm Microsoft Teams trong giảng dạy và hội họp và tổ chức triển khai dạy học trực tuyến qua Microsoft Teams [6.16.3.31].

Nhà trường tăng cường bồi dưỡng thường xuyên cho giảng viên sư phạm, cán bộ quản lý giáo dục thông qua các hình thức hội nghị, hội thảo, tập huấn. Trong năm 2021, có tới hàng nghìn lượt giảng viên, cán bộ QLGD tham gia bồi dưỡng thường xuyên với những nội dung bồi dưỡng hoàn toàn phù hợp với đặc thù của giảng viên sư phạm, cụ thể: Hội thảo tập huấn triển khai công tác BDTX và hỗ trợ phát triển nghề nghiệp cho GVPT 2021 [6.16.3.32]; Hội thảo, tập huấn giảng viên SP chủ chốt về chuyển giao và hướng dẫn tài liệu mô đun 4 bồi dưỡng GV cốt cán [6.16.3.33].; Hội thảo, bồi dưỡng trực tiếp GVPT qua lớp học ảo tên hệ thống LMS của Viettel [6.16.3.34]; tổ chức Hội thảo Quốc tế VietTESOL năm 2021 [6.16.3.35]; Hội thảo, tập huấn "Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc và bảng xếp hạng cơ sở giáo dục đại học theo THE impact Rankings, xây dựng, triển khai KPIs quản trị phục vụ CSGD và hoạt động đào tạo" cho trường Đại học Vinh [6.16.3.36]; Tổ chức Hội nghị tham vấn các bên liên quan về mục tiêu, chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo tiếp cận CDIO trình độ đại học và SDH năm 2021 [6.16.3.37]; Hội nghị, hội thảo cho GVSP chủ chốt hỗ trợ GVPT phát triển nghề nghiệp thường xuyên; Tập huấn và chuyển giao tài liệu các mô đun 5,6,7,8,9 cho GVSP chủ chốt thực hiện bồi dưỡng GVSP cốt cán [6.16.3.38]; Tập huấn nâng cao năng lực triển khai chương trình đào tạo tiếp

cận CDIO ở trường Đại học Vinh năm 2021 [6.16.3.39].

Trong năm 2021, tập huấn, hội nghị, hội thảo do trường Đại học Vinh tổ chức tại trường với gần 4.000 lượt giảng viên, cán bộ QLGD toàn trường tham gia, trong đó gần 2.000 lượt giảng viên sư phạm [6.16.40].

Trong khuôn khổ chương trình ETEP, Nhà trường đã cử 194 giảng viên và cán bộ QLGD tham gia hội nghị, hội thảo cho Ban Quản lý Chương trình ETEP phối hợp với các đơn vị tổ chức (*Năm 2018: 82; Năm 2019 là 194; Năm 2020 là 147; Năm 2021 là 194*) [6.16.3.41].

Cử 84 lượt giảng viên, CBQLGD, viên chức hành chính hỗ trợ tham gia tập huấn, hội nghị, hội thảo do Bộ và các ban ngành ngoài trường tổ chức [6.16.3.42].

Bên cạnh tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, Nhà trường cử giảng viên, cán bộ QLGD tham gia giảng dạy, đi thực tế ở phổ thông [6.16.3.43]. Đặc biệt, Nhà trường mở rộng hệ thống các trường vệ tinh nhằm tạo điều kiện cho sinh viên kiến tập và thực tập sớm có cơ hội tiếp xúc với thực tiễn giáo dục phổ thông [6.16.3.44]. Cũng qua hoạt động này giảng viên bộ môn phương pháp tham gia hướng dẫn kiến tập và thực tập sư phạm được tiếp xúc thực tế với các vấn đề giáo dục phổ thông. Ngoài ra, giảng viên còn tham gia các hoạt động tư vấn, nghiên cứu, hoạt động giáo dục theo mô hình STEM tại các trường phổ thông [6.16.3.45].

Ngoài ra, Nhà trường mở 01 lớp Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp [6.16.3.46].

Mở 01 lớp Đào tạo trung cấp lý luận chính trị nhằm nâng cao phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị cho nhà giáo [6.16.3.47].

Tổng cộng năm 2021, có tới gần 2.500 lượt giảng viên sư phạm tham gia bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên gắn kết với thực tế trong các trường phổ thông.

Nhà trường đã tổ chức rà soát, thay đổi chế độ chính sách của Nhà trường đối với giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục (*trong đó có chính sách bồi dưỡng thường xuyên*) theo hướng khuyến khích giảng viên tăng cường năng lực chuyên môn, hỗ trợ kinh phí, giờ chuẩn cho giảng viên tham gia hội nghị, hội thảo, tập huấn... [6.16.3.48]

Xây dựng “Quy chế tổ chức, đánh giá xếp loại chất lượng viên chức”, trong đó tiêu chí tham gia học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được coi trọng [6.16.3.49].

Năm 2021, Nhà trường đã tổ chức, đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên dành cho giảng viên sư phạm và 100% kế hoạch đã được thực hiện [6.16.1.50]

Hiệu quả của kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên, gắn kết với thực tế trong các trường phổ thông có tác động tích cực tới giảng viên sư phạm: 100% giảng viên được tham gia bồi dưỡng thường xuyên hàng năm; 100% giảng viên sư phạm được đánh giá, xếp loại chất

lượng viên chức hoàn thành nhiệm vụ trở lên [6.16.1.51]. Năm học 2020 - 2021 có 22 giảng viên được bổ nhiệm GVC; 02 giảng viên được bổ nhiệm chức danh PGS; 02 giảng viên được bổ nhiệm giảng viên cao cấp; 02 giảng viên được phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú; 05 giảng viên được Hội đồng Giáo sư cơ sở Trường Đại học Vinh đề nghị Hội đồng GSNN xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS. Trong 3 năm có 32 giảng viên được Nhà trường công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 02 giảng viên được nhận bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh; 21 cá nhân được nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.[6.16.1.52]

2. Điểm mạnh:

Công tác bồi dưỡng thường xuyên của Nhà trường đã quan tâm tới đặc thù của giảng viên sư phạm là gắn kết với trường phổ thông. Hình thức bồi dưỡng giảng viên đã có sự tiến bộ với nhiều hình thức bồi dưỡng: bồi dưỡng thông qua đi thực tế phổ thông, thông qua hội nghị, hội thảo, tập huấn; bồi dưỡng qua kèm cặp tại chỗ; bồi dưỡng trực tiếp, trực tuyến...

3. Điểm tồn tại:

Số lượng giảng viên tham gia bồi dưỡng ngắn ngày, tập huấn, hội nghị, hội thảo... ở nước ngoài còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Rà soát, điều chỉnh các chính sách và cung cấp nhiều cơ hội cho giảng viên, cán bộ QLGD tham gia bồi dưỡng ngắn ngày, hội nghị, hội thảo, tập huấn... ở nước ngoài	- P. TCCB - P. KH&HTQT - Trường SP	2021	2022
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai công tác bồi dưỡng thường xuyên với nhiều hình thức phong phú, phù hợp và quan tâm đến việc gắn kết với trường phổ thông.	P. TCCB - Trường Sư phạm	2021	2022

5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 6.16.3						6	

6.16.4. Trường hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy

thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên.

1. Mô tả

Nhà trường đẩy mạnh tuyên truyền, động viên, khuyến khích giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên, đặc biệt là các phương pháp giảng dạy thực nghiệm.

Để phát huy có hiệu quả phương pháp giảng dạy của giảng viên, Nhà trường đã có những hỗ trợ cụ thể như: đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO [6.16.4.1], ban hành Quyết định dạy học theo tiếp cận CDIO và Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 -2025 tầm nhìn 2030. [6.16.4.2].

Bằng nhiều hình thức khác nhau, Nhà trường luôn tạo cơ hội cho giảng viên liên tục cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, hiện đại: cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, phương pháp giảng dạy phù hợp với chương trình giáo dục mới, Nhà trường tổ chức tập huấn về Elearning, Blended learning cho giảng viên; Tập huấn Chương trình Giáo dục Phổ thông mới; cử Giảng viên sư phạm và cán bộ quản lý giáo dục chủ chốt tham gia tập huấn...[6.16.4.3]; khuyến khích giảng viên tham gia các cuộc tập huấn, hội thảo trong và ngoài nước về các mô hình đào tạo theo tiếp cận khoa học và hiện đại; tập huấn và nâng cao năng lực cho giảng viên [6.16.4.4].

Nhằm tăng cường chuyên môn và hỗ trợ hiệu quả cho giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên, nhà trường đã mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên THCS, THPT đáp ứng chương trình GDPT 2018, năm học 2021-2022 [6.16.4.5]

Nhà trường hỗ trợ giảng viên sử dụng các biện pháp giảng dạy thực nghiệm trong bồi dưỡng thường xuyên bằng cách đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống phòng thực hành - thí nghiệm đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên. Đảm bảo về trang thiết bị phục vụ THPT, nghiên cứu tại các phòng THPT. Hiện tại, Trường có 118 phòng thí nghiệm trong đó có 73 phòng thực hành, các phòng thí nghiệm được thiết kế đúng tiêu chuẩn phòng thí nghiệm. Các phòng thí nghiệm, thực hành còn lại đã được bố trí đáp ứng đủ về mặt bằng sử dụng, hệ thống điện nước... 100% phòng thí nghiệm, thực hành là nhà vĩnh cửu, được lắp hệ thống hút khí độc đối với các phòng thí nghiệm Hóa, Sinh; một số phòng cần thiết đã được lắp hệ thống điều hòa không khí. Trong những năm qua, hoạt động NCKH tại các phòng thí nghiệm, thực hành của Trường Đại học Vinh đạt được kết quả tốt và được đánh giá cao [6.16.4.6].

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch sử dụng có hiệu quả hệ thống phòng thí nghiệm hiện có phục vụ cho NCKH của giảng viên [6.16.4.7]. Đồng thời, Nhà trường tổ chức nghiệm thu đề án quy hoạch phòng thí nghiệm và mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo theo CDIO để CBVC có đủ cơ sở vật chất, sử dụng máy móc, thiết bị của phòng THPT một cách chủ động [6.16.4.8].

Bên cạnh việc bồi dưỡng về chuyên môn, phương pháp giảng dạy, Trường còn đầu tư vào hệ thống cơ sở vật chất để đồng bộ hóa giữa phương pháp giảng dạy, bồi dưỡng với trang thiết bị hỗ trợ như: Microsoft Teams, nâng cấp hệ thống internet, wireless, ... tại các phòng học và giảng đường

Nhà trường cũng khen thưởng kịp thời các giảng viên có thành tích cao trong quá trình dạy học và nghiên cứu khoa học; động viên và tao mọi điều kiện thuận lợi cho giảng viên phát huy tối đa khả năng của bản thân trong việc sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên, các sản phẩm khoa học bậc cao [6.16.4.9].

Hằng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá, xếp loại giảng viên căn cứ vào kết quả giảng viên có kế hoạch tự cải tiến và hoàn thiện chuyên môn cũng như thái độ [6.16.4.10]. Đồng thời khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, trong đó nòng cốt là khảo sát ý kiến sinh viên đánh giá giảng viên [6.16.4.11].

Thông qua các hoạt động dự giờ, thăm lớp, tổ chức seminar khoa học để ngày càng nâng cao chất lượng dạy học của giảng viên [6.16.4.12].

Tổ chức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên, tổ chức các hội thi giảng viên trẻ dạy giỏi nhằm khích lệ, động viên giảng viên trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ, cải tiến phương pháp giảng dạy [6.16.4.13].

Nhà trường có xây dựng chính sách và kế hoạch hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên đã được thực hiện; đã kiểm tra, đánh giá, các hoạt động theo cam kết đã được hoàn thành, giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên, có tác dụng tích cực trong hoạt động bồi dưỡng thường xuyên của trường; có kế hoạch cải tiến chính sách và hoạt động hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên.[6.16.4.14].

Các dữ liệu khảo sát, đánh giá của giảng viên và người học về chính sách và kế hoạch hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên, đáp ứng yêu cầu bồi dưỡng [6.16.4.15]

Nhà trường xây dựng báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá của giảng viên và người học về chính sách và kế hoạch hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên có những thay đổi tốt hơn, và có sự đồng thuận cao, trên 80% [6.16.4.16]

Có kế hoạch cải tiến theo lộ trình phát triển chương trình và các mốc thời gian thực hiện cải tiến chương trình đào tạo được Nhà trường ban hành cụ thể, rõ ràng [6.16.4.17]

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có những chính sách và hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên, đặc biệt là các phương pháp giảng dạy thực nghiệm.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ chuyên môn cao đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, có cơ sở vật chất tốt, có hệ thống phòng thí nghiệm hiện đại đáp ứng các yêu cầu về đổi mới chương trình đào tạo tiếp cận chương trình của sinh viên trong chiếm lĩnh tri thức, đặc biệt là các giảng viên dạy thực hành thí nghiệm, thực nghiệm.

3. Điểm tồn tại:

- Các hỗ trợ, tập huấn còn chưa đồng bộ.
- Trình độ ngoại ngữ của một số giảng viên còn hạn chế nên tiếp cận các tài liệu mới còn chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Tăng cường hỗ trợ, tập huấn trang bị kiến thức để sử dụng hiệu quả các phương pháp dạy học một cách đồng bộ, hiệu quả. - Tăng cường bồi dưỡng dạy học đồ án cho cán bộ giảng dạy - Xây dựng và ban hành các quy định về tập huấn giảng viên một cách cụ thể, từng giai đoạn	Phòng Đào tạo; Các đơn vị trong toàn trường	2021	2022
2.	Phát huy điểm mạnh	Đội ngũ cán bộ có trình độ cao, số lượng tiến sĩ nhiều, công bố quốc tế đạt chỉ số cao. Có chính sách cụ thể, rõ ràng khuyến khích giảng viên	Phòng TCCB; Các đơn vị trong toàn trường	2021	2022

5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 6.16.4					5		

6.16.5 Trường tạo cơ hội chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ giảng viên để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm.

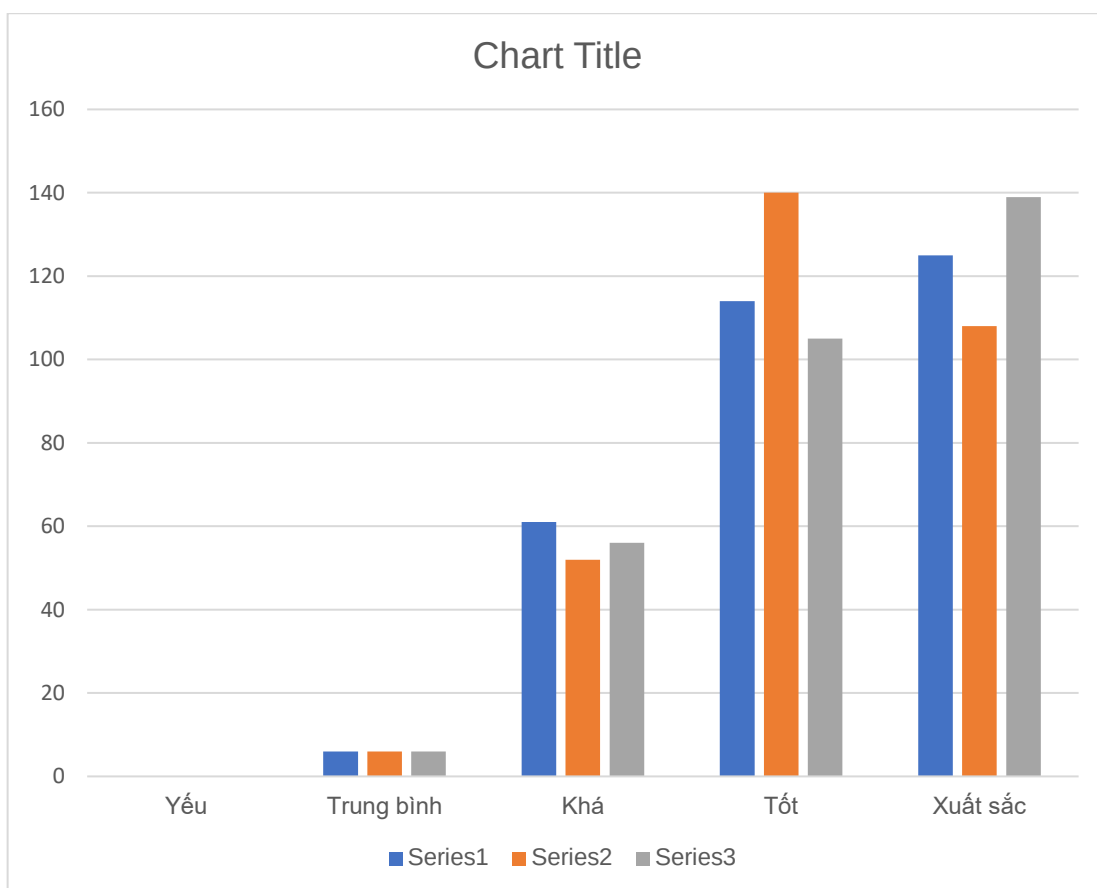
1. Mô tả

Trước yêu cầu “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu

công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” và tự chủ đại học, Trường Đại học Vinh đã tập trung nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, giảng viên, giúp giảng viên có cơ hội chuyên nghiệp hóa, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm. Cụ thể: Nhà trường đã thành lập Trường THPT chuyên, Trường Thực hành sư phạm [6.16.5.1], nhằm đào tạo học sinh chuyên và học sinh theo chương trình chất lượng cao, bên cạnh đó Nhà trường mở một số mã ngành đào tạo chất lượng cao trình độ đại học, trên cơ sở công văn đề nghị của Nhà trường [6.16.5.2]. Hội đồng trường đã ban hành Nghị quyết cho phép tiến hành mở một số mã ngành đào tạo chất lượng cao trình độ đại học [6.16.5.3].

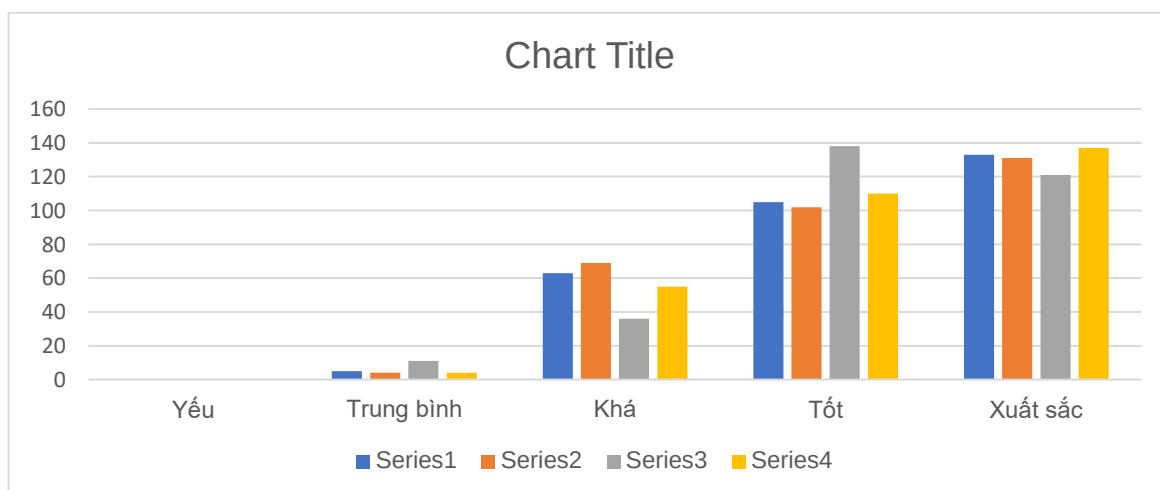
Nhà trường đều bố trí đội ngũ giảng viên giảng dạy các đối tượng học sinh chuyên, học sinh chất lượng cao, sinh viên tham gia các kỳ thi Olympic, thi học sinh giỏi, đồng thời tạo cơ chế, chính sách cho đối tượng tham gia giảng dạy đó là khi quy đổi giờ chuẩn giảng dạy thì được tính giờ cao hơn giờ dạy đối với đối tượng học sinh bình thường [6.16.05.04], Nhà trường cũng đưa ra chính sách nâng lương sớm cho những giảng viên có học sinh, sinh viên đạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế [6.16.5.5].

Để tiến hành cải tiến nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả việc *bố trí đội ngũ giảng viên giảng dạy các đối tượng học sinh chuyên, học sinh chất lượng cao, sinh viên tham gia các kỳ thi Olympic, thi học sinh giỏi, đồng thời tạo cơ chế, chính sách tốt hơn cho đối tượng tham gia giảng dạy* Nhà trường đã khảo sát 306 giảng viên với 3 câu hỏi [6.16.5.6] kết quả như sau:



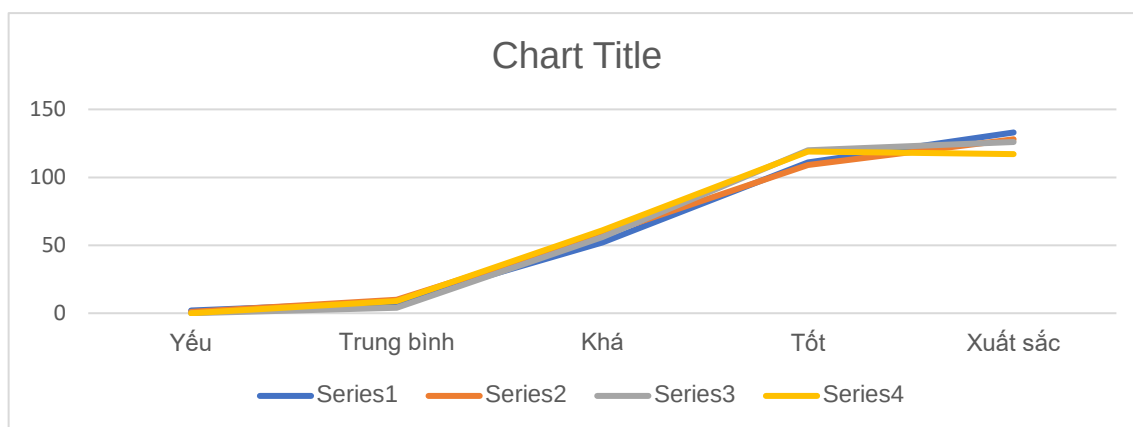
Hàng năm Nhà trường đều cử một số giảng viên có năng lực đặc biệt tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi, tham gia ban ra đề thi học sinh giỏi tỉnh, học sinh giỏi quốc gia nhằm hỗ trợ cho giảng viên có cơ hội chuyên nghiệp hóa để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm [6.16.5.7].

Để tiến hành cải tiến nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả việc cử một số giảng viên có năng lực đặc biệt tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi, tham gia ban ra đề thi học sinh giỏi tỉnh, học sinh giỏi quốc gia, việc tạo cơ hội chuyên nghiệp hóa để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm Nhà trường đã khảo sát 306 giảng viên với 4 câu hỏi kết quả như sau [6.16.5.8]:



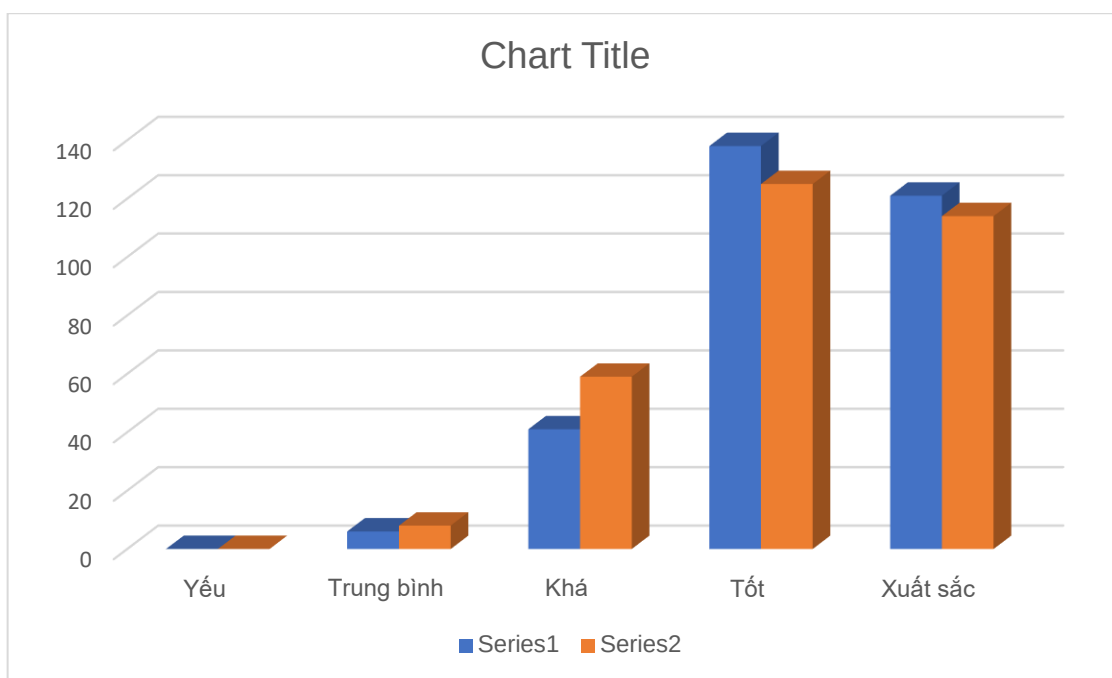
Hàng năm Nhà trường đã tổ chức để giảng viên, viên chức của Nhà trường tham gia đóng góp ý kiến của việc thực hiện quy chế cho tiêu nội bộ, để từ đó đánh giá được chính sách và kế hoạch hỗ trợ giảng viên có cơ hội chuyên nghiệp hóa để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm, trên cơ sở đó để điều chỉnh bổ sung quy chế cho phù hợp với thực tiễn, như: Giảng viên dạy học chương trình chất lượng cao, việc dạy, học và thi bằng tiếng Anh thì khi thanh toán được nhân hệ số 2,0; Nếu dạy bằng tiếng Anh, thi kiểm tra đánh giá bằng tiếng Việt thì nhân hệ số 1,5; Hệ số tiết chuẩn tính theo chức danh giảng viên, giáo viên đảm nhận: Giảng viên, giáo viên các khoa/viện: hệ số 1.0; Giáo viên THPT: hệ số 2.0; Giáo viên THCS: hệ số 2.4 [6.16.5.9].

Để tiến hành cải tiến nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả việc tổ chức để giảng viên, viên chức của Nhà trường tham gia đóng góp ý kiến việc thực hiện quy chế cho tiêu nội bộ, để từ đó đánh giá được chính sách và kế hoạch hỗ trợ giảng viên có cơ hội chuyên nghiệp hóa để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm, nhằm điều chỉnh bổ sung quy chế cho phù hợp với thực tiễn Nhà trường đã khảo sát 306 giảng viên với 4 câu hỏi kết quả như sau [6.16.5.10]:



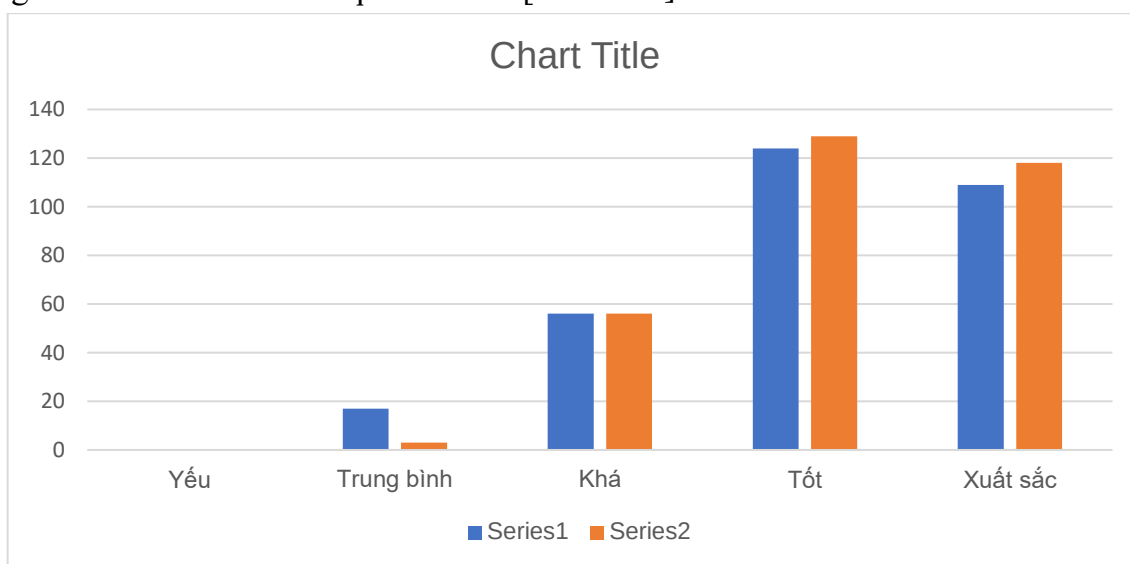
Hàng năm Nhà trường đã tổ chức cho học sinh, sinh viên khảo sát sự hài lòng của người học đối với đội ngũ giảng dạy để **biết được mức độ hài lòng của người học từ đó có cơ sở để điều chỉnh** chính sách và kế hoạch hỗ trợ giảng viên có cơ hội chuyên nghiệp hóa để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm [6.16.5.11].

Để tiến hành cải tiến nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả việc tổ chức cho học sinh, sinh viên khảo sát sự hài lòng của người học đối với đội ngũ giảng dạy Nhà trường đã khảo sát 306 giảng viên với 2 câu hỏi kết quả như sau [6.16.5.12]:



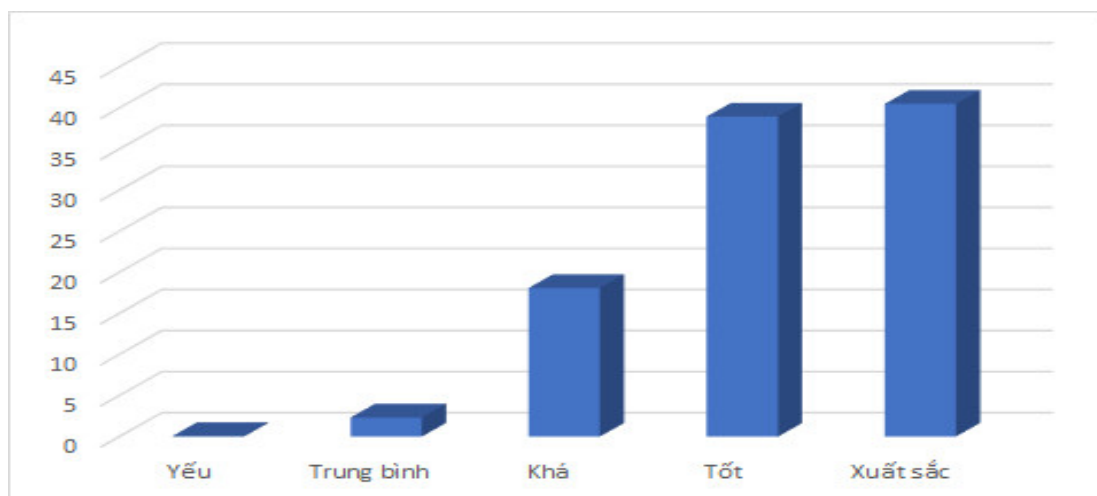
Nhằm cải tiến chính sách và hoạt động hỗ trợ giảng viên có cơ hội chuyên nghiệp hóa để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm hàng năm Nhà trường đã điều chỉnh chế độ, chính sách cho các giảng viên tham gia giảng dạy đối tượng chuyên và chất lượng cao [6.16.5.13].

Để việc cải tiến chính sách và hoạt động hỗ trợ giảng viên có cơ hội chuyên nghiệp hóa để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm có hiệu quả Nhà trường đã tiến hành khảo sát 306 giảng viên với 2 câu hỏi kết quả như sau [6.16.5.14]:



Qua kết quả khảo sát 306 giảng viên của Trường trong năm 2021 với 15 câu hỏi cho kết quả về độ chuyên nghiệp hóa của đội ngũ giảng viên cho thấy có 0,07% đánh giá mức yếu, 2,33% đánh giá mức trung bình, 18,10% đánh giá mức khá, 38,98% đánh giá mức tốt, 40,52% đánh giá xuất sắc, như vậy nhìn chung giảng viên đều đánh giá việc tạo cơ hội chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ giảng viên để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các

vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm đều được đánh giá mức độ tốt và xuất sắc, kết quả như sau [6.16.5.15].



2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tạo cơ hội chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ giảng viên để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình triển khai các khuyến cáo còn chậm, quy trình triển khai cải tiến chưa phù hợp. Nhà trường chưa bám sát để kịp thời cải tiến những vấn đề còn tồn tại theo khuyến cáo của các bên liên quan, như: chưa triển khai ký cam kết với giảng viên về các hoạt động chuyên nghiệp hóa để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm dẫn đến hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường lấy ý kiến các bên liên quan; triển khai ký cam kết các hoạt động chuyên nghiệp hóa để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm với	Các đơn vị trong toàn trường	2021	2022

		các giảng viên			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ giảng viên tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm.	Các đơn vị trong toàn trường	2021	2022

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 6.16.5					5		

Điểm tự đánh giá tiêu chí 16

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 6.16.1					5		
Chỉ số 6.16.2					5		
Chỉ số 6.16.3						6	
Chỉ số 6.16.4					5		
Chỉ số 6.16.5					5		
Điểm tiêu chí 16	5.2						

Tiêu chí 17: Đánh giá và công nhận giảng viên

6.17.1: Trường có chính sách và thực hiện đánh giá giảng viên một cách chính xác, công khai và minh bạch

1. Mô tả

1. Từ năm 2017, Nhà trường ban hành Quy định tạm thời đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và người lao động Trường Đại học Vinh [6.17.1.1]. Từ năm 2017 đến nay, trên cơ sở góp ý trực tiếp của viên chức, người lao động đối với Nhà trường để cải tiến công tác đánh giá, xếp loại, tạo động lực tích cực cho giảng viên, Nhà trường ban hành Quy định số 929/QĐ-ĐHV về đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và người lao động Trường Đại học Vinh thay thế cho Quy định 63/QĐ-ĐHV [6.17.1.2]. Năm 2020, Nhà trường ban hành hướng dẫn đánh giá, xếp loại viên chức năm 2020 theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP [6.17.1.3]. Năm 2021, Nhà trường tiếp tục ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng các đơn vị, viên chức và người lao động hàng năm của Trường Đại học Vinh [6.17.1.4]. Nhà trường đã ban hành hướng dẫn thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị, viên chức, người lao động năm 2021 để các đơn vị triển khai thực hiện một cách chính xác và đúng thời hạn [6.17.1.5]. Ngoài ra, đầu năm Nhà trường đã ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2021 [6.17.1.6]. Trên cơ sở đó, các đơn vị không thực hiện được kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức cũng là một trong các tiêu chí đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động và đơn vị cuối năm [6.17.1.7]

Hội đồng trường cũng đã có Nghị quyết quy định cụ thể về đánh giá, xếp loại viên chức quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng trường [6.17.1.8]. Năm 2021, Nhà trường cũng đã ban hành Quy định chế độ làm việc đối với Giảng viên [6.17.1.9], trong đó, định mức giờ chuẩn của giảng viên được chia ra 3 mức. Nhờ đó mà giảng viên có điều kiện phát huy tối đa năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, Nhà trường còn có quy định về đánh giá công tác học sinh, sinh viên các viện, khoa đào tạo và trường THPT chuyên, kết quả đánh giá được công khai đến cán bộ toàn trường [6.17.1.10].

Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức là thước đo mức độ hoàn thành nhiệm vụ để làm căn cứ tính thu nhập tăng thêm hàng tháng, hàng năm, được quy định cụ thể trong Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và người lao động Trường Đại học Vinh [6.17.1.11] [6.17.1.12] [6.17.1.13] và Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [6.17.1.14]. Đây cũng là cơ sở để các đơn vị tự điều chỉnh, bố trí phân công công việc hợp lý theo chức năng nhiệm vụ và Đề án vị trí việc làm.

2. Nhà trường tiếp tục duy trì việc thực hiện chính sách đánh giá giảng viên một cách chính xác, công khai và minh bạch qua việc thường xuyên đánh giá giảng viên qua việc dự giờ, lấy ý kiến sinh viên, phụ huynh về hoạt động giảng dạy của giảng viên, đánh giá xếp loại hàng tháng,... [6.17.1.15] [6.17.1.16].

Hàng năm, kết quả xếp loại thi đua của cán bộ được công khai, minh bạch qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành eoffice.vinhuni.edu.vn của Nhà trường [6.17.1.17] [6.17.1.18] [6.17.1.19] [6.17.1.20]. Từ năm 2019 đến năm 2020, số lượng cán bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đã tăng lên gần 225%, điều đó thể hiện hiệu quả của việc thực hiện đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động trong việc thúc đẩy tinh thần phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ.

Các ý kiến phản hồi của người học và phụ huynh được báo cáo đầy đủ hàng năm [6.17.01.21]. Từ đó, Nhà trường có đánh giá xếp loại công tác học sinh, sinh viên cho các viện, khoa đào tạo và Trường THPT Chuyên [6.17.1.22].

Các kết quả xếp loại của Đảng ủy về Đảng viên, các tổ chức Đảng hàng năm, xếp loại của Hội đồng trường cho các viên chức thuộc quản lý của Hội đồng Trường cũng được công khai minh bạch qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành eoffice.vinhuni.edu.vn của Nhà trường [6.17.1.23] [6.17.1.24].

3. Nhà trường cũng có hướng dẫn cụ thể về việc kiểm điểm tập thể, cá nhân và đánh giá, xếp loại khen thưởng đối với tổ chức đảng, đảng viên, tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để từ đó CBVC tự soi sửa lại mình, từ đó đề ra chủ trương giải pháp để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm trong công tác [6.17.1.25].

Về việc hoàn thiện hồ sơ để xét các danh hiệu thi đua theo năm học, Nhà trường đã tiến hành cho các đơn vị và cá nhân đăng ký danh hiệu thi đua từ đầu năm học. Các tiêu chí đánh giá được công khai, đảm bảo tính minh bạch, công bằng và có hướng dẫn chi tiết phổ biến đến từng đơn vị. Ngoài việc giảng viên tự kiểm điểm, Nhà trường còn phối hợp với các đơn vị liên quan như Phòng Tổ chức Cán bộ, Phòng KH-HTQT, Phòng Thanh tra – Pháp chế,... để rà soát tình hình thực hiện nhiệm vụ, hành vi, đạo đức,... của Giảng viên để có kết quả đánh giá chính xác, công khai và minh bạch nhất [6.17.1.26].

4. Để tiếp tục cải tiến quy trình, chất lượng đánh giá, đảm bảo nhằm đảm bảo việc đánh giá là cơ sở để phát huy năng lực, sở trường của viên chức trong công việc, Nhà trường thường xuyên rà soát và lấy ý kiến góp ý của giảng viên và cán bộ hành chính toàn trường về công tác đánh giá của Nhà trường qua các Hội nghị cán bộ viên chức, khảo sát đánh giá,... [6.17.1.27]. Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến góp ý của cán bộ và thực hiện Nghị định số 90/2020/NĐ-CP, Nhà trường đã ban hành hướng dẫn đánh giá, xếp loại viên chức năm

2020. Trong đó hướng dẫn cụ thể và chi tiết về nguyên tắc, đối tượng, các tiêu chí đánh giá, xếp loại viên chức [6.17.1.28]. Trong quá trình thực hiện đánh giá, xếp loại viên chức, Nhà trường đã có thông báo kết luận của Hiệu trưởng về việc xếp loại viên chức năm 2020 nhằm bổ sung một số tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá, xếp loại một cách cụ thể [6.17.1.29]. Năm 2021, căn cứ tình hình thực tiễn, Nhà trường ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị, viên chức, người lao động Trường Đại học Vinh. Trong đó quy định cụ thể nguyên tắc, thẩm quyền, thời điểm, tiêu chí, quy trình thực hiện, lưu giữ hồ sơ đánh giá xếp loại,... Quy trình đánh giá xếp loại được quy định chi tiết theo đối tượng: viên chức quản lý, viên chức không giữ chức vụ quản lý và người lao động. Đơn vị cũng được đưa vào xếp loại và trường đơn vị không được xếp loại cao hơn kết quả xếp loại của đơn vị [6.17.1.30]

Kế hoạch cải tiến chính sách đánh giá giảng viên đang đưa vào thực hiện. Từ năm 2020, Nhà trường đã xây dựng các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện công việc (KPI) được xây dựng theo từng vị trí công tác phù hợp với đề án vị trí việc làm [6.17.1.31]. Năm 2021, Nhà trường đã xây dựng dự thảo Bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực thực hiện công việc - KPIs của Trường Đại học Vinh [6.17.1.32]

Sau các kỳ đánh giá thi đua khen thưởng cho giảng viên toàn trường, Nhà trường đều rút kinh nghiệm để phát huy các điểm mạnh và khắc phục những điểm tồn tại để chính sách đánh giá giảng viên được hoàn thiện hơn [6.17.1.33].

Để khắc phục những điểm tồn tại để chính sách đánh giá giảng viên được hoàn thiện, Nhà trường đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến của giảng viên về hệ thống các chính sách và việc thực hiện đánh giá giảng viên [6.17.1.34]. Có 31,22% giảng viên đánh giá ở mức khá, 44,78% đánh giá ở mức tốt và 24,0% đánh giá ở mức xuất sắc. Kết quả khảo sát cho thấy 100% cán bộ viên chức được khảo sát đánh giá rằng nhận thức trong cán bộ giảng viên có sự thay đổi rõ rệt. Kết quả khảo sát cho thấy vai trò và sự cần thiết của hệ thống theo dõi, đánh giá giảng viên hàng năm rất quan trọng. Trên cơ sở kết quả khảo sát [6.17.1.35], Nhà trường đã xây dựng và hoàn thiện Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng các đơn vị, viên chức và người lao động hàng năm của Trường Đại học Vinh [6.17.1.36].

Nhờ có hệ thống đánh giá, xếp loại giảng viên của Nhà trường, tinh thần làm việc của giảng viên có sự tiên bộ, tinh thần làm việc được kích thích một cách rõ rệt, được thể hiện qua khối lượng giảng dạy, các công trình nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác. Năm 2021, Nhà trường đã chi 306.000.000 đồng cho việc khen thưởng 113 bài báo công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín trong danh mục ISI năm 2019 và năm 2020 [6.17.1.37], số lượng bài báo được khen thưởng tăng 40% so với năm 2020 [6.17.1.38]; chi : 1.739.591.000 đồng cho việc khen thưởng đợt 1 năm 2021 cho 156 công trình công bố trên các tạp chí khoa học nước ngoài năm 2020 [6.17.1.39], số lượng công trình được khen thưởng tăng 31% so với năm 2020 [6.17.1.40]. Tuy nhiên, hệ thống theo dõi sự cải tiến của giảng viên chưa đánh giá được toàn diện tác động của những chính sách hỗ trợ, khuyến khích của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách đánh giá công khai, minh bạch, tạo điều kiện nâng cao chất lượng GV đáp ứng yêu cầu từng giai đoạn phát triển.

Nhà trường đã kiểm tra, đánh giá chính sách từ việc lấy ý kiến phản hồi từ giảng viên và xây dựng kế hoạch cải tiến chính sách

Nhà trường đã có kết quả cải tiến chính sách đánh giá giảng viên.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống theo dõi sự cải tiến của GV sau đánh giá chưa đánh giá được tác động của

các chính sách của Nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện hệ thống theo dõi sự cải tiến của giảng viên sau đánh giá	P. TCCB	2021	2022
	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường chính sách đánh giá công khai, minh bạch	P. TCCB	2017	Thường xuyên
		Tiếp tục theo dõi sự cải tiến của giảng viên sau đánh giá	P. TCCB	2021	Thường xuyên

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 6.17.1						6	

6.17.2: Trường có chính sách và cơ chế công nhận thành tích, đãi ngộ giảng viên nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả

Bên cạnh các chính sách hỗ trợ giảng viên học tập, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ và các chính sách, chế độ công nhận và đãi ngộ thành tích của giảng viên theo quy định [6.17.2.1] [6.17.2.2] [6.17.2.3], Nhà trường luôn có các chính sách khuyến khích nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho giảng viên.

Năm 2021, Nhà trường đã có Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên [6.17.2.4]. Trong đó, định mức giờ chuẩn của giảng viên được phân ra 3 mức, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên phát huy tối đa năng lực giảng dạy, hoạt động chuyên môn và khả năng nghiên cứu khoa học.

Nhà trường luôn xác định rõ: Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên gắn kết với hoạt động nghiên cứu khoa học và xu thế hội nhập. Do vậy, bên cạnh triển khai chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, Nhà trường đã thành lập Trung tâm khởi nghiệp sáng tạo, Nhóm nghiên cứu xây dựng và triển khai chương trình tiếp cận CDIO, Nhóm nghiên cứu mạnh [6.17.2.5]...điều động các giảng viên giỏi đến làm việc tại các nhóm, trung tâm và có chế độ hỗ trợ miễn giảm định mức giờ giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho giảng viên [6.17.2.6]; bố trí phòng làm việc, phòng nghiên cứu cho trung tâm nghiên cứu khởi nghiệp sáng tạo, cho các nhóm nghiên cứu tại tòa nhà hiện đại nhất của Nhà trường (*tầng 6, Nhà Điều hành*)...

Nhà trường có Quy định cụ thể về việc đầu tư, khen thưởng, quy đổi giờ chuẩn giảng dạy đối với các sản phẩm khoa học và công nghệ chất lượng cao. Trong đó, định mức khen thưởng lên đến hàng trăm triệu đồng, ngoài ra mỗi sản phẩm còn được quy đổi thành giờ chuẩn giảng dạy [6.17.2.7].

Năm 2021, Nhà trường đã chi 306.000.000 đồng cho việc khen thưởng 113 bài báo công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín trong danh mục ISI năm 2019 và năm 2020

[6.17.2.8], số lượng bài báo được khen thưởng tăng 40% so với năm 2020 [6.17.2.9]; chi : 1.739.591.000 đồng cho việc khen thưởng đợt 1 năm 2021 cho 156 công trình công bố trên các tạp chí khoa học nước ngoài năm 2020 [6.17.2.10], số lượng công trình được khen thưởng tăng 31% so với năm 2020 [6.17.2.11].

Hàng năm Nhà trường đều tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho các giảng viên, giáo viên đủ tiêu chuẩn để khuyến khích giảng viên học tập và làm việc. Các giảng viên được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp cao hơn đều được xếp lương theo ngạch bậc tương ứng [6.17.2.12].

Hội đồng Giáo sư cơ sở Trường Đại học Vinh đang tiến hành xét hồ sơ cho 5 ứng viên đề nghị HĐGSNN xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh PGS [6.17.2.13].

Trong năm 2021, Nhà trường có 2 giảng viên được phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú [6.17.2.14]. Nhà trường có các chế độ khen thưởng cụ thể đối với từng danh hiệu [6.17.2.15].

Hàng năm, Nhà trường đều xét nâng lương trước hạn cho các giảng viên lập thành tích xuất sắc trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đào tạo bồi dưỡng [6.17.2.16]

Đặc biệt, Nhà trường tạo điều kiện cho giảng viên được tham quan, giao lưu, học tập, trao đổi kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học nhằm giúp giảng viên tiếp cận nhanh chóng với nguồn tri thức giàu có của thế giới. Hỗ trợ kinh phí cho các giảng viên có mối quan hệ hợp tác quốc tế để giúp họ duy trì và mở rộng các mối quan hệ này thông qua việc gửi giảng viên đi học, tham gia các hoạt động hội thảo quốc tế... [6.17.2.17].

Mặc dù năm học 2020- 2021, dịch covid-19 gây ảnh hưởng đến hoạt động dạy và học của Nhà trường, tuy nhiên, Nhà trường vẫn hết sức quan tâm đến đời sống tinh thần của giảng viên. Nhiều hoạt động được triển khai để thúc đẩy tinh thần học tập, làm việc, phấn đấu của giảng viên, đi kèm đó là những phần thưởng ý nghĩa như: Triển khai hoạt động thao giảng cấp Trường chào mừng ngày 20/11, tổ chức Cuộc thi Thiết kế bài giảng E-learning,... [6.17.2.18]. Chế độ lương và lương tăng thêm của giảng viên vẫn được Nhà trường đảm bảo [6.17.2.9].

Để công nhận thành tích của giảng viên, hàng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá, xếp loại và công nhận danh hiệu thi đua cho các giảng viên và quản lý giáo dục cho nhiều thành tích xuất sắc trong hoạt động chuyên môn và công tác quản lý. Kết quả, trong 3 năm có 32 giảng viên được Nhà trường công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 02 giảng viên được nhận bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh; 21 cá nhân được nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường kịp thời có chế độ khen thưởng cho các cá nhân và tập thể đạt thành tích cao theo Quy chế nội bộ. Những giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục giỏi, có nhiều thành tích được Nhà trường vinh danh, ca ngợi và tổ chức trao thưởng một cách long trọng các dịp lễ 20/11, tổng kết năm học, tổng kết năm mới... nhằm động viên, khích lệ tinh thần của giảng viên, đồng thời thể hiện sự ghi nhận, công nhận của Nhà trường đối với cá nhân các giảng viên [6.17.2.20].

Việc thực hiện các chính sách và cơ chế công nhận thành tích, đãi ngộ giảng viên được Nhà trường tổng hợp và báo cáo cụ thể theo yêu cầu của BGDDT [6.17.2.21] và trong các Hội nghị viên chức hàng năm [6.17.2.22]. Nhiều ý kiến góp ý của giảng viên được ghi nhận và tổng hợp để cải tiến chính sách và cơ chế công nhận thành tích, đãi ngộ giảng viên [6.17.2.23]

Để khảo sát, đánh giá mức hài lòng của giảng viên đối với cơ chế, chính sách của Nhà trường, hàng năm, Nhà trường đều họp Hội đồng chính sách, từ đó sửa đổi quy

định, quy chế chi tiêu nội bộ để phù hợp với tình hình tài chính của Nhà trường và nguyện vọng của cán bộ [6.17.2.24].

Nhà trường luôn quan tâm đến việc cải tiến chính sách và cơ chế công nhận thành tích và đãi ngộ giảng viên. Mặc dù nguồn kinh phí còn hạn hẹp, nhưng để khuyến khích giảng viên, Nhà trường vẫn tăng định mức khen thưởng cho cán bộ, viên chức có bài đăng ở tạp chí quốc tế được quy định chi tiết và cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi, loại hình sản phẩm được khen thưởng cũng được cụ thể hóa [6.17.2.25].

Để chính sách và cơ chế công nhận thành tích, đãi ngộ giảng viên thực sự mang tính ghi nhận, góp phần thúc đẩy tinh thần làm việc, đóng góp của giảng viên, Nhà trường đã khảo sát lấy ý kiến giảng viên về chính sách và cơ chế công nhận thành tích, đãi ngộ giảng viên [6.17.2.26]. Trong đó, 0,11% đánh giá ở mức trung bình, 29,11% đánh giá mức khá, 46,61% đánh giá ở mức tốt và 24,17% đánh giá ở mức xuất sắc. Kết quả khảo sát cho thấy các chính sách và cơ chế đãi ngộ của Nhà trường là rất phù hợp [6.17.2.27]. Trên cơ sở kết quả khảo sát, Nhà trường tiếp tục xây dựng Kế hoạch cải tiến chính sách và cơ chế công nhận thành tích, đãi ngộ của giảng viên.

2. Điểm mạnh

Trường có nhiều chính sách công nhận, đãi ngộ, khuyến khích GV giảng dạy và NCK

Các chính sách thường xuyên được điều chỉnh phù hợp với tình hình của Nhà trường và mức độ hài lòng của giảng viên.

Các chính sách đã làm tốt vai trò khuyến khích, thúc đẩy sự phát triển, nâng cao năng lực của giảng viên.

3. Điểm tồn tại

Nguồn kinh phí cho khen thưởng còn hạn chế.

Kế hoạch cải tiến chính sách và cơ chế công nhận thành tích, đãi ngộ giảng viên còn chưa được hoàn thiện.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung nguồn kinh phí cho khen thưởng	P.TCCB	2022	Thường xuyên
		Hoàn thiện kế hoạch cải tiến chính sách và cơ chế công nhận thành tích, đãi ngộ giảng viên	P.TCCB	2022	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường chính sách công nhận, đãi ngộ, khuyến khích thành tích của GV	P.TCCB	2017	Thường xuyên

5. Tự đánh giá

Thang đánh giá						
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦

				5		
--	--	--	--	---	--	--

Điểm tự đánh giá tiêu chí 17

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 6.17.1						6	
Chỉ số 6.17.2					5		
Điểm tiêu chí 17	5.5						

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 6

TT	Tiêu chí	Mức đánh giá
1	Tiêu chí 16	5.2
2	Tiêu chí 17	5.5
ĐIỂM TIÊU CHUẨN		5.35

Tiêu chuẩn 7

HỖ TRỢ HỌC TẬP

Tiêu chí 18: Tuyển sinh và hỗ trợ người học

7.18.1. Chính sách, quy trình tuyển sinh cho các chương trình đào tạo và bồi dưỡng được thông báo công khai, được thực hiện công bằng và minh bạch.

1. Mô tả

Nhà trường đã xây dựng đề án tuyển sinh cho các loại hình đào tạo, kế hoạch bồi dưỡng theo quy định của Bộ GDĐT [7.18.1.1]; các chính sách tuyển sinh đều hướng tới thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường. Đề án tuyển sinh hằng năm được đăng tải công khai trên các trang Website của Bộ, của Trường, đồng thời tổ chức ngày hội tuyển sinh và các hoạt động quảng bá tuyển sinh đến các trường trung học phổ thông [H7.7.18.1.02]. Chính sách, quy trình tuyển sinh của Nhà trường đều được các bên liên quan tham gia xây dựng, góp ý trước khi ban hành [7.18.1.3].

Trường thực hiện chính sách, quy trình tuyển sinh cho các chương trình đào tạo và bồi dưỡng minh bạch, rõ ràng theo đúng đề án và tuân thủ tuyệt đối các qui định của Bộ GD-ĐT về chỉ tiêu ngành học cũng như các chế độ ưu tiên trong tuyển sinh [H7.7.18.1.04]. Nhà trường thông báo công khai trên Website của Trường các chính sách tuyển sinh các ngành Sư phạm và có các chính sách thu hút người học vào trường như: chính sách đối với thí sinh trúng tuyển đạt điểm cao, trao học bổng tài trợ, hỗ trợ chi phí học tập cho những sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn khi nhập học và trong quá trình học tập; tiếp nhận công tác sau khi tốt nghiệp... [7.18.1.5 - 7.18.1.7].

Kết quả tuyển sinh được thông báo đến thí sinh theo đúng quy định và đăng tải trên website của Nhà trường. Thí sinh trúng tuyển được cung cấp đầy đủ thông tin và được hướng dẫn các thủ tục nhập học thuận tiện, nhanh gọn, chính xác. Sau khi hoàn thành công tác tuyển sinh, Trường tổ chức họp để đánh giá các hoạt động liên quan đến chính sách, quy trình tuyển sinh và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo [7.18.1.8 - 7.18.1.12].

Để đánh giá kết quả tuyển sinh, Trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến tân sinh viên về công tác quảng bá, tư vấn tuyển sinh, quy trình nhập học, hướng dẫn nhập học. Kết quả khảo sát: Mức tốt 3887/4869 (79,8%); Mức khá 697/4869 (14,3%) [7.18.1.13]. Kết quả lấy ý kiến là một trong những tiêu chí để Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chính sách, quy trình tuyển sinh cho năm tiếp theo [7.18.1.14 - 7.18.1.16].

So với năm 2020 thì đề án tuyển sinh của năm 2021 đã có nhiều sự thay đổi, cải tiến về chính sách và quy trình tuyển sinh.

TT	Chính sách, quy trình tuyển sinh	
	Năm 2020	Năm 2021
1.	Thành lập Hội đồng tuyển sinh.	Thành lập Hội đồng tuyển sinh và

TT	Chính sách, quy trình tuyển sinh	
	Năm 2020	Năm 2021
		Ban Tư vấn tuyển sinh.
2.	Khoản chỉ tiêu tuyển cho các viện, khoa đào tạo và thanh toán kinh phí tuyển sinh theo thực tế sau khi hoàn thành công tác tuyển sinh.	Khoản chỉ tiêu tuyển cho các viện, khoa đào tạo và giao kinh phí tuyển sinh trước khi thực hiện công tác tuyển sinh.
3.	Công tác quảng bá tuyển sinh do Nhà trường chủ trì và các viện, khoa đào tạo phối hợp tổ chức. Hình thức: Trực tiếp đến quảng bá tại các trường phổ thông.	Công tác quảng bá tuyển sinh Nhà trường giao cho các viện, khoa đào tạo xây dựng kế hoạch, chương trình, kịch bản và tổ chức thực hiện. Hình thức: Livestream trực tiếp và thông tin trên các trang mạng xã hội.
4.	Xét tuyển: Tuyển thẳng (đạt giải quốc gia), xét điểm thi THPT, xét kết quả học tập (học bạ).	Xét tuyển: Tuyển thẳng (đạt giải quốc gia), xét điểm thi THPT, không xét kết quả học tập (học bạ)
5.	Điểm chuẩn tuyển sinh 2020 thấp hơn so với 2021. Chẳng hạn: - Ngành SP Toán học: 18,5 điểm - Ngành SP Ngữ Văn: 18,5 điểm - Ngành Giáo dục Tiểu học: 23 điểm	Điểm chuẩn các ngành tuyển sinh tăng hơn so với 2020. Chẳng hạn: - Ngành SP Toán học: 23 điểm - Ngành SP Ngữ Văn: 24 điểm - Ngành Giáo dục Tiểu học: 26 điểm
6.	Chỉ tiêu: đạt 86,4%	Chỉ tiêu: đạt 100%

2. Điểm mạnh

- Trường Đại học Vinh tổ chức tuyển sinh theo đúng qui định của Bộ GD-ĐT, đảm bảo công khai minh bạch, khách quan, lựa chọn đúng những thí sinh có năng lực vào học các ngành sư phạm.

- Việc quảng bá tuyển sinh được thực hiện rộng rãi với nhiều hình thức giúp người học dễ dàng nắm bắt được thông tin tuyển sinh của Nhà trường.

- Nhà trường tổ chức và sử dụng kết quả ý kiến người học để cải tiến, đổi mới công tác quảng bá, tư vấn tuyển sinh, quy trình nhập học, hướng dẫn nhập học.

3. Điểm tồn tại

Chưa mở rộng đối tượng khảo sát (các bên liên quan) về chính sách, quy trình tuyển sinh.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại				
2		Mở rộng đối tượng lấy ý kiến về kết quả thực hiện chính sách, quy trình tuyển sinh.	Phòng Đào tạo, CTST-HSSV, TT ĐBCL, TT GDTX, TT NVSP	2021	2022
3	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức tuyển sinh theo đúng qui định của Bộ GD-ĐT, đảm bảo công khai minh bạch, khách quan	Phòng Đào tạo	2021	2022
4		Tăng cường công tác quảng bá tuyển sinh bằng nhiều hình thức và mở rộng địa bàn quảng bá tuyển sinh.	Phòng Đào tạo, HCTH, Trung tâm DV, HTSV & QHDN	2021	2022
5		Tiếp tục cải tiến chính sách và quy trình tuyển sinh thông qua khảo sát ý kiến các bên liên quan.	Phòng Đào tạo, CTST-HSSV, TT ĐBCL, TT GDTX, TT NVSP	2021	2022

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.18.1						6	

7.18.2. Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học và việc tổ chức thực hiện là rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận.

1. Mô tả

Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, chương trình môn học được cập nhật và cung cấp đầy đủ cho người học từ khi tổ chức quảng bá tuyển sinh, sau

khi nhập học thông qua “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” của Trường, chương trình gặp mặt Tân sinh viên của các khoa, viện đào tạo [7.18.2.1]. Các thông tin này còn được trích dẫn trong cuốn “Cẩm nang HS, SV, HV” và đăng tải trên website của Trường, viện, khoa [7.18.2.2]. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng và các hướng dẫn tổ chức thực hiện còn được công bố rõ ràng, đầy đủ, liên tục trong phần Đăng kí học (tài khoản cá nhân) của trang cá nhân người học [7.18.2.3]. Căn cứ các văn bản qui định về đào tạo của Bộ GD-ĐT, Nhà trường đã xây dựng khung chương trình, đề cương chi tiết các học phần và ban hành các văn bản cụ thể hóa về đào tạo để hướng dẫn, tổ chức thực hiện [7.18.2.4]. Nhà trường thành lập đội ngũ Trợ lý đào tạo, Cố vấn học tập của từng ngành học để hỗ trợ người học tiếp cận thông tin về ngành học và chương trình đào tạo thuận lợi và nhanh chóng [7.18.2.5a]. GV có trách nhiệm cung cấp đề cương chi tiết trước mỗi môn học và đây là tiêu chí để SV đánh giá GV [7.18.2.5b]. Thông tin về các CTĐT của Nhà trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trong nước, ngoài nước (AUN-QA) cũng được công khai trên website của Nhà trường (<https://vinhuni.edu.vn/ba-cong-khai>) để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, nắm bắt.

Kế hoạch thực hiện chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học được xây dựng chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và thông báo đến các đối tượng liên quan bằng nhiều hình thức để dễ tiếp cận. Đồng thời, triển khai thực hiện, giám sát và báo cáo theo đúng quy định [7.18.2.6].

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến người học về việc đảm bảo công khai, minh bạch các thông tin ngành học, CTĐT, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học đối với người học. Kết quả khảo sát: Mức tốt 3869/4869 (79,5%); mức khá 716/4869 (14,7%) [7.18.2.7].

Kết quả khảo sát là cơ sở để Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch cải tiến, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá kết quả thực hiện việc thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học [7.18.2.8 - 7.18.2.11].

2. Điểm mạnh

- Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học và việc tổ chức thực hiện là rõ ràng, đầy đủ bằng nhiều hình thức và dễ tiếp cận; người học được hỗ trợ và tư vấn thường xuyên, đầy đủ khi theo học tại Trường.

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai lấy ý kiến người học việc cập nhật, công bố thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra đảm bảo công khai, minh bạch đối với người học.

3. Điểm tồn tại

Việc cung cấp các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học đang phân thành từng mảng riêng do nhiều đơn vị, bộ phận

phụ trách nên chưa đảm bảo sự tập trung.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng quy chế, quy định về cơ chế phối hợp và phân công nhiệm vụ, trách nhiệm (cử đơn vị đầu mối) trong việc cung cấp các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học... đảm bảo kịp thời, chính xác đến người học.	Phòng Đào tạo, SDH, TT GDTX, TT bồi dưỡng NVSP; TT ĐBCL, Viện Đào tạo trực tuyến và các đơn vị liên quan	2021	2022
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến công tác thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học.	Phòng Đào tạo, SDH, TT GDTX, TT bồi dưỡng NVSP; TT ĐBCL và các đơn vị liên quan	2021	2022
4		Tiếp tục tổ chức lấy ý kiến về việc thực hiện công tác thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học.		2021	2022

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.18.2						6	

7.18.3. Trường có các chương trình hỗ trợ và tư vấn cho những người học có vấn đề khó khăn trong học tập, chậm tiến bộ, người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và người nước ngoài.

1. Mô tả

Nhà trường có Phòng Công tác chính trị và HSSV, Phòng Đào tạo, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên làm đầu mối để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quy định tổ chức các chương trình hỗ trợ và tư

vấn cho người học ở cấp trường; đồng thời, cử cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, trợ lý quản lý sinh viên để hỗ trợ, tư vấn cho người học cấp khoa, viện và có các giải pháp để hỗ trợ người học có vấn đề khó khăn trong học tập, chậm tiến bộ [7.18.3.1a].

Nhà trường chỉ đạo Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên thành lập các câu lạc bộ, đội nhóm để hỗ trợ, giúp đỡ sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện và sinh hoạt. Chẳng hạn: Câu lạc bộ “Mái ấm trường Vinh”, Câu lạc bộ tiếng Việt (dành cho người nước ngoài), Câu lạc bộ tiếng Anh... [7.18.3.1b].

Đầu mỗi năm học, Nhà trường xây dựng chương trình hỗ trợ và tổ chức khảo sát các đối tượng người học gặp khó khăn trong học tập, chậm tiến bộ, người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn [7.18.3.2]. Thông tin về chế độ chính sách cho các đối tượng người học được thông báo rộng rãi và được cụ thể hóa bằng các văn bản (thông báo, hướng dẫn). Kết quả thực hiện được thể hiện qua các quyết định trao học bổng, trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập; học bổng tài trợ, hỗ trợ đột xuất, tặng quà cho người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn... [7.18.3.3].

Những người học có hoàn cảnh khó khăn được Nhà trường quan tâm, hỗ trợ như: miễn phí ở kí túc xá cho người học khó khăn, giới thiệu việc làm thêm, giới thiệu dự xét và nhận các học bổng tài trợ, hỗ trợ chi phí học tập và làm các thủ tục để người học được vay vốn tín dụng đào tạo. Nhà trường thành lập Câu lạc bộ “Mái ấm Trường Vinh” để cứu trợ, giúp đỡ người học là con mồ côi cả cha lẫn mẹ, tổ chức chương trình “Tết ấm cho sinh viên” để hỗ trợ, động viên người học khó khăn nhân dịp năm mới [7.18.3.3a].

Nhà trường tổ chức các khóa học ngoại ngữ miễn phí cho sinh viên như tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Trung, tiếng Đức. Trong bối cảnh bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, các khóa học vẫn được tổ chức bằng hình thức online thu hút sự quan tâm và tham gia của hàng trăm sinh viên. Bên cạnh việc đáp ứng nhu cầu học ngoại ngữ của sinh viên, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, thông qua các khóa học này, giúp sinh viên có thêm tự tin tiếp cận với thế giới việc làm, thêm cơ hội được đi học tập, thực tập và làm việc ở các nước phát triển cũng như ở các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Đồng thời, Nhà trường còn tổ chức nhiều khóa bồi dưỡng về kỹ năng mềm, tập huấn thương mại điện tử, khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi sự kinh doanh, STEM ... là những diễn đàn bổ ích, thiết thực, tạo môi trường, điều kiện cho sinh viên được trang bị và hoàn thiện những kiến thức, kỹ năng cần thiết, có thêm kinh nghiệm để lập thân, lập nghiệp, khởi nghiệp sau khi ra trường” [7.18.3.3b].

Sinh viên nước ngoài được hỗ trợ Chương trình học tiếng Việt, được bố trí ở Kí túc xá riêng. Hằng năm, Nhà trường đã tổ chức các ngày lễ kỉ niệm truyền thống cho lưu HS; thi tiếng Việt và các chương trình giao lưu hữu nghị, tổ chức Câu lạc bộ Hoa Chăm-pa, cử

Đội SV tình nguyện dạy tiếng Việt cho lưu HS; đồng thời, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, khen thưởng đối với lưu HS [7.18.3.3c].

Nhà trường có kế hoạch phân công cán bộ, giảng viên hỗ trợ, tư vấn sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện, xây dựng chương trình định hướng cho tân sinh viên mới nhập học và xây dựng chương trình hỗ trợ, giáo dục chính trị tư tưởng đối với người học [7.18.3.4]. Hằng năm, Trường tổ chức Hội nghị dân chủ SV và Hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng với SV để lắng nghe ý kiến của SV và có những biện pháp điều chỉnh hỗ trợ học tập thích hợp [7.18.3.5].

Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai lấy ý kiến người học về kết quả thực hiện quy định đối với chương trình hỗ trợ và tư vấn cho người học. Kết quả khảo sát: Mức tốt 3839/4869 (78,9%), mức khá 726/4869 (14,9 %) [7.18.3.6]. Căn cứ kết quả khảo sát, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện cho thời gian tới [7.18.3.7 - 7.18.3.9].

2. Điểm mạnh

- Công tác hỗ trợ người học được Nhà trường đặc biệt quan tâm. Các loại hình, chương trình hỗ trợ người học được tổ chức bài bản, đa dạng, phong phú, hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực và đáp ứng được nhu cầu cơ bản của người học.

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai lấy ý kiến người học về kết quả thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ, tư vấn cho người học nói chung và người học gặp những vấn đề khó khăn trong quá trình học tập, rèn luyện nói riêng.

3. Điểm tồn tại

- Chưa tổ chức được nhiều chương trình hỗ trợ mang tính đặc biệt, hỗ trợ triệt để nhằm đảm bảo 100% kinh phí cho toàn khóa học.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Huy động nguồn lực kinh tế, vật chất từ mọi nguồn trong và ngoài trường (đặc biệt là các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm...) để tăng nguồn kinh phí của quỹ học bổng tài trợ nhằm hỗ trợ tối đa nhất đối với người học gặp khó khăn.	Trung tâm DV, HTSV & QHDN và các đơn vị liên quan	2021	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tổ chức tốt các loại hình, chương trình hỗ trợ, phục vụ người học bài bản, đa dạng, phong phú và nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ.	Phòng CTCT-HSSV, Trung tâm	2021	2022

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
3		Tiếp tục triển khai lấy ý kiến người học về kết quả thực hiện quy định hỗ trợ, tư vấn người học.	DV, HTSV & QHDN	2021	2022

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.18.3					5		

7.18.4. Trường công khai thông tin về lộ trình học tập, các chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước.

1. Mô tả

Nhà trường có quy định về lộ trình học tập, chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau [7.18.4.1], và các thông tin về ngành học, chương trình học, sự liên thông giữa các môn học, môn học tiên quyết, bắt buộc, tự chọn được cung cấp đầy đủ cho người học ngay từ khi nhập học thông qua “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV”, trang “đăng ký học” của cá nhân sinh viên, cuốn Cẩm nang SV và hoạt động của đội ngũ cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo [7.18.4.2].

Chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ giữa các ngành học với nhau được Nhà trường xây dựng một cách khoa học và có sự góp ý của các bên liên quan [7.18.4.3]. Các thông tin về chuyển đổi và công nhận tín chỉ giữa các ngành học được Nhà trường công bố công khai trên website của trường [7.18.4.4].

Ngoài việc cung cấp đầy đủ các văn bản, hướng dẫn cụ thể liên quan đến kế hoạch học tập và đăng kí tín chỉ cho người học, Nhà trường còn bố trí mỗi khoa, viện có các Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Trợ lý QLSV và mỗi lớp cử một giảng viên phụ trách để tư vấn, hỗ trợ cho người học [7.18.4.5a]. Nhà trường đã nhiều năm kí kết đào tạo đại học chính quy, cao học thạc sĩ với các Sở Giáo dục - Thể thao của Lào và đào tạo lưu HS du học bán phần với các trường đại học của Thái Lan [7.18.4.5b].

Chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ giữa các ngành học với nhau được Nhà trường cụ thể hóa bằng văn bản [7.18.4.6] và thực hiện theo quy định, đáp ứng được nhu cầu của người học [7.18.4.7]. Tuy nhiên, Nhà trường chưa xây dựng quy định riêng về đào tạo liên thông các ngành sư phạm giữa các trường đại học trong và ngoài nước.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát người học về việc thực hiện chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ giữa các ngành học với nhau. Kết quả khảo sát:

Mức tốt 3851/4869 (79,1%) [7.18.4.8]. Căn cứ vào kết quả khảo sát, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, phân công cán bộ giám sát và đánh giá việc thực hiện chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ giữa các ngành học [7.18.4.8 - 7.18.4.10].

2. Điểm mạnh

- Lộ trình học tập, các chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước được Nhà trường thông báo công khai, minh bạch.

- Triển khai lấy ý kiến người học về việc công khai lộ trình học tập, chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ giữa các ngành học của Nhà trường

3. Điểm tồn tại

Công tác giám sát, đánh giá về chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các trường đại học trong và ngoài nước chưa được như mong muốn.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện các nội dung về chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước	Phòng Đào tạo, Trung tâm ĐBCL	2021	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường thông tin về lộ trình học tập, các chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước	Phòng Đào tạo và các đơn vị liên quan	2021	2022
3		Tiếp tục triển khai lấy ý kiến người học về kết quả thực hiện chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ giữa các ngành học với nhau.	Phòng Đào tạo, CTCT HSSV, ĐBCL và các đơn vị liên quan	2021	2022

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.18.4					5		

7.18.5. Trường cung cấp các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn các học phần, hướng nghiệp và hỗ trợ sau tốt nghiệp cho người học.

1. Mô tả

Nhà trường thành lập đội ngũ Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo để thường xuyên tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn các học phần cho người học. Ngoài ra, đầu mỗi năm học Nhà trường tổ chức quán triệt các nội dung về quy chế đào tạo, kế hoạch học tập cho toàn thể sinh viên thông qua Tuần sinh hoạt công dân [7.18.5.1]. Tất cả các thông tin liên quan đến đào tạo đều được các bên liên quan góp ý, Nhà trường phê duyệt, cụ thể hóa bằng văn bản và đăng tải trên website và trong trang cá nhân của người học [7.18.5.2 - 7.18.5.3].

Nhà trường có đơn vị chuyên trách cung cấp các dịch vụ tư vấn cho người học là Trung tâm DV, HTSV & QHDN và ban hành quy chế phối hợp với các đơn vị liên quan để tổ chức các hoạt động tư vấn, đào tạo kỹ năng, kết nối người học với các cơ quan, trường học, đơn vị tuyển dụng lao động tổ chức Ngày hội việc làm nhằm giúp người học có cơ hội được tiếp xúc, trao đổi, tìm hiểu và tiếp cận tốt với thế giới việc làm [7.18.5.4].

Nhà trường cũng đặc biệt quan tâm đến hoạt động rèn luyện NVSP, kiến tập, thực tập nghề nghiệp của các ngành sư phạm thông qua hệ thống các trường thực hành, thực tập vệ tinh trên địa bàn. Đồng thời, Nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động để hỗ trợ, tư vấn, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sống, khởi nghiệp, tìm kiếm việc làm cho người học [7.18.5.5].

Ngoài ra, Nhà trường còn thường xuyên gửi các thông tin tuyển dụng, cập nhật các chương trình việc làm qua email, facebook, điện thoại và website nhằm giúp những người học sau tốt nghiệp chưa có việc làm có thêm thông tin, cơ hội để tham gia ứng tuyển thành công các vị trí việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo. Nhà trường có hệ thống các trường thực hành sư phạm (từ bậc Mầm non đến THPT), không chỉ là nơi để người học rèn nghề mà còn là địa chỉ uy tín để người học tốt nghiệp muốn được vào công tác lâu dài. Tuy nhiên, công tác hỗ trợ việc làm cho SV ngành sư phạm sau tốt nghiệp chưa đáp ứng được hết yêu cầu. Các dịch vụ hỗ trợ người học của Nhà trường đã nhận được sự tham gia, ủng hộ của đông đảo người học. Hàng năm, Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động giới thiệu việc làm nhằm cung cấp các thông tin về nghề nghiệp, việc làm, đơn vị tuyển dụng, kỹ năng xin việc... cho sinh viên. Hoạt động này đã được sinh viên hưởng ứng mạnh mẽ và đánh giá cao. Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học như sau: Mức tốt 3800/4869 (78,1%), mức khá 702/4869 (14,4%) [7.18.5.6 - 7.18.5.7].

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát người học về việc cung cấp

các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn các học phần, hướng nghiệp. Kết quả khảo sát được người học đánh giá như sau: Mức tốt 3839/4869 (78,9%), mức khá 726/4869 (14,9%) [7.18.5.8]. Căn cứ vào kết quả khảo sát, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, phân công đơn vị, cán bộ giám sát việc thực hiện các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn các học phần, hướng nghiệp và hỗ trợ sau tốt nghiệp cho người học trong năm học tới [7.18.5.9 - 7.18.5.11]

Tuy nhiên, Nhà trường cần tăng cường công tác hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho người học đạt tỷ lệ cao hơn. Thường xuyên cải tiến, đổi mới hình thức, nội dung hỗ trợ người học cho phù hợp với thực tiễn. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá các hoạt động hỗ trợ người học.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường thành lập đội ngũ Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo để thường xuyên tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn các học phần cho người học.

- Công tác hỗ trợ, cung cấp các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn các học phần, hướng nghiệp cho người học được Nhà trường đặc biệt quan tâm. Các loại hình, chương trình hỗ trợ người học được tổ chức bài bản, đa dạng, phong phú, hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực và đáp ứng được nhu cầu cơ bản của người học.

3. Điểm tồn tại

Công tác hỗ trợ việc làm cho SV ngành sư phạm sau khi tốt nghiệp chưa đáp ứng tối đa nhu cầu.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh công tác hỗ trợ việc làm cho SV ngành sư phạm sau khi tốt nghiệp.	Trung tâm DV, HTSV & QHDN; các đơn vị	2021	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tổ chức loại hình, chương trình hỗ trợ, phục vụ người học bài bản, đa dạng, phong phú, hiệu quả.	Phòng CTCT-HSSV, Trung tâm DV, HTSV & QHDN	2021	2022
3		Kiện toàn đội ngũ Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo để thường xuyên tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn các học phần cho người học.	Phòng Đào tạo, CTCT HSSV, Trung tâm DV, HTSV & QHDN	2021	2022

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.18.5					5		

Điểm tự đánh giá tiêu chí 18

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 7.18.1.						6	
Chỉ số 7.18.2.						6	
Chỉ số 7.18.3.					5		
Chỉ số 7.18.4.					5		
Chỉ số 7.18.5.					5		
Điểm tiêu chí 18	5.4						

Tiêu chí 19: Đánh giá và công nhận kết quả học tập

7.19.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Trên cơ sở quy chế của Bộ GD - ĐT về kiểm tra, đánh giá, Nhà trường đã ban hành các văn bản qui định về phương pháp, cách thức đánh giá kết quả học tập cho các chương trình đào tạo [7.19.1.1]. Nhà trường giao cho Trung tâm ĐBCL là đơn vị chuyên trách phối hợp với các bên liên quan để xây dựng quy định và tổ chức thực hiện việc đánh giá kết quả học tập đối với người học [7.19.1.2 - 7.19.1.3].

Nhà trường tổ chức biên soạn và phê duyệt ngân hàng đề thi; cụ thể hóa việc tổ chức thi, coi thi, chấm thi, thông báo kết quả thi đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch cho người học, phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra [7.19.1.4]. Hình thức, phương pháp, nội dung đánh giá kết quả học tập của người học được Nhà trường thực hiện phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra [7.19.1.5]. Cụ thể:

Một là, đối với khóa 57 trở về trước kết quả học tập của người học được đánh giá qua 3 thành phần, gồm: đánh giá chuyên cần, thái độ (chiếm 10%), đánh giá giữa kỳ (chiếm 20%), đánh giá cuối kỳ (70%); các hình thức kiểm tra, đánh giá đã được đa dạng hóa: thảo luận, bài tập nhóm, thi vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận, thực hành... Khi thi kết thúc môn học, đề thi được tổ hợp từ ngân hàng câu hỏi thi đã được tổ bộ môn thẩm định và phê duyệt [7.19.1.6]

Hai là, đối với khóa 58 đến khóa 61 được áp dụng hình thức kiểm tra, đánh giá theo hình thức đào tạo tiếp cận CDIO. Theo đó, kết quả học tập của người học được đánh giá thông qua các thành phần: đánh giá quá trình bao gồm đánh giá chuyên cần, thái độ (chiếm 10%), đánh giá giữa kỳ (chiếm 20%), điểm hồ sơ học phần (chiếm 20%) và đánh giá cuối kỳ (50%). Quá trình thiết kế các hình thức đánh giá này được xây dựng dựa vào các chuẩn

đầu ra của môn học và phải đảm bảo đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần. Hầu hết các học phần được tổ chức thi giữa kỳ bằng hình thức trắc nghiệm khách quan, kết quả sau khi thi giữa kỳ được thông báo kịp thời cho sinh viên (ngay sau khi thi xong) và giảng viên để kịp thời điều chỉnh quá trình dạy học [7.19.1.6]. Đề thi để đánh giá kết quả giữa kỳ của quá trình học cũng như đánh giá cuối kỳ được xây dựng thông qua ma trận đề thi để đảm bảo sự công bằng, khách quan trong việc tổ hợp đề thi và bao phủ các chuẩn đầu ra đã công bố [7.19.1.6]

Ba là, đối với khóa 62, thực hiện Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ban hành quy chế đào tạo, Nhà trường đã ban hành quy định đào tạo [7.19.1.6] (Quy định 2018), trong đó kết quả học tập của sinh viên được đánh giá dựa trên chuẩn đầu ra, phù hợp với chương trình đào tạo, tương thích với hình thức dạy học kết hợp. Và kết quả học tập của người học được đánh giá thông qua hai thành phần: đánh giá thường xuyên chiếm 50% và đánh giá cuối kỳ chiếm 50%. Ngoài ra, quy trình đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra được quy định chi tiết, rõ ràng để đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra [7.19.1.6] (điều 19, Quy định 2018).

Nhà trường đã có quy định và hướng dẫn chi tiết, cụ thể về việc kiểm tra điểm sau khi có kết quả đánh giá học phần [7.19.1.6] (điều 27, 28 QĐ 706). Hoạt động này được diễn ra hàng kỳ để đảm bảo được tính chính xác, công bằng, minh bạch cho quá trình kiểm tra đánh giá. Trước khi kết thúc học kỳ, Nhà trường xây dựng kế hoạch thi, chấm thi các học phần và thông báo công khai, minh bạch đến người học và các bộ phận liên quan. Việc khiếu nại của người học về đánh giá kết quả học tập và công nhận kết quả thi được Nhà trường thực hiện theo đúng quy trình, quy định, đảm bảo công bằng, khách quan [7.19.1.7 - 7.19.1.10]. Bổ sung

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát người học về việc đánh giá kết quả học tập của người học. Kết quả khảo sát năm 2021: Mức tốt 3843/4869 (78,9%) [7.19.1.11]. Căn cứ vào kết quả khảo sát, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, giám sát, đánh giá việc thực hiện quy định về đánh giá kết quả học tập của người học [7.19.1.12 - 7.19.1.14].

Trong bối cảnh dịch Covid diễn ra phức tạp, kế hoạch giảng dạy được chuyển từ hình thức giảng dạy trực tiếp sang giảng dạy trực tuyến. Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến của các giảng viên, trưởng bộ môn, các đơn vị đào tạo và kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn các đơn vị triển khai hình thức đánh giá trực tuyến [7.19.1.6] (Công văn 556, 642, 1435). Hình thức đánh giá trực tuyến được quy định chặt chẽ, phù hợp và được tổ chức dưới sự hỗ trợ, giám sát của các đơn vị chức năng nên kết quả đánh giá đảm bảo được sự công bằng, khách quan, minh bạch.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã thực hiện đầy đủ, đúng qui định về kiểm tra, đánh giá kết quả học

tập người học

- Nhà trường có bộ phận chuyên trách về hoạt động khảo thí phụ trách công tác kiểm tra, đánh giá kết học tập của người học. Các qui định về kiểm tra đánh giá được nhà trường ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc, khách quan, công bằng.

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát người học, cùng với việc định kỳ rà soát hoạt động đánh giá kết quả học tập, đề xuất các biện pháp cải tiến, đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra và phù hợp với thực tế. **3. Điểm tồn tại**

- Chưa thường xuyên bổ sung, điều chỉnh hệ thống câu hỏi và ngân hàng đề thi.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch cụ thể để bổ sung, điều chỉnh ngân hàng đề thi định kỳ theo quy định.	Trung tâm ĐBCL; các khoa, viện	2021	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Đảm bảo chất lượng và các văn bản quy định về kiểm tra, đánh giá người học.	Trung tâm ĐBCL, Phòng Đào tạo	2021	2022
3		Tiếp tục lấy ý kiến các bên liên quan về kết quả thực hiện và cách thức thi, kiểm tra, đánh giá đối với người học.	Trung tâm ĐBCL	2021	2022

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.19.1						6	

7.19.2. Việc công nhận kết quả học tập phản ánh được năng lực của người học trong các chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng thường xuyên, trong đó có năng lực giảng dạy và sử dụng công nghệ thông tin.

1. Mô tả

Hoạt động đào tạo của Nhà trường được thực hiện theo quy chế đào tạo hệ thống tín chỉ và Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về năng lực người học trong các chương trình đào tạo. Người học phải tích lũy đủ số tín chỉ bắt buộc theo quy định cho từng mã

ngành đào tạo (chưa tính điều kiện chứng chỉ GDQP, GDTC, ngoại ngữ) mới được công nhận đạt năng lực để tốt nghiệp. CTĐT của Nhà trường được thiết kế để mỗi học phần sẽ đáp ứng một hoặc một số chuẩn đầu ra của ngành đào tạo [7.19.2.1].

Đối với các ngành sư phạm, năng lực giảng dạy là yếu tố đặc biệt quan trọng. Trong CTĐT các ngành sư phạm, các học phần về kiến thức và kỹ năng sư phạm chiếm tỉ trọng tỉn chỉ lớn. Các học phần rèn luyện kỹ năng sư phạm chú trọng sử dụng phương pháp thực hành để đánh giá năng lực giảng dạy của người học. Ngoài ra, người học còn được đánh giá bởi các giáo viên phổ thông, thông qua hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm tại các trường phổ thông [7.19.2.2].

Ngoài các học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo, điều kiện để người học tốt nghiệp là phải đạt chuẩn ngoại ngữ Tiếng Anh B1, chứng chỉ Giáo dục thể chất và Quốc phòng. Từ năm 2019 trở về sau người học cần có thêm chứng chỉ Kỹ năng mềm. Tin học là môn học bắt buộc trong chương trình đối với SV sư phạm và được thực hiện theo khung chương trình đào tạo của từng ngành cụ thể [7.19.2.4]. Chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm được thiết kế toàn diện nhiều học phần. Người học phải hoàn thành tất cả các học phần của chương trình, có bài thu hoạch đạt yêu cầu trở lên mới được công nhận hoàn thành khóa học và được cấp chứng chỉ [7.19.2.5 - 7.19.2.8].

Nhà trường thường xuyên khảo sát ý kiến người học về chương trình đào tạo, năng lực giảng dạy của giảng viên [7.19.2.9]. Việc công nhận kết quả học tập của Nhà trường đối với của người học và sự hài lòng của người học về kết quả học tập của bản thân đã được người học đánh giá cao thông qua các đợt khảo sát. Kết quả cụ thể như sau: Mức tốt 3813/4869 (78,3%). Việc tổ chức các hoạt động rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, hỗ trợ người học rèn luyện chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp được Nhà trường tổ chức thường xuyên [7.19.2.10a] đáp ứng nhu cầu người học và được người học đánh giá cao qua các đợt khảo sát. Kết quả khảo sát: Mức tốt 3867/4869 (79,4%), mức khá 750/4869 (15,4%) [7.19.2.10b]. Căn cứ vào kết quả khảo sát, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, giám sát, đánh giá việc công nhận kết quả đối với người học [7.19.1.11 - 7.19.1.13].

Tuy nhiên, công tác lấy ý kiến, cải tiến, giám sát, đánh giá và công nhận kết quả học tập cần được triển khai đồng bộ, kịp thời hơn nữa

2. Điểm mạnh

- Kết quả đánh giá người học khách quan, công bằng, minh bạch, sát với năng lực người học; năng lực của người học về giảng dạy và sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, phù hợp với kết quả đánh giá. Năng lực của người học đáp ứng được yêu cầu chuẩn đầu ra của ngành học.

- Nhà trường có nhiều năm khảo sát ý kiến của người học đối với việc công nhận kết quả học tập và chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện quy định về kiến tập, thực tập cơ bản còn phụ thuộc vào các cơ sở giáo dục (trường THPT).

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch, chương trình để gửi sinh viên đi kiến tập sư phạm từ năm thứ nhất, thứ 2 và tăng cường thực tập sư phạm từ năm thứ 3	Phòng Đào tạo và các khoa, viện	2021	2022
		Tăng cường công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện quy định về kiến tập, thực tập của người học.			
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy những điểm mạnh về công tác đánh giá người học. Tiếp tục cải tiến quy trình, cách thức, nội dung... để ngày càng nâng cao hiệu quả việc đánh giá năng lực của người học phù hợp với chuẩn đầu ra, phù hợp với thực tiễn và nhu cầu xã hội.	Trung tâm ĐBCL, Phòng Đào tạo	2021	2022
3		Tiếp tục thực hiện công tác lấy ý kiến người học về việc đánh giá năng lực của người học. Đặc biệt là lấy ý kiến từ các bên liên quan có sử dụng người học sau khi tốt nghiệp của Nhà trường.	Phòng CTCTHSSV, TT HTSV & QHDN	2021	2022

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.19.2					5		

Điểm tự đánh giá tiêu chí 19

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 7.19.1.						6	
Chỉ số 7.19.2.					5		
Điểm tiêu chí 19	5.5						

Tiêu chí 20: Các hoạt động ngoại khóa

7.20.1. Trường hỗ trợ người học thực hành, đi thực tế, tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng học tập.

1. Mô tả

Nhà trường có các chính sách hỗ trợ thực hành, đi thực tế và khuyến khích người học tham gia vào các hoạt động văn hóa, thể thao và các hoạt động xã hội [7.20.1.1 và quan tâm xây dựng, cung cấp đầy đủ CSVN, nguồn lực tài chính, con người để hỗ trợ và tổ chức các hoạt động đoàn thể cho người học [7.20.1.2]. Nhà trường có Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trường thực hành sư phạm, các nhà xưởng thực hành, cơ sở vật chất thiết yếu để phục vụ, hỗ trợ người học trong quá trình học tập. Đồng thời, phân công chức năng, nhiệm vụ cụ thể các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chương trình và tổ chức thực hiện các hoạt động thực hành, thí nghiệm, đi thực tế đáp ứng được nhu cầu người học [7.20.1.3].

Bổ sung

Hoạt động phong trào của Trường luôn được đánh giá là đơn vị xuất sắc đi đầu trong Phong trào Thanh niên tỉnh Nghệ An. SV của trường luôn đạt thành tích cao trong các hội thi văn hóa, văn nghệ, TDTT của tỉnh Nghệ An và toàn quốc [7.20.1.4]. Nhà trường được Bộ GD - ĐT đánh giá xuất sắc trong thực hiện chương trình công tác sinh viên của năm học [7.20.1.5]. Đoàn Thanh niên, Hội SV phối hợp, hỗ trợ với các đơn vị (Trung tâm HTSV & QHDN, Phòng CTCT - HSSV, Phòng Đào tạo, ...) để thực hiện tốt các chương trình công tác Đoàn - Hội. Câu lạc bộ, đội, nhóm giúp cho người học có môi trường rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, thực hiện các hoạt động thực tế để phục vụ cho việc học tập [7.20.1.7 - 7.20.1.8].

Nhà trường có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động ngoại khóa. Chính sách thi đua, khen thưởng được Nhà trường thực hiện dân chủ, công khai, công bằng nhằm khuyến khích hoạt động và tạo không khí

phần đầu thi đua trong toàn trường [7.20.1.6].

Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến người học về cơ sở vật chất và kết quả hoạt động của các đơn vị và các tổ chức Đoàn TN, HSV [7.20.1.7]. Căn cứ vào kết quả khảo sát, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện [7.20.1.8 - 7.20.1.10]

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có các chính sách hỗ trợ thực hành, đi thực tế và khuyến khích người học tham gia vào các hoạt động văn hóa, thể thao và các hoạt động xã hội

- Nhà trường có Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trường thực hành sư phạm, các nhà xưởng thực hành, cơ sở vật chất đầy đủ để phục vụ, hỗ trợ người học trong quá trình học tập; đáp ứng nhu cầu thực hành của người học.

- Nhà trường có các đơn vị chức năng và các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội SV, các CLB, đội, nhóm để hỗ trợ người học thực hành, đi thực tế, tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng học tập

3. Điểm tồn tại

Chính sách tài chính cho hoạt động thực hành ngoài trường, đi thực tế còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch, chương trình để triển khai một số mô hình đi thực hành, thực tế ngoài trường; xây dựng cơ chế, huy động các nguồn kinh phí để triển khai các chương trình hỗ trợ người học đi thực hành, thực tế, tham quan.	Phòng KHTC, Đào tạo, Trung tâm TH-TN, Trung tâm DV, HTSV&QHDN và các Viện/Khoa	2021	2022
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy tinh thần trách nhiệm của các đơn vị đầu mối; xây dựng chương trình hoạt động mang tính chiều sâu, sát với thực tiễn của người học. Thường xuyên khảo sát để nắm bắt nhu cầu về rèn luyện chuyên môn,	Trung tâm TH-TN, Trung tâm HTSV và QHDN, Đoàn TN; Hội SV và các Viện/Khoa	2021	2022

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
		nghịp vụ, thực hành, kiến tập, thực tập... của ngồi học.			
3		Bổ sung cơ chế, chính sách để động viên, khuyến khích người học nâng cao ý thức về chuyên môn, nghiệp vụ nghề nghiệp.	Phòng KHTC, Đào tạo, Trung tâm TH-TN, Trung tâm DV, HTSV&QHDN và các Viện/Khoa	2021	2022

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 7.20.1					5		

7.20.2. Trường hỗ trợ việc thành lập ban liên lạc cựu sinh viên, các hoạt động của ban và việc tham gia của cựu sinh viên vào các hoạt động giáo dục của trường.

1. Mô tả

Nhận thức rõ vai trò của cựu SV đối với các hoạt động và sự phát triển của Nhà trường, Trường Đại học Vinh đã thành lập Ban liên lạc cựu sinh viên cấp trường và chỉ đạo các khoa, viện quan tâm và thành lập các Ban liên lạc cựu SV cấp khoa/viện [7.20.2.1]. Hiện tại, Nhà trường đã hình thành mạng lưới cựu sinh viên cấp trường và đã có Quy chế hoạt động của Hội cựu sinh viên, đồng thời giao cho Trung tâm DV, HTSV & QHDN phụ trách công tác cựu SV, kết nối với cựu SV để tổ chức các hoạt động [7.20.2.2].

Trong những năm qua, cựu SV và Ban liên lạc cựu SV đã phát huy được vai trò của mình trong việc kết nối với Nhà trường và người học. Cựu SV có nhiều đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường như: Giới thiệu việc làm, tiếp nhận công tác đối với người học khi tốt nghiệp; ủng hộ cơ sở vật chất, tinh thần; đóng góp kinh phí xây dựng Quỹ Hỗ trợ HSSV; hỗ trợ các hoạt động hội nghị, hội thảo, lễ kỷ niệm...; các hoạt động NCKH, xuất bản ấn phẩm của các viện, khoa, ngành đào tạo; tham gia đóng góp ý kiến xây dựng, phát triển Nhà trường về công tác quản lý, điều hành, cải tiến nội dung, chương trình đào tạo; hỗ trợ Nhà trường trong các hoạt động kết nối các cơ sở giáo dục, tiếp nhận người học kiến tập, thực tập, giới thiệu việc làm... [7.20.2.3].

Định kỳ hằng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát tình hình việc làm của SV sư phạm mới tốt nghiệp và tổ chức các hoạt động kết nối với các cơ sở giáo dục, các chương trình tuyển dụng, ngày hội việc làm để giúp SV có thêm thông tin về thế giới việc làm [7.20.2.4].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có các chính sách tổ chức, quản lý và hỗ trợ hoạt động của các Ban liên lạc cựu sinh viên cấp Trường và cấp đơn vị khoa/viện.
- Đội ngũ cựu sinh viên đã tham gia hiệu quả và có những đóng góp tích cực vào một số hoạt động giáo dục của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

- Vai trò cựu sinh viên trong việc hỗ trợ người học (đặc biệt sau khi tốt nghiệp) chưa được khẳng định mạnh mẽ; Chưa khai thác hết các nguồn lực của cựu sinh viên.

4. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng nguồn kinh phí dành cho hoạt động kết nối cựu SV từ nguồn thu hợp pháp của Nhà trường	Phòng KHTC, TT HTSV và QHDN	2021	2022
2		Thường xuyên kết nối, trao đổi để nâng cao vai trò của BLL cựu sinh viên trong việc hỗ trợ, giúp đỡ người học trong quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp; Tăng cường hoạt động của ban liên lạc cựu SV ở khoa, viện đào tạo	BLL Cựu sinh viên; Trung tâm DV, TSV&QHDN và các Viện/Khoa	2021	2022
4	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động cụ thể, chi tiết và tăng cường hoạt động của Ban liên lạc cựu sinh viên từ cấp viện, khoa đến cấp trường.	Trung tâm HTSV và QHDN và các Viện/Khoa	2021	2022
5		Mời góp ý và tham khảo các ý kiến góp ý của cựu sinh viên về các hoạt động liên quan đến người học (trong đó chú trọng đến chương trình đào tạo, hỗ trợ học tập và việc làm sau khi tốt nghiệp)	Trung tâm HTSV và QHDN và các Viện/Khoa	2021	2022

5. Điểm tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 7.20.2					5		

Điểm tự đánh giá tiêu chí 20

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 7.20.1					5		
Chỉ số 7.20.2					5		
Điểm tiêu chí 20	5.0						

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 7

TT	Tiêu chí	Mức đánh giá
1	Tiêu chí 18	5.4
2	Tiêu chí 19	5.5
3	Tiêu chí 20	5.0
ĐIỂM TIÊU CHUẨN		5.30

Phần 3. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn/Tiêu chí/Chỉ số	TĐG
Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng	
<i>Tiêu chí 1.1. Tầm nhìn chiến lược</i>	
Chỉ số 1.1.1.	6
Chỉ số 1.1.2.	6
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	6.0
<i>Tiêu chí 1.2. Quản lý</i>	
Chỉ số 1.2.1.	6
Chỉ số 1.2.2.	6
Chỉ số 1.2.3.	6
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	6.0
<i>Tiêu chí 1.3. Hệ thống đảm bảo chất lượng</i>	
Chỉ số 1.3.1.	6
Chỉ số 1.3.2.	6
Chỉ số 1.3.3.	6
Chỉ số 1.3.4.	6
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	6.0
<i>Điểm trung bình tiêu chuẩn:</i>	6.0
Tiêu chuẩn 2: Chương trình đào tạo	
<i>Tiêu chí 2.4. Phát triển chương trình</i>	
Chỉ số 2.4.1.	6
Chỉ số 2.4.2.	6
Chỉ số 2.4.3.	6
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	6.0
<i>Tiêu chí 5. Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện</i>	
Chỉ số 2.5.1.	6
Chỉ số 2.5.2.	6
Chỉ số 2.5.3.	6
Chỉ số 2.5.4.	6
Chỉ số 2.5.5.	6
Chỉ số 2.5.6.	6
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	6.0
<i>Điểm trung bình tiêu chuẩn:</i>	6.0

Tiêu chuẩn 3: Nghiên cứu, phát triển và đổi mới	
<i>Tiêu chí 3.6. Chính sách về nghiên cứu phát triển và đổi mới</i>	
Chỉ số 3.6.1.	6
Chỉ số 3.6.2.	6
Chỉ số 3.6.3.	6
Chỉ số 3.6.4.	6
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	6.0
<i>Tiêu chí 3.7. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới</i>	
Chỉ số 3.7.1.	5
Chỉ số 3.7.2.	5
Chỉ số 3.7.3.	6
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	5.3
<i>Điểm trung bình tiêu chuẩn:</i>	5.65
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đối ngoại	
<i>Tiêu chí 4.8. Hợp tác vùng/địa phương</i>	
Chỉ số 4.8.1.	6
Chỉ số 4.8.2.	5
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	5.5
<i>Tiêu chí 4.9. Hợp tác quốc tế</i>	
Chỉ số 4.9.1.	5
Chỉ số 4.9.2.	5
Chỉ số 4.9.3.	5
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	5.0
<i>Tiêu chí 4.10. Hợp tác với các tổ chức khác</i>	
Chỉ số 4.10.1.	5
Chỉ số 4.10.2.	5
Chỉ số 4.10.3.	6
Chỉ số 4.10.4.	5
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	5.25
<i>Tiêu chí 4.11. Thông tin và truyền thông</i>	
Chỉ số 4.11.1.	5
Chỉ số 4.11.2.	5
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	5.0
<i>Điểm trung bình tiêu chuẩn:</i>	5.18
Tiêu chuẩn 5: Môi trường sư phạm và các nguồn lực	
<i>Tiêu chí 5.12. Môi trường sư phạm</i>	

Chỉ số 5.12.1.	6
Chỉ số 5.12.2.	6
Điểm trung bình tiêu chí:	6.0
Tiêu chí 13. Cơ sở vật chất, nguồn tài nguyên dạy và học	
Chỉ số 5.13.1.	6
Chỉ số 5.13.2.	6
Chỉ số 5.13.3.	6
Chỉ số 5.13.4.	6
Điểm trung bình tiêu chí:	6.0
Tiêu chí 5.14. Nguồn tài chính	
Chỉ số 5.14.1.	5
Chỉ số 5.14.2.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	5.0
Tiêu chí 5.15. Nguồn nhân lực	
Chỉ số 5.15.1.	5
Chỉ số 5.15.2.	5
Chỉ số 5.15.3.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	5.0
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	5.50
Tiêu chuẩn 6: Hỗ trợ dạy học	
Tiêu chí 6.16. Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên	
Chỉ số 6.16.1.	5
Chỉ số 6.16.2.	5
Chỉ số 6.16.3.	6
Chỉ số 6.16.4.	5
Chỉ số 6.16.5.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	5.2
Tiêu chí 6.17. Đánh giá và công nhận giảng viên	
Chỉ số 6.17.1.	6
Chỉ số 6.17.2.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	5.5
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	5.35
Tiêu chuẩn 7: Hỗ trợ học tập	
Tiêu chí 7.18. Tuyển sinh và hỗ trợ người học	
Chỉ số 7.18.1.	6
Chỉ số 7.18.2.	6

Chỉ số 7.18.3.	5
Chỉ số 7.18.4.	5
Chỉ số 7.18.5.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	5.4
Tiêu chí 7.19. Đánh giá và công nhận kết quả học tập	
Chỉ số 7.19.1.	6
Chỉ số 7.19.2.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	5.5
Tiêu chí 7.20. Các hoạt động ngoại khóa	
Chỉ số 7.20.1.	5
Chỉ số 7.20.2.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	5.0
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	5.30
ĐIỂM TRUNG BÌNH ĐÁNH GIÁ CSGD:	5.56

Nghệ An, ngày 31 tháng 12 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

Phần 4. KẾT LUẬN

Thực hiện kế hoạch của chương trình ETEP và để hoàn thiện các điều kiện đảm bảo chất lượng, đặc biệt trong đào tạo giáo viên, Trường Đại học Vinh đã triển khai Tự đánh giá theo bộ chỉ số phát triển các trường sư phạm TEIDI. Ý thức rõ tầm quan trọng của hoạt động này Nhà trường đã triển khai đồng bộ và có sự tham gia của tất cả các bên liên quan viên trong trường. Mong muốn của Trường trong lần tự đánh giá này là có được một bức tranh toàn cảnh một cách chân thực nhất trên các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đổi với một trường đại học trọng điểm, một trung tâm đào tạo và bồi dưỡng giáo viên lớn của quốc gia, hoàn thành trọng trách đối với Đảng, Nhà nước, Bộ GD-ĐT và xã hội.

Trong quá trình thực hiện, Nhà trường đã nhận được sự đồng thuận cao từ cán bộ, HS, SV của Nhà trường cũng như tất cả các bên liên quan. Quá trình thực hiện tự đánh giá theo đúng hướng dẫn của Ban Quản lý ETEP và các chuyên gia tư vấn của Ngân hàng Thế giới và đã thu được những kết quả chân thực, khách quan trong các lĩnh vực:

- Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng: Tầm nhìn và sứ mạng được Nhà trường xây dựng phù hợp và nhiều lần rà soát, sửa đổi, bổ sung điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn qua từng giai đoạn. Nhà trường có đầy đủ các chính sách, qui trình, qui định, công cụ để thực hiện sứ mạng và đảm bảo chất lượng.

- Chương trình đào tạo được xây dựng có hệ thống, đáp ứng chuẩn đầu ra phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chức năng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển Nhà trường.

- Nghiên cứu phát triển và đổi mới: Trường đã có chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới phù hợp với tầm nhìn, kế hoạch chiến lược và nhiệm vụ mà Nhà nước giao phó. Một số kết quả nghiên cứu của cán bộ, GV của Nhà trường đã được ứng dụng, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Đồng thời, một số kết quả nghiên cứu đã góp phần hoạch định chính sách thúc đẩy sự phát triển, đổi mới khoa học giáo dục và được phổ biến trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế.

- Hoạt động đối ngoại: Trường đã mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều đối tác trong và ngoài nước ở nhiều cấp độ và trên nhiều lĩnh vực. Nhà trường thường xuyên trao đổi, hợp tác với các địa phương ở trong nước; với các tổ chức, các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước. Các lĩnh vực trao đổi hợp tác đa dạng, phong phú từ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật và phục vụ cộng đồng. Qua hoạt động đối ngoại, Nhà trường cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các đối tác, phối hợp tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo cấp quốc gia và quốc tế, triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH đạt hiệu quả cao.

- Môi trường sư phạm và các nguồn lực: Cảnh quan, môi trường, khuôn viên của Nhà trường phù hợp với môi trường sư phạm. Trường có đủ số phòng học, giảng đường

lớn, phòng thực hành, thí nghiệm với nhiều thiết bị thí nghiệm hiện đại, phù hợp với từng chuyên ngành, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH. Các nguồn tài chính của Nhà trường được quản lý chặt chẽ, hợp lý và tăng cường được các hoạt động tìm nguồn thu bên ngoài. Nhà trường có chiến lược về công tác cán bộ và các chính sách để phát triển nguồn nhân lực.

- Hỗ trợ dạy học: Nhà trường đã có những chính sách hỗ trợ GV, công nhận, đãi ngộ thành tích, khuyến khích trong các hoạt động giảng dạy và NCKH của Nhà trường đã tạo động lực, khích lệ sự xuất sắc trong chuyên môn. Các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cũng được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và thực tế phổ thông cho cán bộ, giảng viên.

- Hỗ trợ học tập: Công tác hỗ trợ người học được Nhà trường đặc biệt quan tâm, các loại hình, chương trình hỗ trợ người học được tổ chức bài bản, đa dạng, phong phú, hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực và đáp ứng được nhu cầu của người học. Nhà trường đã thực hiện đầy đủ, đảm bảo công khai, bình đẳng, minh bạch, đúng qui định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập người học của Bộ GD-ĐT. Các hoạt động ngoại khóa được Nhà trường quan tâm và tổ chức triển khai thường xuyên.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, Trường tự nhận thấy vẫn còn một số tồn tại cần phải khắc phục, cải tiến. Lãnh đạo Nhà trường cam kết nghiêm túc xem xét và thực hiện tốt nhất các kế hoạch cải tiến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường, nhằm đạt được sứ mạng và vươn tới tầm nhìn đã đặt ra.

Nghệ An, ngày 31 tháng 12 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng